

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các tài liệu trong luận án là trung thực. Những kết luận nêu trong luận án chưa từng được công bố ở bất cứ công trình trong khoa học nào khác.

Tác giả Luận án

Bounna Hanexingxay

MỤC LỤC

Lời cam đoan	2
Danh mục các chữ viết tắt.....	4
Danh mục bảng biểu	5
MỞ ĐẦU	6
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	
VỀ THƯƠNG MẠI	12
1.1. Bản chất của thương mại trong nền kinh tế thị trường	12
1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của chính sách quản lý nhà nước về thương mại trong nền kinh tế thị trường.	36
1.3. Kinh nghiệm của một số nước về chính sách quản lý nhà nước về thương mại và bài học đối với Lào.....	66
CHƯƠNG 2: CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯƠNG MẠI CỦA NƯỚC CHDCND LÀO TRONG THỜI GIAN QUA VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ... 84	
2.1. Khái quát thực trạng kinh tế và thương mại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào	84
2.2. Thực trạng quản lý nhà nước về thương mại ở CHDCND Lào	102
2.3. Đánh giá chung và một số bài học kinh nghiệm của quá trình đổi mới chính sách quản lý nhà nước về thương mại của Lào thời gian qua ...	132
CHƯƠNG 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯƠNG MẠI CỦA NƯỚC CHDCND LÀO ĐẾN NĂM 2020	139
3.1. Phương hướng chiến lược phát triển thương mại của Lào	139
3.2. Quan điểm, nguyên tắc, mục tiêu, phương hướng và nội dung hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước về thương mại của nước CHDCND Lào đến năm 2020	151
3.3. Giải pháp đổi mới chính sách quản lý nhà nước về thương mại của nước CHDCND Lào đến năm 2020.....	172
KẾT LUẬN	199
TÀI LIỆU THAM KHẢO	203
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ASEAN:	Hiệp hội các nước Đông Nam Châu á
AFTA:	Khu thương mại tự do ASEAN
APEC:	Hiệp hội kinh tế các nước Châu á Thái Bình Dương
ADB:	Ngân hàng phát triển Châu á
CHDCND:	Cộng hòa Dân chủ nhân dân
CNXH:	Chủ nghĩa xã hội
CNTB:	Chủ nghĩa tư bản
CNH:	Công nghiệp hóa
DNNN:	Doanh nghiệp nhà nước
ĐVT:	Đơn vị tính
GDP:	Tổng sản phẩm quốc nội
HTX:	Hợp tác xã
DHBT:	Hội đồng Bộ trưởng
HĐH:	Hiện đại hóa
IMF:	Quỹ tiền tệ quốc tế
KTTT:	Kinh tế thị trường
NDCM:	Nhân dân cách mạng
ODA:	Quỹ tín dụng phát triển chính thức
QLTT:	Quản lý thị trường
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
TTTM:	Thanh tra thương mại
Tr:	Trang
Trđ:	Triệu đồng
TW:	Trung ương
UNDP:	Tổ chức phát triển của Liên hiệp quốc
UBND:	Ủy ban nhân dân
XTTM:	Xúc tiến thương mại
XHCN:	Xã hội chủ nghĩa
XNK:	Xuất nhập khẩu
FDI:	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
JICA:	Hội tài trợ quốc tế Nhật Bản
WTO:	Tổ chức thương mại thế giới
WB:	Ngân hàng thế giới

DANH MỤC BẢNG BIỂU

<i>Bảng 2.1:</i> Cơ cấu kinh tế Lào từ 1985 - 2008	90
<i>Bảng 2.2:</i> Sản lượng nông sản chủ yếu của Lào	94
<i>Bảng 2.3:</i> Kim ngạch xuất nhập khẩu Lào 1986 - 2007	97
<i>Bảng 2.4:</i> Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng chủ yếu.....	98
<i>Bảng 2.5:</i> Các thị trường xuất - nhập khẩu chủ yếu của CHDCND Lào	98
<i>Bảng 2.6:</i> Tổng kim ngạch xuất khẩu của Lào sang các nước ASEAN (1991 - 2007) ..	99
<i>Bảng 2.7:</i> Nhập khẩu của Lào từ ASEAN (1991 - 2007)	100
<i>Bảng 2.8:</i> Cán bộ quản lý ngành thương mại 2007.....	131

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Các Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, VIII của Đảng Nhân dân Cách mạng (NDCM) Lào đề ra chương trình cải cách hành chính và đổi mới cơ chế, chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước đối với tất cả các lĩnh vực, các ngành, trong đó có ngành thương mại nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân (CHDCND) Lào đến năm 2020.

Hoàn thiện quản lý nhà nước về kinh tế là hoàn thiện cơ chế, chính sách và hệ thống tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực và hiệu quả bộ máy quản lý, đảm bảo thực hiện những mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước đề ra. Vì vậy, đòi hỏi tất cả các ngành kinh tế quốc dân nói chung và ngành thương mại nói riêng phải đổi mới chính sách quản lý cho phù hợp với điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Với cơ cấu kinh tế "nông lâm - công nghiệp và dịch vụ" ở CHDCND Lào, ngành thương mại có vai trò rất quan trọng trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế tự nhiên, tự cung tự cấp sang nền kinh tế thị trường, góp phần tăng trưởng và phát triển kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập dân cư, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của toàn xã hội, thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo, đưa nước Lào thoát khỏi tình trạng nghèo nàn và lạc hậu.

Thực hiện đường lối chính sách kinh tế mới của Đảng NDCM Lào, từ năm 1990 đến nay ngành thương mại Lào đã có những bước phát triển, đạt được thành tích đáng kể, góp phần đắc lực vào việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại có những bước đổi mới rõ rệt nhất là về chính sách thị trường, mặt hàng và đối tác ngày càng đa dạng phong phú. Tuy nhiên, so với yêu cầu, mục tiêu và nhiệm vụ mới thì trình độ quản lý Nhà nước về thương mại Lào hiện

nay còn có nhiều bất cập, khiếm khuyết, kém hiệu lực, hiệu quả, cần phải tiếp tục đổi mới cho ngang tầm thời đại hội nhập.

Thế kỷ XXI, xu thế hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu, vừa hợp tác vừa cạnh tranh giữa các nước ngày càng gia tăng. CHDCND Lào đã là thành viên của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN), tham gia khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA), chuẩn bị điều kiện gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO). Để thích ứng với điều kiện mở cửa, hội nhập, thực hiện nghĩa vụ thành viên của tổ chức khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA - ASEAN Free Trade Area), tổ chức thương mại thế giới (WTO - World Trade Organization) và các tổ chức kinh tế - thương mại quốc tế khác, CHDCND Lào nhất thiết phải đổi mới chính sách kinh tế, cơ chế quản lý kinh tế nói chung, chính sách thương mại nói riêng. Đây là một vấn đề thiết thực nhằm tạo điều kiện phát triển thương mại, nắm bắt thời cơ, phát huy nội lực và lợi thế của đất nước, tạo điều kiện cho sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế quốc dân của CHDCND Lào.

Với những lý do trên đây, đề tài: ***Hoàn thiện chính sách quản lý của Nhà nước về thương mại của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đến năm 2020*** được chọn làm đề tài luận án tiến sĩ kinh tế.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài:

Vấn đề đổi mới cơ chế, chính sách quản lý nhà nước về thương mại trong quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung - quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng đã được nhiều nhà khoa học, nhà kinh tế và nhà quản lý nghiên cứu ở Lào, Việt Nam và một số nước. Có rất nhiều bài viết, bài nghiên cứu dưới dạng chuyên đề, được đăng trên các báo chí và tạp chí, có một số công trình luận án tiến sĩ: "*Hoàn thiện quản lý nhà nước về thương mại ở nước CHDCND Lào*" của Chăn seng Phim Ma Vông (2003), "*Tiếp tục đổi mới quản lý Nhà nước đối với hoạt động thương mại trên địa bàn tỉnh Phú Thọ*" của thạc sĩ Quách Đức

Hùng, (1999), Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước "*Hoàn thiện và hoàn thiện quản lý nhà nước về thương mại trên thị trường nội địa nước ta thời kỳ đến năm 2020*" (2003) của Bộ Thương mại. Một số cao học và nghiên cứu sinh Lào tại Học viện chính trị Quốc gia (CTQG) Hồ Chí Minh và tại Đại học KTQD cũng đã có đóng góp nghiên cứu chính sách, cơ chế quản lý kinh tế trên những lĩnh vực khác nhau:

- Đề tài về "*Công nghiệp hóa - hiện đại hóa ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào - Những giải pháp cơ bản tạo tiền đề*", Luận án tiến sĩ kinh tế của Khăm Pheng SAY SÔM PHENG, Khoa kinh tế chính trị xã hội chủ nghĩa (XHCN), Học viện CTQG Hồ Chí Minh, 2001.

- Đề tài về "*Phát triển thị trường nông thôn Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*", Luận án tiến sĩ kinh tế của Bun Thi Khura My Xay, Khoa Kinh tế chính trị XHCN, Học viện CTQG Hồ Chí Minh, 1998.

- Đề tài về "*Quan điểm và chính sách phát triển thị trường hàng hóa nông thôn ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*", Luận án tiến sĩ kinh tế của Phonvilay Phêngđarachăn, Khoa Quản lý kinh tế, học viện CTQG Hồ Chí Minh, 2002.

- Đề tài về "*Hoàn thiện quản lý nhà nước nhằm phát triển ngành công nghiệp trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*", Luận án tiến sĩ kinh tế của Kông Chăc NOKEO, Khoa Quản lý kinh tế, Học viện CTQG Hồ Chí Minh, 1998.

- Đề tài về "*Hoàn thiện quản lý nhà nước về giá cả ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*", Luận án tiến sĩ kinh tế của Liên Thi KEO, Khoa Kinh tế phát triển, Học viện CTQG Hồ Chí Minh, 2001.

- Đề tài về "*Tiếp tục đổi mới quản lý ngân sách nhà nước ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*", Luận án tiến sĩ kinh tế của Khăm Phong BUTĐAVÔNG, Khoa Quản lý Kinh tế, Học viện CTQG Hồ Chí Minh, 1998.

- Các luận văn thạc sĩ về đổi mới quản lý thương mại trên địa bàn tỉnh Khăm Muộn và tỉnh Viêng Chăn của Bounna Hanexingxay, Vilayxác... tại khoa Thương mại - Đại học Kinh tế Quốc dân.

Tuy nhiên, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu một cách có hệ thống về *"Hoàn thiện chính sách quản lý Nhà nước về thương mại của CHDCND Lào đến năm 2020"* làm đề tài nghiên cứu luận án tiến sĩ kinh tế. Bởi vậy, tôi chọn đề tài này làm đề tài luận án tiến sĩ kinh tế của mình.

3. Mục đích nghiên cứu và nhiệm vụ của luận án

Mục đích của luận án là làm rõ một số vấn đề chính sách quản lý nhà nước về thương mại trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường; đánh giá thực trạng của chính sách quản lý Nhà nước về thương mại ở CHDCND Lào, từ đó đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách quản lý Nhà nước về thương mại ở CHDCND Lào đến năm 2020, đặc biệt là các vấn đề chính sách, thị trường, mặt hàng và đối tác thương mại trong thời đại hội nhập kinh tế quốc tế.

Để thực hiện mục đích trên, luận án có một số nhiệm vụ cụ thể sau:

- Nghiên cứu một số vấn đề có tính lý luận làm cơ sở khoa học cho việc hoàn thiện chính sách thương mại.

- Xác định những nội dung cơ bản của chính sách quản lý Nhà nước về thương mại và tính tất yếu khách quan của hoàn thiện chính sách quản lý Nhà nước về thương mại trong quá trình hội nhập vào nền kinh tế thị trường thế giới, nghiên cứu kinh nghiệm của Việt Nam và một số nước trong đổi mới chính sách quản lý nhà nước về thương mại làm bài học cho CHDCND Lào.

- Đánh giá những thành công và hạn chế trong chính sách quản lý Nhà nước về thương mại ở CHDCND Lào trong thời kỳ từ năm 1986 đến nay rút ra những bài học kinh nghiệm hữu ích cho việc hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước về thương mại trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

- Đề xuất quan điểm, nguyên tắc, nội dung, phương hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách quản lý Nhà nước về thương mại của nước CHDCND Lào đến năm 2020.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

Đối tượng nghiên cứu của luận án là *Hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước về thương mại*, trong đó tập trung nghiên cứu những vấn đề như cơ sở khoa học của hoàn thiện chính sách quản lý Nhà nước về thương mại, thực trạng của chính sách quản lý nhà nước về thương mại Lào trong quá trình hội nhập nền kinh tế thị trường, phương hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước về thương mại trong mối quan hệ hữu cơ với các ngành kinh tế khác như: đầu tư, tài chính ngân hàng, giao thông vận tải, công nghiệp, nông nghiệp...

Luận án giới hạn nghiên cứu về chính sách quản lý Nhà nước về thương mại của nước CHDCND Lào, không nghiên cứu quản lý Nhà nước về thương mại dịch vụ nói chung. Cứ liệu đánh giá thực trạng từ năm 1986 đến nay là chính sách và cơ chế, phương hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước về thương mại của nước CHDCND Lào đến năm 2020.

5. Đóng góp mới về mặt khoa học của luận án

Đóng góp mới về mặt khoa học của luận án là góp phần luận chứng cơ sở khoa học về tính tất yếu khách quan, vai trò, chức năng và nội dung hoàn thiện chính sách quản lý Nhà nước về thương mại trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Trên cơ sở đó, đề xuất hệ quan điểm, nguyên tắc, mục tiêu, nội dung, phương hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách quản lý Nhà nước về thương mại nhằm không ngừng thúc đẩy sự phát triển thương mại ở CHDCND Lào đến năm 2020.

6. Phương pháp nghiên cứu:

- *Về phương pháp luận nghiên cứu:* Luận án vận dụng những quan điểm và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, những học thuyết kinh tế và

khoa học quản lý hiện đại, tham khảo kinh nghiệm đổi mới của Việt Nam, Trung Quốc và một số nước phát triển.

Dựa vào những quan điểm đường lối đổi mới của Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, chủ trương cải cách hành chính của Chính phủ làm cơ sở khoa học cho hoàn thiện chính sách quản lý Nhà nước về thương mại đến năm 2020.

Luận án tham khảo, thừa kế các công trình, luận án, chuyên đề, các bài nghiên cứu trên cơ sở phân tích, phê phán, có chọn lọc.

- *Về các phương pháp cụ thể*: Luận án sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu như: phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa và khái quát hóa, thống kê, phân tích, so sánh, phương pháp trừu tượng hóa.

7. Kết cấu của luận án:

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án được kết cấu thành 3 chương như sau:

Chương 1: Cơ sở khoa học của chính sách quản lý nhà nước về thương mại.

Chương 2: Chính sách quản lý nhà nước về thương mại của nước CHDCND Lào trong thời gian qua và những vấn đề đặt ra.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước về thương mại của nước CHDCND Lào đến năm 2020.

Chương 1

CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯƠNG MẠI

1.1. BẢN CHẤT CỦA THƯƠNG MẠI TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1.1.1. Khái niệm của thương mại trong nền kinh tế thị trường

Thương mại là một phạm trù kinh tế gắn liền với lưu thông hàng hóa và xuất hiện khi lưu thông hàng hóa trở thành chức năng độc lập tách khỏi sản xuất hàng hóa. Lưu thông hàng hóa và thương mại là các phạm trù kinh tế khác nhau, nhưng lại có quan hệ rất chặt chẽ với nhau. Là ngành tổ chức lưu thông hàng hóa, thương mại được xem như một khâu của quá trình tái sản xuất xã hội. Là một phạm trù kinh tế, *thương mại được hiểu là một hình thức phát triển cao của trao đổi hàng hóa: T - H - T', là một khâu của quá trình tái sản xuất xã hội, có quan hệ chặt chẽ với các khâu khác, tạo thành mối quan hệ giữa thương mại với sản xuất; thương mại với phân phối và thương mại với tiêu dùng.*

Là một ngành kinh tế, thương mại được tổ chức thành một ngành kinh tế quốc dân độc lập, có vị trí quan trọng trong hệ thống kinh tế quốc dân. Thương mại được coi là một công cụ quan trọng thúc đẩy nền kinh tế phát triển, phá vỡ tính tự cung, tự cấp; thúc đẩy quá trình hoàn thiện cơ cấu kinh tế; ổn định tài chính quốc gia, cân bằng cán cân thanh toán, thoả mãn nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của các tầng lớp dân cư trong xã hội.

Về mặt học thuật, thương mại (Tiếng Anh là Trade hoặc Commerce; tiếng Pháp là Commerce; tiếng La tinh là Commercium; tiếng Nga là TORGOVLIA) đều được hiểu là mua bán, trao đổi hàng hóa, hoạt động kinh doanh.

Theo nghĩa hẹp, thương mại là quá trình mua bán hàng hóa, dịch vụ trên thị trường, là lĩnh vực phân phối và lưu thông hàng hóa. Theo phạm vi hoạt

động có nội thương và ngoại thương. Luật Thương mại của Việt Nam năm 2005 quan niệm hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác. Cụ thể Luật Thương mại Việt Nam năm 2005 chỉ ra 3 nhóm hoạt động sau:

a. *Mua bán hàng hóa* là hoạt động thương mại, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao hàng, chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua và nhận thanh toán; bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán, nhận hàng và quyền sở hữu hàng hóa theo thỏa thuận.

b. *Cung ứng dịch vụ* là hoạt động thương mại, theo đó một bên (sau đây gọi là bên cung ứng dịch vụ) có nghĩa vụ thực hiện dịch vụ cho một bên khác và nhận thanh toán; bên sử dụng dịch vụ (sau đây gọi là khách hàng) có nghĩa vụ thanh toán cho bên cung ứng dịch vụ và sử dụng dịch vụ theo thỏa thuận.

c. *Xúc tiến thương mại* là hoạt động thúc đẩy, tìm kiếm cơ hội mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ, bao gồm hoạt động khuyến mại, quảng cáo thương mại, trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ và hội chợ, triển lãm thương mại.

d. *Các hoạt động trung gian thương mại* là hoạt động của thương nhân để thực hiện các giao dịch thương mại cho một số thương nhân được xác định, bao gồm hoạt động đại diện cho thương nhân, môi giới thương mại, uỷ thác mua bán hàng hóa và đại lý thương mại.

Ở hầu hết các nước trên thế giới, khái niệm "Thương mại" có nội dung rất rộng, bao gồm không chỉ là hoạt động thương mại thuần túy mà còn cả hoạt động như dịch vụ vận tải, hàng hải, hàng không, xây dựng, du lịch, tài chính, ngân hàng. Chẳng hạn, Bộ luật Thương mại số 48 của Nhật Bản có phạm vi điều chỉnh khá rộng, bao gồm các hoạt động mua bán nhằm mục đích lợi nhuận và hầu hết các dịch vụ trên thị trường như dịch vụ vận tải, cung ứng điện hay khí đốt, uỷ thác, bảo hiểm, ngân hàng. Bộ Luật Thương mại của Thái Lan cũng qui định phạm vi điều chỉnh của các giao dịch thương mại trong tất

cả các lĩnh vực như mua bán hàng hóa, thuê tài sản, thuê mua tài sản, tín dụng, thế chấp, đại diện, môi giới, bảo hiểm, công ty, hợp danh...

Theo Ủy ban Liên hiệp quốc về Luật Thương mại quốc tế (UNCITRAL), thuật ngữ "Thương mại" được hiểu theo nghĩa rộng để bao quát các vấn đề nảy sinh ra từ mối quan hệ mang tính chất thương mại, dù có hay không có hợp đồng. Các mối quan hệ mang tính chất thương mại (Commercial) bao gồm bất cứ giao dịch thương mại nào về cung cấp hoặc trao đổi hàng hóa hoặc dịch vụ; thoả thuận phân phối; đại diện hoặc đại lý thương mại; uỷ thác hoa hồng; cho thuê dài hạn; xây dựng công trình; tư vấn; kỹ thuật công trình; đầu tư, cấp vốn; ngân hàng; bảo hiểm; thoả thuận khai thác tô nhượng; liên doanh và các hình thức khác về hợp tác công nghiệp hoặc kinh doanh; chuyên chở hàng hóa hay hành khách bằng đường biển, đường sắt hoặc đường bộ.

Hiện nay, Luật Thương mại Việt Nam năm 2005 và trong nhiều Hiệp định thương mại song phương được ký kết mà điển hình là Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, khái niệm "thương mại" đều đã được hiểu theo nghĩa rộng, tức là bao gồm thương mại hàng hóa, đầu tư, sở hữu trí tuệ, thương mại dịch vụ, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác. Việc qui định như vậy là phù hợp với Hiệp định thành lập tổ chức thương mại thế giới (WTO).

Như vậy, hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước về thương mại trong điều kiện phát triển thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế là cần thiết. Hiểu khái niệm "thương mại" theo nghĩa rộng (theo cách mà Mỹ và Tổ chức thương mại quốc tế quan niệm) chính là cơ sở khoa học cho việc tiếp tục đổi mới và hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước về thương mại của Lào trong điều kiện nền kinh tế thị trường hội nhập khu vực và thế giới.

1.1.2. Quản lý thương mại trong nền kinh tế thị trường

Khi đã khẳng định thương mại là một ngành kinh tế độc lập nằm trong hệ thống kinh tế của đất nước thì cũng phải khẳng định rằng quản lý nhà nước về

thương mại là một tất yếu khách quan. Vấn đề được đặt ra tiếp theo là quản lý theo cách thức hay phương thức nào? Trên thế giới, cuộc tranh luận giữa 2 trao lưu kinh tế học vẫn chưa đi đến hồi kết giữa một bên là "thuyết bàn tay vô hình" của Adam Smith (1723-1879) với nguyên lý "Nhà nước không can thiệp vào hoạt động kinh tế, việc tổ chức nền kinh tế hàng hóa cần theo nguyên tắc tự do, sự vận động của thị trường là do quan hệ cung cầu và sự biến đổi tự phát của giá cả hàng hóa trên thị trường quyết định..." và một bên là John Meynard Keynes (1884-1946) với lý thuyết "Nhà nước điều tiết kinh tế thị trường". Tuy nhiên, một sự thực không ai có thể phủ nhận được là tất cả các nền kinh tế thị trường của các nước đã và đang phát triển đều có sự quản lý, điều khiển, can thiệp của Nhà nước ở các phạm vi mức độ khác nhau và bằng các phương thức khác nhau.

Trong quản lý nhà nước về thương mại cũng tương tự như vậy. Trường phái ủng hộ tự do thương mại (Adam Smith, David Ricardo, Heekscher - Ohlin...) đều đưa ra các so sánh về lợi thế tuyệt đối và lợi thế tương đối để khẳng định tự do hóa thương mại có lợi hơn so với hạn chế tự do hóa. Tuy nhiên, tự do hóa thương mại trên phạm vi toàn cầu cũng mang lại những hậu quả khôn lường cho các nước đang phát triển như sức cạnh tranh thấp nên hàng hóa không tiêu thụ được, tài nguyên bị khai thác tới mức kiệt quệ, môi trường bị phá huỷ... Ngay ở trong một quốc gia cũng có tình hình tương tự như vậy, sự phân hóa thu nhập đã dẫn tới một số nhóm người có thu nhập thấp không thể mua được hàng hóa (mặc dù giá rẻ hơn so với trước khi diễn ra quá trình tự do hóa thương mại), một số sản phẩm cũng sẽ không thể tiêu thụ được vì giá cao mà điều kiện tự nhiên ở đó không cho phép chuyển đổi sang sản xuất ra sản phẩm khác. Ở một khía cạnh khác, hình thái độc quyền Nhà nước và sự phát triển của các Tập đoàn, Công ty xuyên quốc gia đã và sẽ tiếp tục chi phối thị trường thế giới khiến cho các doanh nghiệp nhỏ ít có cơ hội để thâm nhập và bành trướng thị trường. Trên thực tế, nhiều nhà kinh tế học phê

phán gay gắt tình trạng độc quyền và nhấn mạnh phải khuyến khích cạnh tranh bình đẳng nhưng để cạnh tranh bình đẳng thì doanh nghiệp vừa và nhỏ không thể cạnh tranh được với các Công ty lớn ở hầu hết các lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh. Ngay ở trong Tổ chức thương mại thế giới (WTO) tình hình cũng diễn ra tương tự như vậy, trong hội nghị các nước đều thống nhất phải tự do hóa thương mại nhưng thực tế lại tìm kiếm các hàng rào bảo hộ mới tinh vi hơn, chặt chẽ hơn.

Về phương diện lý luận, cũng còn nhiều quan niệm khác nhau về kinh tế thị trường và cơ chế thị trường. Một số nhà kinh tế của Việt Nam cho rằng: "Kinh tế hàng hóa ra đời thì thị trường cũng xuất hiện, nhưng không có nghĩa đó là nền kinh tế thị trường. Với sự tăng trưởng của kinh tế hàng hóa, thị trường được mở rộng, phong phú, đảm bảo, các quan hệ thị trường tương đối hoàn thiện thì mới có kinh tế thị trường". Kinh tế thị trường là kinh tế hàng hóa phát triển ở trình độ cao, khi tất cả các quan hệ kinh tế trong quá trình tái sản xuất xã hội đều được tiền tệ hóa; các yếu tố của sản xuất như đất đai; tài nguyên, vốn bằng tiền và vốn vật chất; sức lao động, công nghệ và quản lý, các sản phẩm dịch vụ được tạo ra, chất xám đều là đối tượng mua bán, là hàng hóa.

Cơ chế thị trường là tổng thể các nhân tố, quan hệ cơ bản vận động dưới sự chi phối của các qui luật thị trường trong môi trường cạnh tranh, nhằm mục tiêu lợi nhuận. Nhân tố cơ bản của cơ chế thị trường là cung - cầu và giá cả thị trường. Cơ chế thị trường có những đặc trưng cơ bản sau:

- Các vấn đề liên quan đến phân bổ sử dụng các nguồn tài nguyên sản xuất khan hiếm như lao động, vốn, tài nguyên thiên nhiên về cơ bản được quyết định một cách khách quan thông qua sự hoạt động của các qui luật kinh tế.

- Tất cả các mối quan hệ kinh tế giữa các chủ thể kinh tế được tiền tệ hóa.

- Động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và lợi ích kinh tế được biểu hiện tập trung ở mức lợi nhuận.

- Tự do lựa chọn việc sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng từ các nhà sản xuất, các nhà thương mại và người tiêu dùng thông qua cơ chế thị trường.

- Cạnh tranh là môi trường và động lực thúc đẩy sản xuất phát triển, thúc đẩy tăng năng suất lao động và tăng hiệu quả.

Về cơ bản, cơ chế thị trường là cơ chế tự điều chỉnh theo các qui luật của kinh tế thị trường. Vì vậy, sự can thiệp của Nhà nước đảm bảo cho sự vận động của thị trường được ổn định, nhằm tối đa hóa hiệu quả kinh tế, bảo đảm định hướng chính trị của sự phát triển kinh tế, sửa chữa, khắc phục những khuyết tật vốn có của kinh tế thị trường, tạo ra những công cụ quan trọng điều tiết thị trường ở tầm vĩ mô.

Nhìn chung, không có qui định chuẩn nào để xác định một cách rõ ràng và liệu một nước có phải là một nền kinh tế thị trường hay không? Chính phủ Hoa Kỳ đưa ra 6 chỉ tiêu để xác định một nước có nền kinh tế thị trường, đó là:

- Phạm vi mà đồng tiền nước đó có thể chuyển đổi sang đồng tiền của một nước khác.

- Phạm vi và mức lương của người lao động ở nước đó được xác định trên cơ sở tự do thoả thuận giữa người lao động và người quản lý,

- Phạm vi mà các công ty của nước ngoài được liên doanh và đầu tư ở nước đó,

- Phạm vi mà Chính phủ sở hữu học kiểm soát đối với phương tiện sản xuất,

- Phạm vi mà Chính phủ kiểm soát đối với việc phân bổ các nguồn lực và các quyết định về giá và sản lượng của doanh nghiệp.

- Các yếu tố khác mà cơ quan có thẩm quyền quản lý cho là phù hợp.

Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước chủ trương thực hiện nhất quán lâu dài chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc trưng cơ bản của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định như sau:

- Mục đích của nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa là phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vấn đề - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; sử dụng cơ chế thị trường, áp dụng các hình thức và phương pháp quản lý kinh tế thị trường để kích thích sản xuất, phát huy tinh thần năng động, sáng tạo của người lao động, giải phóng sức sản xuất, thúc đẩy công nghiệp hóa - hiện đại hóa; lãnh đạo, quản lý nền kinh tế để phát triển đúng hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, nhưng sở hữu công cộng (toàn dân và tập thể) dần dần trở thành nền tảng, kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

- Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước, Nhà nước thực sự của dân, do dân, vì dân, quản lý nền kinh tế theo nguyên tắc kết hợp thị trường với kế hoạch, phát huy mặt tích cực, hạn chế, khắc phục mặt tiêu cực của cơ chế thị trường, bảo vệ lợi ích của nhân dân lao động, của toàn thể nhân dân.

- Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo phương thức đóng góp vốn và trí tuệ vào sản xuất kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội; tăng trưởng kinh tế gắn liền với đảm bảo tiến bộ và cộng đồng xã hội ngay trong từng bước phát triển.

Từ chủ trương chung về xây dựng kinh tế thị trường ở Việt Nam như đã nêu trên, cho thấy cơ chế thị trường không phải là cơ chế thị trường thuần túy mà là cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước. Một mặt, Nhà nước tôn trọng sự hoạt động của các qui luật khách quan trong nền kinh tế thị trường. Mặt khác, Nhà nước có các điều chỉnh cần thiết để hạn chế các khuyết tật của cơ chế thị trường. Đây chính là cơ sở luận quan trọng để xác định những vấn đề mấu chốt của đổi mới và hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước về thương mại theo cơ chế thị trường. Theo định hướng đó, chính sách quản lý nhà nước về thương mại theo cơ chế thị trường phải thể hiện được các yêu cầu sau đây:

- *Thứ nhất* thực hiện chính sách quản lý nhà nước về thương mại trên thị trường chủ yếu bằng pháp luật, thể chế, qui hoạch, kế hoạch Nhà nước hướng dẫn, hỗ trợ và thanh tra, kiểm soát mọi thành phần kinh tế thực hiện thể chế, kế hoạch và qui hoạch, giám mạnh sự can thiệp vào thị trường và hoạt động thương mại bằng phương pháp hành chính hoặc bằng cách trực tiếp tham gia kinh doanh.

Thứ hai, là hoàn chỉnh hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế để tạo lập đầy đủ và đồng bộ các bộ phận của thị trường nhằm đẩy lùi và triệt tiêu các thị trường ngầm, hình thành hệ thống thể chế thị trường hoàn chỉnh và đồng bộ.

- *Thứ ba*, là thực hiện phân cấp quản lý nhà nước về thương mại theo hướng phân cấp quản lý mạnh mẽ cho cấp dưới đi đôi với giám sát, thanh tra chặt chẽ của cấp trên, gắn trách nhiệm với quyền lợi và các điều kiện thực hiện.

- *Thứ tư*, là xây dựng cơ chế quản lý nhà nước về thương mại thực sự thông thoáng và minh bạch trên thị trường nội địa nhằm phát huy tối đa nội lực và tận dụng được các ngoại lực cho sự phát triển, bảo đảm cho quá trình chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Cơ chế thị trường là cơ chế thông qua thị trường để xác định về mặt giá trị sử dụng: sản xuất cho ai, sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào và về mặt giá trị: phải tính toán hao phí bao nhiêu lao động (lao động sống và lao động quá khứ). Về mặt giá trị sử dụng là nhằm đáp ứng nhu cầu, thị hiếu của người mua. Về mặt giá trị là chú ý tới sự kết hợp với khả năng thanh toán của người mua. Nói một cách khác, cơ chế thị trường là, bán cái mà thị trường cần chứ không phải bán cái mình có. Tín hiệu rõ nhất của cơ chế thị trường là giá cả thị trường, nhìn vào sự biến động của giá cả là thấy sự biến động của thị trường.

Cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước là sự điều tiết vĩ mô, thể hiện trên các mặt sau đây:

Một là, Nhà nước tạo môi trường pháp lý thuận lợi (về luật pháp và thực thi luật pháp), gồm 7 nhóm luật sau: pháp luật về các loại hình công ty, pháp

luật về hợp đồng kinh tế, pháp luật về đầu tư và thị trường vốn; pháp luật về tín dụng và ngân hàng; pháp luật về điều chỉnh các hoạt động quản lý kinh tế vĩ mô; pháp luật về giải quyết các tranh chấp và phá sản, về trọng tài kinh tế và Tòa án kinh tế.

Hai là, Nhà nước tạo môi trường xã hội ổn định, bằng cách xây dựng kết cấu hạ tầng về kinh tế (quan trọng nhất là giao thông vận tải và thông tin liên lạc) và kết cấu hạ tầng xã hội, trong đó nhấn mạnh về giáo dục, đào tạo, công nghệ...

Ba là, Nhà nước soạn thảo kế hoạch, quy hoạch, các chương trình phát triển kinh tế xã hội và ban hành các chính sách để hướng các chủ thể thực hiện kế hoạch, quy hoạch và các chương trình đó.

Bốn là, khi cần thiết Nhà nước sử dụng những biện pháp hành chính để can thiệp vào hoạt động kinh tế và thương mại.

1.1.3. Vai trò và chức năng của thương mại trong nền kinh tế quốc dân (KTQD)

Thương mại là một ngành kinh tế tương đối độc lập trong nền kinh tế quốc dân, tuy không trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất, nhưng thương mại có vai trò quan trọng thực hiện quá trình sản xuất mở rộng của nền kinh tế quốc dân, gắn lưu thông hàng hóa với sản xuất hàng hóa, gắn sản xuất với tiêu dùng. Việc hình thành và phát triển thương mại phụ thuộc vào sự phân công lao động xã hội và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất ở từng giai đoạn lịch sử nhất định. Trình độ của lực lượng sản xuất ngày càng phát triển, phân công lao động xã hội ngày càng sâu sắc thì hoạt động thương mại càng phát triển, mở rộng cả về phạm vi, quy mô và cơ cấu hàng hóa, dịch vụ.

1.1.3.1. Thương mại có những vai trò sau đây:

Thứ nhất, thương mại là điều kiện để thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển. Thông qua hoạt động thương mại trên thị trường, các chủ thể kinh doanh được mua bán các hàng hóa và dịch vụ. Điều đó đảm bảo cho quá trình tái sản xuất xã hội được tiến hành bình thường, lưu thông hàng hóa và dịch vụ thông suốt. Điều này có ý nghĩa vô cùng quan trọng là ở chỗ: Nếu

hoạt động thương mại kém phát triển thì chu trình tái sản xuất hàng hóa không thể phát triển được.

Thứ hai, thông qua việc mua bán hàng hóa dịch vụ trên thị trường, thương mại có vai trò trong việc mở rộng, khuyến khích, nâng cao nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng lên của toàn xã hội, bao gồm các cá nhân, doanh nghiệp; kích cầu và làm tăng sức mua của nhân dân - đây là động lực thúc đẩy, phát triển nền kinh tế của đất nước.

Thứ ba, thương mại - đặc biệt là thương mại xuất nhập khẩu, trực tiếp thực hiện chính sách kinh tế đối ngoại mở cửa, thực hiện quá trình hợp tác và hội nhập kinh tế trong khu vực và quốc tế; gắn chặt thị trường trong nước với thị trường nước ngoài. Sự phát triển mạnh mẽ về ngoại thương sẽ đảm bảo mở rộng thị trường đầu vào các yếu tố sản xuất, khoa học công nghệ hiện đại, nguyên nhiên vật liệu thiết yếu mà trong nước không có; đồng thời cũng mở rộng thị trường đầu ra cho các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ; thông qua đó ngoại thương tạo ra nguồn tích lũy vốn ngoại tệ mạnh, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Thứ tư, hoạt động thương mại luôn luôn có sự cạnh tranh, thông qua cạnh tranh đòi hỏi các chủ thể tham gia hoạt động kinh doanh trên thị trường phải hết sức năng động sáng tạo và nhạy bén; đồng thời phải luôn luôn không ngừng cải tiến phương pháp kinh doanh và dịch vụ, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và nước ngoài. Điều đó góp phần thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân nói chung và trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh và dịch vụ thương mại nói riêng.

1.1.3.2. Thương mại có các chức năng sau đây:

Một là, tổ chức và thực hiện quá trình lưu chuyển hàng hóa dịch vụ phục vụ cho sản xuất và phục vụ nhu cầu đời sống của nhân dân thông qua hoạt động mua bán trao đổi trên thị trường. Đây là chức năng chủ yếu nhất của

thương mại; với chức năng này, thương mại phải nghiên cứu và nắm vững nhu cầu thị trường hàng hóa, dịch vụ; huy động và sử dụng hợp lý các nguồn hàng nhằm thoả mãn một cách tối đa mọi nhu cầu của xã hội. Thiết lập hợp lý các mối quan hệ mua, bán, dịch vụ trong nền kinh tế quốc dân.

Hai là, thông qua quá trình lưu chuyển hàng hóa, thương mại thực hiện chức năng tiếp tục quá trình sản xuất trong khâu lưu thông, thực hiện chức năng này, thương mại phải làm tốt công tác vận chuyển, kho hàng bến bãi, tiếp nhận, đóng gói, bảo quản, phân loại hàng hóa... trước khi đưa tới các đối tượng tiêu dùng.

Ba là, thông qua hoạt động trao đổi, mua bán hàng hóa trong nước và hoạt động xuất nhập khẩu, thương mại làm chức năng gắn sản xuất với thị trường và gắn nền kinh tế quốc dân của một nước với nền kinh tế khu vực và nền kinh tế thế giới, tham gia thực hiện quá trình toàn cầu hóa kinh tế.

Bốn là, thực hiện giá trị hàng hóa; với chức năng này thương mại chuyển hóa hình thái giá trị của hàng hóa từ hàng thành tiền, và từ tiền thành hàng hóa; đây là chức năng quan trọng của thương mại; thực hiện chức năng này chính là thực hiện mục tiêu cuối cùng của quá trình tái sản xuất xã hội; đồng thời cũng là thực hiện mục tiêu kinh doanh sinh lời của thương mại.

Năm là, thương mại thực hiện chức năng xúc tiến đầu tư vào các ngành, các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân thông qua các hoạt động quảng cáo, xúc tiến, quảng bá hình ảnh sản phẩm, tiềm năng và kế hoạch phát triển kinh tế của đất nước trong tương lai. Các bộ - chợ quốc tế và trong nước mà ngành thương mại tổ chức là nhịp cầu nối liền các nhà đầu tư trong và ngoài nước để lập kế hoạch và dự báo nhu cầu đáp ứng các sản phẩm và dịch vụ trong tương lai cho tiêu dùng trong nước và thế giới.

1.1.3.3. Vai trò của quản lý nhà nước về thương mại:

Một là, Nhà nước tạo môi trường và điều kiện cho thương mại trên thị trường nội địa phát triển. Môi trường ở đây bao gồm cả môi trường luật pháp, môi trường kinh tế, môi trường văn hóa - xã hội và môi trường kỹ thuật - công

nghe. Trong quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế được vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa, tập trung quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường chúng ta thường quá nhấn mạnh đến môi trường luật pháp và môi trường kinh tế mà không chú ý tới môi trường văn hóa - xã hội và môi trường kỹ thuật - công nghệ cho phát triển thương mại. Thực tế đã chỉ ra rằng, dù cho môi trường kinh tế và luật pháp có thuận lợi bao nhiêu nhưng môi trường ấy kỳ thị những nhà kinh doanh và xem họ như những "bọn con phe", "kẻ buôn bán, chuyên bóc lột cả người sản xuất và người tiêu dùng"... thì cũng chẳng khuyến khích được các nhà kinh doanh dám nghĩ, dám làm. Cũng giống như nếu không phát triển kết cấu hạ tầng công nghệ cho thương mại điện tử thì có môi trường luật pháp, kinh tế và văn hóa tốt bao nhiêu cũng chẳng có được thương mại điện tử trong thực tiễn vì các máy tính không thể kết nối được với nhau. Do vậy, Nhà nước cần tập trung tạo lập các yếu tố đồng bộ của môi trường, không quá thiên lệch và cắt khúc thành các bộ phận rời rạc nhau. Môi trường đó cũng phải là môi trường được minh bạch hóa để mọi tổ chức và cá nhân có thể hiểu được, hoạt động được mà không bị kết tội vì "lợi dụng sơ hở của Nhà nước"...

Hai là, Nhà nước định hướng cho sự phát triển của thương mại trên thị trường nội địa. Sự định hướng này được thực hiện thông qua việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, qui hoạch và kế hoạch phát triển. Trong các văn kiện của Đảng, các mục tiêu dài hạn và trung hạn về phát triển các ngành dịch vụ đã được xác định tương đối cụ thể và gắn liền với các mục tiêu đó là phương hướng phát triển của các lĩnh vực và định hướng phát triển các vùng. Đó là những định hướng rất cơ bản cho hoạch định chiến lược, qui hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển thương mại. Vì vậy, để thể hiện tốt vai trò của mình, các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại cũng phải chú trọng và nâng cao chất lượng của công tác thông tin dự báo tình hình thị trường trong và ngoài nước.

Ba là, Nhà nước điều tiết và can thiệp vào quá trình hoạt động thương mại bằng các công cụ và biện pháp kinh tế. Trong điều kiện thị trường phát

triển không đều, ở địa bàn thành thị thì thị trường phát triển nhanh và thương mại hoạt động rất nhộn nhịp. Bên cạnh đó, ở nông thôn, đặc biệt là ở miền núi, vùng sâu và vùng xa, hoạt động thương mại và thị trường kém phát triển, cơ sở vật chất kỹ thuật cho hoạt động thương mại thiếu thốn và vận chuyển hàng hóa gặp nhiều khó khăn, chi phí cao.

Để thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng, nhà nước phải can thiệp trực tiếp vào quá trình hoạt động thương mại thông qua các hình thức hỗ trợ (trợ giá, trợ cước), đầu tư xây dựng cơ sở vật chất (cửa hàng, chợ, trung tâm thương mại dịch vụ ở nông thôn...). Thị trường và cơ chế thị trường luôn chứa đựng khả năng phát triển tự phát và nhiều yếu tố rủi ro, để thị trường phát triển ổn định cần thiết phải có sự can thiệp của Nhà nước thông qua các công cụ và biện pháp kinh tế như thuế, giá, tỷ giá, phí...

Bốn là, Nhà nước thực hiện vai trò kiểm tra, kiểm soát đối với các hoạt động thương mại trên thị trường nội địa. Hoạt động thanh tra, kiểm tra là một trong những chức năng mà Nhà nước nào cũng phải thực hiện. Thanh tra chuyên ngành về thương mại thường bao gồm 4 nội dung: kiểm tra việc đăng ký kinh doanh, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về thương mại, phát hiện và xử lý các vi phạm pháp luật thương mại, kiến nghị các biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật về thương mại, kiến nghị các biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật về thương mại. Công tác thanh tra và kiểm tra sẽ mang lại kết quả khi gắn liền với giáo dục về pháp luật để ngăn ngừa và xử phạt nghiêm minh để ngăn chặn. Hoạt động thương mại trên thị trường nội địa rất đa dạng và phức tạp vì vậy công tác thanh tra và kiểm tra cũng bao gồm nhiều nội dung khác nhau. Việc thống nhất toàn bộ hệ thống thanh tra thành một cơ quan hay phân công cho các cơ quan quản lý nhà nước khác nhau và phân cấp cho các địa phương luôn là những vấn đề phải xử lý nhằm tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước đối với thương mại và thị trường.

1.1.4. Nội dung quản lý nhà nước về thương mại

Nội dung quản lý nhà nước về kinh tế được qui định trong nhiều Bộ luật khác nhau. *Luật tổ chức Quốc hội* qui định rõ Quốc hội có quyền xây dựng luật, sửa đổi luật, quyết định chương trình xây dựng luật, quyết định kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của đất nước, chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia, quyết định dự toán, phân bổ ngân sách. *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân* qui định trong lĩnh vực kinh tế, Hội đồng nhân dân có quyền quyết định các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, quyết định các chủ trương, biện pháp nhằm phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế địa phương, bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các cơ sở kinh tế theo qui định của pháp luật, dự đoán và phê chuẩn ngân sách địa phương, quyết định chủ trương, biện pháp phân bổ lao động và dân cư địa phương. *Luật tổ chức Chính phủ* qui định Chính phủ giữ vai trò trung tâm trong việc thực hiện chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước, Chính phủ thống nhất quản lý nền kinh tế quốc dân; phát triển nền kinh tế nhiều thành phần; xây dựng dự án phát triển kinh tế dài hạn, 5 năm, hàng năm để trình Quốc hội và chỉ đạo thực hiện các kế hoạch đó; quyết định các chính sách về tài chính, tiền tệ, tiền lương và giá cả, quản lý tài sản Nhà nước; quản lý hoạt động kinh tế đối ngoại... Chính phủ có nhiệm vụ và quyền hạn... trình dự án luật, pháp lệnh và các dự án khác trước Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội. Luật tổ chức Chính phủ qui định các chức năng của Chính phủ trong quản lý nhà nước về kinh tế bao gồm:

- Tham gia quyền lập pháp với tư cách là cơ quan sáng kiến pháp luật (để phân biệt với Quốc hội là cơ quan có quyền lập pháp).
- Thực hiện quyền lập qui với tư cách là cơ quan thi hành pháp luật, đưa các văn bản pháp luật vào thực tiễn đời sống kinh tế đất nước.
- Lãnh đạo và điều hành quá trình thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách, các kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.

Luật Thương mại của nước CHXHCN Việt Nam năm 2005 qui định: Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động thương mại; Bộ Thương mại chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện việc quản lý nhà nước về hoạt động mua bán hàng và các hoạt động thương mại, cụ thể Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện việc quản lý nhà nước về các hoạt động thương mại trong lĩnh vực được phân công; Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện việc quản lý nhà nước về các hoạt động thương mại tại địa phương theo sự phân cấp của Chính phủ.

Sau khi Luật Thương mại năm 2005 ra đời, Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam qui định chức năng, nhiệm vụ của Bộ Công Thương (Nghị định số 189/2007/NĐ-CP) như sau.

Về chức năng:

Bộ Công Thương là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công nghiệp và thương mại, bao gồm các ngành và lĩnh vực; cơ khí, luyện kim, điện, năng lượng mới, năng lượng tái tạo, dầu khí, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản, công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp chế biến khác, lưu thông hàng hóa trong nước; xuất nhập khẩu, quản lý thị trường, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử, dịch vụ thương mại, hội nhập kinh tế - thương mại quốc tế, quản lý cạnh tranh, kiểm soát độc quyền, áp dụng các biện pháp tự vệ, chống bán phá giá, chống trợ cấp, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

Về nhiệm vụ và quyền hạn:

Bộ Công Thương thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ và những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Chính phủ các dự án luật, pháp lệnh, các dự thảo nghị quyết, nghị định, cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật khác về các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch phát triển tổng thể; chiến lược, quy hoạch ngành và lĩnh vực; quy hoạch vùng, lãnh thổ và các chương trình phát triển, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình kỹ thuật - kinh tế, các dự án quan trọng và các văn bản quy phạm pháp luật khác trong phạm vi các ngành, lĩnh vực do Bộ quản lý.

3. Phê duyệt chiến lược, quy hoạch, các chương trình phát triển các ngành và lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ các vùng, lãnh thổ theo phân cấp và uỷ quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

4. Ban hành các quyết định, chỉ thị, thông tư; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý của Bộ; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về công nghiệp và thương mại.

5. Xây dựng tiêu chuẩn, ban hành quy trình, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, tổ chức quản lý, hướng dẫn, kiểm tra đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện thuộc ngành công nghiệp và thương mại theo danh mục do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định.

6. Chủ trì thẩm định hoặc phê duyệt, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư trong các ngành công nghiệp và thương mại thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

7. Quy định việc cấp, điều hành, thu hồi, gia hạn giấy phép về điện, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, sản xuất thuốc lá và các loại giấy phép, giấy chứng nhận, giấy đăng ký theo quy định của pháp luật.

8. Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng kế hoạch dự trữ quốc gia về xăng dầu, vật liệu nổ công nghiệp, hạt giống cây bông và các dự trữ khác theo quy định của Chính phủ.

9. Về an toàn kỹ thuật công nghiệp:

a. Quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kỹ thuật an toàn trong ngành công nghiệp; bảo vệ môi trường công nghiệp theo quy định của pháp luật;

b. Đề xuất danh mục máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc ngành, lĩnh vực quản lý, đề nghị Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thống nhất ban hành;

c. Xây dựng và ban hành quy trình kiểm định đối với các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

d. Xây dựng và ban hành tiêu chí, điều kiện hoạt động đối với các t chức kiểm định khi thực hiện hoạt động kiểm định các máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

đ. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn đối với máy móc, thiết bị, vật tư, có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

10. Về cơ khí, luyện kim:

Chỉ đạo và kiểm tra việc tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển ngành cơ khí, ngành luyện kim, phát triển các sản phẩm cơ khí, cơ - điện tử trọng điểm, các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, kết hợp kỹ thuật cơ khí, tự động hóa, điện tử công nghiệp.

11. Về điện, năng lượng mới, năng lượng tái tạo:

a. Phê duyệt quy hoạch phát triển điện lực các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; công bố danh mục các công trình điện thuộc quy hoạch phát triển điện lực để kêu gọi đầu tư xây dựng và quản lý việc thực hiện;

b. Phê duyệt quy hoạch bậc thang thủy điện, quy hoạch năng lượng mới và năng lượng tái tạo;

c. Tổ chức chỉ đạo và thực hiện các nhiệm vụ về điện nguyên tử, năng lượng mới, năng lượng tái tạo;

d. Ban hành quy định về lập, thẩm định, lấy ý kiến, trình duyệt giá bán lẻ điện.

12. Về dầu khí:

a. Phê duyệt kế hoạch khai thác sớm dầu khí tại các mỏ;

b. Quyết định thu hồi mỏ trong trường hợp nhà thầu không tiến hành phát triển mỏ và khai thác dầu khí theo thời gian quy định đã được phê duyệt;

c. Quyết định cho phép đốt bỏ khí đồng hành;

d. Tổng hợp, theo dõi, báo cáo tình hình phát triển và kết quả tìm kiếm, thăm dò, khai thác, tiêu thụ dầu khí trong nước và xuất khẩu.

13. Về công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng và sản xuất xi măng);

a. Xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản;

b. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản sau khi được phê duyệt;

c. Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, công nghệ, an toàn vệ sinh, bảo vệ môi trường trong khai thác mỏ và chế biến khoáng sản;

d. Tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở các công trình thuộc dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản;

đ. Ban hành danh mục, điều kiện và tiêu chuẩn khoáng sản cấm xuất khẩu, khoáng sản hạn chế xuất khẩu theo quy định của pháp luật.

14. Về hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp:

a. Theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn kiểm tra, tổng hợp tình hình phát triển công nghiệp hóa chất;

b. Công bố danh mục các loại vật liệu nổ công nghiệp cấm, hạn chế sử dụng; kiểm tra việc thực hiện các quy định về sản xuất, nhập khẩu, cung ứng, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

15. Về công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp chế biến khác:

a. Kiểm tra, giám sát đầu tư đối với các dự án đầu tư thuộc ngành công nghiệp tiêu dùng và thực phẩm theo quy định của pháp luật;

b. Chỉ đạo và kiểm tra việc tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển các ngành công nghiệp tiêu dùng và công nghiệp thực phẩm;

c. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng sản phẩm công nghiệp, an toàn vệ sinh, môi trường công nghiệp; an toàn vệ sinh thực phẩm từ khâu nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất, chế biến thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ đến trước khi được đưa ra thị trường nội địa và xuất khẩu.

16. Về phát triển công nghiệp và thương mại địa phương:

a. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp ở địa phương;

b. Tổng hợp chung về phát triển công nghiệp địa phương và quản lý các cụm, điểm công nghiệp ở cấp huyện và các doanh nghiệp công nghiệp ở địa phương;

c. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy hoạch ngành, vùng trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại trên phạm vi cả nước;

d. Ban hành cơ chế khuyến khích hỗ trợ và định hướng phát triển công nghiệp và thương mại ở địa phương thuộc phạm vi quản lý của Bộ;

đ. Tổ chức phổ biến kinh nghiệm về sản xuất, quản lý, khoa học - công nghệ, đầu tư, đào tạo, cung cấp thông tin, triển lãm, hội chợ, quảng bá sản phẩm cho các cơ sở sản xuất công nghiệp và thương mại ở địa phương;

- e. Xây dựng chương trình, kế hoạch, quản lý kinh phí khuyến công quốc gia.
17. Về lưu thông hàng hóa trong nước và xuất khẩu, nhập khẩu:
- a. Tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển thương mại nội địa, xuất khẩu, nhập khẩu, thương mại biên giới, lưu thông hàng hóa trong nước, bảo đảm các mặt hàng thiết yếu cho miền núi, hải đảo và đồng bào dân tộc;
 - b. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành chỉ đạo, điều tiết lưu thông hàng hóa trong từng thời kỳ, bảo đảm cân đối cung cầu, cán cân thương mại, phát triển ổn định thị trường hàng hóa, đặc biệt là các mặt hàng thiết yếu;
 - c. Thống nhất quản lý về xuất khẩu; nhập khẩu; tạm nhập, tái xuất; tạm xuất, tái nhập; chuyển khẩu; quá cảnh hàng hóa; hoạt động uỷ thác; uỷ thác xuất khẩu, nhập khẩu; đại lý mua bán; gia công; thương mại biên giới và lưu thông hàng hóa trong nước;
 - d. Ban hành các quy định về hoạt động dịch vụ thương mại, dịch vụ phân phối trong nước và từ nước ngoài vào Việt Nam, từ Việt Nam ra nước ngoài;
 - đ. Quản lý hoạt động của các văn phòng, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật;
 - e. Tổng hợp tình hình, kế hoạch xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông hàng hóa và dịch vụ thương mại trong phạm vi cả nước.
18. Về thương mại điện tử:
- a. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng, chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, chính sách phát triển thương mại điện tử;
 - b. Chủ trì hợp tác quốc tế về thương mại điện tử; ký kết hoặc tham gia các thỏa thuận quốc tế liên quan đến thương mại điện tử.
19. Về quản lý thị trường:
- a. Chỉ đạo công tác quản lý thị trường trong cả nước; hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các quy định của pháp luật về kinh doanh, lưu thông hàng hóa, các hoạt động thương mại trên thị trường, hàng hóa và hoạt

động xuất khẩu, nhập khẩu, dịch vụ thương mại; xử lý các hành vi vi phạm pháp luật theo quy định;

b. Chỉ đạo và tổ chức kiểm tra, kiểm soát chất lượng hàng hóa công nghiệp lưu thông trên thị trường; phối hợp với Bộ Y tế kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm;

c. Chủ trì và tổ chức phối hợp hoạt động giữa các ngành, các địa phương trong việc kiểm tra, kiểm soát; chống đầu cơ lũng đoạn thị trường, buôn lậu, sản xuất và buôn bán hàng giả; hàng cấm, gian lận thương mại và các hành vi kinh doanh khác trái quy định của pháp luật.

20. Về quản lý cạnh tranh và kiểm soát độc quyền, áp dụng biện pháp tự vệ, chống bán phá giá, chống trợ cấp và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng:

a. Tổ chức điều tra và xử lý, giải quyết khiếu nại các vụ việc cạnh tranh; quản lý về chống bán phá giá, chống trợ cấp và áp dụng biện pháp tự vệ đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam;

b. Tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách, các quy định về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo quy định của pháp luật;

c. Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành, doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng để xử lý vụ việc chống bán phá giá, chống trợ cấp và áp dụng biện pháp tự vệ của nước ngoài đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam.

21. Về xúc tiến thương mại:

a. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch, chương trình xúc tiến thương mại quốc gia hàng năm và chỉ đạo, tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện theo quy định hiện hành;

b. Hướng dẫn, kiểm tra về nội dung, điều kiện hoạt động quảng cáo thương mại, hỗ trợ, triển lãm thương mại, khuyến mại, trưng bày, giới thiệu hàng hóa, dịch vụ ở trong và ngoài nước, thương hiệu theo quy định của pháp luật;

c. Quản lý nguồn nhân sách nhà nước cho các hoạt động xúc tiến thương mại hàng năm.

22. Về hội nhập kinh tế - thương mại quốc tế:

a. Xây dựng, thực hiện chủ trương, cơ chế, chính sách hội nhập kinh tế - thương mại quốc tế; giải thích, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam;

b. Tổng hợp, xây dựng phương án và tổ chức đàm phán để ký kết hoặc gia nhập các điều ước quốc tế đa phương hoặc khu vực về thương mại; đàm phán các thỏa thuận thương mại tự do; đàm phán các hiệp định hợp tác kinh tế thương mại và các thỏa thuận mở rộng thị trường giữa Việt Nam với các nước, các khối nước hoặc vùng lãnh thổ;

c. Đại diện lợi ích kinh tế - thương mại của Việt Nam; đề xuất phương án và tổ chức thực hiện và nghĩa vụ liên quan đến kinh tế - thương mại của Việt Nam tại Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN); Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC); Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM) và các tổ chức, diễn đàn kinh tế quốc tế khác theo phân công của Thủ tướng Chính phủ;

d. Thương trực công tác hội nhập kinh tế - thương mại quốc tế Việt Nam;

đ. Đầu mối tổng hợp, theo dõi và báo cáo về sử dụng nguồn vốn ODA và đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào ngành công nghiệp và thương mại; đầu tư của ngành công nghiệp và thương mại ra nước ngoài.

23. Quản lý hoạt động thương mại của các tổ chức và cá nhân Việt Nam ở nước ngoài và của nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật; quản lý, chỉ đạo hoạt động của các cơ quan thương vụ, các tổ chức xúc tiến thương mại, trung tâm giới thiệu sản phẩm hàng hóa ở nước ngoài có sự tham gia của cơ quan nhà nước Việt Nam.

24. Thu thập, tổng hợp, phân tích, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế, công nghiệp, thương mại, thị trường, thương nhân trong và ngoài nước phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước và các tổ chức kinh tế.

25. Thực hiện hợp tác quốc tế trong các ngành công nghiệp và thương mại thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo quy định của pháp luật.

26. Tổ chức và chỉ đạo thực hiện kế hoạch nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong công nghiệp và thương mại thuộc phạm vi quản lý của Bộ, bao gồm:

a. Ban hành hàng rào kỹ thuật và quản lý các hoạt động về điểm hỏi, đáp về hàng rào kỹ thuật trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ;

b. Tổ chức thực hiện các chương trình nghiên cứu khoa học, công nghệ từ nguồn ngân sách nhà nước theo kế hoạch dài hạn, hàng năm trong ngành công nghiệp và thương mại;

c. Thống nhất quản lý, hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng tiết kiệm, khai thác hợp lý tài nguyên năng lượng, vệ sinh an toàn trong công nghiệp chế biến thực phẩm theo quy định của pháp luật.

27. Về dịch vụ công:

a. Quản lý quy hoạch mạng lưới tổ chức sự nghiệp dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ;

b. Xây dựng các tiêu chuẩn, ban hành các quy trình, quy chuẩn, trình tự, thủ tục, định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các hoạt động tổ chức cung ứng dịch vụ công thuộc ngành, lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

c. Hướng dẫn, tạo điều kiện, hỗ trợ cho các tổ chức thực hiện dịch vụ công theo quy định của pháp luật.

28. Thực hiện đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước trong các ngành công nghiệp và thương mại thuộc phạm vi quản lý của Bộ, bao gồm:

a. Xây dựng đề án sắp xếp, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và chỉ đạo tổ chức thực hiện đề án sau khi được phê duyệt;

b. Trình Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bổ nhiệm, miễn nhiệm theo thẩm quyền các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý, kế toán trưởng;

c. Phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động.

29. Hướng dẫn, tạo điều kiện cho Hội, Hiệp hội, tổ chức phi Chính phủ (gọi tắt là Hội) tham gia vào hoạt động của ngành; tổ chức lấy ý kiến của Hội để thiện các quy định quản lý ngành công nghiệp và thương mại; kiểm tra việc thực hiện các quy định của nhà nước đối với Hội.

30. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý vi phạm pháp luật theo chức năng quản lý nhà nước của Bộ.

31. Quyết định và chỉ đạo thực hiện chương trình cải cách hành chính của bộ theo mục tiêu và nội dung chương trình cải cách hành chính nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

32. Quản lý cán bộ, công chức, viên chức:

a. Quản lý các ngạch công chức, viên chức chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo quy định của pháp luật;

b. Ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch viên chức thuộc ngành, lĩnh vực do Bộ được phân công, phân cấp quản lý sau khi có ý kiến thẩm định của Bộ nội vụ; xây dựng tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của ngạch công chức thuộc ngành, lĩnh vực do Bộ được phân công, phân cấp quản lý để Bộ Nội vụ ban hành; ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ cụ thể của người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc ngành, lĩnh vực do Bộ quản lý thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

c. Tổ chức thi nâng ngạch và công nhận kết quả kỳ thi nâng ngạch đối với các ngạch viên chức chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

33. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; chỉ đạo thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ; đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước thuộc thẩm quyền.

34. Xây dựng dự toán ngân sách hàng năm của Bộ, phối hợp với Bộ Tài chính lập, tổng hợp dự toán thu, chi ngân sách theo ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý để Chính phủ trình Quốc hội; quản lý, tổ chức thực hiện quyết toán ngân sách nhà nước; thực hiện các nhiệm vụ khác về ngân sách nhà nước, tài chính, tài sản theo quy định của pháp luật.

35. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công hoặc uỷ quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Với các nội dung được qui định trên đã thể hiện rõ vai trò của quản lý nhà nước về thương mại và cần phải nhận thấy rằng khái niệm "chính sách quản lý Nhà nước về thương mại" là sự cụ thể hóa các nội dung như đã trình bày ở trên. CHDCND Lào nếu thấy cần thiết thì học tập kinh nghiệm của Việt Nam đổi Bộ Thương mại thành Bộ Công Thương và những chức năng, nhiệm vụ trên đây là phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của Lào.

1.2. TÍNH TẤT YẾU KHÁCH QUAN VÀ NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯƠNG MẠI TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG.

1.2.1. Tính tất yếu khách quan của chính sách quản lý Nhà nước về thương mại trong nền kinh tế thị trường

Nhà nước là công cụ cơ bản của quyền lực chính trị, là bộ máy đặc biệt để cưỡng chế và thực hiện các chức năng quản lý đối với toàn xã hội. Nhà nước là một tổ chức quyền lực của giai cấp thống trị. Mọi nhà nước đều có những vai trò, chức năng quản lý kinh tế - xã hội nhằm đạt được mục tiêu, tùy thuộc bản chất giai cấp của Nhà nước đó.

Quản lý nhà nước về kinh tế là sự tác động trực tiếp hoặc gián tiếp của cơ quan quản lý nhà nước (chủ thể) đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của mọi thành phần kinh tế (khách thể) bằng hệ thống công cụ quản lý, tổ chức bộ máy, cán bộ điều hành và cơ chế phối hợp nhằm đạt mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ nhất định.

Thương mại là một bộ phận trong tổng thể nền kinh tế quốc dân. Do đó thương mại cũng là đối tượng quản lý của Nhà nước, xuất phát từ các lý do cụ thể đặc thù sau:

Thứ nhất, thương mại là một khâu của quá trình tái sản xuất. Năm khâu này nhà nước sẽ chi phối được cả sản xuất và tiêu dùng. Trong sản xuất hàng hóa, trước khi đi vào tiêu dùng hàng hóa phải qua khâu phân phối, lưu thông. Phân phối, lưu thông nối giữa sản xuất với tiêu dùng. Quản lý sản xuất tiêu dùng tất yếu phải quản lý phân phối lưu thông, quản lý thương mại.

Thứ hai, thương mại là ngành kinh tế quốc dân do đó nhà nước phải quản lý như đối với các ngành khác. Một nguyên tắc quan trọng của quản lý kinh tế là quản lý theo ngành, địa phương và vùng lãnh thổ. Đặc điểm thương mại là hoạt động mang tính liên ngành, là hoạt động có tính xã hội hóa cao mà mỗi doanh nhân không thể tự xử lý các vấn đề. Thương mại là ngành quan trọng của nền kinh tế quốc dân không thể thiếu sự quản lý của Nhà nước.

Thứ ba, trong hoạt động thương mại cũng có thể xuất hiện tính tự phát vi phạm các quy định pháp luật. Nhà nước phải quản lý để chấn chỉnh kịp thời các lệch lạc. Trong hoạt động thương mại chứa đựng rất nhiều các mâu thuẫn giữa các chủ thể tham gia thị trường, các lực lượng và các cơ quan quản lý thường chứa đựng những mâu thuẫn của đời sống kinh tế, xã hội (giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp với người lao động, giữa doanh nghiệp với cộng đồng). Do đó nhà nước mới đủ quyền lực để giải quyết các mâu thuẫn đó. Mặt khác thương mại còn là sự phân công lao động trên quy mô toàn xã hội trong một quốc gia, đòi hỏi có lực lượng thay mặt xã hội để điều tiết. Lực lượng đó không ai khác là nhà nước.

Thứ tư, thực hiện chính sách mở cửa nền kinh tế, thương mại quốc tế phát triển, đặc biệt trong thời đại ngày nay tính chất xã hội hóa trong hoạt động thương mại càng được mở rộng trên phạm vi toàn cầu thể hiện ở các tập đoàn, công ty xuyên quốc gia, đa quốc gia, Nhà nước quản lý thương mại quốc tế

phát triển đúng hướng và bảo hộ sản xuất kinh doanh trong nước. Thông qua nhà nước để bảo vệ lợi ích chính đáng của doanh nhân và tạo lập môi trường cho giao lưu kinh tế, thương mại quốc tế.

Thứ năm, trong lĩnh vực hoạt động thương mại có nhiều thành phần thương mại tham gia, trong đó có các doanh nghiệp thương mại của nhà nước do nhà nước đầu tư vốn và đảm nhiệm những hoạt động dịch vụ thuộc diện chính sách xã hội (không sinh lời) mà các doanh nghiệp tư nhân không thể tham gia. Mặt khác trong lĩnh vực thương mại có những hoạt động mà doanh nghiệp, người lao động không được làm hoặc có những vị trí mà nhà nước cần phải chiếm lĩnh để điều chỉnh các quan hệ kinh tế. Vì vậy, nhà nước phải quản lý để điều tiết các doanh nghiệp hoạt động thương mại.

Chức năng quản lý nhà nước về thương mại bao gồm:

Một là, chức năng tạo lập môi trường. Nhà nước tạo lập môi trường và điều kiện thuận lợi cho thương mại phát triển theo xu hướng tự do hóa thương mại ngày nay. Trước hết và quan trọng nhất là môi trường về chính trị - xã hội ổn định. Đồng thời nhà nước phải tạo lập môi trường pháp lý, tạo ra môi trường đầu tư hấp dẫn, cùng một sân chơi chung, cạnh tranh lành mạnh giữa các thành phần kinh tế. Nhà nước kết hợp các quy luật kinh tế khách quan với chủ trương chính sách, cơ chế nhằm phát huy tác dụng chức năng và nhiệm vụ thương mại, mở rộng thị trường, khuyến khích phát triển sản xuất, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về hàng hóa và dịch vụ của xã hội.

Hai là, chức năng định hướng chiến lược và hướng dẫn phát triển thương mại. Nhà nước định hướng chiến lược phát triển thương mại phù hợp điều kiện chính trị, kinh tế - xã hội trong nước và phù hợp xu thế của thời đại và điều kiện kinh tế, thương mại khu vực và toàn cầu. Hướng dẫn ban hành những chủ trương, chính sách và mục tiêu chính sách cho sự phát triển của thương mại.

Ba là, chức năng tổ chức. Tổ chức là một chức năng quan trọng của quản lý nhà nước về thương mại, nhất là trong điều kiện của kinh tế thị trường, mở cửa và

hội nhập hiện nay, đảm bảo trật tự và ổn định trong hoạt động kinh doanh, ngăn ngừa những hoạt động vô tổ chức hay hành động tự do vô chính phủ.

Bốn là, chức năng điều tiết. Nhà nước điều tiết hoạt động thương mại trong nền kinh tế thị trường trên cơ sở tuân thủ các quy luật khách quan của kinh tế thị trường vừa tham gia bổ sung cho thị trường khi cần thiết. Nhà nước cung cấp hàng hóa công cộng và dịch vụ công, đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, đảm bảo, củng cố nền dân chủ, công bằng và phúc lợi xã hội, xây dựng nền tảng văn minh thương mại, bảo hộ quyền lợi người tiêu dùng, giảm bớt khoảng cách chênh lệch giàu nghèo giữa các tầng lớp dân cư.

Năm là, chức năng kiểm tra. Nhà nước thực hiện chức năng kiểm tra, kiểm soát hoạt động thương mại, nhằm đảm bảo trật tự, kỷ luật kỷ cương, uốn nắn những hiện tượng và hành vi vi phạm pháp luật, ngăn ngừa những hành động tiêu cực, hàng giả, buôn lậu, gian lận thương mại, trốn tránh thuế,... nhằm bảo vệ quyền bình đẳng trước pháp luật, cạnh tranh lành mạnh và quyền lợi của nhà nước, của người tiêu dùng và doanh nghiệp.

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kinh tế do các cơ quan hành chính kinh tế thực hiện. Chức năng quản lý kinh doanh do các doanh nghiệp thực hiện. Hai chức năng này vừa độc lập với nhau vừa có quan hệ mật thiết, hỗ trợ, tác động lẫn nhau. Trong quá trình tổ chức nền kinh tế cần phải phân định được hai chức năng: chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và chức năng quản lý kinh doanh. Không nhận thức rõ vấn đề này sẽ dẫn tới những sai lầm nghiêm trọng.

Trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung hai chức năng này không được phân biệt một cách thật rõ ràng. Các cơ quan quản lý nhà nước can thiệp sâu vào các quyết định sản xuất kinh doanh, nhưng lại không chịu trách nhiệm về sự can thiệp ấy. Hoạt động kinh doanh bị gò bó trong các hệ thống kế hoạch và chỉ tiêu pháp lệnh mang tính bắt buộc. Các đơn vị kinh doanh không có quyền tự chủ trong quyết định sản xuất và kinh doanh. Sự lẫn lộn giữa hai

chức năng quản lý nhà nước và chức năng quản lý kinh doanh đã thủ tiêu động lực, tính năng động, sáng tạo của các đơn vị kinh tế, là một trong những nguyên nhân dẫn đến những khó khăn, khủng hoảng về kinh tế - xã hội trong hệ thống nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp của các nước XHCN trước đây.

Đặc trưng cơ bản chức năng quản lý nhà nước về thương mại có thể khái quát ở một số điểm sau:

- Các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại thực hiện tổ chức và quản lý toàn diện ngành thương mại ở tầm vĩ mô. Ở đây chủ yếu là điều tiết tổng cung và tổng cầu hàng hóa, dịch vụ trong nền kinh tế quốc dân. Thông qua các công cụ, hình thức và biện pháp nhằm tác động định hướng, tạo khuôn khổ chung cho hoạt động thương mại của các chủ thể.

Các doanh nghiệp thực hiện chức năng trực tiếp tổ chức quá trình kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật. Hình thức, phương pháp tổ chức kinh doanh mang tính đặc thù của mỗi doanh nghiệp thông qua hệ thống thị trường và nhận thức của doanh nghiệp.

- Các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại hoạch định chiến lược và kế hoạch thương mại ở tầm vĩ mô; định hướng phát triển và mục tiêu của ngành cho từng thời kỳ khác nhau. Kế hoạch ở tầm vĩ mô dự báo về các cân đối lớn những sản phẩm quan trọng nhất. Trong khi đó, chiến lược và kế hoạch kinh doanh của các doanh nghiệp phản ánh những ý đồ và mục tiêu chi tiết, cụ thể. Kế hoạch đó phản ánh việc huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của doanh nghiệp. Ba vấn đề: kinh doanh cái gì? Bao nhiêu? Cho ai? được giải đáp và giải quyết bởi chính bản thân doanh nghiệp.

- Chức năng quản lý nhà nước về thương mại bảo đảm hiệu quả chung của nền kinh tế. Đây là hiệu quả kinh tế xã hội. Trong những trường hợp cần thiết nhà nước điều hòa mâu thuẫn giữa hiệu quả tổng thể nền kinh tế và hiệu quả ở các đơn vị kinh doanh.

- Các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại thực hiện sự quản lý trên quy mô toàn xã hội và thống nhất toàn ngành. Sự quản lý ấy được thực hiện bằng quyền lực nhà nước, bằng hệ thống pháp luật đối với các chủ thể hoạt động thương mại. Tính chất hành chính, cưỡng chế là rõ ràng. Nhà nước thực hiện sự kiểm tra giám sát đối với tất cả các hoạt động thương mại trong nền kinh tế quốc dân.

Ở các doanh nghiệp, quản lý hướng vào hiệu quả kinh doanh. Doanh nghiệp tự lấy thu bù chi bảo đảm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp phụ thuộc vào hiệu quả kinh doanh của bản thân doanh nghiệp.

Doanh nghiệp phải nghiêm chỉnh chấp hành luật pháp, các quy định của Nhà nước. Làm đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, với bạn hàng. Hạch toán và báo cáo trung thực theo chế độ do nhà nước quy định. Doanh nghiệp thực hiện trách nhiệm xã hội với người lao động, ổn định và không ngừng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, ổn định và không ngừng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Có chế độ bảo hiểm đối với người lao động. Thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, bảo vệ doanh nghiệp và giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực hoạt động của mình.

Nội dung chức năng quản lý nhà nước về thương mại mang tính thống nhất trong toàn quốc, tính ổn định tương đối. Nội dung chức năng quản lý kinh doanh ở doanh nghiệp mang tính đặc thù và tính linh hoạt rất cao. Sự phân công, phân cấp trong quản lý được xác định rõ theo cấp hành chính đối với chức năng quản lý nhà nước. Điều này khác với quản lý ở doanh nghiệp. Các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại chỉ được làm những gì mà luật pháp đã quy định. Các doanh nghiệp được làm tất cả những gì pháp luật không cấm.

Hai chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và chức năng quản lý kinh doanh có mối quan hệ mật thiết và tác động qua lại nhau. Đó là mối quan hệ

giữa quản lý điều tiết vĩ mô với tổ chức hoạt động vi mô của nền kinh tế. Các cơ quan quản lý hành chính kinh tế định hướng và điều phối các hoạt động sản xuất kinh doanh theo mục tiêu chiến lược, hạn chế các hậu quả xấu và sự phá sản của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp căn cứ vào định hướng và hành lang đã được tạo dựng tổ chức các hoạt động và tác động trở lại các cơ quan quản lý phải điều chỉnh các chế tài của mình cho thích ứng với thực tiễn kinh doanh.

1.2.2. Chính sách quản lý nhà nước về thương mại trong nền kinh tế thị trường.

Nhà nước, một mặt là thiết chế quyền lực chính trị của một hoặc một nhóm giai cấp trong xã hội đối với giai cấp khác đồng thời còn là quyền lực công đại diện cho lợi ích chung của cộng đồng xã hội nhằm duy trì và phát triển xã hội theo các mục tiêu xác định.

Vận dụng kinh tế thị trường ở nước Lào là bước phát triển tất yếu, hợp quy luật. Kinh tế thị trường có những ưu điểm song cũng có nhiều khuyết tật. Để khắc phục những hậu quả do kinh tế thị trường gây ra nhà nước giữ vị trí cực kỳ quan trọng. Kinh tế học hiện đại khẳng định thành công của mỗi quốc gia khi chuyển sang kinh tế thị trường chủ yếu phụ thuộc vào sự kết hợp giữa khả năng điều tiết của thị trường (bàn tay vô hình) và sự quản lý, điều tiết của nhà nước (bàn tay hữu hình).

Nhà nước quản lý toàn diện kinh tế, văn hóa, xã hội. Trong đó quản lý kinh tế là vấn đề quan trọng đặc biệt. Do đó chức năng quản lý nhà nước về kinh tế là chức năng quan trọng nhất của nhà nước Lào hiện nay. Lãnh đạo và quản lý nền kinh tế phát triển theo mục tiêu công nghiệp hóa - hiện đại hóa và không bị tụt hậu so với khu vực và quốc tế là mục tiêu xuyên suốt giai đoạn 2001 - 2020 theo đường lối của Đảng nhân dân cách mạng Lào.

Chính sách quản lý Nhà nước về thương mại là một hệ thống các quy định, công cụ và biện pháp thích hợp mà nhà nước áp dụng để điều chỉnh các

hoạt động thương mại trong và ngoài nước ở những thời kỳ nhất định nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Trong nền kinh tế thị trường vai trò của chính sách quản lý nhà nước về thương mại không mất đi mà nó còn thể hiện dưới các góc độ sau:

Trong nền kinh tế thị trường Nhà nước đóng vai trò là người định hướng, dẫn dắt sự phát triển kinh tế, đảm bảo thống nhất các lợi ích cơ bản trong toàn xã hội. Sự định hướng đó trước hết là bằng chiến lược, quy hoạch và pháp luật, đề ra những mục tiêu chung cho sự phát triển, công bằng, thống nhất, dung hòa các quyền lợi chung và riêng.

Thực tế phát triển của nền kinh tế thị trường nhiều thập kỷ qua cho đến nay, vai trò quản lý kinh tế của nhà nước đã được khẳng định cả về lý luận và thực tiễn. Trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường, vai trò quản lý của nhà nước đối với nền kinh tế nói chung và thương mại nói riêng được thể hiện trên các mặt sau đây:

Một là, nhà nước tạo môi trường và điều kiện cho thương mại phát triển.

Nhà nước bảo đảm sự ổn định về mặt kinh tế, chính trị, xã hội cho thương mại phát triển. Nhà nước thực thi cơ chế, chính sách để kích cầu, giảm lạm phát. Khuyến khích sản xuất và tiêu dùng. Nhà nước tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng, bao gồm kết cấu hạ tầng vật chất như giao thông vận tải, cửa hàng, siêu thị, kho trạm... cho thương mại. Tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng, môi trường vĩ mô phù hợp với xu hướng phát triển của thương mại trong cơ chế thị trường.

Hai là, nhà nước định hướng cho sự phát triển của thương mại. Sự định hướng này được thực hiện thông qua việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược kinh tế xã hội, các chương trình mục tiêu, các kế hoạch phân phối lưu thông hàng hóa trong ngắn hạn và dài hạn. Định hướng dẫn dắt sự phát triển của thương mại còn được bảo đảm bằng hệ thống chính sách cung cầu, lãi suất hợp lý, sự tác động của hệ thống tổ chức quản lý bán buôn, bán lẻ thương mại từ trung ương đến địa phương.

Ba là, nhà nước điều tiết và can thiệp gián tiếp vào quá trình hoạt động thương mại. Nhà nước có vai trò củng cố, bảo đảm dân chủ, công bằng xã hội cho mọi người, mọi thành phần kinh tế hoạt động thương mại trên thị trường. Xây dựng một xã hội văn minh, dân chủ rộng rãi, khuyến khích và đề cao trách nhiệm cá nhân là điều kiện cho sự phát triển toàn diện kinh tế xã hội. Trong kinh tế thị trường sự phân hóa giàu nghèo giữa các tầng lớp xã hội là rất lớn. Nhà nước cần có sự can thiệp và điều tiết hợp lý nhằm bảo đảm cuộc sống ổn định, nhân cách của con người được tôn trọng, đồng thời bảo đảm tính tự chủ, sáng tạo và ham làm giàu của mọi công dân. Nhà nước hoạch định và thực thi các chính sách xã hội đảm bảo sự thống nhất giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội. Quan tâm giúp đỡ và thực hiện đầy đủ chính sách với những người có công với nước. Nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài, trọng dụng người tài giỏi phải là chính sách nhất quán của nhà nước trong phát triển thương mại.

Bốn là, nhà nước quản lý trực tiếp khu vực, thương mại nhà nước.

Nhà nước quy định rõ những bộ phận, những ngành then chốt, những nguồn lực và tài sản mà nhà nước trực tiếp quản lý. Đất đai, các nguồn tài nguyên, các sản phẩm và ngành có ý nghĩa sống còn với quốc gia thuộc sở hữu nhà nước. Ở đây nhà nước phải quản lý và kiểm soát việc sử dụng tài sản quốc gia nhằm bảo tồn và phát triển các tài sản đó.

Nhà nước trực tiếp quản lý các doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế nhà nước. Đây là một nội dung rất quan trọng của quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường. Thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong công cuộc xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở nước Lào. Vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước là nội dung quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa. Duy trì vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế nhà nước thông qua hệ thống dự trữ quốc gia, dự trữ lưu thông, nắm thương

mại bán buôn, chi phối thương mại bán lẻ... là công việc quan trọng để vượt qua nguy cơ khủng hoảng, suy thoái kinh tế. Thông qua các doanh nghiệp nhà nước, nhà nước có thể hướng dẫn, chỉ đạo sự phát triển của các doanh nghiệp thuộc các thành phần khác, tập trung mọi nguồn lực có thể cho sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Thông qua thành phần kinh tế nhà nước, nhà nước nắm và điều tiết một bộ phận lớn các hàng hóa - dịch vụ chủ yếu, quan trọng và then chốt của nền kinh tế quốc dân, bảo đảm cho nền kinh tế hoạt động nhịp nhàng và phát triển cân đối với nhịp độ cao.

Chính sách quản lý Nhà nước về thương mại thuộc hệ thống chính sách kinh tế của nhà nước là một hệ thống các quan điểm, nguyên tắc, công cụ và biện pháp thích hợp, mà nhà nước áp dụng để điều chỉnh các hoạt động thương mại trong nước và hoạt động thương mại quốc tế trong từng thời kỳ nhất định nhằm đạt được các mục tiêu xác định trong chiến lược phát triển thương mại quốc gia nói riêng, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia nói chung. Chính sách quản lý Nhà nước về thương mại được phân thành nhiều chính sách bộ phận, cụ thể gồm: chính sách lưu thông hàng hóa, chính sách ngoại thương, chính sách thương nhân, chính sách phát triển thị trường, chính sách phát triển thương mại đối với các vùng đặc thù (miền núi, vùng sâu, vùng xa...), chính sách thuế quan, chính sách bảo vệ người tiêu dùng, chính sách hội nhập khu vực và thế giới...

Trong mỗi chính sách bộ phận nêu trên lại được phân nhỏ thành các chính sách riêng biệt khác nhau. Ví dụ: chính sách ngoại thương được phân thành 3 chính sách bộ phận: chính sách phát triển quan hệ thương mại giữa quốc gia với các nước, các đối tác thương mại chủ yếu; chính sách xuất khẩu, chính sách nhập khẩu. Trong chính sách xuất khẩu lại được phân nhánh thành các chính sách bộ phận như: chính sách thị trường xuất khẩu, chính sách mặt

hàng xuất khẩu, chính sách thương nhân tham gia hoạt động xuất khẩu (quyền kinh doanh xuất khẩu), chính sách hỗ trợ xuất khẩu.

Chính sách quản lý nhà nước về thương mại có thể nói bao gồm nhiều loại chính sách khác nhau và có thể phân thành các nhóm như sau:

- Chính sách lưu thông, cung cầu hàng hóa
- Chính sách thương nhân
- Chính sách nội thương và ngoại thương
- Chính sách đối với các thành phần kinh tế
- Chính sách đối với các khu vực thị trường
- Chính sách đối với mặt hàng kinh doanh
- Chính sách tín dụng, kích cầu, kích cung hàng hóa.

Chính sách quản lý nhà nước về thương mại là một bộ phận của chính sách kinh tế của Nhà nước nói chung, là sự cụ thể hóa các nguyên tắc hoạt động thương mại được qui định trong Luật Thương mại và phải dựa trên định hướng về mục tiêu, chính sách quản lý kinh tế của Đảng và Nhà nước cho từng thời kỳ.

Vấn đề đổi mới chính sách quản lý nhà nước về thương mại phải thực hiện thường xuyên theo sự vận động nhanh nhạy của thị trường, nếu không sẽ bị lạc hậu với thực tế đổi mới của nền kinh tế trong nước, khu vực và quốc tế, phải tập trung đổi mới theo các hướng sau:

- Tiếp tục phát triển thị trường, mở rộng giao lưu hàng hóa, từng bước mở cửa thị trường trong nước đi liền với đẩy mạnh xuất khẩu nhằm đáp ứng nhu cầu đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Duy trì nhịp độ phát triển thị trường nội địa kích cầu và đẩy mạnh lưu thông hàng hóa bán lẻ và dịch vụ từ 13-14%/năm thời kỳ 2001 - 2005 và 14-15% thời kỳ 2006-2010 lên 15-20% thời kỳ 2010 - 2020.

- Phát triển mạnh thị trường trong nước, bảo đảm cân đối cung cầu về những mặt hàng trọng yếu cho sản xuất và đời sống, lấy thị trường trong nước

làm cơ sở để mở rộng thị trường ngoài nước, gắn hoạt động kinh doanh thương mại với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, gắn lưu thông trong nước với tự do hóa thương mại và hội nhập kinh tế quốc tế. Từng bước thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong thương mại để phục vụ và thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân.

- Thực hiện nhất quán chủ trương phát triển thương mại nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó doanh nghiệp Nhà nước giữ vai trò nòng cốt trong xuất nhập khẩu và bán buôn những mặt hàng thiết yếu để ổn định và chi phối thị trường, đảm bảo các cân đối lớn của nền kinh tế; đồng thời phát huy mọi khả năng và tính tích cực của các thành phần kinh tế khác trong lưu thông hàng hóa, khuyến khích phát triển thương mại tư nhân ở các vùng nông thôn, miền núi và hải đảo, vùng sâu vùng xa.

- Tăng cường quản lý nhà nước đối với thị trường và hoạt động thương mại. Lập lại trật tự, kỷ cương, ngăn chặn tệ nạn buôn lậu, gian lận thương mại, buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng; bảo vệ lợi ích chính đáng của người sản xuất, doanh nghiệp và người tiêu dùng.

- Hoàn thiện tổ chức và quản lý doanh nghiệp thương mại Nhà nước theo hướng sắp xếp lại các doanh nghiệp để hình thành một số doanh nghiệp có qui mô lớn, làm nòng cốt trong việc mở rộng liên doanh, liên kết với sản xuất và với các thành phần kinh tế khác; Đẩy nhanh quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp thương mại Nhà nước; thực hiện bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp xét thấy không cần thiết phải có mặt của doanh nghiệp Nhà nước.

Khi đề cập tới chính sách thương mại, Luật Thương mại Việt Nam năm 1997 xác định một số nguyên tắc cơ bản trong hoạt động thương mại như sau:

- Chính sách đối với doanh nghiệp Nhà nước
- Chính sách đối với hợp tác xã và các hình thức kinh tế hợp tác khác trong thương mại.

- Chính sách đối với thương nhân thuộc các thành phần kinh tế cá thể, tư bản tư nhân.

- Chính sách thương mại đối với nông thôn

- Chính sách thương mại đối với miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa.

- Chính sách lưu thông hàng hóa và dịch vụ thương mại

- Chính sách ngoại thương.

Luật Thương mại của Việt Nam năm 2005 đã mở rộng và làm phong phú thêm về các nguyên tắc cơ bản trong hoạt động thương mại (trang 14,15) như bình đẳng trước pháp luật, tự do, tự nguyện thỏa thuận, nguyên tắc áp dụng thói quen, tập quán, nguyên tắc bảo vệ lợi ích người tiêu dùng, nguyên tắc thừa nhận giá trị pháp lý. Và đặc biệt là nguyên tắc áp dụng cho thương nhân nước ngoài hoạt động tại Việt Nam (trang 16).

Từ năm 1996 đến nay, thực hiện Nghị quyết 12-NQ-TW ngày 3 tháng 1 năm 1996 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động thương mại, phát triển thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Chính phủ và Bộ Thương mại đã ban hành nhiều chính sách quản lý nhà nước về thương mại và thị trường. Với các chính sách đã được thực thi, thị trường đã có bước phát triển và thương mại đã phát huy được vai trò tích cực đối với sản xuất và đời sống. Tuy nhiên, chính sách quản lý nhà nước về thương mại còn nhiều bất cập mà thể hiện rõ nhất là thiếu cập nhật, thiếu đồng bộ và còn chồng chéo. Kỷ cương khuôn phép buôn bán bị vi phạm, trật tự thị trường chưa có nền nếp, hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng còn khá phổ biến. *Do đó, đổi mới chính sách quản lý nhà nước về thương mại là một yêu cầu cần thiết hiện nay. Để Thương mại Lào phát triển mạnh theo kịp Thái Lan, Singapore, Việt Nam... Chúng tôi cho rằng chính sách quản lý Nhà nước về Thương mại của Lào cần phải tuân thủ một số nguyên tắc chủ yếu sau:*

1. Xác định rõ mục tiêu của từng chính sách.

Cũng giống như xây dựng các chính sách phát triển kinh tế, việc hoạch định các chính sách quản lý Nhà nước về thương mại thường phải giải quyết các mục tiêu kép. Chẳng hạn, đó là việc xây dựng các Tập đoàn kinh tế Nhà nước hùng mạnh với việc hạn chế độc quyền và khuyến khích cạnh tranh, hiệu quả kinh tế với hiệu quả xã hội, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế với dành một số ưu tiên cho doanh nghiệp Nhà nước, bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước với đẩy mạnh xuất khẩu... Việc phải đáp ứng đồng thời 2 mục tiêu đặt ra đã làm cho việc hoạch định chính sách phải đi đến các phương án "trung dung" hoặc sử dụng các cụm từ "mang tính chất khẩu hiệu" như: tạo điều kiện thuận lợi, thủ tục thuận lợi, có biện pháp giúp đỡ cần thiết, được hưởng các chính sách ưu đãi (nếu có)... Hậu quả của việc phải giải quyết các mục tiêu kép là không thể đề ra được các chính sách mới thực sự mạnh mẽ, có tính đồng bộ và tạo ra động lực mạnh để phát triển. Trong quá trình phát triển đối với một nước còn nghèo và thị trường chưa phát triển như CHDCND Lào thì việc Nhà nước phải đảm nhận một trách nhiệm lớn trong điều hòa và giải quyết các vấn đề xã hội là không thể tránh khỏi. Tuy nhiên, cần phải tách các mục tiêu xã hội và chuyển chức năng này cho các cơ quan bảo trợ xã hội hoặc doanh nghiệp công ích đảm nhiệm. Còn các chính sách mới phải bảo đảm tạo ra những áp lực cao hơn và lợi nhuận lớn hơn để thực sự trở thành thước đo và là mục tiêu xuyên suốt đối với các chủ thể hoạt động kinh doanh thương mại.

2. Bám sát thực tiễn và rút ra bài học của thực tiễn cho đổi mới chính sách quản lý nhà nước về thương mại nhằm kiểm tra, giám sát và điều chỉnh cho phù hợp kịp thời.

Qua thực tiễn của quá trình đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định rõ: "... đổi mới phải dựa vào nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn sáng tạo và có những khâu đột phá mới. Tiến hành đổi mới xuất phát từ thực tiễn và cuộc sống xã hội Việt Nam, không sao chụp bất cứ một mô hình có sẵn

nào...". Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và quản lý nhà nước về thương mại theo định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình mới và riêng có ở Việt Nam. Hiện nay, nhiều nước trên thế giới cũng đang thực hiện trào lưu cải cách, chống khủng hoảng, ngăn chặn suy giảm kinh tế, đồng thời đang trong quá trình tìm tòi và khám phá cho mình một con đường đi phù hợp nên không thể có mô hình nào tốt mà có thể áp dụng cho các nước. Thường xuyên tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận để điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng chính sách quản lý nhà nước về thương mại. Thực tiễn đã chỉ rõ, với cùng một chính sách thống nhất trong phạm vi cả nước nhưng có địa phương, có lĩnh vực mà ở đó thương mại vẫn phát triển cao trong trật tự, kỷ cương, văn minh. Bên cạnh đó, có những địa phương hoặc doanh nghiệp lại để tình trạng trì trệ, kém phát triển.

3- Phân công và phối hợp trong xây dựng, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện chính sách một cách rõ ràng

Hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước về thương mại phù hợp với hoàn cảnh, phải tuân theo chủ trương của Đảng về cải cách và kiện toàn bộ máy hành chính nhà nước. Đó là sự điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ và cơ quan ngang Bộ theo hướng Bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực trong phạm vi cả nước. Đồng thời, tăng cường phân công, phân cấp cho địa phương, nâng cao tính chủ động, thẩm quyền và trách nhiệm của chính quyền địa phương; tăng cường phối hợp hoạch định, điều hành cơ chế, chính sách và chương trình. Hiện đại hóa hệ thống thông tin, các phương tiện quản lý hiện đại, báo cáo đáng tin cậy và nhanh nhạy giữa các cơ quan và các cấp.

Trong nhiều năm, việc hoạch định chính sách thương mại đều được tiến hành bởi các cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan nghiên cứu mà không có sự tham gia của các doanh nghiệp cũng như các thương nhân. Chính vì vậy, một số chính sách được ban hành không đi vào thực tiễn và phải sửa đổi hoặc không thực hiện được. Do đó, đổi mới cũng đồng nghĩa với việc huy động

được sáng kiến của các doanh nghiệp và thương nhân trong việc xây dựng chính sách. Đồng thời, khi đã được ban hành cần minh bạch để cho mọi người có nhận thức giống nhau, bao gồm những người chịu trách nhiệm thực thi chính sách và các đối tượng chấp hành để không bị lợi dụng do diễn đạt không rõ ràng. Phát huy vai trò của nhân dân trong việc giám sát thực hiện chính sách của các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp.

4. Chính sách phải gắn với chiến lược phát triển toàn diện và dài hạn.

Chính sách quản lý nhà nước về thương mại là để nhằm thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển thương mại nói riêng và chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước nói chung. Đối với lĩnh vực xuất, nhập khẩu, sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chiến lược phát triển xuất nhập khẩu thời kỳ đến năm 2020", việc xây dựng khung chính sách xuất nhập khẩu cho thời kỳ 2005-2010 trở nên rõ ràng và có tính khả thi cao hơn. Đối với thị trường nội địa, cho đến nay chúng ta vẫn chưa có một chiến lược về phát triển thị trường nội địa. Các qui hoạch về phát triển thương mại đã được xây dựng với những kỳ vọng về mục tiêu phát triển thường là quá cao và những định hướng chính sách thiếu tính đồng bộ, có giá trị tham khảo cho hoạch định chính sách mà ít có giá trị pháp lý. Rõ ràng là việc xây dựng và công bố một chiến lược phát triển thương mại và thị trường trong nước với các mục tiêu dài hạn và lịch trình cụ thể cho từng thời kỳ sẽ là yêu cầu bắt buộc trong việc hoạch định chính sách. Nhờ đó mà tối thiểu hóa được tình trạng thiếu đồng bộ và chính sách thực sự đi vào cuộc sống, ngăn chặn suy giảm kinh tế trong giai đoạn khủng hoảng tài chính toàn cầu.

5. Chính sách phải được cụ thể hóa để có thể thực hiện ngay sau khi có hiệu lực.

Phần lớn các luật về kinh tế mới đề cập đến các khung khổ pháp luật nói chung và một số định hướng về chính sách. Để thực hiện Luật cần phải có các

Nghị định và Thông tư hướng dẫn để qui định cụ thể cho việc thực hiện. Thời gian từ khi ban hành Luật đến khi có Thông tư hướng dẫn thường kéo dài từ 6 tháng tới 1 năm (có những trường hợp kéo dài nhiều năm mà vẫn chưa thực hiện đầy đủ như qui định về Thanh tra thương mại). Thậm chí, sau khi có Nghị định lại phải chờ thêm hàng quý để ban hành Thông tư hướng dẫn và một quý sau đó Thông tư mới có hiệu lực. Trong Thông tư hướng dẫn lại có thêm các điều khoản qui định chung như: "theo hướng dẫn của bộ, ngành quản lý nhà nước có liên quan, hoặc phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân...". Nguyên nhân của tình trạng trên đây là do sự qui định trong các chính sách quản lý nhà nước về thương mại thiếu cụ thể. Do đó, một trong những nội dung quan trọng của đổi mới chính sách quản lý nhà nước về Thương mại là phải cụ thể hóa đến mức tối đa những điều có thể cụ thể được. Nếu có điều khoản phải thực hiện theo một qui định của Bộ, ngành khác thì phải xác định rõ theo điều số mấy hoặc qui định tại (Quyết định, Thông tư...) của Bộ, ngành... để tránh tình trạng khi thực hiện không tìm được các văn bản pháp luật có liên quan.

6. Phù hợp về thời gian và tính liên tục

Thương mại tự do, xóa bỏ độc quyền Nhà nước và cạnh tranh bình đẳng là những vấn đề lâu dài và chỉ là những vấn đề mang tính xu hướng. Để đạt được tới những điều trên là cả một thời gian dài với nhiều khó khăn và rủi ro. Một trong những nguyên nhân dẫn tới khủng hoảng kinh tế ở Mỹ, Châu Âu và 1 số nước trên thế giới vừa qua là do không kiểm soát được trật tự quá trình tự do hóa Thương mại, đặc biệt là tự do hóa Tài chính tiền tệ quá mức. Mở cửa thị trường quá nhanh và rộng nhưng không đi liền với hệ thống các chính sách kiểm soát của Nhà nước đã gây ra khủng hoảng. Sau nhiều năm thực hiện mở cửa thị trường, những nước đạt được sự thành công và ít chịu ảnh hưởng của

khủng hoảng kinh tế là do đã hoạch định và thực hiện chính sách mở cửa thị trường một cách lựa chọn, thương mại hàng hóa được tự do trước và đi liền với nó là những vấn đề về đầu tư và sở hữu trí tuệ; thương mại dịch vụ được mở cửa sau và trong thương mại dịch vụ thì thị trường vốn phải mở cửa sau cùng và kiểm tra chặt chẽ thị trường tài chính. Tốc độ tự do hóa cần phù hợp với phát triển thị trường trong nước, năng lực cạnh tranh của hàng hóa và doanh nghiệp và năng lực quản lý. Chính sách quản lý nhà nước về thương mại trên thị trường nội địa cũng cần phải xác định một lộ trình hợp lý, mặt hàng nào Nhà nước trực tiếp nắm quản lý phân phối như xăng dầu, điện năng... mặt hàng nào tự do phân phối lưu thông.

7. Chú trọng các chính sách nhằm thúc đẩy phát triển và tạo lập thị trường đồng bộ.

Hoạt động thương mại trên thị trường nội địa phần lớn trong lĩnh vực bán lẻ được thực hiện bởi những cá nhân thiếu đào tạo và thiếu tổ chức, mỗi người cố gắng tìm kiếm lợi nhuận hàng ngày cho mình mà không chú ý gì tới hệ thống phân phối và những kỹ năng cần thiết cho hoạt động kinh doanh trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt. Thị trường nội địa của Lào còn kém phát triển kể cả trên phương diện các hành vi mua bán diễn ra bất kỳ ở đâu và ở cả những nơi đã cấm (lòng đường, vỉa hè, các trục đường giao thông...); và nhiều loại thị trường dịch vụ chưa được phát triển cũng như thiếu các chính sách quản lý cần thiết. Sự thừa nhận không thể có hóa đơn trong nhiều giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ và thanh toán chủ yếu được thực hiện bằng tiền mặt... là những yếu kém và dẫn tới các "méo mó" trên thị trường. Với những đặc điểm trên đòi hỏi phải có những chính sách quản lý thích đáng, một mặt phải thúc đẩy quá trình hình thành và phát triển thị trường đồng bộ, mặt khác phải có các qui định chặt chẽ và hình phạt đủ mạnh để hạn chế và dần dần xóa bỏ các loại thị trường ngầm, các hành vi kinh doanh bất hợp pháp.

8. Sử dụng các sức ép bên ngoài và cam kết quốc tế.

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, nước ta chịu sức ép rất nhiều từ phía bên ngoài về cắt giảm hàng rào thuế quan và cải cách doanh nghiệp Nhà nước, nhưng chúng ta phải giữ quyền chủ động của mình trong quá trình hội nhập và phải sử dụng các sức ép đó để xây dựng các chính sách phục vụ cho lợi ích quốc gia.

Trước hết về cắt giảm hàng rào thuế quan, cần có sự đánh giá tương đối chính xác năng lực cạnh tranh trên cả 3 cấp độ: nền kinh tế, doanh nghiệp và sản phẩm. Từ đó có các chính sách cụ thể nhằm cải thiện và nâng cao sức cạnh tranh theo một lộ trình được định trước. Việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng qui hoạch phát triển hệ thống kho tàng và mạng lưới phân phối hàng hóa và dịch vụ để từ đó có các chính sách cho đầu tư, xây dựng nhằm định vị trước các vị trí có lợi cho hoạt động thương mại và dịch vụ trong nước (sớm cho các doanh nghiệp trong nước đầu tư trước) là hết sức cần thiết và có tác dụng lâu dài. Một số lĩnh vực kinh doanh (quảng cáo, tư vấn pháp luật, thông tin thị trường...) cần có chính sách buộc các đối tác nước ngoài phải liên doanh, liên kết hoặc hợp tác kinh doanh với doanh nhân sở tại.

Thứ hai là về cải cách doanh nghiệp Nhà nước, cần xây dựng và củng cố các doanh nghiệp Nhà nước đủ mạnh, chiếm giữ vị trí cần thiết cho phát triển bền vững nền kinh tế quốc dân và định vị kinh doanh ở những lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh, có triển vọng phát triển. Đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa, bán khoán, cho thuê với các chính sách mạnh mẽ hơn cũng là vấn đề cần thiết trong đổi mới chính sách quản lý nhà nước.

9. Nhận thức đúng vị trí, vai trò của từng loại chính sách

Một trong những điểm khác biệt giữa cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu bao cấp và cơ chế thị trường là Nhà nước đã tách chức năng quản lý kinh doanh ra và để tập trung vào chức năng quản lý hành chính nhà nước. Đồng thời, với quá trình này là sự thay đổi về tư duy quản lý theo hướng tăng

cường vai trò định hướng, hướng dẫn và kiểm tra, kiểm soát. Chính sách đăng ký kinh doanh, thành lập doanh nghiệp được đổi mới theo hướng thuận lợi hơn về thủ tục và ngành nghề kinh doanh. Đồng thời, các chính sách về xúc tiến thương mại, quảng cáo, hội chợ... ở cả trong nước và ngoài nước cũng được thiết kế theo hướng ngày càng thuận lợi hơn. Song do chưa nhận thức đầy đủ về sự thay đổi trong phương thức quản lý "tiền đăng - hậu kiểm" nên các chính sách về kiểm tra, kiểm soát thị trường nội địa vẫn thiếu đồng bộ, phân tán cho hầu hết các cơ quan quản lý nhà nước thuộc các ngành kinh tế. Điều đó đã tạo ra sự chồng chéo và bỏ trống trong quản lý nhà nước về thương mại trên thị trường nội địa đối với một số mặt hàng và lĩnh vực (đặc biệt là khâu quản lý chất lượng hàng hóa và an toàn vệ sinh thực phẩm). Như vậy, đổi mới chính sách quản lý nhà nước về thương mại trên thị trường nội địa phải trên cơ sở nhận thức đúng vị trí, vai trò của từng chính sách và trên cơ sở đó xây dựng và đổi mới các chính sách cho phù hợp với phương thức quản lý trong từng thời kỳ.

Chính sách quản lý Nhà nước về thương mại quy định các vấn đề thương nhân và hoạt động của thương nhân, chính sách phát triển thương mại trong nước và quốc tế, chức trách của các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại, tổ chức lưu thông hàng hóa, phát triển thương mại các vùng khó khăn, chính sách thuế quan và bảo hộ, chính sách phi thuế quan, trách nhiệm và quyền hạn của các doanh nghiệp thương mại khi kinh doanh thương mại trong nước hay với nước ngoài, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thương mại.

Chính sách quản lý Nhà nước về thương mại là một bộ phận của chính sách kinh tế - xã hội của nhà nước, nó có quan hệ chặt chẽ và phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nó tác động mạnh mẽ đến quá trình tái sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của đất nước, đến quy mô và phương thức tham gia của nền kinh tế mỗi nước vào phân công lao động quốc tế và thương mại quốc tế. Chính sách quản lý Nhà nước về thương mại còn có vai trò to lớn trong việc khai thác triệt để lợi thế so sánh của nền kinh tế trong

nước, phát triển các ngành sản xuất và dịch vụ đến quy mô tối ưu... Vì vậy, chính sách quản lý Nhà nước về thương mại có một vị trí đặc biệt quan trọng trong chính sách của nhà nước. Vai trò chính sách thương mại còn thể hiện cụ thể trên các mặt sau:

- Chính sách quản lý Nhà nước về thương mại có tác dụng rất lớn đến việc mở rộng giao lưu hàng hóa trong nước và xuất khẩu. Mà tăng trưởng trong thương mại, nhất là thương mại quốc tế là một động lực phát triển kinh tế quan trọng.

- Chính sách quản lý Nhà nước về thương mại kích thích cạnh tranh giữa các ngành công nghiệp sản xuất hàng thay thế hàng nhập khẩu cho thị trường trong nước. Cạnh tranh với hàng nhập, bắt buộc các doanh nghiệp trong nước phải giảm chi phí, tăng năng suất và nâng cao chất lượng sản phẩm và có sức cạnh tranh tốt hơn.

- Chính sách quản lý Nhà nước về thương mại được coi là một trong các yếu tố cấu thành của một chiến lược phát triển kinh tế, khuyến khích xuất khẩu và phát triển công nghiệp. Cùng với các chính sách khác có liên quan, chính sách quản lý Nhà nước về thương mại ảnh hưởng đến việc tạo lập môi trường vĩ mô ổn định, cơ sở hạ tầng tốt, lực lượng lao động có học vấn và được đào tạo ở trình độ cao, hệ thống tài chính nhạy bén; khuyến khích việc tiếp nhận công nghệ mới và thúc đẩy cạnh tranh.

Để thúc đẩy phát triển kinh tế, chính sách quản lý Nhà nước về thương mại phải đáp ứng được một số yêu cầu sau:

- Không cấm đoán lưu thông hàng hóa, kích thích hoạt động thương mại; thúc đẩy các hoạt động đầu tư phát triển thương mại trong nước và thương mại quốc tế.

- Tạo điều kiện hỗ trợ cho các doanh nghiệp Thương mại về vốn, về cơ sở vật chất, về kỹ thuật, công nghệ, về phí lưu thông, nâng cao sức cạnh tranh.

- Để các doanh nghiệp tự quyết định các vấn đề của kinh doanh Thương mại.

1.2.3. Nội dung các chính sách quản lý nhà nước về thương mại bao gồm:

a. Chính sách phát triển nền thương mại nhiều thành phần

- Củng cố vai trò, vị trí chủ đạo của thương mại nhà nước mà cụ thể là nắm khâu chính như bán buôn một số mặt hàng, một số thị trường để bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, bảo đảm bình ổn thị trường và tiêu dùng cho dân cư. Nắm xuất nhập khẩu một số hàng hóa chủ yếu như gỗ và một số khoáng sản.

- Bên cạnh đó tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế khác hoạt động trong lĩnh vực thương mại như tư nhân, cá thể, hợp tác xã v.v... các thành phần kinh tế này sẽ đảm nhận khâu bán lẻ, tiêu thụ hàng gia công, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, kinh tế gia đình tiểu chủ, kể cả bán buôn và bán lẻ một số mặt hàng và thị trường mà nhà nước thấy hợp lý và có lợi.

- Khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Lào thực hiện sản xuất và thương mại, cam kết mở cửa thị trường và dành quyền kinh doanh bình đẳng cho các doanh nghiệp thực hiện phân phối lưu thông hàng hóa.

- Hình thành sự liên doanh, liên kết đan xen giữa các thành phần kinh tế với các phương thức kinh doanh khác nhau phù hợp với khả năng và nhu cầu của từng ngành hàng.

b. Chính sách quản lý Nhà nước về thương nhân, coi thương nhân là lực lượng chủ yếu đóng góp cho tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân.

Đây là chính sách rất quan trọng của nhà nước trong lĩnh vực thương mại. Chính sách này quy định các điều kiện, thủ tục đăng ký kinh doanh và phạm vi hoạt động của thương nhân. Đối với thương nhân ở Lào, theo chính sách hiện hành quy định: cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; pháp nhân, tổ hợp tác, hộ gia đình có đủ điều kiện để kinh doanh thương mại thì được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và trở thành thương nhân. Chính sách này đã khuyến khích rộng rãi các tổ chức, cá nhân hoạt động thương mại, đem lại sự phồn thịnh cho đất nước.

Chính sách thương nhân quy định việc đăng ký kinh doanh được thực hiện tại cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Theo quy định của Chính phủ Lào cơ quan đăng ký kinh doanh được tổ chức ở cấp thành phố, tỉnh và đặc khu (gọi là Sở Thương mại) và cấp huyện, quận, thị xã trực thuộc tỉnh (gọi là Phòng Thương mại).

Chính sách thương nhân quy định rõ quyền hạn và nghĩa vụ của thương nhân. Với mỗi loại hình doanh nghiệp thương mại như DNNN, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn đều được quy định quyền và nghĩa vụ cụ thể. Quyền cơ bản của các doanh nghiệp là tự do lựa chọn lĩnh vực và ngành hàng kinh doanh, tự tổ chức hoạt động kinh doanh, quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tuyển chọn và thuê mướn lao động, quyết định việc sử dụng phần thu nhập còn lại sau khi hoàn thành nghĩa vụ với nhà nước trong khuôn khổ quy định của pháp luật. Các doanh nghiệp có nghĩa vụ kinh doanh đúng pháp luật; đảm bảo quyền lợi của người lao động; chấp hành các quy định của nhà nước; có trách nhiệm bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội nơi doanh nghiệp hoạt động. Chính sách thương nhân còn quy định những lĩnh vực và ngành hàng thương nhân không được kinh doanh.

Đối với thương nhân nước ngoài hoạt động thương mại tại Lào phải theo đúng pháp luật của Lào đã quy định. Thương nhân nước ngoài có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật Lào được phép đặt văn phòng đại diện, chi nhánh tại Lào. Tổ chức và hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Lào được quy định tại Luật Thương mại và các văn bản pháp luật của Chính phủ và Bộ Thương mại Lào.

c. Chính sách quản lý nhà nước về đầu tư phát triển thương mại

Xuất phát từ yêu cầu phát triển thị trường và thương mại trong nước và thương mại quốc tế trong điều kiện tự do hóa thương mại khu vực và toàn cầu, cần phải có chính sách đầu tư để phát triển thương mại thích hợp ở cả tầm vĩ

mô và vi mô. Trong đó quan trọng nhất là đầu tư phát triển lực lượng sản xuất trong lĩnh vực thương mại, đặc biệt là đầu tư phát triển con người.

Nhà nước cần ban hành các chính sách đầu tư phát triển thương mại chủ yếu sau đây:

- Chính sách đầu tư phát triển cơ sở vật chất, kỹ thuật thương mại, kho tàng, bến cảng, theo hướng hiện đại hóa từ thấp lên cao, cần phải sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước về thương mại (E-Government) và kinh doanh thương mại (E-Commerce).

- Chính sách đầu tư đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nhà nước về thương mại, đào tạo các chuyên viên, chuyên gia quản lý nhà nước về thương mại (quản lý vĩ mô).

- Chính sách đào tạo đội ngũ cán bộ nghiệp vụ chuyên môn, đào tạo các nhà kinh doanh thương mại tài giỏi đủ trình độ tham gia quá trình hợp tác và hội nhập thương mại và đủ khả năng cạnh tranh trên thị trường trong khu vực và quốc tế.

Chính sách này, một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp kinh doanh thương mại nâng cao khả năng cạnh tranh, mặt khác, bảo đảm nguồn vốn cho vốn đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật thương mại, tạo điều kiện mở rộng giao lưu hàng hóa và phát triển thị trường.

Vốn đầu tư phát triển thương mại có thể từ nhiều nguồn: nguồn vốn ngân sách, vốn đầu tư nước ngoài, vốn vay của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước, vốn huy động của các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân. Vì vậy, cần có chính sách thu hút, sử dụng vốn thích hợp với từng nguồn vốn trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển thương mại: xây dựng các trung tâm đầu mối giao dịch thương mại, trung tâm thương mại, cửa khẩu và phân phối hàng nhập khẩu, hệ thống tổng kho, các trung tâm giới thiệu và bán hàng ở nước ngoài, xây dựng chợ đầu mối ở nông thôn, trung tâm phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa.

Cần áp dụng tổng hợp các chính sách nhằm thu hút và tạo nguồn vốn, sử dụng vốn, tăng cường khả năng tài chính cho doanh nghiệp thương mại; tạo điều kiện tái đầu tư phát triển kinh doanh sản xuất và thương mại; tăng cường phát triển hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ hoạt động thương mại có hiệu quả cũng là nhằm mục tiêu thúc đẩy sự hình thành và phát triển của các thị trường hàng hóa, tăng trưởng nhanh nền kinh tế đất nước.

d. Chính sách quản lý Nhà nước về thị trường Thương mại

Chính sách thị trường có tầm quan trọng đặc biệt cho sự phát triển của nền kinh tế và dẫn dắt các doanh nghiệp hoạt động, hạn chế rủi ro. Chính sách thị trường của nhà nước đặt ra những nhiệm vụ ở cấp Chính phủ, cấp bộ nhằm khai thông những cản trở trên thị trường.

Chính sách thị trường nội địa còn phải thúc đẩy để hình thành đồng bộ các loại thị trường. Thực hiện chính sách nhất quán, ổn định để các chủ thể kinh doanh chủ động với các tình thế trên thị trường. Xây dựng thị trường thống nhất trong phạm vi toàn quốc với nhiều cấp độ thị trường và chủ trương phát triển các thị trường trọng điểm quốc gia, vùng lãnh thổ.

Chính sách thị trường ngoài nước hướng vào mục tiêu thúc đẩy xuất khẩu, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, chú trọng phát triển các thị trường các nước láng giềng như Việt Nam, Thái Lan, Trung Quốc, các nước ASEAN, thị trường EU, thị trường Nga. Đồng thời tiếp cận và phát triển các thị trường mới và nhiều tiềm năng như thị trường Mỹ. Tăng cường chính sách khuyến khích, động viên tìm kiếm thị trường xuất khẩu, đối tác nước ngoài của các doanh nghiệp.

Một nội dung quan trọng của chính sách thị trường là hoạt động nghiên cứu thị trường và công tác thông tin về thị trường. Hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu, dự báo thị trường trong nước và thị trường quốc tế của các cơ quan quản lý, bảo đảm kênh thông tin thường xuyên, thông suốt, nhiều chiều giữa các bộ, ngành với các doanh nghiệp, công bố rộng rãi các thông tin dự báo dài hạn về thị trường trong nước và quốc tế. Kết

hợp chặt chẽ mạng lưới thu thập thông tin chuyên ngành và đa ngành, mạng thông tin trong nước và mạng thông tin ngoài nước. Đặc biệt nâng cao trách nhiệm của các tham tán thương mại ở nước ngoài trong việc cung cấp thông tin, tìm kiếm thị trường.

e. Chính sách quản lý Nhà nước về mặt hàng

Chính sách mặt hàng là nền tảng của chính sách thương mại. Trên cơ sở chính sách mặt hàng để xác định đầu tư và cơ cấu lại sản xuất hàng hóa hợp lý. Chính sách mặt hàng quốc gia còn giúp các doanh nghiệp định hướng chính sách sản phẩm của mình. Chính sách mặt hàng gồm một số nội dung chủ yếu sau đây:

Trước hết là chính sách mặt hàng cấp quốc gia. Đây là những mặt hàng quan trọng đưa vào cân đối của nhà nước và do nhà nước quản lý tập trung. Danh mục mặt hàng này bao gồm tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng có ý nghĩa quyết định đến an ninh quốc gia, những mặt hàng xuất khẩu mũi nhọn của đất nước. Các vùng, các địa phương, các bộ ngành cùng xây dựng chính sách mặt hàng của cấp mình. Chính sách mặt hàng bao gồm nhiều tầng, vừa bảo đảm tính đa dạng, phong phú về chủng loại, vừa có mũi nhọn, chiều sâu ở cấp quốc gia, cũng như các cấp, các đơn vị của nền kinh tế quốc dân. Chính sách mặt hàng quốc gia phải đảm bảo được cơ cấu mặt hàng hợp lý. Cơ cấu mặt hàng phải phù hợp với nhu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu. Cơ cấu mặt hàng là quan hệ tỷ lệ giữa các mặt hàng, mặt hàng qua chế biến phải chiếm tỷ trọng ngày càng cao.

Nội dung chủ yếu thứ hai của chính sách mặt hàng là chính sách thay thế mặt hàng nhập khẩu. Đây là những mặt hàng mà sản xuất trong nước đã đáp ứng được yêu cầu về số lượng, chất lượng và đủ sức cạnh tranh. Những mặt hàng này dựa trên lợi thế về tài nguyên thiên nhiên, lao động và công nghệ sản xuất tiên tiến. Đây cũng là những mặt hàng chiếm ưu thế trong cạnh tranh với hàng nhập khẩu trên thị trường nội địa. Nhà nước có chính sách hợp lý để phát triển các mặt hàng thay thế nhập khẩu và tiến tới xuất khẩu.

Nội dung thứ ba, chính sách mặt hàng còn quy định các mặt hàng lưu thông có điều kiện và mặt hàng cấm lưu thông trên thị trường nội địa, cấm xuất khẩu, nhập khẩu. Danh mục mặt hàng này do Chính phủ quy định. Đây là những mặt hàng có ảnh hưởng lớn đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Các mặt hàng bị cấm buôn bán theo quy định của công ước quốc tế. Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục các mặt hàng cấm kinh doanh và mặt hàng kinh doanh có điều kiện trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại và thủ trưởng cơ quan quản lý chuyên ngành.

Muốn xây dựng và xác định chính sách mặt hàng đúng đắn thì cần phải xuất phát từ lợi thế so sánh của đất nước, của từng mặt hàng đó trong điều kiện mở cửa và hội nhập và tự do hóa thương mại trong khu vực và quốc tế.

d. Chính sách quản lý Nhà nước về thương mại nội địa

**** Chính sách đối với doanh nghiệp nhà nước và kinh tế tập thể***

Theo hướng Nhà nước ưu tiên phát triển DNNN trở thành lực lượng nòng cốt, chủ đạo chi phối thị trường, là công cụ hữu hiệu của Nhà nước trong việc điều tiết thị trường, điều tiết cung cầu, ổn định giá, nhằm góp phần thực hiện những mục tiêu tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội. Thành lập 2 loại doanh nghiệp: doanh nghiệp kinh doanh và doanh nghiệp công ích thu lợi nhuận hoặc lợi nhuận thấp các thành phần kinh tế khác không kinh doanh.

Nhà nước Lào bảo hộ quyền sở hữu, quyền và lợi ích hợp pháp khác của kinh tế hợp tác trong thương mại; có chính sách ưu đãi hỗ trợ và tạo điều kiện đổi mới phát triển, bảo đảm để kinh tế nhà nước cùng với kinh tế hợp tác trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân.

**** Chính sách thương mại đối với nông thôn***

CHDCND Lào gần 90% dân số là nông dân sống ở khu vực nông thôn, với 39% là thuộc loại hộ đói nghèo. Chính sách thương mại đối với nông thôn là một bộ phận của chính sách nông nghiệp nông thôn của Đảng và nhà nước Lào. Chính sách thương mại phải đảm bảo cung ứng những hàng hóa thiết yếu

cho nông dân sản xuất và tiêu dùng, bảo đảm tiêu thụ được hàng hóa do nông nghiệp và nông thôn sản xuất ra. Chính sách này quy định cụ thể vai trò của doanh nghiệp thương mại nhà nước giữ vai trò chủ đạo cùng với hợp tác xã và các thành phần kinh tế khác trong việc bán vật tư hàng hóa nông nghiệp và mua nông sản trên thị trường nông thôn. Chính sách thương mại đối với nông thôn hướng vào mục tiêu thay đổi cơ cấu sản xuất ở nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa, phá bỏ độc canh, đa dạng hóa ngành nghề để thúc đẩy và nâng cao đời sống nông dân và xã hội hóa nông thôn theo con đường văn minh, hiện đại. Phát triển sản xuất hàng hóa, tăng thu nhập từ đó tăng sức mua, cải thiện điều kiện sống của nông dân là một nội dung rất quan trọng. Thực hiện chính sách đối với nông thôn cũng như sự đầu tư phải đồng bộ và hiệu quả. Chính sách thương mại nông thôn còn phải góp phần giải quyết việc làm cho nông dân, thực hiện chính sách xã hội, góp phần xóa đói, giảm nghèo. Chính sách thương mại đối với nông thôn góp phần hình thành, khôi phục và phát triển các làng nghề, giữ bản sắc văn hóa truyền thống, thu hẹp dần khoảng cách giữa thành thị và nông thôn. Điều luật thương mại của Lào đã khẳng định chính sách thương mại đối với nông thôn như sau: Nhà nước có chính sách phát triển thương mại đối với thị trường nông thôn, tạo điều kiện mở rộng và phát triển chợ nông thôn. Doanh nghiệp nhà nước đóng vai trò chủ lực cùng với hợp tác xã và các thành phần kinh tế khác thực hiện việc bán vật tư nông nghiệp, hàng công nghiệp, mua nông sản nhằm góp phần nâng cao sức mua của nông dân và tạo tiền đề thúc đẩy việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất hàng hóa thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông thôn.

*** Chính sách thương mại đối với miền núi**

Để phát triển kinh tế xã hội miền núi, Đảng và Nhà nước Lào đã ban hành nhiều chính sách quan trọng thể hiện sự liên minh công - nông về chính trị, kinh tế qua các thời kỳ lịch sử. Trong đó những chính sách về khuyến

khích phát triển thương mại miền núi, chính sách ưu đãi về thuế, tiền thuê đất đối với các thương nhân ở miền núi; chính sách trợ giá, trợ cước một số mặt hàng chính sách... đã phát huy tác dụng tích cực. Tuy nhiên khu vực miền núi vẫn rất khó khăn. Chính sách thương mại miền núi cần tập trung giải quyết một số vấn đề sau đây:

- Phát triển thị trường miền núi để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của nhân dân, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giúp đồng bào dân tộc định canh, định cư, ổn định cuộc sống, xóa đói và giảm nghèo, đảm bảo thị trường tiêu thụ sản phẩm của các địa phương.

- Phát triển hệ thống chợ và trung tâm thương mại huyện và cụm xã, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và phát triển hệ thống giao thông để mở rộng giao lưu kinh tế ở miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- Chính sách thương mại đường biên và thương mại cửa khẩu cần được tăng cường để phát triển đúng hướng. Đầu tư phát triển một số khu kinh tế cửa khẩu biên giới và khu kinh tế đặc biệt.

- Chính sách đảm bảo giá cả thu mua và bao tiêu hàng nông sản, thủ công mỹ nghệ từ các hộ gia đình; chính sách giá bán các mặt hàng thiết yếu muối, xăng dầu, chất đốt, vải, tư liệu sản xuất, công cụ lao động... cho đời sống, sản xuất phát triển nông nghiệp thông thôn.

- Chính sách đào tạo, bồi dưỡng, khuyến khích cán bộ thương mại cũng cần được quan tâm để tạo ra đội ngũ cán bộ thương mại có trình độ ngày càng cao cho miền núi.

**** Chính sách lưu thông hàng hóa và dịch vụ***

Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện mở rộng lưu thông hàng hóa, phát triển dịch vụ thương mại mà pháp luật không hạn chế hoặc không cấm. Trong trường hợp cần thiết nhà nước có thể sử dụng có biện pháp kinh tế, hành chính để tác động vào thị trường nhằm bảo đảm cân đối cung cầu hoặc thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội. Cấm lưu thông hàng hóa, cung ứng dịch vụ gây

phương hại đến quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội, truyền thống lịch sử văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc, môi trường sinh thái, sản xuất và sức khỏe của nhân dân, nhà nước xóa bỏ mọi hành vi cản trở lưu thông hàng hóa, cung ứng dịch vụ hợp pháp trên thị trường, nhà nước công bố danh mục hàng hóa cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện, danh mục hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện.

e. Chính sách phát triển thương mại quốc tế

Nhà nước thống nhất quản lý ngoại thương, có chính sách mở rộng giao lưu hàng hóa với nước ngoài trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, cùng có lợi theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa; khuyến khích các thành phần kinh tế sản xuất hàng xuất khẩu và tham gia nhập khẩu theo quy định của pháp luật; có chính sách ưu đãi để đẩy mạnh nhập khẩu, tạo các mặt hàng xuất khẩu có sức cạnh tranh, tăng xuất khẩu dịch vụ thương mại; hạn chế nhập khẩu những mặt hàng trong nước đã sản xuất được và có khả năng đáp ứng nhu cầu, bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước, ưu tiên nhập khẩu vật tư thiết bị, công nghệ cao, kỹ thuật hiện đại để phát triển sản xuất.

Để khuyến khích mạnh mẽ xuất khẩu, hướng nhập khẩu phục vụ tốt sản xuất và tiêu dùng, bảo vệ và phát triển sản xuất trong nước, nâng cao hiệu quả sản xuất, nhập khẩu, mở rộng hợp tác kinh tế với nước ngoài, góp phần thực hiện mục tiêu kinh tế xã hội của đất nước, đồng thời để quản lý hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, Nhà nước phải ban hành những văn bản quy định cụ thể nhằm thúc đẩy quá trình phát triển thương mại quốc tế.

Theo tinh thần cơ bản của những qui định pháp lý, Nhà nước quản lý thống nhất mọi hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu bằng luật pháp và các chế độ chính sách có liên quan, mở rộng hơn nữa quyền kinh doanh của các doanh nghiệp và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu hoạt động đúng hướng, đạt hiệu quả cao. Nhà nước quản lý các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu bao gồm những hình thức cơ bản sau:

- Xuất nhập khẩu trực tiếp hàng hóa, dịch vụ.
- Tạm nhập để tái xuất, tạm xuất để tái nhập, chuyển khẩu, quá cảnh hàng hóa.
- Gia công, chế biến hàng hóa và bán thành phẩm cho nước ngoài hoặc thuê nước ngoài gia công, chế biến.
- Đại lý bán hàng hóa, uỷ thác và nhận uỷ thác xuất khẩu, nhập khẩu cho các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài.

Nhà nước khuyến khích và có chính sách hỗ trợ đối với các doanh nghiệp phát triển và mở rộng thị trường mới và xuất khẩu những mặt hàng mà Nhà nước khuyến khích xuất khẩu.

Hiện nay ở nước Lào, giá hàng nhập khẩu thường rẻ hơn, chất lượng tốt hơn hàng sản xuất trong nước. Nhưng nếu ỷ lại vào nhập khẩu sẽ không mở mang được sản xuất thậm chí còn làm cho sản xuất trong nước bị trì trệ. Vì vậy, cần tính toán và tranh thủ các lợi thế của đất nước trong từng thời kỳ để tập trung đầu tư sản xuất một số mặt hàng thực sự có đủ khả năng cạnh tranh tại thị trường trong nước và thị trường khu vực, tạo ra nguồn hàng xuất khẩu, mở rộng thị trường ngoài nước.

1.3. KINH NGHIỆM CỦA MỘT SỐ NƯỚC VỀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯƠNG MẠI VÀ BÀI HỌC ĐỐI VỚI LÀO

1.3.1. Kinh nghiệm của một số nước trong hoàn thiện quản lý nhà nước về thương mại

a. Kinh nghiệm của CHXHCN Việt Nam:

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tại Đại hội lần thứ VI của Đảng (tháng 12-1986) đã đề ra quan điểm, đường lối đổi mới kinh tế - xã hội sâu sắc và toàn diện. Đây thực sự là một cuộc cách mạng đổi mới triệt để được tiến hành đồng thời trên toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Với ba bước chuyển cơ bản và có tính đột phá về mặt tư duy lý luận và hành động thực tiễn.

Một là, chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hai là, chuyển từ nền kinh tế chỉ với hai thành phần kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể sang nền kinh tế nhiều thành phần, thực hiện tự do kinh doanh theo pháp luật.

Ba là, kinh tế đối ngoại chuyển từ nền kinh tế theo hướng quan hệ chủ yếu với Liên Bang Xô Viết (cũ) và các nước xã hội chủ nghĩa khác sang mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại với tất cả các nước theo chủ trương đa dạng hóa và đa phương hóa, từng bước hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới.

Để thực hiện đường lối đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lựa chọn chiến lược phát triển hợp lý. Trong bối cảnh quốc tế và khu vực, căn cứ vào điều kiện cụ thể của đất nước, Việt Nam lựa chọn chiến lược thương mại như sau:

Thứ nhất, Việt Nam đã lựa chọn chiến lược công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu, đồng thời thực hiện hợp lý chính sách thay thế hàng nhập khẩu có hiệu quả cao hơn.

Thứ hai, Việt Nam thực hiện chiến lược ưu tiên phát triển có trọng điểm, tập trung vào những ngành và vùng trọng điểm có điều kiện thuận lợi, có thế mạnh, tiến tới phát triển các vùng trong cả nước. Nhưng trong giai đoạn đầu giành ưu tiên cho ngành và vùng trọng điểm nhằm đạt hiệu quả đầu tư cao và thu hồi vốn nhanh. Qua đó tạo nguồn hàng xuất khẩu lớn và đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước.

Thứ ba, Việt Nam tập trung đầu tư vốn và công nghệ xây dựng các doanh nghiệp nhà nước với quy mô lớn đủ khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế, đồng thời phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) thuộc mọi thành phần kinh tế trong và ngoài nhà nước.

Thứ tư, Việt Nam thực hiện chiến lược ưu tiên phát triển công nghệ tiên tiến và công nghệ cao, xử lý thoả đáng những vấn đề sở hữu trí tuệ, vai trò của thông tin trong quản lý và chất xám trong nền kinh tế tri thức.

Thứ năm, Việt Nam thực hiện chiến lược công nghiệp hóa - hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân ngay từ rất sớm. Phát triển các ngành công nghiệp phục vụ công nghiệp hóa đất nước. Vì Việt Nam đã có bài học kinh tế của các nước về tầm quan trọng của nông nghiệp trong việc ổn định nền kinh tế và đời sống nhân dân.

Thứ sáu, đi đôi với việc xác định chiến lược lâu dài, Nhà nước và Chính phủ Việt Nam đã xây dựng các chương trình, kế hoạch hành động cho từng thời kỳ. Đề ra chỉ tiêu kế hoạch và phương thức thực hiện kế hoạch của Chính phủ và Bộ ngành, địa phương theo mô hình kinh tế mới được tổ chức theo quan điểm kế hoạch hóa mang tính định hướng, kế hoạch không phải chỉ giao chỉ tiêu để thực hiện mà còn là điều phối sự thực hiện theo dự án.

Những đổi mới quan trọng của Việt Nam về quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh tế và thương mại thời kỳ mở cửa và hội nhập có thể khái quát như sau:

Một là, đổi mới cơ chế quản lý: Nhà nước sử dụng quyền lực kinh tế, chính trị của mình tiếp tục quá trình tự do hóa thương mại, thực hiện xóa bỏ cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp (*hay còn gọi là cơ chế xin cho*) chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý vĩ mô của nhà nước. Giảm dần độc quyền của doanh nghiệp nhà nước và xây dựng các đạo luật theo tinh thần đảm bảo bình đẳng trong kinh doanh giữa các thành phần giữa các doanh nghiệp, tạo lập môi trường pháp lý (*hay còn gọi là sân chơi*) chung, giảm phân biệt đối xử: Nhà nước tạo điều kiện, tiền đề cho sự ra đời và hoạt động của các thị trường hàng hóa - dịch vụ, thị trường vốn, thị trường chứng khoán, thị trường lao động thị trường khoa học công nghệ...

Hai là, xây dựng chính sách thương mại phù hợp với cơ chế thị trường:

Nhà nước đóng vai trò tạo lập môi trường và chính sách quản lý phù hợp với quy luật kinh tế thị trường, hướng dẫn các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động kinh tế theo luật pháp và có hiệu quả. Nhà nước ban hành các chính sách kinh tế, thương mại và đầu tư thông thoáng hấp dẫn để khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư mở rộng sản xuất hàng hóa phục vụ nhu cầu trong và tăng kim ngạch xuất khẩu, đổi mới đồng bộ các chính sách thương mại và các chính sách kinh tế liên quan đến thương mại, gồm:

* *Hoàn thiện chính sách xuất nhập khẩu đối với thương nhân:* Nghị định 64/HĐBT (1989) là bước đột phá đầu tiên về quyền kinh doanh, đã xóa bỏ độc quyền của Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN) đối với hoạt động ngoại thương, mở rộng quyền cho các doanh nghiệp tư nhân được tham gia xuất nhập khẩu. Ngày 10/5/1997, Luật thương mại Việt Nam đã được Quốc hội thông qua và tiếp sau đó Chính phủ cũng đã ra Nghị định số 57/1998/NĐ-CP xóa bỏ chế độ cấp giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu, nhưng vẫn có giới hạn trong phạm vi ngành nghề nhất định. Khi Luật doanh nghiệp ra đời đã mở rộng quyền tự do kinh doanh xuất nhập khẩu cho mọi đối tượng tham gia sản xuất kinh doanh. Ngày 29/4/1999 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành chỉ thị số 10/1999/CT-TTg quy định "đẩy mạnh xuất khẩu là nhiệm vụ của mọi cấp, mọi ngành và mọi tổ chức". Nghị định 44/CP (2001) về chính sách thương nhân, mở rộng quyền kinh doanh thương mại cho mọi thương nhân đều được trực tiếp xuất nhập khẩu tất cả các loại hàng hóa. Đây là một bước phát triển mới của tự do hóa thương mại trong nước.

* *Hoàn thiện chính sách thu hút, khuyến khích đầu tư sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu.* Ngày 8/7/1999 Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã ra Nghị định số 51/1999/NĐ-CP quy định chính sách ưu đãi với các dự án sản xuất hàng xuất khẩu.

Ngày 3/2/2000 Chính phủ Việt Nam đã có Nghị định số 03/2000/NĐ-CP xóa bỏ thủ tục cấp giấy phép kinh doanh, thay vào đó là thủ tục đăng ký kinh doanh.

Cho đến ngày 31/7/2000 Thủ tướng Chính phủ Việt Nam lại ra chính sách ưu đãi mới, đó là Nghị định số 24/2000/NĐ-CP quy định chính sách ưu đãi với các dự án sản xuất hàng xuất khẩu và kinh doanh xuất khẩu.

Ba là, về cơ chế điều hành xuất nhập khẩu, Chính phủ Việt Nam đã cải tiến mạnh mẽ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu trong thời kỳ mới, phù hợp với xu thế hội nhập thương mại khu vực và quốc tế.

Hoàn thiện cơ chế điều hành xuất nhập khẩu theo hướng từ quy định từng năm sang quy định cho một thời gian dài là 5 năm để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp chủ động hoạch định chiến lược và phương án kinh doanh dài hạn. Tại Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 4/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã xóa bỏ hầu hết các hạn chế định lượng về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu 2001-2005. Những mặt hàng này sẽ còn duy trì sự quản lý của Bộ Thương mại và hàng hóa thuộc diện quản lý của 07 chuyên ngành do Bộ chủ quản quản lý. Cho đến nay về hàng xuất nhập khẩu chỉ còn 2 mặt hàng phải cấp giấy phép xuất khẩu, về hàng nhập khẩu chỉ còn 8 mặt hàng còn phải cấp giấy phép nhập khẩu doanh nghiệp sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu, trong năm 2000 Chính phủ Việt Nam đã xóa bỏ 156 loại giấy phép kinh doanh trong cả nước, đến năm 2003 Chính phủ Việt Nam đã xóa bỏ thêm 246 giấy phép còn nữa, trong đó có giấy phép về quản lý thương mại, tạo ra một bước đột phá kỷ lục chưa từng có trong lịch sử cải cách quản lý nhà nước về kinh tế ở Việt Nam.

Trong tiến trình hội nhập và thực hiện chính sách tự do hóa thương mại, tại cuộc toạ đàm ngày 13/8/2003 Chính phủ Việt Nam đã sáng suốt kết hợp vận dụng hệ thống các cơ quan hoạt động ngoại giao đồng thời làm nhiệm vụ kinh tế đối ngoại, các nhà ngoại giao đồng thời cũng là nhà kinh tế, thương

mại, nhằm thu hút đầu tư nước ngoài và xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu.

Bốn là, Nhà nước đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và các chính sách hỗ trợ đầu tư. Nhà nước đầu tư, cung cấp hàng hóa công cộng, tạo môi trường đầu tư hấp dẫn, ưu đãi cho các doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh thương mại; Nhà nước Trung ương cho phép các tỉnh sử dụng toàn bộ (100%) nguồn thu qua các cửa khẩu để đầu tư phát triển hạ tầng và khu kinh tế cửa khẩu biên giới; tỉnh, thành phố được quyền ban hành chính sách ưu đãi của tỉnh nhằm khuyến khích, thu hút đầu tư trong và ngoài nước, nổi bật nhất là những chính sách sau đây:

- Chính sách thưởng xuất khẩu, hoàn thuế xuất khẩu 5%-10% doanh số.
- Chính sách tái đầu tư cho doanh nghiệp. Nhà nước cho phép các địa phương trích 5%-18% tổng số thuế doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng của tỉnh tái đầu tư lại cho doanh nghiệp.
- Chính sách hỗ trợ thu hút đầu tư. Hay chính sách xây dựng cánh đồng 50 triệu đồng bằng cách kết hợp 4 nhà: Nhà nước, nhà khoa học, nhà nông và nhà doanh nghiệp, chủ yếu và quan trọng nhất là nhà thương mại, vì vẫn quyết định của quá trình sản xuất hàng hóa là vấn đề thị trường đầu ra.

Năm là, đổi mới chính sách phát triển thương mại đối với miền núi, vùng sâu vùng xa, vùng hải đảo và chính sách trợ giá trợ cước hàng hóa đối với khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc tại Nghị quyết 22 của Bộ Chính phủ Việt Nam đã ra văn bản số 160/KTTH (1994) về một số chính sách đối với việc đưa hàng lên miền núi phục vụ đồng bào miền núi - dân tộc. Quy định chế độ trợ cấp không thu tiền 4 mặt hàng chính sách và bổ sung thêm 2 mặt trợ giá, trợ cước là giống cây trồng và than. Nghị định số 22/CP (1998) của Chính phủ về phát triển thương mại miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc, trong đó đã quy định bổ sung về chính sách xã hội, mua sản phẩm sản xuất ở miền núi, hải đảo và vùng đồng bào các dân tộc.

Cho đến nay, cuộc cải cách cơ chế và chính sách kinh tế của Việt Nam vẫn tiếp tục không ngừng đào tạo lập môi trường kinh doanh thương mại cho mọi thành phần kinh tế để theo tiến kịp các nước tiên tiến thế giới. Đặc biệt là trong kỳ họp thứ III (tháng 5 - 6/2003) Quốc hội khóa XI của Việt Nam, Nhà nước Việt Nam lại một lần nữa tiến hành cuộc cải cách sửa đổi luật kinh tế nói chung và luật doanh nghiệp nói riêng (trong đó vấn đề cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước; tính độc lập của doanh nghiệp và trách nhiệm, quyền hạn của giám đốc; bỏ chế độ "Bộ chủ quản đối với doanh nghiệp"... được làm rõ), để phù hợp tình hình kinh tế - xã hội, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam ở thị trường trong nước và trên thị trường khu vực và quốc tế.

Nhờ có đường lối đúng đắn của Đảng, đổi mới cơ chế, chính sách quản lý của Nhà nước về kinh tế nói chung, cải tiến phương thức quản lý nhà nước về thương mại nói riêng phù hợp với điều kiện thực tiễn của đất nước và xu thế tự do hóa thương mại, hiện nay Việt Nam đã đạt được thành quả cao trong sự nghiệp phát triển kinh tế, làm cho GDP không ngừng tăng nhanh, xuất khẩu tăng mạnh mẽ, dự trữ ngoại tệ vững chắc, đời sống nhân dân không ngừng được nâng cao. Đặc biệt là Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu gạo đứng thứ hai và xuất khẩu cà phê đứng thứ ba của thế giới. Uy tín hàng hóa của Việt Nam ngày càng cao trên thị trường quốc tế. Xây dựng được đội ngũ doanh nghiệp khá vững mạnh, trở thành lực lượng sản xuất mới tiên phong tham gia hội nhập thương mại quốc tế.

b. Kinh nghiệm đổi mới của CHND Trung Hoa

Nhà nước Trung Quốc đã sớm nhìn nhận đúng thực trạng kinh tế xã hội trong nước và dự báo được tình hình kinh tế thế giới, đánh giá đúng xu thế của thời đại trong những năm cuối thế kỷ XX (1979 - 80), đã mạnh dạn đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế đối ngoại, lấy thương mại là trọng tâm, quyết định một chính sách kinh tế, thương mại mới hết sức táo bạo, đó là chiến lược mở cửa, hợp tác thương mại với nước ngoài, phát triển kinh tế, đẩy mạnh xuất

khẩu, thu ngoại tệ. Để đạt được mục tiêu đó, đã hình thành các đặc khu kinh tế mở, phát triển cửa khẩu buôn bán với tất cả các nước láng giềng, trong đó có Lào và Việt Nam. Ba hình thức mở cửa của Trung Quốc là: (1) Ưu tiên xây dựng và phát triển từng khu kinh tế, xây dựng các loại hình xí nghiệp khác nhau, (2) Chú trọng mở cửa các thành phố ven biển với một chính sách đặc biệt, như Quảng Châu, Thượng Hải, Thẩm Quyền (3) Mở cửa khẩu biên giới với Nga, Ấn Độ, Việt Nam, Lào, Thái Lan, các nước ASEAN khác, với phương châm mở cửa "buôn bán đi trước, hợp tác toàn diện, chú trọng xuất khẩu: xuất khẩu lao động, thiết bị kỹ thuật và hàng hóa, đổi lấy những nguyên, nhiên, vật liệu quý hiếm".

Một số đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế đối ngoại và thương mại của Trung Quốc đáng chú ý là:

Thứ nhất: về chính sách phân quyền ngoại thương. Để kích thích xuất khẩu trước tiên Trung Quốc phân quyền giao dịch ngoại thương. Trung Quốc thay đổi hệ thống điều hành của nhà nước đối với hoạt động ngoại thương, xóa bỏ các kế hoạch mệnh lệnh, tập trung chỉ thị, cứng nhắc trong lĩnh vực ngoại thương, giảm bớt phạm vi can thiệp trực tiếp của Nhà nước với các chủ thể hoạt động thương mại. Mở rộng phạm vi hoạt động của các công ty, xí nghiệp có quyền vươn ra thị trường nước ngoài.

Thứ hai: Ưu tiên phát triển các mặt hàng xuất khẩu hợp lý

- Xác định cơ cấu hàng hóa xuất khẩu thành bốn nhóm 1) Sản phẩm thô, sơ cấp, khoáng sản, nông nghiệp. 2) Sản phẩm dệt, công nghiệp nhẹ, sản phẩm gia công, bán thành sản phẩm sử dụng nhiều lao động. 3) Sản phẩm hoàn chỉnh, công nghiệp nặng, hóa chất đòi hỏi hàm lượng vốn cao. 4) Sản phẩm kỹ thuật cao, đòi hỏi hàm lượng chất xám cao.

- Ưu tiên phát triển từ thấp lên cao. Giai đoạn 1: xuất khẩu sản phẩm công nghệ nhẹ sử dụng nhiều lao động làm trọng tâm, thay thế dần xuất khẩu những sản phẩm thô, sơ cấp và nông nghiệp. Giai đoạn 2: xuất khẩu sản phẩm công nghiệp thành phẩm, công nghiệp nặng, hóa chất sử dụng nhiều vốn thay thế

những sản phẩm sơ cấp và công nghiệp nhẹ sử dụng nhiều lao động. Giai đoạn 3: xuất khẩu sản phẩm kỹ thuật cao, đòi hỏi tri thức, công nghệ tiên tiến. Cả ba giai đoạn đó có một điểm giống nhau đó là "giá cả phải thật rẻ, vì mục tiêu cạnh tranh chiếm lĩnh thị trường làm mục đích hàng đầu".

Thứ ba: cải cách hệ thống thuế quan. Trung Quốc rất chú trọng vấn đề thương mại quốc tế để gia nhập WTO. Vì vậy Chính phủ đã cải cách thuế quan: hạ thuế suất trung bình xuống mức 15% năm 2000, coi vai trò của thuế với tư cách là đòn bẩy của nền kinh tế. Đến năm 2005 mức thuế trung bình đối với hàng công nghiệp nhập khẩu là 10% trở lại.

Thứ tư: cải cách các thủ tục giấy phép xuất nhập khẩu. Chính phủ Trung Quốc xóa bỏ hệ thống các hàng rào phi thuế quan: giảm số lượng hàng hóa nhập khẩu phải có giấy phép, chỉ còn quản lý quota xuất khẩu đối với một số mặt hàng chủ yếu, những hàng hóa khác được tự do kinh doanh phù hợp với giấy đăng ký kinh doanh của công ty.

- Chính phủ Trung Quốc quản lý giá ngoại hối trên cơ sở của tình hình cung và cầu trên thị trường. Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá phù hợp với tỷ giá mua bán tại các ngân hàng quốc tế (INER BANK RATE), giữ ổn định tỷ giá đồng nhân dân tệ bằng cách sử dụng công cụ tài chính, tiền tệ.

- Chính phủ áp dụng chính sách vay vốn tín dụng ưu đãi về suất thấp (kể cả ngoại tệ) cho các doanh nghiệp, được đảm bảo cung ứng nguyên liệu và năng lượng, được ưu tiên nhập khẩu các phương tiện, nguyên liệu, được vay trực tiếp tín dụng từ nước ngoài do Nhà nước (Ngân hàng) bảo lãnh.

- Chính sách thưởng, trợ cấp và thúc đẩy xuất khẩu. Nhà nước thưởng 17% trên trị giá xuất khẩu cho các đơn vị xuất khẩu, Nhà nước ban hành chính sách tín dụng xuất khẩu (mua trả chậm) thông qua Ngân hàng xuất nhập khẩu (EXIM BANK) cho người mua hoặc cho người bán với lãi suất ưu đãi (4 - 5%/năm), thời hạn hợp lý (từ 3 - 10 năm) đối với vật tư, thiết bị máy móc cho các nước chậm phát triển. Nhà nước cung cấp hỗ trợ vốn hàng hóa và kinh phí

tiếp thị, tìm kiếm thị trường mới, đặt đại diện ở nước ngoài nhằm mở rộng thị trường thương mại trên khắp thế giới.

- Chính phủ Trung Quốc tập trung phát triển các khu chế xuất: nổi bật là việc Trung Quốc mở những đặc khu kinh tế trong nội địa, mở cửa buôn bán mậu dịch biên giới, mở ra nhiều trung tâm thương mại, sản xuất, trung tâm đầu tư nước ngoài với những ưu đãi về thuế, giá cả, chính sách ưu đãi khác cho nhà đầu tư.

Nhờ chủ trương chính sách đúng đắn của Đảng, Nhà nước quản lý giỏi, mở cửa hợp tác kinh tế thương mại với các nước tiên tiến từ rất sớm. Sau 20 cải cách, hiện nay Trung Quốc thực sự "là một nước XHCN mang bản sắc Trung Quốc", một nước có 2 chế độ, có nền chính trị ổn định, kinh tế, quốc phòng vững mạnh. Theo thống kê công bố của Nhà nước Trung Quốc trong năm 2001 - 2002 tốc độ tăng trưởng GDP tăng 7,8%, GDP bình quân đầu người đạt 9000 USD, xuất khẩu ròng (XK) tăng 16% và quỹ ngoại tệ dự trữ của Nhà nước đạt 250 tỷ USD (đứng thứ 2 trên thế giới). Trung Quốc đã gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO) và là một đối tác mạnh về thương mại trong khu vực, quan hệ song phương và đa phương với ASEAN - Trung Quốc.

** Kinh nghiệm của Thái Lan*

Từ những năm 1985 Chính phủ Thái Lan đã xác định thay đổi chính sách phát triển kinh tế theo hướng mở cửa, thu hút đầu tư nước ngoài vào các lĩnh vực công nghiệp, nông, lâm, ngư nghiệp và ngành kinh tế dịch vụ: thương mại, công nghiệp du lịch (khách sạn, nhà hàng, vui chơi giải trí...), tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, bưu chính viễn thông, giao thông,... Vì Thái Lan có lợi thế nhân công rẻ phù hợp với chiến lược phát triển các sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu đặc biệt là gạo, công nghiệp sử dụng nhiều lao động như hàng dệt may, da giày, đồ gia dụng... Đặc biệt Thái Lan đã tận dụng cơ chế thị trường mở cửa, cải tiến luật kinh doanh thông thoáng, tạo được môi trường pháp lý thuận

lợi cho doanh nghiệp phát triển, "dân được làm tất cả những gì mà luật không cấm". Về ngoại thương Chính phủ Thái Lan xác định chiến lược thị trường mới đối với các nước láng giềng và trong khu vực "Biển chiến trường thành thương trường", tạo ra không khí hợp tác thương mại và thu hút đầu tư mới từ những năm 1992 đến nay.

d. Kinh nghiệm của Hàn Quốc:

Từ việc nghiên cứu kinh nghiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại ở Hàn Quốc, có thể rút ra các bài học sau:

Thứ nhất, thành công của chiến lược kinh tế hướng ngoại (coi trọng ngoại thương) là do có sự định hướng kiên quyết của chính phủ. Yếu tố này dẫn đến sự tập trung cao độ các nguồn lực kinh tế vào trong tay nhà nước, đem lại sự phát triển hiệu quả và vượt bậc về điện năng, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực và sự đầu tư hiệu quả cho một số ngành công nghiệp chọn lọc hướng về xuất khẩu. ở các thập kỷ 70 và 80, chính phủ Hàn Quốc đã thể hiện thành công trong việc lựa chọn, hoạch định và chỉ đạo thực thi hiệu quả chiến lược phát triển kinh tế chung của đất nước, trong đó chiến lược công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu được coi là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình phát triển đạt tới kỳ tích hóa rồng của Hàn Quốc. Tuy nhiên sang thập kỷ 90, vai trò của nhà nước trong xu thế toàn cầu hóa và khu vực hóa phát triển như vũ bão đã kìm hãm sự phát triển thương mại của nền kinh tế, ảnh hưởng tới sự phân bổ các nguồn lực trong toàn bộ nền kinh tế. Vấn đề đáng báo động là hiện nay xu hướng can thiệp vi mô của chính phủ Hàn Quốc vẫn mạnh. Dường như chính phủ Hàn Quốc vẫn muốn áp dụng giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản mệnh lệnh chứ không phải là tiếp tục tự do hóa. Sự can thiệp này dẫn đến sự tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi, không tuân thủ các nguyên tắc thị trường. Đây cũng là bài học đối với Việt Nam trong phát triển kinh tế thị trường có sự can thiệp của nhà nước.

Thứ hai, xu hướng phát triển nền kinh tế thị trường hướng về xuất khẩu đã dẫn đến thị trường nội địa không được quan tâm một cách thích đáng. Xu hướng này dẫn đến sự mất cân đối giữa các ngành công nghiệp và nông nghiệp, giữa công ty lớn và xí nghiệp vừa và nhỏ, giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội. Hậu quả là cơ cấu sản xuất và xuất khẩu chuyển dịch nhanh chóng nhưng cơ cấu về lao động chuyển dịch không đáng kể (giai đoạn 1985 - 1996 tỷ trọng của công nghiệp trong tổng việc làm ở Hàn Quốc chỉ là 22%). Phần lớn lao động vẫn làm việc ở ngành nông nghiệp với năng suất thấp, một phần khác làm việc trong những ngành dịch vụ giản đơn. Thị trường nội địa không được mở rộng. Hiện nay các nước Đông á đang lâm vào tình trạng sản xuất thừa. Xuất khẩu đang gặp khó khăn, trong khi Nhật Bản, NIEs, ASEAN chiếm hơn 70% tổng kim ngạch xuất khẩu của Hàn Quốc của Hàn Quốc cũng đang lâm vào khủng hoảng. Chính sự bỏ bê thị trường nội địa đã dẫn đến tình trạng thị trường nội địa không đủ lớn và có xu hướng thu hẹp lại, do đó không thể đảm nhận vai trò quản lý tình trạng sản xuất thừa.

Thứ ba, chính sách huy động vốn từ bên ngoài để tăng nhanh tín dụng cho các ngành công nghiệp ưu tiên hướng về xuất khẩu đã đem lại những hiệu quả tốt (xuất khẩu tăng nhanh, ngành công nghiệp lớn mạnh, tăng trưởng kinh tế cao và thu nhập đầu người đạt mức các nước có trình độ phát triển), nhưng đã biến *Hàn Quốc trở thành con nợ lớn trên thế giới*. Trên thực tế do có sự bảo lãnh tài chính của chính phủ, các công ty xuất khẩu đã tự do vay nợ nước ngoài. Do nợ nhiều, các công ty Hàn Quốc dễ bị tấn công hơn trên các thị trường chứng khoán trong nước và thế giới. Những cuộc khủng hoảng tài chính ở Hàn quốc đều do chính phủ không quản lý được rủi ro thông qua sự can thiệp tín dụng. Lạm phát bùng nổ, kèm theo gánh nặng nợ nước ngoài buộc chính phủ phải liên tục thực hiện chính sách phá giá có mức độ nhằm hỗ trợ cho các nhà xuất khẩu. Đây cũng là một nhân tố tốt trong thời kỳ đầu công

nghiệp hóa hướng về xuất khẩu khi những yếu kém về nguồn vốn trong nước chưa được khắc phục. Tuy nhiên sự can thiệp của chính phủ trong hỗ trợ tài chính xuất khẩu để kích thích một số ngành công nghiệp đã để lại nhiều hậu quả tiêu cực nặng nề cho phát triển kinh tế của Hàn Quốc thời kỳ sau này. Do vậy, khi nghiên cứu áp dụng kinh nghiệm này của Hàn Quốc, cần có sự tính toán, cân nhắc.

g. Kinh nghiệm của Nhật Bản:

Vai trò quan trọng nhất của nhà nước là định hướng nền kinh tế thông qua việc hoạch định chiến lược, chính sách, luật pháp... Một khi nhà nước không đủ mạnh, nghĩa là không có khả năng vạch ra được các chiến lược phát triển, các chính sách kinh tế, luật pháp đúng đắn, không có khả năng thực hiện và kiểm soát một cách có hiệu quả các chiến lược, chính sách và luật pháp đó, thì nền kinh tế không thể nào phát triển có hiệu quả và thu được những thành tựu nổi bật được. **Nhật Bản đã tạo dựng được một nhà nước mạnh, nhà nước này đã kết hợp được kỹ thuật phương tây và truyền thống Nhật Bản**, khuyến khích và phát triển được tài năng quản lý của các xí nghiệp, động viên được nhân dân Nhật Bản làm việc hết sức mình.

Qua việc phân tích những hoạt động điều chỉnh nền kinh tế của Chính phủ Nhật Bản có thể đưa ra một số kinh nghiệm tham khảo đối với CHDCND Lào:

Thứ nhất: Chính sách công nghiệp của Nhật Bản có đặc điểm nổi bật là nó luôn được kịp thời thay đổi và đáp ứng được những thay đổi diễn ra trong nền kinh tế Nhật Bản và trên thế giới. Chính sách công nghiệp của Nhật Bản là một chính sách có mục tiêu, có định hướng trong những phạm vi hẹp, cụ thể chứ không dàn trải. Nhà nước Nhật Bản đã **thực hiện một chính sách bảo hộ khôn ngoan và xoá bỏ dần tùy theo quá trình tự do hoá và quốc tế hoá nền kinh tế**. Vai trò chỉ đạo hành chính của chính phủ được thực hiện có sự phối hợp của các doanh nghiệp trên cơ sở đồng thuận của các giới kinh doanh

công nghiệp, công đoàn, người tiêu dùng và các giới khoa học. Chính phủ đã khuyến khích đầu tư tư nhân vào những lĩnh vực mong muốn bằng biện pháp thích hợp, không áp đặt. Trong một thời điểm nhất định, chính phủ Nhật Bản biết cách tập trung đầu tư phát triển ngành công nghiệp khác, biết cách hạn chế số ngành công nghiệp được lựa chọn để tránh làm phân tán các nguồn lực phát triển có hạn của đất nước và tránh khả năng không thể điều tiết được của bộ máy nhà nước.

Thứ hai, Chính phủ Nhật Bản **ngay từ đầu đã chấp nhận hội nhập** để từ đó đặt kế hoạch giảm bớt thách thức, đồng thời nỗ lực lắm thời cơ trong quá trình mở cửa, hội nhập. Để mở cửa và hội nhập có hiệu quả, tranh thủ được nhiều nhất cơ hội của thị trường thế giới, phải có chiến lược và tổ chức tốt việc đẩy mạnh xuất khẩu... đều nhằm tăng sức cạnh tranh của công nghiệp quốc gia trên trường quốc tế. Hơn nữa, để có thể duy trì được khả năng xuất khẩu, ngoài hệ thống chính sách khuyến khích sản xuất, xuất khẩu những ngành mà nhu cầu thế giới đang tăng nhanh. Hay nói một cách khác, đó là những ngành có lợi thế cạnh tranh trong tương lai. Các ngành công nghiệp được lựa chọn cần được nuôi dưỡng và hỗ trợ bằng hệ thống các chính sách tài chính, tín dụng và bảo hộ. Điều cần đặc biệt lưu ý là phải xác định rõ mục tiêu hướng ngoại, nghĩa là lựa chọn các ngành để trở thành các ngành sản xuất hàng xuất khẩu trong tương lai gần sau một thời gian được bảo hộ.

Thứ ba, sự điều chỉnh của Chính phủ Nhật Bản là **sự kết hợp chặt chẽ giữa Chính phủ và các công ty tư nhân thành một cơ cấu thống nhất**. Kết cấu này mở đường cho việc hoá nhập có hiệu quả giữa cơ chế cạnh tranh tư nhân với cơ chế nhà nước trong điều chỉnh hoạt động của nền kinh tế. Nó cho phép hình thành một hệ thống quan hệ tham khảo ý kiến lẫn nhau giữa nhà nước và các công ty tư nhân, trong đó các công ty tư nhân tồn tại như những cơ quan tư vấn của chính phủ.

Thứ tư, cần hiện đại hoá và nâng cao khả năng công nghệ của đất nước thông qua **đầu tư vào giáo dục, đào tạo kỹ thuật, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển của các công ty**. Đây là biện pháp quan trọng để duy trì và tăng cường khả năng tiếp thu công nghệ và sáng tạo công nghệ của một quốc gia. Thành lập các trung tâm cung cấp dịch vụ thông tin về thị trường và công nghệ để hỗ trợ khu vực sản xuất kinh doanh trong nước.

Tóm lại, thành công của Chính phủ Nhật Bản là họ đã **xác định được mục đích và mức độ can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế**. Sự can thiệp của Chính phủ là nhằm nâng cao hiệu quả của thị trường, sự can thiệp này được gọi là "can thiệp bởi các chính sách hữu nghị", vì đó là sự can thiệp phát triển nền kinh tế thị trường lành mạnh. Chính phủ Nhật Bản biết chấp nhận hội nhập và đặt kế hoạch giảm bớt thách thức, đồng thời nỗ lực nắm bắt thời cơ trong quá trình mở cửa hội nhập. Chính phủ Nhật Bản đã nghiên cứu và đi ra các bước đi hội nhập từng bước, đồng thời đưa ra chiến lược phát triển các ngành công nghiệp Nhật Bản có tiềm năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế, các chính sách tăng cường thay thế nhập khẩu và đẩy mạnh xuất khẩu làm cho nền kinh tế phát triển một cách thần kỳ.

1.3.2. Bài học kinh nghiệm rút ra cho hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước về thương mại ở Lào

Qua thực tiễn đổi mới chính sách quản lý nhà nước về thương mại ở một số nước như đã trình bày ở trên ta có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Lào như sau:

Một là, chuyển đổi từ cơ chế quản lý kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường không được xem nhẹ mà phải đề cao vai trò của nhà nước. Các nước thành công về đổi mới quản lý nhà nước về thương mại trong những thập kỷ trước đều có sự kết hợp hợp lý giữa điều tiết của nhà nước và điều tiết của thị

trường. Các nước này đều nhận thức đúng đắn vai trò của nhà nước trong quản lý và điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Hai là, đổi mới quản lý nhà nước về thương mại luôn được coi là trọng tâm của đổi mới. Các nước đã sử dụng thương mại như là khâu đột phá cho toàn bộ quản lý đổi mới kinh tế. Phải kiên trì đường lối đối ngoại rộng mở, phát triển nền kinh tế mở, đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ kinh tế quốc tế, hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, xóa bỏ độc quyền ngoại thương, tự do hóa thương mại, tự do hóa lưu thông hàng hóa trên thị trường trong nước.

Ba là, cần phải có lộ trình cho quá trình đổi mới quản lý. Các nước đã xây dựng và thực thi chiến lược thương mại từ thay thế nhập khẩu đến đầu tư hướng vào xuất khẩu. Sự bảo hộ quá mức và tràn lan hàng hóa trong nước được giảm dần. Chính sách bảo hộ có nguyên tắc và có điều kiện được áp dụng và xóa bỏ dần các hàng rào phi thuế quan. Chế độ nhiều tỷ giá và tỷ giá cứng được loại bỏ và thay vào đó là tỷ giá được hình thành theo quan hệ thị trường.

Bốn là, xây dựng và không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật và chính sách thương mại cho phù hợp với sự phát triển trong nước và bối cảnh quốc tế. Nhà nước phải tạo dựng được môi trường và hành lang pháp lý thuận lợi cho các nhà kinh doanh. Bảo đảm sự công khai, minh bạch trong chính sách. Đồng thời đổi mới toàn diện đồng bộ nội dung quản lý nhà nước về thương mại, đổi mới sử dụng các phương pháp và các công cụ, biện pháp quản lý và điều tiết hoạt động thương mại, đổi mới tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động và cán bộ của các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại.

Năm là, giảm sự can thiệp trực tiếp của nhà nước vào thị trường và thương mại. Củng cố và tăng cường thương mại nhà nước như công cụ để điều tiết thị trường. Nhà nước quản lý và điều tiết nền kinh tế nói chung, thương

mại nói riêng chủ yếu bằng các công cụ, chính sách vĩ mô. Phân định rõ chức năng quản lý nhà nước về kinh tế nói chung, về thương mại nói riêng theo hướng tách chức năng quản lý nhà nước ra khỏi chức năng quản lý kinh doanh của doanh nghiệp. Các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại chuyển hẳn sang hoạch định luật pháp chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển thương mại...

Sáu là, bài học của Trung Quốc và Việt Nam kiên định đường lối kinh tế độc lập tự chủ, chủ động hội nhập thương mại thế giới và khu vực đồng thời giữ vững ổn định chính trị và kinh tế trong nước, bình ổn thị trường nội địa; nhất quán coi xuất khẩu là hướng ưu tiên trọng điểm của hoạt động kinh tế đối ngoại, trên cơ sở đó xác lập chính sách ưu đãi thích hợp, phát triển thương mại đường biển, phát triển các khu công nghiệp, khu thương mại tự do... là rất bổ ích đối với Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào.

Bảy là, cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997 - 1998 là một bài học của CHDCND Lào, cần phải rút kinh nghiệm và sớm điều chỉnh cơ chế chính sách và cơ cấu kinh tế, chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư trong nước và thu hút đầu tư nước ngoài vào Lào hợp lý hơn, phát huy nội lực, tiềm năng của tất cả các thành phần kinh tế nhằm phát triển thương mại, đẩy mạnh xuất khẩu bảo đảm quyền tự do kinh doanh của các doanh nghiệp, mở rộng quyền kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp cho tất cả các doanh nghiệp, các thương nhân chưa phải là doanh nghiệp, không hạn chế về ngành nghề, các thương nhân chưa phải là doanh nghiệp, không hạn chế về ngành nghề, mặt hàng đăng ký kinh doanh, nếu có thị trường và mặt hàng xuất khẩu thì đều được trực tiếp xuất nhập khẩu theo pháp luật, phát huy lợi thế so sánh của Lào và yếu tố quyết định.

Tám là, Nhà nước đặc biệt quan tâm, hỗ trợ phát triển thương mại ở vùng núi, vùng đồng bào dân tộc ít người, vùng sâu vùng xa. Còn khó khăn về kinh tế Nhà nước có chính sách hỗ trợ đưa hàng lên vùng núi cao và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của vùng sâu vùng xa.

Chín là, Nhà nước ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho phát triển thương mại, hỗ trợ tài chính cho phát triển thương mại vùng cao, cho đẩy mạnh xuất khẩu... Cần được thực hiện một cách có hiệu quả, thiết thực, tránh phân tán, chồng chéo. Đặc biệt là việc quản lý, sử dụng các loại quỹ hỗ trợ cùng một lớp đối tượng cần được tập trung vào một đầu mối để thống nhất quản lý để đạt hiệu quả cao.

Những kinh nghiệm thành công của các nước nói trên đều là bài học kinh nghiệm vô giá, là cơ sở lý luận và thực tiễn trong nghiên cứu và hoạch định chính sách, cơ chế quản lý thương mại. Vì đó là bài học kinh nghiệm thiết thực của những nước láng giềng gần núi với Lào, có nhiều điểm tương đồng có thể học tập được.

Chương 2

CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯƠNG MẠI CỦA NƯỚC CHDCND LÀO TRONG THỜI GIAN QUA VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

2.1. KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG KINH TẾ VÀ THƯƠNG MẠI NƯỚC CỘNG HÒA DÂN CHỦ NHÂN DÂN LÀO

2.1.1. Khái quát thực trạng kinh tế - xã hội của Lào trong quá trình chuyển sang kinh tế thị trường

a. Đặc điểm tự nhiên, tác động đến phát triển thương mại của Lào

** Đặc điểm về địa lý, khí hậu và thời tiết*

CHDCND Lào là một nước nằm sâu trong lục địa của bán đảo Đông Dương, với tổng diện tích: 236.800 km², dân số cả nước có 6.277.000 người, mật độ dân số bình quân là 22,7 người/km² cả nước có 18 tỷ thành phố, 142 huyện, 10.873 bản và 865.535 hộ gia đình. Lào có đường biên giới với 5 nước láng giềng: phía Đông giáp Việt Nam dài 2.067 km, phía Tây giáp Thái Lan dài 1.635 km, phía Bắc giáp Trung Quốc dài 391 km, phía Nam giáp Campuchia dài 404 km và Tây Bắc giáp Myanmar dài 228 km, gồm có 22 cửa khẩu chính thức quốc tế và cấp địa phương. Đây lại là một lợi thế khá thuận lợi do ở một vị trí địa lý trung tâm trong việc giao lưu thương mại và hợp tác với các nước láng giềng.

Khí hậu của Lào gồm hai mùa mưa và mùa khô rõ rệt. Mùa mưa từ giữa tháng 5 đến tháng 10 và mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4. Lào không có động đất, không có bão, mà chỉ có mưa lớn, gây lũ lụt nhưng không lớn. Nhiệt độ trung bình mùa mưa 25 - 30⁰C về mùa khô nhiệt độ trung bình từ 20 - 25⁰C. Song trong 2 tháng cuối mùa khô, khí hậu trở nên nóng bức 35 - 38⁰C ở vùng núi phía Bắc tỉnh Phôngxaly nhiệt độ mùa đông thấp hơn khoảng 1 - 2⁰C do chịu ảnh hưởng nhiều hơn của gió mùa Đông Bắc từ Việt Nam và Trung Quốc.

** Tài nguyên thiên nhiên*

Lào là một nước có nhiều sông suối, có mật độ cao và phân bố tương đối đồng đều trên toàn bộ lãnh thổ và một nguồn nước bề mặt rất phong phú, một tài nguyên thủy năng to lớn.

Dòng sông chính lớn nhất của Lào là sông Mê Kông, lớn vào hàng thứ 7 của thế giới, với tổng chiều dài 4.200 km, chảy qua 6 nước (Trung Quốc, Mianma, Lào, Thái Lan, Campuchia và Việt Nam). Đoạn sông Mê Kông chảy trên lãnh thổ Lào có chiều dài là 1.865 km từ tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) chảy suốt từ Bắc chí Nam qua thủ đô Viên Chấm đến tỉnh Champasac, Thác Khonphapheng biên giới Campuchia Sông Mê Kông là tiềm năng lớn về vận tải đường thủy, thủy lợi, du lịch và thủy sản.

Lào còn có các con sông khác từ nậm Ngừm, nậm Sương, nậm U, nậm Thơn, nậm Săn, nậm Nghiệp, nậm Kađing, Sêbăng phay, Sêđôn, Sêkâm, Sêkông, Senămnoi... đều đổ vào sông Mê Kông và có một vai trò rất quan trọng đối với sản xuất và đời sống của nhân dân, trong quá trình phát triển kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp, đặc biệt là tiềm năng to lớn để phát triển năng lượng thủy điện phục vụ công nghiệp hóa - hiện đại hóa và là nguồn điện xuất khẩu mạnh của đất nước Lào sang các nước láng giềng. Nguồn thủy điện có thể được tạo ra từ tổng lưu lượng trên là to lớn. Theo tính toán của Ủy ban Quốc tế sông Mê Kông, trữ năng lý thuyết của phân lưu vực các sông thuộc hệ thống sông Mê Kông có thể lên tới 400 tỷ kwh, đạt mật độ thủy năng 1,8 triệu kwh/km². Đây là một lĩnh vực cần đến đầu tư và hợp tác khu vực và quốc tế trong đầu thế kỷ XXI này.

Lào là một nước có nhiều rừng. Rừng của Lào mọc tự nhiên, gồm nhiều loại gỗ quý cho xuất khẩu: dầu rai, vên vên, sao đen, táu, cẩm lai, trắc, săng lé, dổi, cẩm xe, lim, xẹt, dang hương, mun, sến, thông, pơmu. Hiện nay tổng diện tích rừng là khoảng 5.737.680 ha, trữ lượng gỗ khoảng 315.258.000m³ nhưng mỗi năm diện tích rừng bị phá đốt để làm nương hàng trăm ngàn ha.

Nguồn tài nguyên khoáng sản Lào có gồm 8 nhóm cơ bản: nhóm năng lượng, nhóm kim loại đen, nhóm kim loại màu, nhóm kim loại quý hiếm, nhóm nguyên liệu hóa chất và phân bón, nhóm nguyên vật liệu xây dựng, nhóm chịu lửa, gốm và thủy tinh, nhóm đá quý và nhóm nước khoáng như: than, than bùn, sắt, mangan, đồng chì, kẽm, antimoal, bôxít nhôm, thiếc, vàng, pirit, muối kali, đất sét, sét chịu lửa, đá vôi, thạch cao, caolin, photpho, cát thủy tinh, đá quý xaphia,... nguồn khoáng sản Lào rất phong phú đủ nguyên liệu cơ bản dùng trong công nghiệp sản xuất hàng hóa phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu như vàng, đồng, thiếc, sắt, nhôm, than, phân kali, natri, phân lân, cliker, thạch cao... Vấn đề đặt ra là phải có chính sách ưu tiên đầu tư thương mại, vốn và kỹ thuật để khai thác, sản xuất sản phẩm cho nhu cầu trong nước hay cho nhu cầu xuất khẩu mũi nhọn trong đầu thế kỷ XXI nhằm tạo ra nguồn tích lũy quan trọng phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước... Xét về các yếu tố cơ bản, nếu có chính sách quản lý Nhà nước về Thương mại hợp lý thì trong tương lai CHDCND Lào có thể phát triển thành một nền kinh tế ngang với khu vực do khai thác tốt tài nguyên phục vụ lưu thông buôn bán nội địa và xuất khẩu.

b. Tổng quan về tình hình nền kinh tế của Lào hiện nay

Sự phát triển kinh tế của CHDCND Lào đã trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm của lịch sử đất nước. Sau khi đã giành được độc lập và thành lập nước CHDCND Lào vào năm 1979, Đảng Cách mạng Nhân dân Lào đã lãnh đạo toàn dân tộc phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế được điều hành bằng cơ chế kế hoạch hóa tập trung dựa trên cơ sở của chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa. Những tàn dư và mầm mống của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đều bị xóa bỏ. Trải qua mấy năm đầu nhờ tập trung mọi cố gắng, nỗ lực của toàn dân và sự giúp đỡ của nhiều nước bạn bè, Lào đã giành được thắng lợi trong công cuộc khôi phục và phát triển nền kinh tế sau chiến tranh. Nhưng cơ chế kế hoạch hóa tập trung với sự can thiệp tuyệt đối và quá sâu của Nhà

nước vào nền kinh tế, chưa phản ánh đúng yêu cầu của các quy luật khách quan, không tính đến yêu cầu thị trường, đã ngày càng bộc lộ những mặt hạn chế và yếu kém của nó, đưa nền kinh tế đất nước ngày càng lâm vào tình trạng khủng hoảng, trì trệ, làm lãng phí và sử dụng không có hiệu quả các nguồn lực trong nước cũng như sự trợ giúp đáng kể từ bên ngoài. Từ sau những năm 1989 nền kinh tế Lào bước vào quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế sản xuất nhỏ tự cung tự cấp, với trình độ phát triển và quy mô sản xuất còn nhỏ bé và kỹ thuật còn lạc hậu chuyển sang nền kinh tế hàng hóa vận động theo cơ chế thị trường, mở cửa, hội nhập.

Tốc độ phát triển của nền kinh tế quốc dân không đều đặn, do đó tốc độ tăng trưởng của tổng sản phẩm quốc nội GDP không đều đặn: 1981 - 1985: 5,5%; 1986 - 1990: 4,5%, 1991 - 1995: 6,4%, 1996 - 2000: 6,2%, 2001 - 2007: 6,5%. Tỷ lệ lạm phát khá cao, cán cân thương mại (nhập siêu) trên 13% GDP và thanh toán quốc tế bị mất cân đối nghiêm trọng. GDP đầu người năm 2006 đạt khoảng 320 USD.

Về sản xuất công - nông nghiệp. Tình hình sản xuất nông nghiệp phát triển khá, sản lượng lúa thu hoạch 2,2 triệu tấn, có hệ thống thủy lợi được đảm bảo, có thể tưới cho 91.800 ha tăng 34 lần so với năm 1975. Đảm bảo an ninh lương thực, có dự trữ và xuất khẩu gạo và nông sản khác. Nền công nghiệp đã có bước phát triển, đặc biệt là công nghiệp năng lượng, ba dự án thủy điện mới của nhà nước đã hoàn thành và hoạt động có hiệu quả: thuen-hinboun, huoi họ và nâm lưc, đạt tổng sản lượng điện năng: 1.576 triệu Kwh, tăng gấp 6,4 lần so với năm 1976. Nếu tính chung cả nước, tổng số sản lượng điện được sản xuất trong 2 - 3 năm qua (2002 - 2005) đạt 4.499 triệu Kwh, tăng gấp 14,9 lần so với năm 1976. Về công nghiệp sản xuất hàng hóa và khoáng sản cũng có bước phát triển mới, có 2 nhà máy xi măng với công suất 272.000 tấn/ năm, 9 nhà máy phân vi sinh công suất 56.000 tấn/ năm, nhà máy bia và nước ngọt, 52 nhà máy may xuất khẩu, và các nhà máy khác,...

Về giao thông vận tải, Lào là một nước duy nhất trên bán đảo Đông Nam Á không có bờ biển, đây là một điều khó khăn lớn trong quá trình phát triển kinh tế. Nhưng Lào có điều kiện để phát triển hệ thống mạng lưới giao thông đường bộ, hàng không, đường thủy.

Trong quá trình đổi mới kinh tế, thực hiện chiến lược hướng về nông thôn và mở rộng quan hệ với nước ngoài, Nhà nước đã đầu tư vào cải thiện lĩnh vực giao thông. Năm 2006, tổng chiều dài đường giao thông đạt 26.089,8 km, trong đó có 3.896,9 km đường nhựa, 5.315 km đường đá cấp phối và 16.877,9 km đường đất. Nhiều tuyến đường quốc lộ: Đường QL13, QL 6, 7, 8, 9, 12, 18 B ra phía Đông và cầu cống đang được làm mới và nâng cấp, trong đó có cầu bắc qua sông Mêkông nối Lào với Thái Lan tại Viên Chăn và cầu Mêkông tại thị xã pacsê, hiện nay đang khởi công cầu Mêkông Lào - Thái tại thị xã Savaanakhet.

Hệ thống thông tin viễn thông. Năm 2006, cả nước có 54 trung tâm bưu chính viễn thông với dung lượng 56.212 máy, máy bàn 42.131 máy, máy di động 14.773 máy, mật độ phủ sóng trong phạm vi thị xã của 18 tỉnh thành và nối mạng quốc tế.

Tình hình lạm phát. Lào là một nước còn tình trạng lạm phát cao, năm 1989: 19,1%, năm 1993: 6,3%, năm 1995: 6,7%. Nhưng đến 1997 tăng lên 14,2% năm 2002 khoảng: 14%, năm 2005 khoảng 15%, năm 2008 khoảng 16,5%

Quản lý nhà nước về thương mại đã và đang từng bước thay đổi và cải cách về cơ chế, chính sách, pháp luật, phương pháp, công cụ quản lý và tổ chức bộ máy quản lý nhà nước ở các cấp đang trong quá trình chuyển biến và ngày càng tiến bộ.

CHDCND Lào là một nước sản xuất nhỏ, còn nghèo nàn và lạc hậu, trình độ phát triển khoa học - công nghệ còn rất thấp, cơ sở vật chất kỹ thuật yếu kém, thiếu vốn đầu tư, thiếu lực lượng lao động chất lượng cao để thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Đây chính là những khó khăn trong

việc tham gia hợp tác kinh tế khu vực và quốc tế. Từ đó đòi hỏi phải nhanh chóng mở rộng phát triển mạnh mẽ ngành thương mại và dịch vụ, lấy thương mại phục vụ sản xuất nông nghiệp và công nghiệp tăng trưởng; xác định thương mại là trọng tâm để phát triển kinh tế và thực hiện chiến lược công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Về quản lý kinh tế, trong bối cảnh chung của hội nhập và hợp tác kinh tế khu vực và thế giới, nhất là khi Việt Nam và Trung Quốc đạt nhiều thành tựu lớn về đổi mới kinh tế, CHDCND Lào cũng đã thực hiện chiến lược mới, cải cách, đổi mới. Sau khi nước CHDCND Lào được thành lập (2/12/1975), đã tiến hành kế hoạch cải tạo nền kinh tế quốc dân 3 năm (1978 - 1980) và kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1981 - 1985). Mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định nhưng do tư tưởng nóng vội, đốt cháy giai đoạn, chưa thấy được mối quan hệ biện chứng giữa phát triển lực lượng sản xuất và thiết lập quan hệ sản xuất mới, chưa thấy được vai trò tích cực của quan hệ thị trường, vì thế đã hình thành nên một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp và dựa trên chế độ sở hữu cơ bản là công hữu về tư liệu sản xuất. Tình hình đó không cho phép phát huy được tính năng động sáng tạo của các lực lượng kinh tế, đã làm cho hiệu quả kinh tế - xã hội rất kém và gây ra sự khủng hoảng xã hội. Từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV năm 1986, dưới sự lãnh đạo của Đảng NDCM Lào, nước CHDCND Lào đã tiến hành công cuộc đổi mới kinh tế, chuyển nền kinh tế với chế độ sở hữu đơn nhất sang nền kinh tế thị trường nhiều thành phần, dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, phát triển theo định hướng XHCN. Từ năm 1991 - 1996, nền kinh tế Lào phát triển tương đối nhanh và ổn định. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt 6,5%, nông nghiệp tăng 3,4% công nghiệp 13% và dịch vụ 7%, lạm phát giảm xuống đáng kể. Tỷ lệ thu ngân sách tăng từ 10% GDP năm 1990 lên 13% năm 1996. Cán cân thanh toán với nước ngoài được cải thiện, mất cân đối từ 18%

năm 1990 giảm xuống còn 11% năm 1997. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng lên 7 lần, từ 55,7 triệu USD năm 1986 lên 390 triệu USD năm 1997, nếu so với năm 1975 thì tăng lên 40 lần. Từ năm 1985 đến nay, nền kinh tế Lào có sự chuyển biến tích cực hơn, song về cơ bản thì vẫn là một nước nông nghiệp kém phát triển và còn chiếm tỷ trọng cao so với công nghiệp và dịch vụ. Cơ cấu kinh tế của CHDCND Lào thời kỳ 1985 - 2008 như sau:

Bảng 2.1: Cơ cấu kinh tế Lào từ 1985 - 2008

ĐVT: %

	1985	1990	1995	2000	2005	2006	2007	2008
Nông nghiệp	70,7	60,7	54,3	51,9	47	40,0	37,5	35
Công nghiệp	10,9	14,4	18,8	22,3	27	34,5	38,5	39,0
Dịch vụ	18,4	24,9	26,9	25,8	26	25,5	24	26
Tổng cộng	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100

Nguồn: Ủy ban Kế hoạch và hợp tác, Báo cáo tổng kết năm 2008

Tuy nền kinh tế đã có sự chuyển biến tích cực nhưng mức huy động vào ngân sách chỉ đạt khoảng 13% GDP, trong khi đó Việt Nam đạt 20%. Do vậy tỷ lệ tích lũy chỉ đạt thấp: 7% GDP. Nguồn đầu tư phải dựa vào viện trợ, vay nợ và đầu tư nước ngoài. Thâm hụt cán cân thanh toán quốc tế so với GDP cao hơn 10%, quá mức giới hạn an toàn theo tiêu chuẩn quốc tế. Dự trữ ngoại tệ ở mức rất thấp so với yêu cầu xuất nhập khẩu. Đây là những nhân tố chủ yếu dẫn đến những yếu kém và hạn chế chung của nền kinh tế, tính thiếu ổn định và trình độ còn rất thấp. Do cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á diễn ra vào năm 1997 và trước hết là từ Thái Lan, ngay lập tức gây phản ứng dây chuyền tiêu cực đến các nước ASEAN và Đông Á, trong đó tác động rất mạnh đến Lào, nước có quan hệ ngoại thương phụ thuộc rất lớn vào Thái Lan. Vì thế trong các năm 1997, 1998, 1999 tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Lào chậm dần. Mức tăng trưởng kinh tế 1997 - 1998 chỉ đạt 5,6%, nông nghiệp tăng 3%, công nghiệp tăng 8% và dịch vụ chỉ tăng 5%. Năm 1999 vẫn chưa cải thiện

được nhiều, GDP tăng chỉ 5,2%, nông nghiệp tăng 5%, công nghiệp 7,5% và dịch vụ 4%. (Trong khi các chỉ tiêu kế hoạch tương ứng là 6 - 7%, 5 - 5,3%, 10% và 10%). Điều đó làm cho GDP tăng theo đầu người cũng giảm dần: 1996: 340 USD (tính theo đồng tiền tương đương sức mua: 1670 USD), năm 1997: 380USD. Năm 1998 GDP: chỉ còn 300USD. Tình hình quan hệ kinh tế đối ngoại suy giảm, đầu tư và xuất khẩu giảm mạnh, các nguồn tài chính bên ngoài đưa vào giảm, cán cân thanh toán quốc tế bội chi lớn, đồng kíp giảm 10 lần trong 3 năm. Từ năm 2002 đến nay, kinh tế Lào đã có sự phục hồi nhưng tốc độ tăng trưởng còn chậm. Thí dụ, tổng sản phẩm chủ yếu của 3 mặt hàng ngũ cốc gồm gạo, ngô và cây có củ, cho thấy năm 1999 tăng trưởng âm so với năm 1998 (99%), năm 2005 đạt 105% so với năm 2000.

Ngành du lịch có tiềm năng lớn nhất là du lịch văn hóa, đang đà phát triển. Năm 2005, số du khách vào Lào 873.400 lượt người. Lào có điểm du lịch tâm cổ quốc tế và quốc gia: Thác Khonpha phêng, Cố đô Luôngphabăng và Vath phu Champasac được công nhận là di sản thế giới. Ngoài ra còn có rất nhiều danh lam thắng cảnh, thiên nhiên khác, du lịch văn hóa,... Du lịch Lào là một ngành kinh tế mũi nhọn quan trọng góp phần tạo tăng trưởng kinh tế bền vững.

Mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn này ở CHDCND Lào là huy động tối đa tiềm năng và tận dụng có hiệu quả lợi thế so sánh, phát huy nội lực để đẩy mạnh tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước; tập trung mọi lực lượng, tranh thủ thời cơ, thực hiện cải cách và đổi mới toàn diện và đồng bộ, thực hiện mục tiêu chiến lược của Đại hội lần thứ VII của Đảng NDCM Lào đề ra từ nay đến năm 2020 là: Tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao, bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng; đưa đất nước vượt qua tình trạng nghèo nàn lạc hậu và kém phát triển; cải thiện đời sống của nhân dân, nâng cao tích lũy dựa vào nội lực trong nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát

triển cao hơn vào thế kỷ sau. Mở rộng giao lưu Thương mại nội địa và quốc tế, đặc biệt là các bạn hàng truyền thống như Việt Nam, Thái Lan, Campuchia, Trung Quốc, Malaixia, Singapore. Chính sách quản lý Nhà nước về Thương mại của Lào phải tập trung vào kích cầu nội địa thông qua đầu tư cơ sở vật chất, giảm thuế, giảm giá, tín dụng v.v...

c. Một số đặc điểm về chính trị - xã hội của CHDCND Lào ảnh hưởng đến chính sách quản lý Nhà nước về Thương mại

**** Chế độ chính trị ổn định***

Ngày 2 tháng 12 năm 1975 là ngày thành lập nước CHDCND Lào. Là Nhà nước dân chủ nhân dân, tổ chức và hoạt động theo cơ chế Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Các bộ phận cấu thành hệ thống chính trị gồm Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các tổ chức xã hội và đoàn thể quần chúng. Trong đó Đảng NDCM Lào là "hạt nhân lãnh đạo" toàn diện.

Cấu trúc nhà nước là bộ phận lớn nhất của hệ thống chính trị. Đây là công cụ điều tiết các quan hệ xã hội, đặc biệt là quan hệ chính trị. Đây là công cụ điều tiết các quan hệ xã hội, đặc biệt là quan hệ chính trị và quan hệ kinh tế. Hệ thống nhà nước CHDCND Lào được xây dựng 3 cấp: Trung ương, tỉnh và huyện; được tổ chức hoạt động theo nguyên tắc thống nhất, tạo thành một cơ chế đồng bộ, "kiêm nhiệm", vừa đảm bảo sự tập trung thống nhất quyền lực, vừa đảm bảo sự phân công phân cấp về trách nhiệm và quyền hạn.

Nhà nước dân chủ nhân dân do dân bầu ra là biểu hiện tập trung nhất quyền lực của nhân dân, là công cụ thực hiện có hiệu lực nhất quyền lực nhân dân, không chỉ trong quan hệ chính trị đối nội, mà cả trong quan hệ quốc tế. Vì vậy, hệ thống chính trị CHDCND Lào mang tính thống nhất cao, thực hiện quyền lực nhân dân, phát huy tính tích cực chính trị cao của quần chúng lao động.

Hiện nay, công cuộc đổi mới đang đặt ra những thử thách, khó khăn mới. Nó đòi hỏi từng bước cải cách bộ máy hành chính nhà nước phù hợp với nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đảng NDCM Lào là Đảng của giai cấp công nhân, nông dân và trí thức yêu nước, là Đảng Mác - Lênin chân chính, người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Lào, xây dựng đất nước Lào theo định hướng XHCN: Hòa bình, độc lập, dân chủ, thống nhất và thịnh vượng. CHDCND Lào có nền chính trị ổn định, là một nhà nước dân chủ nhân dân, nhà nước pháp quyền với đầy đủ hệ thống pháp luật, hiến pháp XHCN, luật hình sự, bộ luật kinh tế, luật đầu tư nước ngoài,.... Lào là một nước yêu chuộng hòa bình, có mối quan hệ tốt với các nước láng giềng, các nước ASEAN, trong đó mối quan hệ và hợp tác toàn diện với cộng hòa XHCN Việt Nam là đặc biệt.

** Đặc điểm về xã hội Lào đa sắc tộc - đạo Phật là quốc giáo*

Tuyệt đại bộ phận (80%) dân số Lào sống ở nông thôn, trong đó khoảng 1/2 sống ở vùng đồi núi, quy tụ trong các bản nhỏ vài chục hộ rất cách xa nhau và còn canh tác theo kiểu du canh, du cư. Dân thành thị có khoảng 20% tập trung ở các thành phố, thị xã lớn như Viên Chấm, Xavanakhết, Pắc Xế, Khăm Muộn và Luôngphabăng... Nhìn chung dân cư ở các thành phố chủ yếu là dân cư buôn bán, dịch vụ và thủ công nghiệp. Tương quan giai tầng xã hội cũng có sự biến đổi do tác động của kinh tế thị trường, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần. Một đặc điểm rất quan trọng của dân cư ở Lào là bao gồm nhiều dân tộc, bộ tộc (khoảng gần 70 dân tộc, bộ tộc). Trong đó có 3 dân tộc lớn: Dân tộc "Lào lùm" đa số chỉ chiếm trên 50%, "Lào thuâng" và "Lào Súng". Giữa các dân tộc và bộ tộc, trình độ phát triển kinh tế chênh lệch nhau, có bản sắc văn hóa phong tục tập quán và thị hiếu tiêu dùng rất khác nhau.

Ngoài ra còn có ngoại kiều, trong đó nhiều nhất là Việt kiều và Hoa kiều, hầu hết sống ở một vài thành phố biết làm ăn kinh doanh buôn bán và đã đóng góp tích cực trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước Lào, thực hiện chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước Lào đề ra, họ gắn bó và trưởng thành theo sự phát triển của những thành phố đó.

Tôn giáo ở Lào chủ yếu là đạo Phật. Đất nước Lào tự hào coi đạo Phật là quốc giáo nên giữ vai trò đặc biệt trong đời sống tinh thần và tư tưởng, sự sãi

được nhân dân sùng kính. Mỗi làng bản đều có chùa (hơn 2.000 ngôi chùa lớn nhỏ), là sinh hoạt văn hóa không chỉ trong truyền thống mà còn cả hiện tại. Chùa không chỉ là trung tâm chính trị, tôn giáo và văn hóa mà còn là một trong những nhân tố tạo dựng nên đất nước, con người và lịch sử Lào.

2.1.2. Khái quát thực trạng quản lý Nhà nước về thương mại của Lào từ năm 1986

a. Tình hình quản lý Nhà nước về thương mại nội địa

Cơ sở để hoạt động thương mại chính là sự phát triển của sản xuất và dịch vụ chung của nền kinh tế. Thời kỳ 1986 - 2006 là thời kỳ thương mại trong nước có những biến đổi sâu sắc. Do sự chuyển đổi căn bản cơ chế kinh tế, từ cơ cấu sở hữu cho đến phương thức vận hành của nền kinh tế cũng như các chính sách quản lý Nhà nước về thương mại, chuyển từ quản lý kế hoạch hóa tập trung cao độ sang kiểu kinh tế thị trường có sự điều tiết vĩ mô của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Chuyển sang quản lý nền kinh tế thị trường có sự điều tiết vĩ mô từ năm 1986 đến nay, nền thương mại đã có nhiều khởi sắc sức Cung và Cầu đều tăng lên. Sản lượng lúa năm 1985 đạt 1396,2 ngàn tấn, năm 2000 đạt 2230 ngàn tấn. Sản lượng Ngô năm 1985 đạt 33,3 ngàn tấn, năm 1998 đạt 109,9 ngàn tấn. Sản phẩm rau quả 39,4 ngàn tấn năm 1985, 255,2 ngàn tấn năm 2000. Thuốc lá: 58,4 ngàn tấn/ năm 1990, 26,6 ngàn tấn/năm 95,398 ngàn tấn năm 2000. Trao đổi lưu thông hàng hóa dịch vụ được phản ánh ở bảng sau:

Bảng 2.2: Sản lượng nông sản chủ yếu của Lào

Đơn vị: Ngàn tấn

	1976	1980	1985	2000	2005	2007
Lúa	660,9	1053,1	1396,2	2230	2530	2630
Ngô	30,4	28,4	33,3	109,9	129,9	150,5
Rau quả	28,4	42,6	39,4	225,2	250,2	300,2
Thuốc lá	5,6	16,6	28,4	34,8	35,8	38,8
Cà phê	2,8	4,4	6,1	17,5	18,5	25,5
Chè		0,3	6,1	0,4	0,5	1,0
Lạc	3,461	7,93	5,196	15,362	16,362	18,3

(Nguồn số liệu: Trung tâm thống kê quốc gia Lào 1975 - 2008, tr64, 65)

Như vậy, khối lượng sản phẩm nông nghiệp từ năm 2005 đã tăng lên đáng kể, nó tạo nguồn lương thực và thực phẩm cho tiêu dùng tại chỗ và tham gia trao đổi hàng hóa dưới hình thức thương mại.

Giá trị lưu chuyển hàng hóa trên thị trường nội địa thời kỳ 1985 - 1990 đã có sự phát triển mạnh, trong giai đoạn 1990 - 2005 tăng ổn định, với mức tăng trưởng bình quân 6,5%/năm. Năm 2005 phân lương thực và thực phẩm chiếm một tỷ lệ khá ổn định trong tổng trị giá lưu chuyển hàng hóa xã hội là 37%, gấp 3 lần năm 1990 và 8 lần so với năm 1985;

Cơ cấu hàng hóa giá trị bán lẻ giữa 2 nhóm hàng lương thực - thực phẩm với các hàng hóa khác theo tỷ lệ khoảng hơn 60% và dưới 40%. Điều này phản ánh trình độ tiêu dùng của dân cư còn thấp, mức sống rất thấp. Thu nhập của dân cư chủ yếu dùng để mua hàng lương thực, thực phẩm. Trong khi đó ở những nước phát triển cao thì cơ cấu giá trị tiêu dùng giữa 2 nhóm nếu trên phải là ngược lại. Tuy nhiên, trình độ tiêu dùng đó cũng có tác dụng trong việc giữ ổn định thị trường khi có biến động tài chính và thương mại từ bên ngoài như những năm 1997 - 1998. Vào những năm gần đây thị trường nông thôn phát triển tương đối ổn định, song cơ cấu tiêu dùng vẫn chưa có biến chuyển tích cực hơn.

Sự phát triển của mạng lưới kinh doanh thương mại đã có bước tiến bộ, có trung tâm thương mại khá lớn tại các thành phố, thị xã, tại 142 quận huyện đều có chợ mua bán hàng hóa từ 1 đến 3 điểm trở lên, trên các trục đường quốc lộ và biên giới với các nước đều có mạng lưới kinh doanh thương mại dưới hình thức chợ đường biên. Về số lượng đơn vị kinh doanh thương mại thuộc các thành phần kinh tế cũng ngày càng phát triển. Tổng số đơn vị đăng ký kinh doanh thương mại (công ty thương mại) (gồm cả nội và ngoại thương) (gồm cả nội và ngoại thương) năm 1996: 100 công ty; 1998: 138 công ty, 1999: 168 công ty, 2000: 240 công ty, 2001: 271 công ty và năm 2005: 487 công ty, với tổng số vốn đăng ký là: 585.905 triệu kip Lào.

b. Tình hình phát triển thị trường, cơ cấu và mặt hàng xuất nhập khẩu và thương mại quốc tế của Lào.

Quan điểm kinh tế đối ngoại của Đảng NDCM Lào đã được thể hiện tại văn kiện Đại hội lần thứ VI của Đảng là:

Chúng ta cần mở rộng quan hệ hợp tác kinh tế đa dạng với các nước trên cơ sở bảo đảm hiệu quả và lợi ích của đối tác một cách hợp lý. Trước hết là tăng cường hợp tác với các nước láng giềng và các nước khu vực Đông Nam Á trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và không can thiệp công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và đôi bên cùng có lợi, cùng tồn tại hòa bình. Tăng cường quan hệ hữu nghị, tình đoàn kết đặc biệt với CNXH Việt Nam. Phát huy tình đoàn kết hữu nghị, hợp tác toàn diện với Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa... Coi trọng quan hệ hữu nghị và phát triển, hợp tác, với các nước láng giềng khác.

Trong quan hệ kinh tế thương mại với các nước trên thế giới và khu vực, Đảng và Nhà nước CHDCND Lào thể hiện sự nhất quán, vì một mục đích chung là hòa bình, hợp tác, ổn định và phát triển, trong khi kiên trì bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, luôn luôn đảm bảo kết hợp hài hòa với những lợi ích quốc tế chân chính.

Do hoàn cảnh địa lý đặc biệt, không mấy thuận lợi về giao lưu thương mại (không có biển) và đường biên giới nói chung là núi cao, kinh tế còn nặng về tự cung - tự cấp, Đảng và Nhà nước Lào đặc biệt chú ý đến quan hệ chính trị, an ninh và quan hệ kinh tế với các nước láng giềng. Trong khi tuân thủ những nguyên tắc chung hợp tác, hữu nghị với các nước, Lào chú trọng quan hệ khu vực, có chú ý đến quan hệ đặc thù với từng nước. Tính tế nhị và nhạy cảm trong quan hệ chính trị - an ninh cũng được vận dụng vào trong các quan hệ thương mại với các quốc gia, trước hết và đặc biệt với các nước láng giềng.

Chính sách quản lý Nhà nước về thương mại của Lào vì lợi ích kinh tế nhưng có quan hệ hữu cơ với chính trị, thương mại phát triển là cơ sở để mở rộng giao lưu hàng hóa, ổn định đời sống, phát triển kinh tế. Với chính sách quản lý Nhà nước về thương mại đặc biệt là lĩnh vực kinh tế đối ngoại có sự thay đổi mềm dẻo, CHDCND Lào có điều kiện tham gia tích cực vào phân

công và hợp tác kinh tế - thương mại có hiệu quả với Việt Nam, Trung Quốc, Thái Lan, Myanmar, Campuchia.

Đảng và Nhà nước Lào coi quản lý Nhà nước về thương mại là một bộ phận quan trọng của chính sách phát triển kinh tế.

Mặc dù tình hình thị trường nội địa của CHDCND Lào còn thấp kém, song quản lý ngoại thương của Lào trong những năm đổi mới kinh tế của đất nước đã có những tiến bộ rõ nét, có ảnh hưởng to lớn nhiều mặt đối với kinh tế và chính trị - xã hội.

Sự phát triển ngoại thương của Lào giai đoạn 1986 - 2006 được phản ánh khái quát ở bảng sau:

Bảng 2.3: Kim ngạch xuất nhập khẩu Lào 1986 - 2006

Đơn vị tính: triệu USD

Hạng mục \ Năm	1986	1996	2005	2006
Nhập khẩu	133	690	1.206	1.384
Xuất khẩu	45	321	646	996
Tổng kim ngạch	178	1.011	1.852	2.380

Nguồn: Ngân hàng Thế giới công bố tháng 9/2007

Do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ thế giới và khu vực, do nội lực kinh tế của CHDCND Lào còn yếu kém nên từ năm 1995 đến nay xuất khẩu giảm dần và năm 2000 so với năm 1995, giảm 103,6 triệu USD, tức giảm 29,7%. Điều đó dẫn đến khó khăn cho nhập khẩu, và nhập khẩu cũng giảm từ 587 triệu USD năm 1995 xuống 399,6 triệu USD vào năm 2000, giảm 187,4 triệu USD, tức giảm 31,92%. Nó gây ra một phản ứng dây chuyền là giảm thu nhập ngân sách, giảm tiêu dùng, gây khó khăn cho cả đầu tư xây dựng. Tuy nhiên, đến năm 2005 cả xuất, nhập khẩu đều tăng gần gấp đôi so với năm 2000 nên xu hướng trên đã bắt đầu được điều chỉnh.

Về mặt hàng xuất khẩu chủ lực (xem bảng 2.4) Lào có 4 mặt hàng xuất khẩu chủ lực là gỗ, điện, cà phê và may mặc. Tuy nhiên, việc xuất khẩu gỗ nguyên liệu đã bị hạn chế và chuyển sang chế biến xuất khẩu đồ gỗ. Điện có nhiều tiềm năng về thủy điện nhưng cần có vốn đầu tư lớn. Cà phê có tiềm năng phát triển nhưng thị trường thế giới cung đã vượt cầu. Còn may mặc có nhiều cơ hội phát triển trong những năm tới.

Bảng 2.4: Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng chủ yếu*Đơn vị: Triệu USD*

	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2005	2006
Gỗ	88	125	90	115	55	84	90,5	96,6
Điện	24	20	21	67	91	112	112,2	101,19
Cà phê	21	25	19	48	15	15	10	9,7
May mặc	77	64	91	70	66	79	89	126,16

Nguồn: Những chỉ số chủ yếu về tăng trưởng của khu vực Châu Á - TBD của ADB, 2006. NXB: OXFORD (New York) - 2006.

- Bảng 2.5 cho biết 10 thị trường xuất khẩu và nhập khẩu chủ yếu của CHDCND Lào trong giai đoạn 1995 - 2005.

Bảng 2.5: Các thị trường xuất - nhập khẩu chủ yếu của CHDCND Lào

Năm	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2005
Thị trường							
<i>Xuất khẩu</i>							
1. Nhật Bản	5,3	1,7	6,7	39,3	12,3	11,7	13,7
2. Thái Lan	83,3	96,7	34,3	28,3	50,8	72,1	75,2
3. Việt Nam (1)	87,7	68,0	60,0	144,0	195,0	111,6	191,5
4. Pháp	11,1	8,2	20,0	23,3	18,2	27,1	30,0
5. Đức	12,7	4,8	16,2	21,4	27,0	21,4	29,5
6. Bỉ	-	-	17,9	12,7	13,5	14,3	15,5
7. Anh	0,9	6,6	14,7	7,7	12,5	14,6	15,6
8. Mỹ	5,3	2,7	7,0	20,0	12,6	8,8	10,1
9. ý	0,8	1,0	9,3	9,5	5,9	9,2	9,0
10. Trung Quốc	8,8	0,8	0,3	7,2	8,7	6,7	8,8
<i>Nhập khẩu</i>							
1. Thái Lan	287,8	310,0	336,7	411,3	425,0	419,0	451,0
2. Việt Nam (2)	23,9	120,0	50,0	72,0	164,0	66,4	104,5
3. Nhật Bản	48,8	52,5	10,4	21,0	24,9	27,4	30,5
4. Singapore	15,7	16,9	0,6	22,1	37,0	36,0	40,0
5. Trung Quốc	21,5	23,3	4,9	19,6	24,4	28,7	30,5
6. Pháp	6,2	6,7	1,7	6,2	7,6	27,5	27,0
7. Hồng Kông	7,5	8,1	9,5	8,7	11,0	9,2	10,5
8. Hàn Quốc	2,3	2,5	3,3	5,3	11,9	13,4	15,2
9. Đức	-	-	0,9	15,4	9,4	4,2	5,5
10. Anh	-	-	-	3,5	8,7	11,6	15,5

Nguồn: - Những chỉ số chủ yếu về tăng trưởng của khu vực Châu Á - TBD của ADB, 2006.

- NXB: Oxford (New - York) - 2006

- (1), (2) Tổng cục Hải quan Việt Nam

Về thị trường xuất nhập khẩu, Lào vẫn phụ thuộc nhiều vào Thái Lan. Điều này cũng dễ hiểu, sau khi Liên Xô tan rã, Thái Lan là thị trường xuất khẩu ưu thế nhất, đồng thời là nguồn nhập khẩu và là nhà đầu tư lớn nhất vào Lào. Sau đó là thị trường Việt Nam, Nhật Bản. Về đầu tư, Hoa Kỳ chiếm vị trí thứ hai, sau Thái Lan. Để tận dụng thế mạnh của các nền kinh tế thế giới và tránh những tiêu cực có thể xảy ra do tình hình từng nước, từng khu vực ảnh hưởng tới CHDCND Lào đang thực hiện chiến lược đa phương hóa và đa dạng hóa các quan hệ kinh tế. Đặc biệt là mở rộng quan hệ với các nước ASEAN. Thực ra, mối quan hệ này đã được hình thành từ năm 1975 nhưng nay chỉ mới thực sự phát triển từ thời kỳ 1995 - 2002, sau khi CHDCND chính gia nhập ASEAN.

Mức tăng trưởng trong quan hệ xuất - nhập khẩu của Lào với các nước vẫn còn trong tình trạng khó khăn, vì mức tăng xuất khẩu không ổn định thậm chí còn giảm.

Bảng 2.6: Tổng kim ngạch xuất khẩu của Lào sang các nước ASEAN (1991 - 2006)

Đơn vị tính: triệu USD

Năm	Thái Lan	Việt Nam	Sigapore	Indonexia	Malaysia	Campuchia	Tổng
1991	65,0	15,0	0,02	0	0	0	80,02
1995	83,3	87,7	0,10	0	0,2	0,06	171,2
2000	86,2	144,0	0,20	0,04	0,02	0,09	230,55
2005	90,5	160,0	0,50	0,10	0,15	0,10	251,35
2006	456,04	93,96	16,40	172,80	39,79	33,22	812,21

Nguồn: Tham tán thương mại Lào tại Việt Nam - Tổng cục Hải quan

Việt Nam

Như vậy, tổng kim ngạch xuất khẩu của Lào sang các nước ASEAN đã tăng lên và chiếm 41,3% trong tổng số xuất khẩu.

Nhập khẩu của Lào từ các nước ASEAN cũng phát triển và với quy mô lớn hơn (Xem bảng 2.7)

Bảng 2.7: Nhập khẩu của Lào từ ASEAN (1991 - 2007)

Đơn vị: triệu USD

Năm	Thái Lan	Việt Nam	Sigapore	Indonexia	Malaysia	Campuchia	Tổng
1991	67,1	14,4	40,7	0,96	0,31	0	123,47
1995	287,8	23,9	15,7	0,27	0,27	0,03	330,3
2000	337,8	72,0	1,4	0,95	0,95	0	413,10
2005	355,7	75,0	1,5	1,15	1,20	0	434,55
2006	573,99	147,94	8,41	858,67	6,16	37,14	1632,31

Nguồn: - Tham tán Thương mại Lào tại Việt Nam - Tổng cục Hải quan

Việt Nam

Cơ cấu nhập khẩu theo thời gian từ năm 1991 đến 2005 đã tăng 3,51 lần, trong đó từ Thái Lan tăng 5,30 lần. Nhập khẩu từ Việt Nam đã có chuyển biến nhiều, năm 1991 đạt 14,4 triệu USD nhưng đến năm 2005 đạt 75 triệu USD, mấy năm vừa qua đã có sự tăng lên đáng kể. Quan hệ xuất nhập khẩu Lào - Campuchia chưa có gì đáng kể. Rõ ràng những con số trên đây nói lên những hạn chế trong quan hệ kinh tế giữa Lào với các nước ASEAN.

Cán cân thương mại của Lào từ nhiều năm qua cho đến nay đang ở trong tình trạng nhập siêu. Đó là vấn đề khách quan không thể tránh khỏi đối với Lào là một nước chậm phát triển, đang thu hút đầu tư nước ngoài và khuyến khích đầu tư trong nước, đầu tư về thiết bị, công nghệ, nguyên nhiên vật liệu, phục vụ sản xuất hàng hóa, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, tạo điều kiện tiên đề cho sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Tỷ trọng nhập khẩu phục vụ sản xuất hàng hóa xuất khẩu thì ngày càng tăng, tỷ trọng nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng thì có xu hướng giảm rõ rệt. Trong năm 2002 tỷ trọng nhập hàng hóa tiêu dùng chỉ chiếm 36%, tỷ trọng nhập máy móc thiết bị cho đầu tư chiếm 64% tổng kim ngạch nhập khẩu. Cơ cấu hàng xuất khẩu chủ yếu là nông lâm

sản dạng nguyên liệu thô (gỗ tròn, gỗ hộp, cà phê hạt, hạt sa nhân...) chưa có sản phẩm hàng hóa sản xuất hoàn chỉnh để xuất khẩu. Tuy nhiên chỉ có một số mặt hàng xuất khẩu qua chế biến nhưng hàm lượng nguyên liệu trong nước và chất xám rất ít (hàng may mặc) mà thực chất chỉ là gia công cho nước ngoài. Điều này cũng phản ánh sự khó khăn và phức tạp, phản ánh sự tụt hậu về kinh tế của Lào, đòi hỏi phải có những chính sách thích hợp để phát huy có hiệu quả nguồn tài nguyên phong phú cũng như tinh thần lao động cần cù của nhân dân Lào.

Một đặc điểm của quan hệ kinh tế đối ngoại của CHDCND Lào là thời gian qua đã có sự thay đổi cơ bản trong quan hệ bạn hàng. Thời kỳ từ 1991 với sự chấm dứt của Tổ chức Hội đồng tương trợ kinh tế các nước XHCN, quan hệ kinh tế giữa Lào với các nước Liên Xô cũ và Đông Âu chuyển sang quan hệ thị trường hoàn toàn, và đồng thời khối thị trường này cũng giảm sút nhanh chóng. Tổng kim ngạch buôn bán với khu vực này từ 90 triệu USD năm 1990 giảm xuống chỉ còn 4 triệu USD năm 1992. Toàn bộ số thâm hụt đó được bù đắp và tăng thêm bởi thị trường ASEAN và các thị trường khác.

Hoạt động nhập khẩu Lào trong suốt thời gian từ 1986 đến nay đã đạt được một số thành tích đáng kể. Góp phần tác động trực tiếp đối với sự tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân. Nhờ có chính sách thương mại nhất quán và đúng đắn của Đảng và Nhà nước Lào, mối quan hệ và hợp tác thương mại (ngoại thương) song phương và đa phương trong khu vực quốc tế đã có những bước phát triển và ngày càng được mở rộng. Đến nay CHDCND Lào đã mở rộng thị trường xuất nhập khẩu với 60 nước, đã thiết lập mối quan hệ ngoại thương chính thức giữa hai chính phủ với 17 nước trên thế giới, đặt cơ quan tham tán thương mại thường trú tại 5 nước như: Cộng hòa XHCN Việt Nam, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Vương quốc Thái Lan, Cộng hòa Liên Bang Nga và Cộng hòa Pháp.

Lào đã là thành viên khu thương mại tự do ASEAN (AFTA) và đang chuẩn bị điều kiện để gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO.

Có thể nói thương mại xuất nhập khẩu Lào đã góp phần đắc lực vào việc thực hiện chính sách kinh tế đối ngoại của Đảng, có vị thế và uy tín mới trong tiến trình hội nhập thị trường khu vực và quốc tế; góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước, phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân; tuy cán cân thương mại nhập siêu khá lớn nhưng đó là một tất yếu khách quan, mang tính tích cực và chấp nhận được.

Về sự phát triển của thương nhân ở Lào, từ năm 1989 chính sách thương nhân đã có sự cải tổ rất căn bản. Chính phủ đã đề ra chương trình tư nhân hóa toàn bộ các doanh nghiệp nhà nước, chỉ trừ 12 doanh nghiệp nhà nước quan trọng. Chính sách thương mại được tự do hóa rộng rãi. Tất cả các hoạt động nội, ngoại thương đều được tự do hóa (trừ một số hạng mục đặc biệt). Đến cuối năm 2005, chỉ còn xuất khẩu gỗ là vẫn bị hạn chế về số lượng, còn về nhập khẩu chỉ quy định hạn ngạch về xăng dầu, sắt, gạo, ô tô, xe máy nguyên chiếc và linh kiện. Ngoài các mặt hàng khác thì Nhà nước quản lý nhập khẩu theo nguyên tắc cân đối trị giá xuất và nhập khẩu chung cả nước hay một vùng lãnh thổ trong một thời kỳ kế hoạch nhất định.

2.2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯƠNG MẠI Ở CHDCND LÀO

2.2.1. Thực trạng chính sách quản lý thương mại trong thời kỳ kinh tế kế hoạch hóa tập trung

Trong thời kỳ nền kinh tế bao cấp tập trung tràn lan. Chính sách và hệ thống quy phạm pháp luật, cơ chế quản lý về thương mại có một số đặc điểm sau:

Một là, coi thương mại là một cơ quan phân phối của Nhà nước, phân phối hàng hóa cho nền kinh tế quốc dân, là hậu cần và bà vú của nền kinh tế, của người tiêu dùng.

Hai là, Nhà nước tạo điều kiện cho hoạt động thương mại bằng cách tạo ra hệ thống cơ sở vật chất, tài chính, tiền tệ ổn định, từ đó hiệu quả hoạt động không cần quan tâm lỗ lãi đều do Nhà nước chịu.

Để bảo đảm ổn định cho phát triển kinh tế, Chính phủ CHDCND Lào đã tiến hành lần lượt các biện pháp như thu đổi tiền. Đã hai lần thu đổi tiền để

thống nhất hệ thống tiền tệ, đảm bảo sự độc lập của hệ thống tài chính và ngân khố quốc gia. Chính nhờ biện pháp này nên đã tạo ra tiền đề quan trọng đầu tiên cho hệ thống tài chính - tiền tệ và hoạt động thương mại.

Ba là, Nhà nước độc quyền ngoại thương. Việc Nhà nước trong hoàn cảnh nhất định nắm độc quyền ngoại thương là phương sách hữu ích để kiểm soát đối với lưu thông hàng hóa và đối với toàn bộ đời sống kinh tế - xã hội.

Chính sách độc quyền ngoại thương này là phổ biến đối với các nước XHCN. Nó trở thành một nguyên lý bất di bất dịch trong quản lý kinh tế XHCN. Tuy nhiên, sự thành công của nó tùy thuộc vào sự vận dụng cụ thể. Nhà nước Lào đã thực hiện một cách triệt để, cứng rắn trong việc độc quyền ngoại thương.

Bốn là, Nhà nước Lào chú trọng xây dựng, phát triển củng cố hệ thống thương mại quốc doanh và thương mại tập thể.

Năm là, thương mại mang tính hình thức, thực chất là hệ thống phân phối cung cấp hàng hóa. Quan hệ hàng - tiền trong hoạt động thương mại không phản ánh đúng giá trị thực của nó, lãi giả lỗ thật là phổ biến.

Hệ thống các cửa hàng thương mại quốc doanh và hợp tác xã mua bán thực chất là các đơn vị làm chức năng phân phối, thu phát tem phiếu và cung cấp sản phẩm. Thương mại chỉ mang tính hình thức, cũng có dùng đến tiền, có mua - bán. Song thương nghiệp không dựa vào quan hệ giá trị, giá cả tách rời gần như hoàn toàn và không phản ánh giá trị hàng hóa. Các chỉ tiêu giá cả và giá trị chỉ mang tính quy ước, chỉ có ý nghĩa quy đổi hiện vật và ý nghĩa thống kê.

Sáu là, Thương mại làm chức năng phục vụ, là nội trợ cho xã hội mang tính xã hội. Chức năng phục vụ xã hội là đặc điểm nổi bật của thương mại XHCN trong thời kỳ bao cấp. Trên thực tế nó đã có tác dụng tích cực phục vụ nhân dân, đặc biệt đối với tầng lớp xã hội cần được ưu tiên cung cấp. Tính doanh lợi của hoạt động thương mại không được đề cao đúng mức, nói cách

khác là bị xem nhẹ. Các chỉ tiêu lợi nhuận và khuyến khích vật chất có được đề cập song chưa trở thành những động lực mạnh mẽ thúc đẩy hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

Bấy là, chính sách quản lý Nhà nước về thương mại thực chất là một hệ thống cơ chế phân phối hàng hóa theo chỉ tiêu, theo lệnh dẫn tới quan liêu bao cấp nên thường gây ra thiếu hụt hàng hóa, nghĩa là cung luôn luôn không đáp ứng cầu. Nền kinh tế khan hiếm hàng hóa là một nhược điểm cơ bản của nền kinh tế bao cấp, do giá cả hàng hóa thấp hơn nhiều so với giá trị, mặt khác, cầu lại tăng lên thường xuyên, đặc biệt trong tình hình kinh tế trong nước khó khăn hay nguồn viện trợ bên ngoài không dồi dào. Và do đó, biện pháp bắt buộc của tổ chức quản lý hoạt động thương mại là khống chế cầu. Nó ngược lại với kiểu quản lý Nhà nước về thương mại trong nền kinh tế thị trường là phải kích cầu, tăng sức mua, khuyến khích sự mua hàng. Chính sách ngược đời này trên thực tế đã bắt cầu phải bằng cung để giữ thăng bằng kinh tế xã hội. Đó là chính sách độc đoán chuyên quyền duy ý chí, nó cũng chỉ có giới hạn nhất định. Những sự bất cập trong chính sách giá, chế độ phân phối, tỷ giá ngoại hối và những can thiệp hành chính thiếu cơ sở khoa học đó tích tụ ngày một tăng lên đến mức cầu phải phá cung. Điều đó đòi hỏi phải có cải tiến, cải cách chế độ thương mại, tức là chuyển nền thương mại tập trung quan liêu bao cấp sang nền thương mại theo cơ chế thị trường có sự quản lý điều tiết của Nhà nước. Đó là cách quản lý Nhà nước về thương mại theo Cầu thị trường, Nhà nước căn cứ vào động thái của Cầu để tác động, để điều chỉnh.

2.2.2. Chức năng quản lý Nhà nước và chức năng quản lý kinh doanh trong thương mại

Trước 1987, vấn đề chức năng quản lý nhà nước và chức năng quản lý kinh doanh của công ty rất khó có thể phân biệt được. Điều đó đã gây khó khăn cho các quyền làm chủ trong kinh doanh của các doanh nghiệp. Mọi thứ đều do nhà nước điều khiển và quy định. Sau Nghị quyết Trung ương lần thứ 7

khóa IV, Nhà nước giao quyền tự chủ doanh nghiệp, quy định và tách biệt hai chức năng quản lý của Nhà nước và chức năng quản trị kinh doanh, Nhà nước không được can thiệp quyền tự chủ của doanh nghiệp. Từ đó công việc kinh doanh và quản lý mới thực sự rõ ràng.

- Các cơ quan quản lý Nhà nước về thương mại (Bộ Thương mại và các sở, phòng thương mại) có chức năng quản lý vĩ mô, chủ yếu là điều tiết nhu cầu thông qua các công cụ luật pháp, mức lãi suất, giá cả. Các doanh nghiệp thực hiện chức năng trực tiếp tổ chức quá trình kinh doanh theo pháp luật, theo định hướng của Nhà nước như thuế, lãi suất, giá cả, cái gì có lợi thì làm.

- Nhà nước hoạch định chiến lược, qui hoạch và kế hoạch phát triển thương mại toàn quốc, định hướng mục tiêu của ngành cho thời kỳ 20 năm, 10 năm, 5 năm và kế hoạch hàng năm ở tầm vĩ mô, thực hiện các cân đối lớn về phân phối lưu thông hàng hóa. Các doanh nghiệp tự chủ lên kế hoạch chi tiết theo nhu cầu thị trường. Trong một số trường hợp cần thiết như khủng hoảng tài chính toàn cầu hiện nay Nhà nước can thiệp và điều hòa nhu cầu tổng thể nền kinh tế, kích cầu và ngăn chặn suy giảm kinh tế.

- Nhà nước quản lý thương mại trên quy mô toàn xã hội và thống nhất toàn ngành, kiểm tra, kiểm soát, thông qua hệ thống pháp luật đối với các chủ thể hoạt động thương mại. Tính chất hành chính, cưỡng chế làm rõ ràng. Nhà nước thực hiện sự kiểm tra giám sát đối với tất cả hoạt động thương mại trong nền kinh tế quốc dân. Các doanh nghiệp phải phục tùng và chịu sự quản lý của Nhà nước. Doanh nghiệp phải phục tùng và chịu sự quản lý của Nhà nước. Doanh nghiệp phải nghiêm chỉnh chấp hành luật pháp, các quy định của Nhà nước. Làm đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, với xã hội, với người lao động, ổn định và không ngừng cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở khu vực hoạt động của mình.

Hai chức năng quản lý Nhà nước và chức năng quản lý kinh doanh có mối quan hệ và tác động lẫn nhau và vì mục tiêu chung là phát triển thương mại.

Nhà nước quản lý toàn diện kinh tế, văn hóa, xã hội. Trong đó quản lý kinh tế là vấn đề quan trọng đặc biệt. Do đó chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế là chức năng quan trọng nhất của Nhà nước Lào hiện nay. Lãnh đạo và quản lý nền kinh tế phát triển theo mục tiêu công nghiệp hóa - hiện đại hóa và không bị tụt hậu so với khu vực và quốc tế là mục tiêu xuyên suốt giai đoạn 2001 - 2020 theo đường lối của Đảng nhân dân cách mạng Lào.

2.2.3. Thực hiện chính sách quản lý Nhà nước về thương mại trong thời gian qua

Một là, Nhà nước đã xây dựng và ban hành hệ thống pháp luật khá đầy đủ và khá đồng bộ, như luật doanh nghiệp, luật thuế, luật hải quan, quy định về xuất nhập khẩu, lưu thông hàng hóa trong nước, các văn bản dưới luật của chính phủ, Bộ Thương mại, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác... Tạo môi trường và hành lang pháp lý cho kích Cầu thương mại theo cơ chế thị trường... thành hệ thống, nhất quán và tương đối ổn định.

Hai là, căn cứ chủ trương, chính sách của Đảng và mục tiêu kế hoạch định hướng của Nhà nước, xây dựng chiến lược phát triển ngành thương mại. Hoạch định các chương trình mục tiêu phát triển ngành thương mại cho các giai đoạn 2001 - 2005, 2010 và đến năm 2020 bao gồm: ***chiến lược phát triển thương mại trong nước, chiến lược đẩy mạnh xuất khẩu và hợp tác quốc tế, chiến lược thương mại biên giới, chiến lược dịch vụ tạm nhập tái xuất, chiến lược phát triển khu thương mại tự do.***

Ba là, thực hiện đăng ký kinh doanh thương mại cho các thương nhân theo ở hai cấp. Cấp Trung ương đăng ký tại Bộ Thương mại, cấp địa phương đăng ký tại sở thương mại tỉnh, thành phố...

Bốn là, thực hiện điều tiết lưu thông hàng hóa theo quy định của chính phủ và theo quy định của pháp luật. Thực hiện cân đối cán cân thương mại xuất nhập khẩu, can thiệp kịp thời để ổn định thị trường, ổn định sản xuất kinh

doanh, đặc biệt hiện nay là điều tiết lưu thông giảm ứ đọng hàng hóa khó tiêu thụ, giám sát cạnh tranh, chống phá phá giá trên thị trường, bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh, ngăn chặn độc quyền doanh nghiệp.

Năm là, hướng dẫn tiêu dùng. Công tác hướng dẫn tiêu dùng còn rất yếu kém, hầu như nhà nước đã buông lỏng và coi nhẹ việc hướng dẫn tiêu dùng hợp lý, tiết kiệm, phù hợp với điều kiện, trình độ phát triển của nền kinh tế, thu nhập của dân cư. Tất cả đều tuân theo nhu cầu của thị trường một cách thuần túy.

Sáu là, công tác hướng dẫn kiểm tra các hoạt động đo lường và chất lượng hàng hóa lưu thông trong nước và với nước ngoài. Đây là nội dung quan trọng để đảm bảo lợi ích của cả người sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng. Bảo đảm cho hàng hóa lưu thông trong nước và xuất nhập khẩu đúng về số lượng, chất lượng. Thống nhất tiêu chuẩn đo lường số lượng và chất lượng hàng hóa lưu thông.

Bảy là, việc tổ chức hướng dẫn các hoạt động xúc tiến thương mại còn rất yếu kém. Chưa có chính sách cụ thể về xúc tiến tìm kiếm thị trường và hỗ trợ thương mại từ Nhà nước. Nhà nước chưa có chính sách bảo hộ và trợ giúp doanh nghiệp về xây dựng và đăng ký thương hiệu.

Tám là, việc tổ chức thu thập, xử lý cung cấp thông tin và nghiên cứu khoa học về thương mại còn yếu. Chưa có đầu tư nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng những vấn đề chiến lược hoặc những vấn đề bức xúc trong từng thời kỳ để tham mưu cho lãnh đạo bộ, ngành, chính phủ có những quyết sách hợp lý.

Chín là, công tác tổ chức, bộ máy và đào tạo cán bộ quản lý thương mại còn chậm trễ so với yêu cầu cấp bách hiện nay. Thực hiện cải cách nền hành chính quốc gia, cải cách thủ tục hành chính thương mại đã có bước tiến bộ rõ rệt, nhưng việc đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ thương mại thì được coi nhẹ, cho nên dẫn đến tình trạng khủng hoảng thiếu cán bộ, đặc biệt là chuyên

gia về luật pháp, thông lệ quốc tế trong thời kỳ hội nhập khu vực và tự do hóa thương mại toàn cầu.

Mười là, kiểm tra, kiểm soát thị trường. Nội dung này phải được thực hiện thường xuyên, liên tục. Kiểm tra, kiểm soát để thực hiện các tiêu cực trên thị trường. Chống buôn lậu, gian lận thương mại. Đấu tranh kiên quyết triệt để với nạn hàng giả, hàng kém chất lượng lưu thông trên thị trường.

Mười một là, chủ động tham gia đàm phán, ký kết các điều ước thương mại với nước ngoài theo quy định của Chính phủ. Không ngừng củng cố và phát triển quan hệ thương mại giữa Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực, đặc biệt là Việt Nam, Trung Quốc, Thái Lan, EU... Tổ chức các cuộc đàm phán song phương và đa phương với nước ngoài để ký kết các hiệp định thương mại, các quy chế thương mại và các điều ước quốc tế khác. Hiện nay đã có 5 văn phòng tham tán thương mại tại 5 nước. Tổ chức thực hiện các cam kết quốc tế của Lào về thương mại.

Mười hai là, chủ động tham gia đàm phán, ký kết các điều ước thương mại với nước ngoài theo quy định của Chính phủ. Không ngừng củng cố và phát triển quan hệ thương mại giữa cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực, đặc biệt là Việt Nam, Trung Quốc, Thái Lan, EU... Tổ chức các cuộc đàm phán song phương và đa phương với nước ngoài để ký kết các hiệp định thương mại, các quy chế thương mại và các điều ước quốc tế khác. Hiện nay đã có 5 văn phòng tham tán thương mại tại 5 nước. Tổ chức thực hiện các cam kết quốc tế của Lào về thương mại.

Mười hai là, việc tổ chức đăng ký, quản lý và bảo vệ thương hiệu và nhãn hiệu sản phẩm hàng hóa được thực hiện khá đều đặn; nhưng công tác quản lý chất lượng, hàng hóa lưu thông trong nước và hàng hóa xuất, nhập khẩu thì lại còn sơ sài.

Mười ba là, chưa triển khai nhiệm vụ là đại diện và quản lý hoạt động thương mại của các doanh nghiệp Lào ở nước ngoài. Việc tổ chức hướng dẫn

các hoạt động xúc tiến thương mại, môi giới thương mại, tìm kiếm thị trường xuất khẩu rất yếu kém, có thể nói rằng công tác này chưa được coi trọng đúng mức.

Mười bốn là, thực hiện khá tốt công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển thương mại và việc chấp hành pháp luật về thương mại. Nhưng việc xử lý vi phạm pháp luật về thương mại, chống buôn lậu, buôn bán hàng cấm, buôn bán hàng giả lại còn yếu kém.

2.2.4. Cơ chế quản lý Nhà nước về thương mại

Có thể nói, cho đến nay cơ chế quản lý Nhà nước về thương mại CHDCND Lào có những thay đổi cơ bản như sau:

Trong một thời gian khá dài sau giải phóng 1975 - 1986 Nhà nước Lào duy trì quá nặng nề về vai trò quản lý nhà nước theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung - quan liêu, bao cấp, nhận thức một cách duy ý chí giữa cái gọi là "kinh tế kế hoạch" là chủ nghĩa xã hội, "kinh tế thị trường" là chủ nghĩa tư bản.

Do quá thiên vị, nhấn mạnh vai trò quản lý của nhà nước trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung, không thừa nhận tính quy luật và vai trò điều tiết của thị trường, không phát huy được tính sáng tạo và năng động của con người mà chỉ làm cho họ thụ động, chờ đợi, hưởng thụ ăn bám, bình quân hóa, làm không hết năng lực, thiếu trách nhiệm một cách nghiêm trọng, do đó nền kinh tế của đất nước đã trở nên trì trệ, không hiệu quả.

Nhận thấy những sai lầm trong việc xây dựng mô hình kinh tế nói trên và hậu quả của nó, cho nên Đảng và Nhà nước DCND Lào đã mạnh dạn đưa ra chủ trương xóa bỏ cơ chế kế hoạch hóa tập trung - quan liêu, bao cấp, từng bước chuyển sang thực hiện cơ chế thị trường. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV năm 1986 đã chính thức thông qua đường lối đổi mới, *xây dựng cơ chế quản lý mới - cơ chế thị trường dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước*. Việc chuyển đổi căn bản cơ chế hệ thống của thương mại được bắt nguồn từ chương trình tư nhân hóa của Chính phủ, trong giai đoạn này hệ

thống thương mại quốc doanh và hợp tác xã mua bán đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình, đó là việc độc lập quyền hoạt động xuất nhập khẩu, trong lưu thông, phân phối, mua bán, thu mua nội địa.

Trong thời kỳ đổi mới từ năm 1986 đến nay, cơ chế quản lý thương mại đã có những thay đổi cơ bản. Tiến trình cải cách quản lý diễn ra tuần tự và tương đối sớm.

- Trước Đại hội IV, năm 1985, Chính phủ đã có bước tiến căn bản đối với cải cách kinh tế nói chung và cải cách căn bản ngành thương mại. Chính sách này được gọi là cơ chế kinh tế mới (New Economic Mechanism).

Nội dung chính của chính sách quản lý Nhà nước về thương mại bao gồm: Nhà nước không độc quyền trong lưu thông phân phối lương thực; giá cả nhiều loại sản phẩm hàng hóa, được tự do hình thành theo quan hệ cung - cầu.

Nhà nước chỉ còn can thiệp trực tiếp về một vài sản phẩm hàng hóa đặc biệt như vận tải hàng không, giá điện, một số sản phẩm gỗ, xăng dầu.

- Chính sách tự do hóa giá cả được thực hiện trước hết bằng cách Nhà nước điều chỉnh giá các mặt hàng của các doanh nghiệp nhà nước, các hàng hóa của thương mại quốc doanh và hợp tác xã thực hiện mua bán phù hợp với giá thị trường. Bước quá độ đó là chính sách hai giá diễn ra trong thời kỳ 1985 - 1989. Nó làm cho quan hệ mua bán ở các cửa hàng thương mại quốc doanh phần nào trở nên phức tạp. Vì phải duy trì cả thương nghiệp phân phối sản phẩm và bước đầu bán một số hàng theo giá thị trường, nên có giá trung gian. Chẳng hạn như thời kỳ này có 90% tiền lương và thù lao cho người lao động ở khu vực công được nhận dưới hình thức phiếu tiền lương. Các phiếu này có ý nghĩa gần như là chứng phiếu có giá, được mua đi bán lại tại các cửa hàng thương mại quốc doanh. Và hơn nữa, khoảng 60% các hoạt động mua bán giao dịch chính thức giữa các đơn vị kinh tế cũng được thực hiện thông qua phát hành các biên lai, mà các biên lai này cũng có thể được bán lại tại các cửa hàng thương nghiệp quốc doanh như là phiếu mua hàng.

Đến tháng 6/1986 theo quyết định của Chính phủ đã xóa bỏ việc thực hiện giá "cộng chi phí" đối với các doanh nghiệp nhà nước. Và cũng có nghĩa là giá các hàng hóa được mua - bán theo quan hệ cung - cầu. Các hàng hóa do thương nghiệp quốc doanh cung cấp theo định lượng hạn chế cho cán bộ công nhân viên chỉ duy trì cho đến tháng 3/1989. Đến lúc này, các cửa hàng thương mại nhà nước đã được lệnh thu hồi các tem phiếu và trả lại tiền cho người có tem phiếu.

Hệ thống các hợp tác xã mua bán hoạt động như là một bộ phận của thương nghiệp XHCN cũng chỉ phát huy tác dụng cho đến năm 1989. Bởi vì chức năng đại lý cho thương nghiệp quốc doanh không còn giá hàng hóa đã được tự do hóa.

Về ngoại thương, đến tháng 7/1987, liên đoàn thương mại quốc gia Lào vẫn độc quyền về xuất nhập khẩu, độc quyền về thương nghiệp bán buôn. Phân phối không chỉ hàng hóa mà trên thực tế là phân phối thu nhập cho các tầng lớp nhân dân, kể cả với nông dân. Việc mua bán phân phối lương thực, chủ yếu là lúa gạo, đều do các cửa hàng lương thực quốc doanh thực hiện.

Tuy nhiên, với một khối lượng không lớn, các giao dịch nội, ngoại thương không chính thức, hình thành tự phát theo nhu cầu của đời sống kinh tế đã nằm ngoài sự quản lý của các cơ quan chức trách thương mại, ngoài sự kiểm soát của Nhà nước. Sự "vượt rào" này dần dần lớn lên và về sau đã thành lực lượng chính trong thương mại.

** Trong thời kỳ 1989 - 1992 thực hiện bước chuyển dịch căn bản từ cơ chế tập trung cao độ sang cơ chế thị trường.*

Nhà nước Lào đã thực hiện cuộc cải cách phương thức quản lý chuyển từ phương thức quản lý thương mại trước đây là theo kế hoạch mệnh lệnh mang tính chỉ thị sang phương pháp thị trường kết hợp với kế hoạch.

Các phương pháp quản lý thương mại được áp dụng bao gồm: phương pháp kế hoạch hóa mang tính định hướng; phương pháp pháp chế; phương

pháp hành chính; phương pháp kinh tế; phương pháp giáo dục, tuyên truyền và phương pháp kiểm tra, kiểm soát. Trong thực tiễn trong những năm đổi mới 1989 - 1990 đến nay, trong khi chuyển biến sang quản lý theo cơ chế thị trường thì Nhà nước Lào đã sử dụng các phương pháp trên, nhưng sử dụng phương pháp pháp chế còn ở mức độ thấp, còn nặng về phương pháp hành chính là chủ yếu, phương pháp kinh tế cũng đã được sử dụng nhưng chưa được phổ biến. Điều đó thể hiện chưa sử dụng đồng bộ các công cụ đòn bẩy để kích thích lợi ích vật chất của đối tượng quản lý; xử lý trừng phạt vật chất và trách nhiệm vật chất khác; sử dụng mềm dẻo và linh hoạt các công cụ, biện pháp kinh tế, minh bạch hóa (tường minh) các giải pháp kinh tế, các công cụ và biện pháp kinh tế được sử dụng.

Kế hoạch ở đây là kế hoạch định hướng, quản lý theo mục tiêu. Công cụ và phương pháp quản lý vĩ mô mang tính gián tiếp là chủ yếu. Trong quản lý thương mại vẫn phải áp dụng một số biện pháp mang tính hành chính mệnh lệnh nhưng chỉ có giới hạn nhất định. Thí dụ, chống tăng giá những sản phẩm trong lúc nhân dân đang cần và khan hiếm, chống đầu cơ, giả tạo, bảo đảm an toàn thực phẩm, chống và xử phạt hàng lậu, hàng giả, xử phạt trốn thuế... Các công cụ quản lý mang tính gián tiếp tức là tác động vào nguồn cung và nguồn cầu, tác động qua hệ thống lãi suất ngân hàng, lưu lượng tiền lưu thông.

Sự ưu tiên này là ở chỗ: thị trường là tính thứ nhất, kế hoạch là tính thứ hai. Nghĩa là các hoạt động quản lý, nguyên tắc quản lý thương mại phải phục tùng quan hệ cung - cầu. Quan hệ thị trường, về thực chất là quan hệ cung - cầu, là căn cứ thứ nhất để hướng các hoạt động thương mại nhằm giải quyết mối quan hệ này.

Kế hoạch đóng vai trò như là một phương thức để điều tiết quan hệ hàng hóa - tiền tệ, kế hoạch là phương thức để thực hiện giải quyết tối ưu quan hệ cung - cầu.

Thực hiện sự thay đổi mục đích quản lý từ chính sách quản lý vì mục đích xã hội chuyển sang chính sách quản lý vì lợi ích kinh tế cá nhân, doanh

nghiệp kết hợp với lợi ích xã hội. Đây là bước thay đổi tư duy cũ sang tư duy mới về quản lý kinh tế nói chung, chính sách quản lý Nhà nước về thương mại nói riêng.

Trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung, hành chính và mang tính quan liêu bao cấp, nặng về lợi ích chung của xã hội. Điều đó, xét về bản chất là nhằm phục vụ lợi ích quang đại quần chúng nhân dân. Song nó đã xa rời với thực tế là nhà kinh doanh, người lao động làm việc trước hết là vì lợi ích của chính mình. Trong khi trình độ kinh tế còn thấp thì chưa có thể áp dụng chính sách thương mại mang tính phân phối bình quân, mang tính phúc lợi xã hội. Nó triệt tiêu động lực kinh tế là lợi ích vật chất trước hết là lợi ích vật chất trước hết là lợi ích cá nhân người lao động. Cơ chế mới trong quản lý thương mại là lấy lợi ích kinh tế làm động lực, làm mục tiêu cơ bản của quản lý. Nói cách khác, mục đích của quản lý thương mại là tạo ra hiệu quả kinh tế cao. Đó là mục tiêu trước tiên. Hiệu quả cao tức là doanh lợi, và lợi nhuận. Vấn đề lợi nhuận đã trở thành một mục tiêu không thể thiếu của hoạt động kinh doanh thương mại. Kết quả của quá trình cải cách kinh tế nói chung và đổi mới hoạt động thương mại nói riêng phải đặt chỉ tiêu hiệu quả kinh tế là cơ bản nhất. Các hệ tiêu chí của nó là khối lượng lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, mức tăng trưởng, nhịp độ tăng trưởng, cùng với các tiêu chí khối lượng chu chuyển, mức vốn, mức tích lũy, thu nhập của người lao động... Lẽ dĩ nhiên, hiệu quả kinh tế của quản lý thương mại chỉ là mục đích trung gian. Mục tiêu cuối cùng vẫn là mục tiêu xã hội, vì con người, vì đời sống xã hội, mỗi cá nhân. Không có đối lập giữa mục tiêu kinh tế trực tiếp với mục tiêu xã hội mang tính gián tiếp.

2.2.5. Chính sách quản lý Nhà nước về thương mại từ năm 1986 đến nay

Tuy chuyển sang cơ chế thị trường chậm, nên còn ít kinh nghiệm, khó tránh khỏi nhiều lúng túng vướng mắc trong quản lý. Tuy vậy, trong hơn 15 năm, kể từ 1986, khi thực hiện chính sách đổi mới, nhà nước Lào đã có những cố gắng lớn, đưa ra các thiết chế cơ bản và ban hành các chính sách quan

trọng cho việc quản lý thương mại. Luật doanh nghiệp, luật ngân hàng, cải cách về thuế, hệ thống thuế được đơn giản hóa đã tạo thuận lợi cho quản lý nhà nước trong lĩnh vực thương mại. Sau đây là những chính sách chủ yếu được Nhà nước ban hành và triển khai thực hiện trong suốt thời kỳ đổi mới từ năm 1986 trở về đây.

Toàn bộ sự chuyển biến chính sách quản lý Nhà nước về thương mại trong thời kỳ từ năm 1986 đến nay là chuyển từ chính sách phân phối hàng hóa sang chính sách quản lý Nhà nước về thương mại theo cơ chế thị trường. Nội dung tự do hóa thương mại bao gồm: Tự do kinh doanh thương mại; tự do lưu thông hàng hóa; tự do giá cả, khối lượng; tự do tìm đối tác v.v... Nhưng tự do hóa thương mại không có nghĩa là thoát ly sự quản lý nhà nước, mà là tự do trong khuôn khổ pháp luật, theo sự quản lý của Nhà nước. Nhà nước sẵn sàng can thiệp khi thấy cần thiết để tránh sự hiểm nguy cho nền kinh tế.

Đây là chính sách rất quan trọng được Nhà nước Lào ban hành trong lĩnh vực quản lý thương mại. Đối với thương nhân Lào, theo chính sách hiện hành quy định: cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; pháp nhân, tổ hợp tác, hộ gia đình có đủ điều kiện để kinh doanh thương mại thì được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và trở thành thương nhân. Chính sách này đã khuyến khích rộng rãi các tổ chức, cá nhân hoạt động thương mại trong 15 năm qua. "Dân được làm tất cả những ngành nghề luật pháp không cấm".

Với những chính sách tự do thương mại được ban hành từ cuối năm 1992, Đảng và Nhà nước Lào đã ban hành nhiều chính sách, quyết định quan trọng cụ thể theo hướng khuyến khích mở rộng lưu thông hàng hóa, mở rộng quyền của mọi tổ chức kinh tế và công dân được đăng ký kinh doanh thương mại dịch vụ; Nhà nước bảo hộ các quyền kinh doanh hợp pháp, tạo điều kiện bình đẳng trong vay vốn, mở tài khoản tại ngân hàng và thuê mướn lao động.

Khẳng định tự do lưu thông là tự do trong khuôn khổ pháp luật. Thời gian gần đây, Nhà nước đã ban hành nhiều luật, pháp lệnh và Chính phủ Lào ban hành nhiều nghị quyết, nghị định, quyết định tổ chức lại công tác quản lý thị trường, chống đầu cơ buôn lậu, chống gian lận thương mại. Pháp luật nhà nước đã thể hiện chính sách tự do lưu thông theo pháp luật của các thành phần kinh tế. Kể từ ngày Luật thương mại của Lào có hiệu lực đã tạo ra cơ sở pháp lý để phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước.

Chính sách quản lý nhà nước về thương mại Lào đã được ban hành và áp dụng hiện hành. Đây là cơ sở pháp lý cho hoạt động thương mại.

- Nghị định số 205/TT ngày 11/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ Lào "Về quản lý Nhà nước đối với hoạt động xuất nhập khẩu".

- Nghị định số 206/TT ngày 10/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ Lào về "Kinh doanh thương mại trong nước".

Theo các chính sách này Chính phủ Lào cho phép mọi công dân đều có quyền làm ăn kinh doanh thương mại, tự do lưu thông hàng hóa theo pháp luật. Có thể nói bước phát triển về chính sách tự do hóa thương mại ở Lào càng ngày thêm sâu sắc.

Thực hiện chủ trương của Đảng nhân dân cách mạng Lào đề ra tại Đại hội lần thứ VII của Đảng về cải cách hành chính Nhà nước là "phải tập trung tăng cường hiệu lực của pháp luật và hiệu lực của pháp luật và hiệu lực quản lý hành chính Nhà nước. Tiếp tục hoàn thiện bộ máy hành chính Trung ương, địa phương và cơ sở, quy định rõ chức năng, phân cấp quản lý về quyền hạn của các cấp để đảm bảo việc xử lý giải quyết vấn đề được đúng đắn và kịp thời, có kỷ luật kỷ cương, trong sạch nghiêm minh, phù hợp với cơ chế thị trường và có sự kiểm tra đôn đốc toàn diện, xây dựng cơ chế phối kết hợp giữa các ngành Trung ương với nhau, giữa các cấp quản lý Nhà nước với nhau một cách nhất quán kháng khí; sử dụng công nghệ và phương pháp quản lý Nhà

nước với nhau một cách nhất quán khăng khít; sử dụng công nghệ và phương pháp quản lý hiện đại trong quản lý Nhà nước. Hạn chế triệt tiêu căn bệnh quan liêu, làm việc thông qua nhiều cấp nhiều khâu và các tệ nạn tham nhũng.

Để định hướng đúng đắn cho thương mại trong hai thập kỷ tới, năm 2002 Bộ Thương mại có dự thảo và tình Chính phủ về "Chiến lược phát triển thương mại Lào đến năm 2020" gồm những định hướng mục tiêu chiến lược như sau: chiến lược phát triển thương mại trong nước, chiến lược phát triển xuất khẩu và hợp tác quốc tế, chiến lược phát triển khu thương mại tự do, chiến lược phát triển mậu dịch biên giới, chiến lược dịch vụ tạm nhập tái xuất và quá cảnh.

Từ chiến lược này, các chính sách phát triển thị trường được hình thành và cụ thể hóa trong từng thời kỳ. Lào coi trọng phát triển thị trường truyền thống với Việt Nam, Thái Lan, Campuchia, Trung Quốc, Miến điện, Liên bang Nga v.v... Tuy nhiên, Lào cũng chú trọng mở các thị trường mới như Mỹ, Nhật Bản, Niudilân, Malaixia, Singapore v.v...

Bên cạnh chính sách phát triển thị trường, Lào cũng chú trọng chính sách phát triển mặt hàng, đặc biệt chú trọng những mặt hàng mà Lào có thế mạnh như gỗ, một số loại quặng, hàng thủ công mỹ nghệ v.v... Lào chú ý về mặt mẫu mã và chất lượng các sản phẩm hàng hóa, chú ý phát triển thương hiệu hình ảnh Lào trên thị trường trong và ngoài nước.

Về chính sách đối tác, Lào chú ý phát triển các đối tác có thế mạnh cả về vốn, kỹ thuật, công nghệ và quản lý vừa giao lưu buôn bán, vừa học hỏi đúc rút kinh nghiệm. Thường xuyên tổ chức các hội thảo, hội chợ và tham gia các hội chợ để quảng bá sản phẩm và giao lưu đặt hàng, ký kết hợp đồng với các đối tác. Chính sách thị trường và thương mại quốc tế. Chính sách thương mại quốc tế nhất quán và đúng đắn do Nhà nước Lào ban hành, vì vậy đã làm cho mối quan hệ thương mại với nhiều nước trên thế giới đạt những bước phát triển và ngày càng được mở rộng, đã được 32 nước bạn bè trên thế giới dành ưu đãi GSP về thuế quan và phi thuế quan với mức độ khác nhau đối với

những hàng hóa có xuất xứ (C/O) của Lào xuất khẩu sang các nước đó. Nhưng mỗi nước đều có chính sách ưu đãi riêng. Trong đó thị trường quan trọng là thị trường Việt Nam, Trung Quốc, Thái Lan, Singapore, EU.

Thị trường Việt Nam là một thị trường láng giềng, truyền thống, dễ tính thị trường mang tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Từ năm 1999 - 2000 trở đi Lào và Việt Nam có chính sách ưu đãi cho nhau là giảm thuế nhập khẩu 50% đối với hàng hóa có xuất xứ của Lào nhập vào Việt Nam gồm 29 nhóm hàng.

Thị trường Trung Quốc: Trung Quốc đã giành ưu đãi về thuế quan và hạn ngạch đối với hàng xuất khẩu của Lào với hơn 200 mặt hàng có xuất xứ (C/O) Lào nhập khẩu thị trường Trung Quốc kể từ năm 2002 trở đi.

Thị trường Thái Lan về thị trường xuất khẩu nông lâm sản dưới dạng nguyên liệu của nông dân thông hình thức xuất khẩu tiểu ngạch. Đặc biệt Thái Lan là một thị trường tiêu thụ năng lượng điện của Lào, mặt hàng chủ lực hàng đầu hiện nay.

Thị trường Singapore là thị trường mua bán nhiều mặt hàng xuất khẩu cả Lào, là "cửa ngõ" trước khi xuất khẩu đi thị trường của nước thứ ba.

Thị trường EU. Các nước thành viên trong khối EU dành ưu đãi GSP cho sản phẩm hàng hóa có (C/O) Lào và là 100% nguyên liệu trong nước thì được miễn thuế nhập khẩu (thuế suất bằng 0%).

Thị trường Nhật Bản và Hàn Quốc. Nhật Bản ưu đãi GSP cho Lào gồm 26 nhóm hàng nông sản 14 nhóm hàng công nghiệp. Hàn Quốc ưu đãi GSP cho Lào gồm 60 nhóm hàng.

Thị trường Norway và Switzerland. Hai nước Norway và Switzerland ưu đãi GSP cho Lào gồm: 78 nhóm hàng với điều kiện nguyên liệu nhập khẩu 75%, nguyên liệu trong nước 25%.

Thị trường CNLB Nga, cộng hòa Szech, Hungary, Bungary, Slovakia, Polad, Berarus, Australia, Newzealand đều ưu đãi GSP cho Lào nhưng với điều kiện nguyên liệu trong nước 50%.

Thị trường Mỹ đã cho đã cho phép 632 mặt hàng của Lào nhập vào thị trường Mỹ với điều kiện miễn thuế nhập khẩu. Trong tương lai Chính phủ Mỹ có chính sách bình thường hóa thương mại với Lào thì danh mục hàng hóa đó sẽ mở rộng hơn nhiều nữa. Còn Canada thì ưu đãi GSP cho Lào với điều kiện nguyên liệu trong nước 405.

Có thể nói thị trường xuất khẩu của Lào khá rộng lớn, thời cơ thuận lợi, được ưu đãi của nhiều nước trên thế giới. Điều đó có thể tạo ra bước phát triển mới cho ngành thương mại xuất khẩu Lào trong hai thập kỷ tới.

CHDCND Lào đã ban hành và triển khai thực hiện chính sách thương mại trong nước nhất quán, một thị trường thống nhất và ổn định trong cả nước, các chủ thể kinh doanh chủ động và tự do kinh doanh lưu thông trên thị trường.

- Quy định số 0755/BTM ngày 20/6/2001 của Bộ trưởng Bộ Thương mại Lào về "Tổ chức và quản lý thị trường".

Nhà nước xóa bỏ chế độ quản lý thị trường theo đơn vị hành chính, chấm dứt tình trạng "cấm chợ, ngăn sông" và các Barière rào cản làm cho lưu thông hàng hóa thông suốt và thuận lợi.

Thực hiện chính sách thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển, tăng nhanh xuất khẩu, là điều kiện tồn tại của mọi quốc gia khi tham gia thương mại quốc tế, vấn đề "cốt tử" là phải đánh giá và nắm vững lợi thế so sánh tương đối của đất nước. Vì các nước đều cạnh tranh khốc liệt trên thị trường trong nước và thị trường quốc tế. Nhà nước Lào đã tiến tới xóa bỏ hàng rào bảo hộ sản xuất trong nước theo lộ trình của AFTA.

Tuy nhiên không thể tránh khỏi những hạn chế, bất hợp lý về một số nội dung của một số Nghị định, quyết định, quy định hay thông tư hướng dẫn của Chính phủ và của Bộ Thương mại so với yêu cầu và nội dung tự do hóa thương mại cần phải sửa đổi và xóa bỏ để phù hợp trong điều kiện xu thế hội nhập thương mại khu vực và quốc tế.

Như vậy, nhiệm vụ của chính sách thương mại có thể thay đổi qua mỗi thời kỳ, nhưng đều có mục đích chung là điều chỉnh các hoạt động thương mại theo hướng phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Mục tiêu chính sách thương mại xuất phát từ mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Đảng và Nhà nước bảo đảm thực hiện thắng lợi các mục tiêu ấy.

b. Chính sách đầu tư phát triển thương mại

Nhận thức tầm quan trọng của chính sách này, Nhà nước Lào đã ban hành chính sách đầu tư phát triển thương mại và tập trung cố gắng thực hiện chính sách đó nhằm thúc đẩy xây dựng cơ sở vững chắc cho sự phát triển thương mại Lào. Cụ thể là đã ban hành các chính sách đầu tư phát triển cơ sở vật chất, kỹ thuật thương mại, khu thương mại tự do, khu kinh tế đặc biệt, theo hướng hiện đại từ thấp lên cao, sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước về thương mại (E-Government) và kinh doanh thương mại (E-Commerce).

- Nghị định số 02/TT ngày 21/01/2002 của Thủ tướng Chính phủ Lào về đầu tư xây dựng "Đặc khu kinh tế Savann - Senô" tỉnh Savannakhet - Mục Đa Hản, Thái Lan...

- Nghị định số 25/TT ngày 25/03/2002 của Thủ tướng Chính phủ Lào về Đầu tư xây dựng "Khu thương mại biên giới Đensavann - Lao Bảo" tỉnh Savannakhet - Quảng Trị, Việt Nam.

- Nghị định số 162/TT ngày 08/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ Lào về Đầu tư Xây dựng "Khu Thương mại biên giới Botên - MO HAN" tỉnh Luôngnănthà - Vân Nam, Trung Quốc.

Chính sách này, một mặt tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp kinh doanh thương mại nâng cao khả năng cạnh tranh, mặt khác, bảo đảm nguồn vốn cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật thương mại, tạo điều kiện mở rộng giao lưu hàng hóa và phát triển thị trường.

Nhưng không thể tránh khỏi những khó khăn, thách thức lớn. Trước hết là vấn đề nguồn vốn đầu tư và lực lượng cán bộ chuyên gia quản lý điều hành.

Vốn đầu tư phát triển thương mại từ nguồn vốn ngân sách rất ít, vốn đầu tư nước ngoài, vốn vay của các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước hầu như không có, chỉ có một số vốn huy động của các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân. Vì vậy, việc tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển thương mại rất chậm trễ.

Dự án về việc xây dựng các trung tâm đầu mối giao dịch thương mại, trung tâm thương mại nhập khẩu và phân phối hàng nhập khẩu, hệ thống tổng kho ở các vùng sản xuất tập trung, các trung tâm giới thiệu và bán hàng ở nước ngoài. Dự án đầu tư vào các công trình ở các vùng khó khăn như đầu tư xây dựng chợ đầu mối ở thị trường nông thôn, ở các trung tâm cụm xã miền núi, các cửa hàng, trung tâm thương mại, cửa hàng cấp xã ở vùng cao, vùng sâu vùng xa... không được đầu tư chính quy từ phía nhà nước.

Một chính sách quan trọng nữa hình như bị bỏ quên là chính sách phát triển nhân lực. Xuất phát từ yêu cầu phát triển thị trường và thương mại trong nước và thương mại quốc tế trong điều kiện tự do hóa thương mại khu vực toàn cầu, Nhà nước lại không tập trung đúng mức việc thực hiện chính sách ***đầu tư phát triển lực lượng sản xuất*** trong lĩnh vực thương mại, đặc biệt là chính sách đầu tư phát triển con người (bao gồm nhà doanh nghiệp và nhà quản lý thương mại).

Trước những năm 1987 đã xây dựng được một trường cung cấp thương mại Trung ương, và nhiều tỉnh có trường sơ cấp thương mại, các trường đều bị giải thể khi chuyển sang cơ chế thị trường. Cho đến nay cả nước không có một cơ sở đào tạo thương mại nào.

Có thể nói đã coi nhẹ chủ trương, chính sách phát triển con người trong thương mại.

- Chưa có chính sách đầu tư phát triển cơ sở vật chất, kỹ thuật của cơ sở đào tạo trường trung cấp hay trường đại học thương mại.

- Chưa có chương trình đào tạo đội ngũ cán bộ nghiệp vụ chuyên môn, đào tạo các nhà kinh doanh thương mại tài giỏi, đủ trình độ tham gia quá trình hợp tác và hội nhập thương mại và khả năng cạnh tranh trên thị trường trong khu vực và quốc tế.

Chính sách thu hút và tạo nguồn vốn. Hiện nay chưa có chính sách trợ vốn, sử dụng vốn, tăng cường khả năng tài chính cho doanh nghiệp thương mại; Nhà nước hầu như không đầu tư và tái đầu tư cho doanh nghiệp phát triển kinh doanh sản xuất và thương mại, ... hoặc có một vài trường hợp nhưng không được triển khai cụ thể. Chính sách hỗ trợ thương mại chưa được triển khai thực hiện.

Chính sách đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật và chính sách xây dựng và phát triển nguồn nhân lực cho thương mại Lào chưa được quan tâm đúng mức của Nhà nước. Vì vậy đã ảnh hưởng đến tốc độ phát triển và khả năng cạnh tranh trên thị trường của thương mại Lào hiện nay.

c. Thực trạng về chính sách quản lý và phát triển thương mại trong nước

** Chính sách phát triển doanh nghiệp nhà nước và kinh tế hợp tác trong thương mại.*

Hệ thống thương mại quốc doanh được bố trí xây dựng từ Trung ương cho đến tỉnh, huyện, xã trước đây đến giai đoạn này đã dần biến đổi (trong những năm 1985 về trước hầu hết các xã đều có cửa hàng thương nghiệp quốc doanh hoặc hợp tác xã mua bán, năm 1981 đã có 250 cửa hàng thương nghiệp quốc doanh và 356 hợp tác xã mua bán, 150 cơ sở gia công và dịch vụ).

Nhưng đến những năm 1986 trở đi, với chính sách "tư nhân hóa doanh nghiệp nhà nước" đã chấm dứt thời kỳ được coi là hoàng kim của thương mại quốc doanh và tập thể, hầu hết thương nghiệp các tỉnh, quận, huyện đều bị giải thể. Các công ty Trung ương cũng giải thể hơn 80% tổng số.

Chính sách này đã được khẳng định trong Đại hội Đảng lần thứ VI và VII của Đảng CHDCND Lào, được thể hiện trong Luật thương mại. Nhà nước đầu tư về tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực để phát triển các doanh

ng nghiệp nhà nước kinh doanh những mặt hàng chủ lực, thiết yếu mặt hàng chính sách nhằm bảo đảm cho doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong hoạt động thương mại, điều tiết cung cầu, ổn định giá cả và thị trường, nhằm góp phần thực hiện những mục tiêu kinh tế xã hội của đất nước.

Nhà nước Lào khuyến khích hình thức kinh tế hợp tác trong thương mại; nhưng vẫn chưa có chính sách ưu đãi hỗ trợ và tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã và các hình thức kinh tế hợp tác khác đổi mới và phát triển, chưa có cơ chế cụ thể để đảm bảo cho doanh nghiệp nhà nước cùng với kinh tế hợp tác xã trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân.

Kết quả của quá trình thực hiện chính sách phát triển thương mại trong thời gian vừa qua đã dẫn đến biến đổi quan trọng trong cơ cấu các thành phần kinh tế hoạt động trên lĩnh vực thương mại ở Lào như sau:

1. Doanh nghiệp thương mại nhà nước

Hiện tại doanh nghiệp thương mại Nhà nước Lào chỉ còn có 21 công ty, chiếm 70% tổng số doanh nghiệp thương mại trong cả nước, không độc quyền kinh tế, mà phải cạnh tranh theo pháp luật, chỉ còn đóng vai trò chi phối một số sản phẩm quan trọng như: xăng dầu, vật liệu xây dựng, phương tiện ô tô, gỗ, còn hầu hết các mặt hàng khác doanh nghiệp nhà nước không nắm. Hệ thống thương mại về tổ chức mạng lưới và quy mô vì thế giảm. Tuy vậy, thành phần thương mại nhà nước vẫn đóng vai trò giúp nhà nước điều tiết vĩ mô đối với hoạt động thương mại.

2. Thương mại tư nhân, tiểu thương: tiểu chủ, tiểu thương phát triển khá mạnh mẽ, đến nay có 20.958 đơn vị và hộ đăng ký kinh doanh thương mại bán buôn và bán lẻ, là lực lượng đóng vai trò chủ yếu trong hoạt động thương mại nội địa hiện nay, đặc biệt là các vùng ven đô, các huyện lỵ, thị trấn, thị tứ, nông thôn, miền núi và vùng sâu vùng xa. Họ tham gia vào hầu hết các lĩnh vực thu mua nông sản và cung ứng sản phẩm hàng hóa công nghiệp dùng cho nông thôn, chỉ trừ những mặt hàng do thương mại nhà nước nắm độc quyền.

Nó đóng một vai trò rất tích cực và năng động thay thế lực lượng HTX mua bán, hay thương nghiệp quốc doanh bán lẻ cấp huyện trước đây. Đến nay cả nước có 142 quận huyện thì có 1.219 chợ lớn và nhỏ, trong đó có 692 là chợ nông thôn, là nơi tiêu thụ hàng hóa sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và hàng hóa công nghiệp tiêu dùng phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, đã làm thay đổi bộ mặt của nông thôn vùng sâu vùng xa của Lào hiện nay.

3. Thành phần thương mại tư bản tư nhân

Sau năm 1975 cho đến lúc trước khi cải tạo XHCN, thành phần thương mại tư nhân chủ yếu là do tư sản Hoa kiều nắm giữ, họ chi phối gần như độc quyền về bán buôn và nắm đại bộ phận hệ thống mạng lưới bán lẻ. Sau khi cải tạo thì về cơ bản, bộ phận này đã không còn như là một thành phần, bởi vì các tư sản lớn và hệ thống các công ty, doanh nghiệp quan trọng đã được cải tạo. Thay vào đó là hệ thống thương nghiệp quốc doanh sau khi chính sách tự do hóa thương mại được thực hiện, thương mại tư bản tư nhân này lại được phục hồi nhanh chóng. Đến nay thành phần này có 208 công ty, chiếm 73% tổng số, được phép kinh doanh đủ tất cả các mặt hàng, kể cả mặt hàng chiến lược và cạnh tranh với doanh nghiệp nhà nước. Chủ thể của thành phần này là các nhà tư bản trong và ngoài nước tham gia vào thị trường Lào. Sự lớn mạnh nhanh chóng của thành phần này cũng là một đặc điểm nổi bật của quá trình hình thành nền thương mại đa thành phần ở Lào.

4. Thành phần thương mại liên doanh cổ phần với nước ngoài

Thành phần thương mại này có 26 công ty, chiếm 9% tổng số, gồm các đơn vị kinh doanh xuất, nhập khẩu, bán buôn và bán lẻ, có sự liên doanh giữa các chủ thể tư nhân trong nước. Thành phần này có ảnh hưởng rất lớn trong đầu tư phát triển và đặc biệt là xuất - nhập khẩu. Do chính sách mở cửa và tự do hóa thương mại, thành phần thương mại liên doanh cổ phần nước ngoài ngày càng phát triển.

5. *Thành phần thương mại nước ngoài:* Thành phần thương mại này có 31 công ty, chiếm 11% tổng số các doanh nghiệp, gồm các đơn vị kinh doanh xuất, nhập khẩu, bán buôn và bán lẻ thuộc quyền sở hữu tư nhân nước ngoài hoặc là đại lý các hãng, tập đoàn thương mại lớn của nước ngoài. Thành phần này có ảnh hưởng khá lớn trong thị trường nội địa và lĩnh vực hoạt động xuất - nhập khẩu. Do chính sách mở cửa và tự do hóa thương mại, thành phần thương mại nước ngoài này cũng ngày càng phát triển và có tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế Lào.

** Chính sách thương mại đối với nông thôn và miền núi*

CHDCND Lào gần 80% dân số là nông dân sống ở khu vực nông thôn miền núi và số hộ nghèo còn chiếm khoảng 39%, có thu nhập dưới 1\$/ ngày. Chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, miền núi của Đảng và Nhà nước Lào đã được ban hành và phần nào được triển khai thực hiện có hiệu quả làm cho bộ mặt nông thôn phần nào được đổi mới. Chính sách thương mại đối với nông thôn, miền núi, vùng sâu vùng xa, đã có từ thời cơ chế bao cấp. Điều luật thương mại của Lào đã khẳng định chính sách thương mại đối với nông thôn như sau: Nhà nước có chính sách phát triển thương mại đối với thị trường nông thôn, miền núi tạo điều kiện mở rộng và phát triển chợ nông thôn, miền núi. Doanh nghiệp nhà nước đóng vai trò chủ lực cùng với hợp tác xã và các thành phần kinh tế khác thực hiện việc bán vật tư nông nghiệp, hàng công nghiệp, mua nông sản nhằm góp phần nâng cao sức mua của nông dân và tạo tiền đề thúc đẩy việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển sản xuất hàng hóa thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Nhưng trong thực tế hoạt động thương mại Lào, chính sách đó hầu như bị bỏ quên từ khi chuyển sang cơ chế thị trường và mở cửa với nước ngoài. Tất cả việc lưu thông hàng hóa giữa thành thị và nông thôn miền núi đều do thị trường, lực lượng tư nhân tự điều tiết cung ứng, có một số doanh nghiệp nhà nước tham gia việc thu mua sản phẩm hàng hóa từ nông thôn và cung cấp bán

hàng tiêu dùng cho thị trường nông thôn, nhưng điều hạch toán theo cơ chế giá cả trên thị trường. Chưa có trường hợp bù giá, trợ giá đối với mặt hàng thiết yếu cho nhân dân vùng dân tộc thiểu số. Doanh nghiệp thương mại nhà nước đã bỏ lỡ vai trò chủ đạo cùng với hợp tác xã và các thành phần kinh tế khác trong việc bán vật tư hàng hóa nông nghiệp và mua nông sản trên thị trường nông thôn.

Vì vậy việc thay đổi cơ cấu sản xuất ở nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa, phá bỏ độc canh, đa dạng hóa ngành nghề. Không thúc đẩy nâng cao đời sống nông dân nông thôn theo con đường văn minh, hiện đại. Việc tăng sức mua, cải thiện đời sống của nhân dân, xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm cho nông dân, thực hiện chính sách xã hội

2.2.6. Hoàn thiện về công cụ quản lý thương mại

- Công cụ pháp luật: Quản lý thương mại dựa trên cơ sở pháp luật có tính đồng bộ. Hệ thống pháp lý là một công cụ quan trọng trong hoạt động quản lý. Nhà nước Lào đã có các bộ luật cơ bản như sau:

- Pháp lệnh số 42/CT ngày 13/8/1994 của Chủ tịch nước CHDCND Lào ban hành "Luật doanh nghiệp số 03/94" của CHDCND Lào.

- Nghị định số 31/TT ngày 1/2/1996 của Thủ tướng Chính phủ Lào về "Thi hành Luật doanh nghiệp số 03/94)".

- Nghị định số 36/TT ngày 9/7/2001 của Thủ tướng Chính phủ Lào về "Kinh doanh thương mại nội địa".

- Nhà nước sử dụng công cụ kế hoạch định hướng phát triển thương mại để hướng dẫn thị trường và hoạt động của các thương nhân, hướng thị trường và định hướng hoạt động của các thương nhân thuộc mọi thành phần kinh tế, sử dụng các đòn bẩy kinh tế, cán cân thương mại quốc tế.

- Nhà nước sử dụng công cụ tài chính tín dụng: các công cụ lãi suất ngân hàng, thuế suất. Chính phủ cũng phát triển các dịch vụ công hỗ trợ hoạt động thương mại, điều tiết kinh doanh, lưu thông hàng hóa trong nước và điều tiết

xuất nhập khẩu. Nhà nước không can thiệp mà chỉ quy định sử dụng lợi nhuận sau thuế.

- Nhà nước Lào đã sử dụng công cụ giá cả đối với một số mặt hàng thiết yếu, như điện, nước, xăng dầu, cước phí bưu chính viễn thông, cước phí hàng không. Công cụ tỷ giá hối đoái được sử dụng để ổn định kinh tế vĩ mô, ổn định thị trường trong nước, kích thích xuất khẩu, xác lập cán cân thương mại hợp lý trong từng thời kỳ.

Các công cụ thường được sử dụng để thực hiện chính sách và quản lý thương mại là: 1. Công cụ thuế xuất nhập khẩu, thuế kinh doanh, thuế tiêu thụ đặc biệt là thuế lợi nhuận; 2. Công cụ hành chính (hạn ngạch xuất khẩu hoặc hạn ngạch nhập khẩu); 3. Các đòn bẩy kinh tế; 4. Các biện pháp kỹ thuật. Để thực hiện đổi mới quản lý nhà nước về thương mại, Chính phủ Lào và Bộ Thương mại Lào đã không ngừng, tích cực cải tiến chính sách quản lý thương mại và cơ chế điều hành cụ thể đã được ban hành.

- Quy định số 0106/BTM ngày 25/1/2002 của Bộ trưởng Bộ Thương mại Lào về "Quy chế quản lý mặt hàng do Nhà nước quản lý xuất nhập khẩu".

- Quyết định số 1195/BTM ngày 19/10/2001 của Bộ trưởng Bộ Thương mại Lào về "Kinh doanh tạm nhập tái xuất".

- Quyết định số 0807/BTM ngày 2/9/1999 của Bộ Thương mại Lào về "Tổ chức và quản lý chợ biên giới Việt - Lào".

- Quyết định số 0948/BTM ngày 13/8/2001 của Bộ trưởng Bộ Thương mại Lào về "Kinh doanh xuất nhập khẩu tiểu ngạch biên mậu".

- Quy định số 703/BTM ngày 26/6/2002 của Bộ trưởng Bộ Thương mại Lào về "Quản lý và sử dụng chứng chỉ xuất xứ hàng hóa (C/O)".

- Nghị định số 97/TT ngày 08/12/1992 của Thủ tướng Chính phủ Lào về "Quản lý và sử dụng chứng chỉ xuất xứ hàng hóa" (C/O).

- Nghị định số 207/TT ngày 11/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ Lào về "Quản lý giá cả".

2.2.7. Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về thương mại ở Lào

Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về thương mại trong quá trình chuyển đổi cơ chế đã thay đổi một cách căn bản. Bộ máy quá trình nhà nước về thương mại đã được thay đổi phù hợp với chức năng mới của hoạt động thương mại. Bộ máy cũ là thích ứng với cơ chế xin - cho, tức là cơ chế cấp phát, phân phối. Bộ máy nặng về hành chính và quan liêu, cửa quyền. Vì thế, bộ máy quản lý thương mại trong thời kỳ cũ công kênh. Bộ máy quản lý theo cơ chế thị trường định hướng XHCN của Lào đã được sắp xếp lại, quản lý theo cơ chế thị trường, tách bạch chức năng quản lý nhà nước về thương mại với chức năng kinh doanh thương mại của các doanh nghiệp.

Các bộ phận chức năng của hệ thống quản lý nhà nước đối với hoạt động thương mại đã phải thay đổi một cách căn bản. Từ chỗ đóng vai trò "ông chủ" phân phối hàng hóa tiêu dùng và dịch vụ đã chuyển sang quản lý theo các công cụ mới, phù hợp với nền kinh tế thị trường tự do, mở cửa.

Các cơ quan quản lý thương mại đã được sắp xếp lại. Các bộ phận kế hoạch, giá cả, lao động và tiền lương được tinh giản tối đa. Bộ máy quản lý bằng các công cụ hướng dẫn vĩ mô được tăng cường. Thí dụ, tăng cường bộ phận pháp chế. Bộ phận pháp chế, nghiên cứu chính sách được coi trọng vì phải có cơ quan này mới có thể đề ra đường lối chính sách và hành lang pháp lý cho hoạt động thương mại.

Do đó, cơ quan quản lý Nhà nước về thương mại từ Trung ương đến địa phương đã qua các thời cải cách và sắp xếp lại như sau:

- Cơ quan quản lý cấp Trung ương: Bộ Thương mại Lào thành lập, là cơ quan quản lý nhà nước, nằm trong cơ cấu thành viên của Chính phủ Lào từ năm 1982, được tách ra từ Bộ Công nghiệp trước đó. Từ đó cho đến nay Nhà nước, Chính phủ Lào đã không ngừng cải cách bộ máy quản lý Nhà nước về thương mại (5 lần) để phù hợp với nhiệm vụ chính trị và yêu cầu nội dung quản lý thương mại qua các thời kỳ, cụ thể là:

+ Năm 1986 sát nhập chức năng và nhiệm vụ về kinh tế đối ngoại và đầu tư nước ngoài vào Bộ Thương mại, đổi thành Bộ Thương mại và kinh tế đối ngoại.

+ Năm 1991 lại tách bộ phận kinh tế đối ngoại ra và sát nhập ngành du lịch vào thương mại, đổi tên thành Bộ Thương mại và Du lịch.

+ Đến năm 1996 tách tổng cục du lịch về thuộc Chính phủ, chỉ còn là Bộ Thương mại.

+ Đến năm 1999 lại sát nhập Tổng cục Du lịch vào Bộ Thương mại thành Bộ Thương mại và Du lịch.

+ Từ 14/6/2002 đến nay, lại tách Tổng cục Du lịch trực Văn phòng Thủ tướng Chính phủ, thành lập Bộ Thương mại, để làm nhiệm vụ quản lý nhà nước về thương mại toàn quốc và quản lý hoạt động ngoại thương với các nước trong khu vực và thế giới.

Bộ Thương mại có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quản lý nhà nước về thương mại hàng hóa và dịch vụ thương mại. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ các cơ quan thuộc Chính phủ khác cũng nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về thương mại đối với một số lĩnh vực được phân công phụ trách và có trách nhiệm phối hợp với Bộ Thương mại để thực hiện việc quản lý nhà nước về thương mại theo quy định của Chính phủ. Để giúp công tác nghiên cứu chính sách, cơ chế và tham mưu quản lý nhà nước còn có các viện nghiên cứu, trường đại học, trung tâm đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ thương mại; các cơ quan tham tán kinh tế thương mại, đại diện thương mại ở nước ngoài làm nhiệm vụ môi giới, xúc tiến thương mại và tìm kiếm thị trường...

Nghị định của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào số 78/TT, ngày 17/6/2002, quyết định thành lập lại Bộ Thương mại, quy định tổ chức bộ máy, rõ vai trò, chức năng, quyền hạn và trách nhiệm của Bộ Thương mại về quá trình nhà nước đối với ngành thương mại.

+ Về hệ thống cơ cấu tổ chức và bộ máy điều hành của Bộ Thương mại, gồm có: Văn phòng bộ; Vụ Tổ chức cán bộ; Vụ Thanh tra; Vụ Nội thương; Vụ

Ngoại thương; Viện Nghiên cứu chiến lược thương mại; Trung tâm xúc tiến thương mại; các Sở Thương mại 18 tỉnh thành; các cơ quan tham tán thương mại ở nước ngoài.

+ Về chức năng, "Bộ Thương mại có chức năng tham mưu cho Chính phủ quản lý vĩ mô đối với thương mại trên phạm vi toàn quốc; thúc đẩy; phát triển sản xuất hàng hóa; chuyển đổi kinh tế tự nhiên thành kinh tế hàng hóa, làm cho thị trường trong nước phát triển có khả năng hòa nhập thị trường khu vực và quốc tế. Bộ Thương mại quản lý vĩ mô về thương mại trong phạm vi cả nước bằng pháp luật và quy chế, có sự phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương, làm rõ chức năng quản lý hành chính Nhà nước và chức năng quản lý kinh doanh.

+ Về nhiệm vụ và quyền hạn gồm 13 nhiệm kỳ và 10 quyền hạn đã có sự phát triển và tiến bộ hơn so với Nghị định số 24/TT, ngày 24/3/1999, quy định về tổ chức và hoạt động của Bộ Thương mại và Du lịch.

- Các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại cấp tỉnh, thành phố là Sở Thương mại. Đối với bộ máy quản lý nhà nước về thương mại ở các địa phương (tỉnh, thành phố) ở CHDCND Lào chính quyền các cấp quản lý thương mại trong phạm vi địa phương theo sự phân cấp của Chính phủ; Sở Thương mại là cơ quan tham mưu, trực tiếp giúp chính quyền tỉnh, thành phố thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về thương mại ở địa phương. Chức năng của Sở Thương mại ở các tỉnh, thành phố là cơ quan quản lý thương mại ở cấp địa phương, trực thuộc ngành dọc; làm nhiệm vụ tổ chức thực hiện cụ thể chức năng và nhiệm vụ quản lý nhà nước về thương mại trên phạm vi địa bàn địa phương mình. Cho nên, cơ cấu tổ chức và bộ máy của sở thường thay đổi mỗi khi có sự thay đổi của cơ quan quản lý cấp trên - Bộ Thương mại. Bộ máy quản lý thương mại cấp địa phương (tỉnh, thành phố) trong thời gian qua rất gọn nhẹ, làm nhiệm vụ quản lý do Bộ Thương mại giao cho theo cơ chế quản

lý kinh tế nhà nước từng thời kỳ. Chức năng nhiệm vụ quyền hạn của sở cũng thay đổi (5 lần) theo sự phân công, phân cấp quản lý, theo hướng tăng cường và mở rộng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn cho địa phương ở cấp tỉnh, thành phố...

+ Đơn vị cuối cùng trong hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về thương mại của CHDCND Lào ở cấp cơ sở là phòng thương mại quận huyện làm nhiệm vụ thi hành luật pháp và các chỉ thị, quy định của Nhà nước về hoạt động kinh doanh thương mại trên địa bàn quản lý được giao.

Phòng Thương mại cấp huyện có chức năng và nhiệm vụ tổ chức thực hiện cụ thể chức năng và nhiệm vụ quản lý nhà nước trên phạm vi địa bàn quận, huyện, chủ yếu là: đăng ký kinh doanh bán lẻ; quản lý thị trường, giá cả, quản lý chợ, các hộ thương nhân kinh doanh bán lẻ; phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, đầu cơ, các hành vi lừa đảo khác; bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng cân đong đo đếm; thực hiện văn minh thương nghiệp.

Cho nên cơ cấu tổ chức bộ máy của phòng thương mại quận huyện trong thời gian qua luôn luôn ổn định hầu như không thay đổi, không phụ thuộc vào sự thay đổi của Sở Thương mại và sự thay đổi của Bộ Thương mại. Tuy nhiên, bộ máy quản lý thương mại cấp quận huyện của Lào hiện nay rất mỏng manh, yếu kém, không có hiệu lực, vì số cán bộ quá ít (có những huyện chỉ có 1 - 2 người), thiếu phương tiện đi lại, phục vụ chuyên môn và không có kinh phí hoạt động.

Đương nhiên, để có bộ máy thì cũng phải có cán bộ có trình độ hiểu biết về pháp luật kinh tế, hiểu biết luật pháp quốc tế, hiểu biết quy luật hoạt động của thị trường, của thương mại... Vì thế, một đội ngũ cán bộ mới đã được hình thành, mặc dù còn thiếu kinh nghiệm và lý luận còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ hoạt động quản lý ngành thương mại đã được đào tạo khá cơ bản, đã trưởng thành và đáp ứng được yêu cầu đổi mới trong 15 năm qua (*xem bảng 2.8*).

Bảng 2.8: Cán bộ quản lý ngành thương mại năm 2007
(Trung ương và tỉnh, thành phố)

TT	Phân loại	Tổng số cán bộ	Bộ Thứ trưởng	Cán bộ cấp cục, vụ		Cấp phòng		Chuyên viên, biên chế	Cán bộ hợp đồng
				Trưởng	Phó	Trưởng	Phó		
1	Tổng số	978	3	5	13	39	77	582	259
	Trong đó								
2	Tiến sĩ	2	0	2	0	0	0	0	0
3	Thạc sĩ	16	0	0	4	9	1	2	0
4	Cử nhân	264	3	3	9	30	21	128	70
5	Dưới cử nhân	696	0	0	0	0	55	452	189

Nguồn: Báo cáo của Bộ Thương mại Lào

Cán bộ quản lý nhà nước toàn ngành thương mại có 978 người, chiếm khoảng 1% tổng số cán bộ công chức nhà nước Lào hiện nay. Nhìn chung số lượng cán bộ quản lý đầy đủ về số lượng nhưng vẫn yếu về trình độ, mới có 24% cán bộ có trình độ từ đại học trở lên (206/856). Về cơ cấu nghề nghiệp chuyên môn thì có rất nhiều lĩnh vực chuyên môn khác nhau: như giáo viên, xây dựng,...

Bộ máy quản lý về cơ bản gọn nhẹ, đã giảm đi nhiều bộ phận và số lượng cán bộ cũng giảm. Chất lượng cán bộ được nâng cao. Điều đó đã thể hiện ở chỗ phục vụ được nhiệm vụ hoạt động thương mại với quy mô ngày càng lớn.

Tuy nhiên, bộ máy quản lý thương mại còn chưa hoàn toàn thật sự năng động. Đội ngũ cán bộ còn thiếu chuyên gia, nhất là quá ít những chuyên gia thương mại quốc tế, hiểu biết luật pháp, thông lệ cũng như các tập quán kinh doanh quốc tế.

Tóm lại, bộ máy quản lý nhà nước về thương mại của CHDCND Lào được thiết lập theo một hệ thống bao gồm các cơ quan quản lý nhà nước từ

Trung ương (Chính phủ, Bộ Thương mại) đến địa phương (Ủy ban nhân dân, Sở Thương mại) tạo thành một hệ thống đồng bộ để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước. Hệ thống bộ máy quản lý nhà nước về thương mại Lào thường xuyên được đổi mới, hoàn thiện phù hợp với điều kiện cụ thể của từng giai đoạn.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ MỘT SỐ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA QUÁ TRÌNH ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯƠNG MẠI CỦA LÀO THỜI GIAN QUA

2.3.1. Đánh giá chung về những thành công và hạn chế qua quá trình đổi mới chính sách quản lý nhà nước về thương mại của Lào thời gian qua

2.3.1.1. Những thành công chủ yếu

- Đã căn bản chuyển đổi chức năng quản lý thương mại của Nhà nước từ hành chính tập trung quan liêu, bao cấp sang thực hiện chức năng tạo lập môi trường, định hướng và điều tiết hoạt động thương mại bằng các phương pháp và công cụ quản lý của kinh tế thị trường. Đã tách bạch được chức năng quản lý hành chính của Nhà nước đối với lĩnh vực thương mại với chức năng quản lý kinh doanh thương mại của các doanh nghiệp ở Lào.

- Đã căn bản chuyển từ chế độ độc quyền ngoại thương của Nhà nước sang chế độ tự do hóa ngoại thương; chuyển từ cơ chế cấp phát xin - cho trong lưu thông phân phối hàng hóa sang tự do kinh doanh, tự do hóa lưu thông, tự do hóa giá cả theo giá thị trường.

- Giảm thiểu, sử dụng các phương pháp và công cụ quản lý có tính chất hành chính mệnh lệnh quan liêu sang sử dụng các công cụ đòn bẩy kinh tế để kích thích lợi ích của các chủ thể kinh tế, của các thương nhân. Bước đầu hình thành cơ cấu thành phần kinh tế hợp lý hoạt động kinh doanh trên lĩnh vực thương mại.

- Hệ thống pháp luật về thương mại đã bước đầu được xây dựng và tạo được hành lang pháp lý tương đối thuận lợi cho các thương nhân hoạt động

kinh doanh. Chiến lược phát triển thương mại của Lào đã được xây dựng đóng vai trò định hướng tốt cho hoạt động thương mại của các doanh nghiệp. Đã kết hợp giữa kế hoạch và thị trường trong tổ chức lưu thông hàng hóa phát triển buôn bán, xuất nhập khẩu của Lào.

- Đã có chính sách phát triển thị trường, chính sách phát triển mặt hàng và chính sách với các đối tác. Kết quả là thị trường mặt hàng và đối tác ngày càng được mở rộng và tăng lên.

- Hệ thống cơ quan quản lý Nhà nước về thương mại ở Lào đã được cải cách, kiện toàn theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả và hiệu lực; bước đầu đáp ứng được yêu cầu của quản lý nhà nước về thương mại trong nền kinh tế thị trường.

- Thương mại Lào đã từng bước hội nhập thương mại khu vực và thế giới đã thực hiện đúng các cam kết cắt giảm thuế quan theo lộ trình AFTA/CEPT - ASEAN (đến cuối năm 2002, Lào đã cắt giảm được tổng số 2.098 dòng thuế, trong tổng số 3.551 dòng thuế phải cắt giảm được tổng số 2.098 dòng thuế, trong tổng số 3.551 dòng thuế phải cắt giảm theo lộ trình CEPT - AFTA. Trong đó có 1.295 dòng thuế ở mức 0 - 5% và 803 dòng thuế ở mức trên 5%.

Đạt được những thành công trên là do những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

- Đảng nhân dân cách mạng Lào đã sáng suốt đề ra đường lối đổi mới đúng đắn. Những chủ trương và chính sách của Đảng Nhân dân cách mạng Lào về phát triển kinh tế - xã hội nói chung và đối với thương mại nói riêng là kim chỉ nam xuyên suốt mọi hoạt động thương mại và công tác quản lý nhà nước về thương mại của CHDCND Lào trong suốt từ 1986 đến nay. Những chủ trương đó được thể hiện cụ thể thành pháp luật, pháp lệnh, Nghị định, quy định của Chính phủ, làm căn cứ vững chắc cho công tác quản lý nhà nước của ngành thương mại.

- Các nhà lãnh đạo và quản lý thương mại các cấp từ trung ương đến địa phương đều có bước đổi mới về tư duy nhận thức về đổi mới quản lý nhà nước về thương mại và được thể hiện trong hành động thực tiễn, cùng quyết tâm phấn đấu xóa bỏ cơ chế kế hoạch hóa tập trung, quan liêu bao cấp chuyển

sang cơ chế thị trường dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước.

- Nhờ có sự chỉ đạo của Chính phủ, ban hành cơ chế điều hành, sự phân công phân cấp trong quản lý nhà nước về thương mại giữa các Bộ ngành và địa phương ngày càng hợp lý và có hiệu quả.

- Bộ Thương mại là cơ quan chủ quản - chủ thể quản lý trực tiếp quản lý nhà nước đối với ngành thương mại Lào cũng đã có những bước phát triển không ngừng cả về số lượng và trình độ quản lý, đã đề xuất được nhiều vấn đề cải cách về cơ chế, chính sách và phương pháp quản lý thương mại của Lào trong giai đoạn mới phù hợp với điều kiện mới.

- Nhờ sự ủng hộ và giúp đỡ đặc biệt, toàn diện và vô giá của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam anh em đã dành cho sự phát triển kinh tế xã hội của Lào nói chung và đối với ngành thương mại Lào nói riêng.

2.3.1.2. Một số hạn chế

- Hệ thống pháp luật về thương mại chưa được xây dựng đồng bộ và tương thích với luật pháp quốc tế. Hiện nay, Nhà nước Lào chưa ban hành được một số luật liên quan đến tạo lập hành lang pháp lý cho hoạt động thương mại như: Luật thương mại, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật các tổ chức tín dụng, Luật hải quan, Luật khuyến khích đầu tư trong nước, đồng thời còn thiếu một số văn bản pháp quy về các khu chế xuất, khu thương mại tự do, về cơ chế điều hành xuất nhập khẩu trong một thời gian dài...

- Nhà nước Lào chưa sử dụng đồng bộ, linh hoạt các công cụ, biện pháp kinh tế để điều tiết hoạt động thương mại như: công cụ lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá cả, tín dụng, thuế VAT, thuế quan và các biện pháp phi thuế... nên hiệu lực và hiệu quả quản lý chưa cao.

- Công tác quy hoạch phát triển thương mại (quy hoạch tổng thể, quy hoạch theo vùng lãnh thổ và theo địa bàn từng địa phương) làm còn chậm và chưa chú trọng. Hoạt động xúc tiến thương mại chưa được chú trọng. Hoạt động xúc tiến thương mại chưa được chú trọng đầu tư và chưa có tính liên tục, đồng bộ.

- Chính sách thị trường, mặt hàng và đối tác tuy có phát triển nhưng so với yêu cầu hội nhập quốc tế thì còn chậm và chưa đủ mức cần thiết.

- Chính sách và cơ chế quản lý thương mại vẫn chậm được đổi mới toàn diện, sâu sắc, tính minh bạch hóa của các chính sách thương mại chưa cao.

- Công tác hướng dẫn tiêu dùng hợp lý, tiết kiệm, phù hợp với trình độ phát triển kinh tế và thu nhập của dân cư chưa được chú trọng. Việc tổ chức đấu tranh chống buôn lậu và gian lận thương mại chưa được làm thường xuyên và việc giám sát quản lý cạnh tranh trên thị trường chưa được đặt ra như một nhiệm vụ cấp bách trước mắt là lâu dài.

Nguyên nhân của hạn chế đó là do một số nguyên nhân chủ yếu sau đây:

- Môi trường và điều kiện cho việc đổi mới quản lý Nhà nước về thương mại ở Lào còn hạn chế do điều kiện và trình độ phát triển kinh tế - xã hội còn thấp, trình độ phát triển của lực lượng sản xuất còn ở trình độ thấp, dân trí chưa cao. Những nội dung lý luận của quản lý nhà nước (quản lý vĩ mô) về thương mại chưa được nhận thức một cách đầy đủ, có hệ thống ở các cấp quản lý trong ngành thương mại và các ngành có liên quan của trung ương và địa phương.

- Tính đồng bộ, thống nhất của cơ chế, luật pháp và chính sách thương mại và các chính sách kinh tế có liên quan khác (thuế, hải quan, đầu tư, ngân hàng, giao thông...) còn nhiều trường hợp chưa cao và quá rườm rà nhiều khâu.

- Thiếu đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nhà nước về thương mại cả số lượng và trình độ năng lực chuyên môn, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới trong điều kiện hội nhập thương mại quốc tế và khu vực.

2.3.2. Một số bài học kinh nghiệm trong đổi mới chính sách quản lý Nhà nước về thương mại của CHDCND Lào thời gian qua

1. Quá trình thực hiện chính sách đổi mới quản lý kinh tế nói chung và đổi mới trong quản lý thương mại nói riêng phải dựa vào sự ổn định chính trị

và ổn định xã hội, đó vừa là tiền đề, vừa là mục tiêu của đổi mới quản lý thương mại. Trong thực tế, Đảng và Nhà nước Lào đã thực hiện thành công nhất định đổi mới đất nước, đổi mới kinh tế, chính là nhờ dựa vào sự ổn định chính trị. Coi đó là tiền đề của mọi thành công. Vì thế quản lý thương mại phải góp phần trực tiếp vào ổn định chính trị.

2. Hoàn thiện quản lý thương mại phải được tiến hành đồng bộ, có hệ thống. Trong thực tiễn đổi mới vừa qua, Đảng và Nhà nước Lào đã tiến hành cải cách hệ thống ngân hàng, cải cách hệ thống phân phối và giá cả, cải cách chính sách, thuế, cải cách chính sách sở hữu, song song với tự do hóa thương mại,... Tất cả các biện pháp đó được tiến hành không nhất loạt nhưng lại có thứ tự, trật tự và có tính hệ thống. Điều đó đã tạo ra thuận lợi và có hiệu quả cho công tác đổi mới quản lý.

3. Phải kết hợp tốt phương pháp thị trường và phương pháp kế hoạch trong xây dựng chính sách quản lý thương mại. Phải phát triển mạnh thị trường, mặt hàng và đối tác.

Phương pháp thị trường nghĩa là sử dụng các công cụ đòn bẩy; giá trị và giá cả, cung, cầu, lợi nhuận... còn phương pháp kế hoạch tức là chính sách mục tiêu, sự định hướng, sự cân đối kinh tế, khai thác các nguồn lực.

4. Chính sách quản lý thương mại phải kết hợp các lợi ích kinh tế với lợi ích xã hội, mục tiêu tối cao là vì người tiêu dùng, tức là quần chúng nhân dân.

Phải đảm bảo cải thiện đời sống chung cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là tầng lớp tiêu dùng phổ thông. Thực hiện chính sách thị trường định hướng XHCN, trước hết là ở chỗ đó.

5. Quản lý thương mại phải đảm bảo kết hợp với lợi ích kinh tế với bảo vệ độc lập chủ quyền quốc gia. Tăng cường mở rộng quan hệ với các nước, trước hết là với các nước láng giềng nhưng phải chú ý bảo vệ lợi ích quốc gia, ngược lại không vì lợi ích quốc gia hẹp hòi mà gây cản trở cho quan hệ hợp tác quốc tế.

6 Đảng và Nhà nước Lào rất coi trọng đến vai trò của thương mại. Sau khi nước CHDCND Lào được thành lập (2/12/1975), cũng như trong quá trình thực hiện cải cách, đổi mới, Đảng và Nhà nước Lào đã có những quan điểm rất đúng đắn:

- Coi trọng vai trò, chức năng của thương mại trong nền kinh tế quốc dân, trong việc phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Tại Đại hội III (1982), Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã xác định: "Thương nghiệp là mắt xích chính trong dây chuyền của nền kinh tế quốc dân". Trong giai đoạn này, chính sách Nhà nước Lào là độc quyền ngoại thương, sử dụng vai trò chức năng của thương mại nhà nước (quốc doanh) nắm toàn bộ khâu bán buôn và chi phối bán lẻ để phục vụ cho nhu cầu xã hội, đặc biệt chú ý đến nhu cầu vùng sâu vùng xa.

- Nhà nước tiếp tục chú trọng đến sử dụng thương nghiệp như là một công cụ, một phương tiện để thực hiện chính sách kinh tế, song đã dần dần từ chỗ quản lý trực tiếp hoạt động kinh doanh, chuyển sang quản lý hành chính, kinh tế. Điều đó có nghĩa là nhà nước đã tiến hành nhiều biện pháp có liên quan với nhau, các biện pháp tạo tiền đề cho đổi mới hoạt động thương mại, đổi mới đồng bộ hệ thống lưu thông, bao gồm tài chính - tiền tệ, ngân hàng, thuế, tỷ giá hối đoái...

7. Nhà nước chuyển đổi cơ chế không phải một cách đột ngột mà là chuyển dần từng bước, qua nhiều khâu. Tuy nhiên thời kỳ quá độ của cơ chế không kéo dài. Chỉ trong vòng khoảng 7 - 10 năm, kể từ lúc bắt đầu vào năm 1979 đến năm 1989 là hoàn thành cơ bản bước chuyển đổi. Tại Đại hội Đảng Nhân dân Cách mạng Lào lần thứ IV, tháng 4/1986, Đảng CHDCND Lào đã đề ra "cơ chế kinh tế mới" nhằm đẩy nhanh một cách có hiệu quả toàn bộ nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường với sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Tại Đại hội lần thứ V (1991) và Đại hội Đảng lần thứ VI (1996) của Đảng đã đưa ra "Đường lối đổi mới" là tiếp tục cải cách và đổi mới kinh tế, ban hành Luật đầu tư nước ngoài (1989) nhằm mở cửa quan hệ kinh tế

đối ngoại, thu hút và khuyến khích đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI), mở rộng thương mại song phương và đa phương.

Như vậy, chính sách quản lý nhà nước về thương mại trong quá trình chuyển đổi đã được tiến hành một cách chủ động, thận trọng và có hiệu quả nhất định, đã đạt được mục tiêu chuyển đổi cơ chế, tạo ra một cơ chế mới ngày càng tiến bộ hơn trước. Tuy nhiên qua thực tiễn công tác quản lý của nhà nước về thương mại ở CHDCND Lào trong thời gian qua, Nhà nước Lào chưa phát huy hết vai trò tích cực của mình trong quản lý, điều tiết vĩ mô nền kinh tế nói chung, hoạt động thương mại dịch vụ nói riêng. Trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng NDCM Lào khởi xướng và lãnh đạo, những năm qua Chính phủ và các cơ quan quản lý kinh tế khác của Nhà nước Lào đã phát huy vai trò tích cực đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng trì trệ, tạo đà phát triển nhanh và ổn định cho giai đoạn sau, nhưng công tác quản lý Nhà nước về kinh tế vẫn còn kém hiệu lực, nhiều vấn đề chưa theo kịp với yêu cầu đổi mới. Do đó cần phải tiếp tục và không ngừng hoàn thiện, đổi mới nội dung, hình thức và phương pháp quản lý của Nhà nước đối với thương mại.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯƠNG MẠI CỦA NƯỚC CHDCND LÀO ĐẾN NĂM 2020

3.1. PHƯƠNG HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI CỦA LÀO

3.1.1. Phương hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Lào đến năm 2020

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII của Đảng NDCM Lào (tháng 3 năm 2001), đã thống nhất chủ trương tiếp tục đường lối đổi mới của cách mạng Lào nói chung và đề ra những chiến lược, mục tiêu, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của CHDCND Lào từ nay đến năm 2020 là: "làm cho nước Lào thoát khỏi lạc hậu, là một nước ổn định về chính trị và trật tự an ninh xã hội, nền kinh tế phát triển liên tục và bền vững với tốc độ nhanh; đời sống nhân dân được nâng cao hơn 3 lần so với hiện nay, nền kinh tế quốc dân vững mạnh, bởi cơ cấu nông, lâm nghiệp gắn chặt với công nghiệp và dịch vụ một cách cân đối và tiến bộ; nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước phát triển có hệ thống và tạo tiền đề cơ bản cho công nghiệp hóa - hiện đại hóa, các thành phần kinh tế đều được phát triển hài hòa và là cơ cấu hợp thành sức mạnh của nền kinh tế quốc dân, trong đó thành phần kinh tế nhà nước và thành phần kinh tế hợp tác của nhân dân chiếm đại bộ phận trong nền kinh tế quốc dân... Củng cố hệ thống chính trị vững chắc do Đảng NDCM Lào là hạt nhân lãnh đạo, Nhà nước của nhân dân và vì dân...".

Nhằm quán triệt chủ trương, đường lối chính sách của Đảng nêu trên, Chính phủ Lào đã đề ra "phương hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020", xác định chương trình hành động và mục tiêu cụ thể của Chính phủ từ nay đến năm 2010 và đến năm 2020, trong đó chủ yếu xd các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, chương trình cải cách hành chính nhà nước,

đổi mới cơ chế chính sách và hệ thống quản lý kinh tế của Nhà nước, nhằm phát huy nội lực, xây dựng nền kinh tế theo cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Những nội dung cơ bản của chiến lược và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của CHDCND Lào: "Đến năm 2020 tỷ lệ tăng dân số là 2,2% dân số là 8 triệu người, đưa nhân dân Lào thoát ra khỏi sự nghèo đói, thu nhập bình quân đầu người đạt khoảng 1200-1500 USD, tốc độ tăng trưởng của GDP 7%/năm, tỷ lệ người biết chữ 90%, tuổi thọ 70 tuổi.

Để thực hiện những mục tiêu trên, Nhà nước Lào đã đề ra một số chiến lược cơ bản sau:

(1). Thực hiện chiến lược phát triển dân số tương xứng với phát triển kinh tế, con người trên cơ sở cải cách giáo dục để đạt chất lượng tương đương với các nước trong khu vực, đặc biệt cải cách hệ thống giáo dục phổ thông, trung học chuyên nghiệp công lập và dân lập.

(2). Phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật kinh tế - xã hội hiện đại trong một số ngành và lĩnh vực, nhằm phát triển kinh tế và tạo điều kiện để hội nhập kinh tế với khu vực và quốc tế, xây dựng một số trung tâm dịch vụ của khu vực tại CHDCND Lào.

(3). Điện khí hóa trên toàn lãnh thổ nhằm tạo động lực thúc đẩy sự phát triển nền kinh tế quốc dân. Hoàn thiện mạng lưới điện Bắc đến Nam và đưa điện tới tận các vùng kinh tế trọng điểm, từng bước thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa dựa trên cơ sở điện khí hóa nền kinh tế.

(4). Phân bố lực lượng sản xuất phù hợp với đặc điểm sản xuất của cụm từng vùng, từng khu vực. Xây dựng cơ cấu kinh tế nông - lâm - công nghiệp và dịch vụ cân đối. Ưu tiên phát triển công nghiệp vừa, nhỏ, phát triển và các ngành nghề thủ công truyền thống tại các địa phương, từng bước phát triển cân đối giữa các vùng các miền. Bảo vệ và phát triển bền vững môi trường tự nhiên và hệ sinh thái.

(5). Khuyến khích và phát triển mọi thành phần kinh tế nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và khu vực, đặc biệt tập trung vào các lĩnh vực xuất khẩu và du lịch. Khuyến khích mọi loại hình kinh doanh theo pháp luật, phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế hợp doanh và kinh tế hợp tác bởi vì đây là các thành phần kinh tế quan trọng trong việc sản xuất hàng hóa phục vụ nhu cầu địa phương và xuất khẩu.

(6). Tích cực tham gia vào tiến trình hội nhập và hợp tác với khu vực và trên thế giới, tham gia khu thương mại tự do ASEAN (AFTA), tổ chức thương mại thế giới (WTO), tham gia khu vực đầu tư ASEAN (AIA), tham gia chương trình hợp tác phát triển lưu vực sông Mêkông và các tổ chức quốc tế khác.

(7). Đầu tư hợp lý cho sự phát triển khoa học - công nghệ để tiến tới thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Để thực hiện thắng lợi những chủ trương chính sách của Đảng, mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Nhà nước Lào đề ra, thì phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý Nhà nước đối với sự phát triển nền kinh tế quốc dân: "Sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước để điều tiết và định hướng phát triển nền kinh tế và phát triển thị trường là một yếu tố quan trọng. Đặc biệt là phải củng cố, đổi mới, nâng cao trình độ quản lý kinh tế của Nhà nước, trên cơ sở vận dụng đúng đắn các quy luật vận động của nền kinh tế thị trường đồng thời tăng cường năng lực quản lý kinh tế vĩ mô để đảm bảo sự phát triển của nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

3.1.2. Chiến lược phát triển thương mại của Lào đến năm 2020

3.1.2.1. Chiến lược phát triển thương mại trong nước

Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển thị trường và sản xuất trên cơ sở hiệu quả, các doanh nghiệp nhà nước phải thực sự là công cụ điều tiết thị trường, quản lý và ổn định giá cả hàng hóa, qua đó đảm bảo cho nhân dân được đầy đủ lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng đa dạng và đúng thị hiếu của họ.

Bảo đảm vật tư, nguyên liệu cho sản xuất, đặc biệt là sản xuất trong nông nghiệp để có thể tạo ra các mặt hàng đáp ứng được nhu cầu trong nước và xuất khẩu sử dụng quỹ điều tiết hàng hóa để tiến hành điều tiết thị trường và giá cả, thiết lập một số kho dự trữ điều tiết và các kho dự trữ chiến lược của Nhà nước (gạo, xăng dầu...).

Xây dựng các "Trung tâm thương mại hiện đại và các chợ đầu mối" làm nơi tập trung giao dịch mua bán hàng hóa của các hộ sản xuất và thương nhân, nhà doanh nghiệp, trên cơ sở đó phát triển kinh tế thị trường ở thành thị và nông thôn, vùng dân tộc, miền núi. Phát triển mạng lưới thương mại tới tận các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, qua việc thực hiện chính sách đòn bẩy kinh tế mà chủ yếu là các chính sách ưu đãi thuế nhằm thu hút và khuyến khích các nhà kinh doanh đưa hàng hóa về nông thôn làm dịch vụ hai chiều cho người sản xuất.

Mục tiêu đến năm 2020 hệ thống thương mại bán lẻ phải đạt 90% đến tất cả 10.912 bản làng của 142 quận huyện, thuộc 18 tỉnh thành. Đồng thời, các quận, huyện, thành phố thị xã đều có chợ, trung tâm thương mại hay siêu thị, tùy điều kiện và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của địa bàn đó.

Đưa các đơn vị kinh doanh vào tổ chức, hiệp hội phi Chính phủ, hoạt động theo quy định của pháp luật. Tổ chức thực hiện việc đăng ký kinh doanh, nghiên cứu các hình thức tổ chức doanh nghiệp, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Nhà nước tham gia thị trường chứng khoán hoặc huy động vốn trong nhân dân. Xây dựng và ban hành Luật Thương mại nhằm tạo hành lang pháp lý cần thiết cho các đơn vị kinh doanh, tránh hiện tượng làm ẩu, làm trái pháp luật hoặc trái với chủ trương, chính sách chung của Nhà nước.

Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trong nước, được tùy chọn theo nhu cầu hợp sở thích của mình trong việc mua sắm. cung cấp cho họ những loại hàng hóa phong phú, đa dạng về chủng loại, kích cỡ, nhãn mác, thương hiệu có chất lượng tốt với giá cả hợp lý, thoả mãn nhu cầu ngày càng tăng của toàn xã hội.

Kết hợp giữa thương mại nội địa và phát triển kinh tế du lịch, củng cố và tăng cường hệ thống dịch vụ bán hàng lưu niệm và hàng hóa phục vụ du lịch là hướng ưu tiên, cho phép kết hợp khai thác khả năng sẵn có về hàng hóa nơi cửa khẩu với tiềm năng sản xuất hàng truyền thống và cung cấp dịch vụ tại chỗ của địa phương. Đây là phương thức tối ưu để tăng thêm nguồn ngoại tệ nhờ xuất khẩu tại chỗ và giải quyết công ăn việc làm, đặc biệt cho các lực lượng lao động tại địa phương chưa được đào tạo. Do đó, cần phải phối hợp tốt các dự án khai thông, nâng cấp đường xá từ cả hai phía lãnh thổ Lào - Việt Nam, Lào - Thái, Lào - Trung kể cả các dịch vụ khác ở khu vực xuất khẩu.

Đến năm 2010 hình thành một số trung tâm dịch vụ tổng hợp và các điểm phục vụ tour du lịch hấp dẫn. Bảo tồn khai thác vẻ đẹp, cảnh quan thiên nhiên, rừng và các loại thú quý, hiếm, các di tích văn hóa - lịch sử để phát triển du lịch hấp dẫn phục vụ khách thăm quan, đây là tiền đề để đẩy mạnh sự phát triển thương mại nội địa như: hàng thủ công, mỹ nghệ, lưu niệm, đặc sản, thực phẩm, văn hóa phẩm và đồng thời cũng là một hình thức thúc đẩy xuất khẩu tại chỗ thông qua con đường phát triển du lịch.

3.1.2.2. chiến lược phát triển thương mại quốc tế

a. Về chiến lược thương mại quốc tế

Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (2001) của Đảng NDCM Lào khẳng định chính sách thương mại xuất nhập khẩu của CHDCND Lào là: "... Tiếp tục thực hiện chính sách thương mại đa phương, xây dựng thị trường xuất khẩu bền vững, khuyến khích đầu tư cho các ngành xuất khẩu mũi nhọn, bằng cách ưu tiên nhập khẩu thiết bị, vật tư, kỹ thuật và công nghệ mới hiện đại nhằm tăng năng lực sản xuất hàng hóa thay thế nhập khẩu và tăng sản lượng và trị giá hàng xuất khẩu nhằm phát huy lợi thế so sánh trong tiến trình tham gia AFTA".

Tiếp tục đẩy mạnh giao lưu hợp tác kinh tế với bên ngoài qua các cửa khẩu. Coi đây là một bộ phận quan trọng của kinh tế đối ngoại nhằm thực hiện

các chính sách về nông nghiệp của CHDCND Lào trong nền kinh tế mở, tạo điều kiện thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Trước hết là tăng cường quan hệ thương mại với các nước láng giềng, đặc biệt là với CHXHCN Việt Nam và CHND Trung Hoa. Đối với CHXHCN Việt Nam là nước bạn láng giềng, đã tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện chiến lược chuyển từ phía Tây sang phía Đông, tích cực thúc đẩy hợp tác, liên kết kinh tế về thương mại, du lịch, vận tải hàng hóa quá cảnh và tạm nhập tái xuất. Cần khai thác các thị trường gần, thị trường tiêu thụ điện có nhiều tiềm năng để đẩy mạnh xuất khẩu và thị trường nhập khẩu. Đồng thời củng cố, bảo vệ truyền thống hữu nghị đặc biệt giữa hai nước. Ưu tiên việc đầu tư mở đường ra biển như cảng nước sâu của Việt Nam để xuất khẩu hàng hóa vào thị trường Nhật Bản, Đông Á. Đối với CHDCND Lào, việc mở tuyến đường thông ra biển Đông qua Việt Nam là con đường ngắn và hiệu quả nhất thực hiện thông thương với các nước, hội nhập với khu vực và quốc tế. Tập trung phát triển các tuyến giao thông liên kết giữa các nước láng giềng theo hướng ưu tiên mở ra các cảng biển lớn của Việt Nam để tạo điều kiện phát triển kinh tế cho các vùng sâu vùng xa, đặc biệt tạo điều kiện cho xây dựng các khu thương mại tự do trên dải lãnh thổ biên giới thúc đẩy nhanh tiến trình hội nhập ở khu vực này.

Đối với Trung Quốc: Cần có biện pháp tích cực mở rộng thị trường buôn bán trao đổi hàng hóa sâu vào nội địa, trước hết là hai tỉnh Quảng Tây và Vân Nam. Đẩy mạnh hợp tác du lịch, hàng hóa quá cảnh, tranh thủ khai thác thế mạnh về công nghệ sinh học, giống cây, giống con, máy móc cơ khí, phân bón, thuốc trừ sâu phục vụ sản xuất. Xây dựng chiến lược mặt hàng xuất khẩu ổn định, lâu dài và có khối lượng lớn như: khoáng sản, một số nguyên liệu, sản phẩm nông nghiệp và dược liệu mà Trung Quốc cần.

Đối với Thái Lan: tiếp tục đẩy mạnh hợp tác và giao lưu kinh tế thương mại theo chiều sâu. Cố gắng khai thác thế mạnh du lịch, dịch vụ và công nghệ

chế biến nông - lâm - thủy sản. Xúc tiến hợp tác giao thông vận tải hàng hóa và du lịch. Ngăn ngừa hàng buôn lậu qua biên giới vào thị trường nội địa của CHDCND Lào.

Tranh thủ tối đa những mặt tích cực chính sách kinh tế đối ngoại; tích cực khai thác triệt để, có hiệu quả những tiềm năng, thế mạnh của CHDCND Lào để đẩy nhanh quá trình hợp tác và giao lưu kinh tế qua biên giới. Trước hết chú trọng đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu, du lịch và dịch vụ, từng bước xây dựng chiến lược giao lưu và hợp tác kinh tế lâu dài và ổn định.

Khôi phục quan hệ hợp tác kinh doanh với các nước Đông Âu vốn là bạn hàng truyền thống của Lào. Mở rộng quan hệ hợp tác với các nước trong khối ASEAN trên cơ sở khai thác thế mạnh về tài nguyên thiên nhiên và nguồn lao động trong nước, sử dụng công nghệ và vốn của nước ngoài để sản xuất hàng hóa xuất khẩu sang thị trường các nước ASEAN, các khu vực khác và sản xuất hàng hóa thay thế nhập khẩu.

Do đặc điểm địa lý gần kề, hợp tác phát triển cơ sở hạ tầng mà trước hết là giao thông vận tải là lĩnh vực nên ưu tiên hàng đầu trong chương trình hợp tác với các nước láng giềng để thực hiện đồng bộ các mục tiêu: ① đẩy mạnh giao lưu hàng hóa và xuất nhập khẩu giữa các nước láng giềng với phí rẻ hơn và cự ly ngắn hơn; ② Liên kết hội nhập ASEAN và GMS. Hợp tác giao thông vận tải phải đi trước một bước, tạo tiền đề cho các chương trình hợp tác trong các ngành lĩnh vực tiếp theo.

Khuyến khích buôn bán qua biên giới và những quy định phù hợp về việc tổ chức buôn bán, về chủng loại hàng hóa được phép kinh doanh biên giới. củng cố các cụm buôn bán qua biên giới đã có và hướng hoạt động buôn bán của họ theo hướng có lợi, vừa làm dịch vụ hai chiều (thu mua sản phẩm và xuất khẩu hàng hóa cho nhân dân sống ở các khu vực dọc biên giới) nhằm nâng cao đời sống cho nhân dân vùng biên, vừa tạo thế cân bằng trong buôn bán qua biên giới, hạn chế các hiện tượng tiêu cực như buôn lậu qua biên giới, buôn lậu ma túy.

Mở rộng quan hệ thương mại với nhiều nước để tránh sự độc quyền thương mại của một nước nào đó, thông qua con đường vịnh Thái Lan vào Nam Á và Trung Đông. Mở rộng quan hệ hợp tác thương mại quốc tế, đặc biệt là với các nước Châu Á. Phấn đấu trở thành thành viên tổ chức thương mại thế (WTO) để giành quyền được hưởng ưu đãi GSP và MFN của tất cả các nước trong tổ chức này, nhờ đó nâng cao khả năng cạnh tranh của hàng hóa và vị thế của CHDCND Lào trên trường quốc tế. Từ nay đến 1/1/2008, khi chưa hoàn toàn xóa bỏ mọi hàng rào thuế quan theo quy định AFTA, CHDCND Lào phải quan tâm tới việc bảo vệ nền sản xuất trong nước, phát triển một cách vững chắc, để hàng hóa Lào có thể cạnh tranh được với hàng hóa nước khác trong khu vực.

b. Chiến lược phát triển mặt hàng xuất khẩu. Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của Lào đến năm 2020 cần phải tập trung vào mặt hàng mà thị trường cần và có khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá cả, đặc tính văn hóa mà các nước khác không sản xuất hoặc không đủ cho thị trường. Định hướng mặt hàng xuất khẩu phải chuyển dịch theo hướng sau đây.

- Chuyển mạnh, chuyển nhanh từ xuất khẩu tài nguyên dạng quặng, nguyên liệu thô sang xuất khẩu sản phẩm hàng hóa chế biến.

- Tăng nhanh mặt hàng thành phẩm có nguyên liệu trong nước và trọng tâm, giảm mặt hàng gia công, lắp ráp chỉ hưởng công lao động.

- Tăng nhanh xuất khẩu sản phẩm hàng hóa có hàm lượng công nghệ và chất xám cao, giảm mặt hàng sơ chế ban đầu, gia công giản đơn.

- Tập trung mặt hàng mang tính đặc thù của Lào cho thị trường khuyết (Niche markets), tăng hiệu quả kinh tế cao.

Trong những năm tới Lào cần phải lựa chọn tập trung vào một số nhóm hàng chủ lực, mũi nhọn xuất khẩu mà Lào có lợi thế và thị trường cần gồm có 7 nhóm hàng như sau: Năng lượng điện; khoáng sản; lâm sản chế biến; vật liệu xây dựng; may mặc; hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống; cà phê.

c. Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu của Lào

Muốn thực hiện thành công phương án và chỉ tiêu xuất khẩu thì vấn đề quan trọng là phải xác định thị trường đầu ra ổn định lâu dài. Vấn đề định hướng thị trường xuất khẩu có vị trí quan trọng đặc biệt trong chính sách thương mại và đường lối công nghiệp hóa nói chung. Bởi vì, trong kinh tế thị trường tất cả những hoạt động sản xuất kinh doanh đều bắt đầu từ thị trường và kết thúc tại thị trường. Trong quan hệ kinh tế đối ngoại mở cửa và hội nhập ngày nay, nếu phương hướng thị trường không được xác định rõ thì hoặc là nền kinh tế đất nước chậm hội nhập vào nền kinh tế thế giới, hoặc là nó có thể dễ bị tổn thương do sự phụ thuộc quá lớn vào một khu vực thị trường bất ổn định nào đó. Việc xác định phương hướng thị trường không thể là sự lựa chọn chủ quan mà phải dựa trên sự phân tích những chuyển biến trong nền kinh tế thế giới và khu vực cũng như những nguồn lực hiện có và triển vọng phát triển kinh tế của đất nước.

Lào là thành viên chính thức của ASEAN từ tháng 7 năm 1997 và tham gia chương trình CEPT nhằm tiến tới khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) vào năm 2008, sự kiện này hiển nhiên tạo cho Lào một thị trường với hơn 400 triệu dân. Thực hiện chiến lược "công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu" để tạo ra hàng hóa có sức cạnh tranh trên thị trường khu vực và thế giới.

Thị trường xuất khẩu của Lào khá *rộng lớn* bởi vì CHDCND Lào đã được 32 nước bạn bè trên thế giới dành ưu đãi về thuế quan và phi thuế quan với mức độ khác nhau đối với những hàng hóa có xuất xứ (C/O) của Lào xuất khẩu sang các nước đó. Điều đó thể hiện những thời cơ thuận lợi, triển vọng về thị trường rộng lớn đón nhận hàng xuất khẩu của Lào. Nhưng mỗi nước đều có chính sách ưu đãi riêng. Một số thị trường xuất khẩu hàng hóa trong thời gian tới.

Một là thị trường nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Thị trường Việt Nam là một thị trường láng giềng, truyền thống, dễ tính, thị trường mang tính định

hướng xã hội chủ nghĩa. Ngày nay Việt Nam là điểm đến của bè bạn trên thế giới trong thiên niên kỷ mới. Riêng về thương mại với CHDCND Lào thì Đảng và Chính phủ Việt Nam đã dành cho Lào một chính sách thương mại ưu đãi đặc biệt, điều đó được thể hiện trong các văn bản chính thức đã được ký kết giữa hai Nhà nước Việt - Lào sau đây:

Hiệp định hợp tác kinh tế văn hóa khoa học kỹ thuật và chính sách ưu đãi thương mại và đầu tư giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước CHDCND Lào năm 2003 ký ngày 9/1/2003 tại thủ đô Hà Nội. Tại điều 4.2 của hiệp định này Chính phủ Việt Nam lại khẳng định tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi cho Lào như nội dung "Thoả thuận Viêng Chăn" 2002 là giảm 50% thuế nhập khẩu đối với hàng hóa có xuất xứ (C/O) Lào và xác định hạn ngạch danh mục hàng hóa Lào được nhập khẩu Việt Nam trong năm 2003 gồm 29 nhóm hàng. Ngoài hiệp định và thoả thuận nêu trên còn có nhiều thoả thuận, văn bản thông tư hướng dẫn của Chính phủ, các Bộ ngành, chính quyền, tổng cục, vụ và các ban sở quản lý kinh tế vĩ mô từ Trung ương đến Địa phương, mà tất cả các hiệp định, thoả thuận và các văn bản pháp lý đó của Chính phủ Việt Nam đều nhằm mục đích tạo lập môi trường ưu đãi cho hàng hóa của Lào tham gia lưu thông trên thị trường Việt Nam, tăng cường sự hợp tác thương mại giữa hai nước không ngừng phát triển. Có thể nói Việt Nam là thị trường xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Lào.

Hai là, thị trường Trung Quốc, Thái Lan và Singapore.

Trung Quốc đã dành ưu đãi về thuế quan và hạn ngạch đối với hàng xuất khẩu của CHDCND Lào với hơn 200 mặt hàng có xuất xứ (C/O) Lào nhập khẩu thị trường Trung Quốc, làm cho thương mại giữa hai nước ngày càng không ngừng tăng lên một bước mới. Tổng trị giá hàng xuất khẩu của Lào sang Trung Quốc thì tính bình quân tăng 5%/năm. Kể từ năm 2002 trở đi Nhà nước Trung Quốc đã có chính sách thương mại rất ưu đãi đối với Lào, cụ thể

là đã giảm thuế xuất nhập khẩu cho hơn 200 danh mục hàng hóa có xuất xứ của Lào khi nhập vào Trung Quốc.

Đối với Thái Lan cũng là một thị trường truyền thống, nhân dân hai nước nhất là vùng biên giới dọc theo bờ sông Mêkông, có đặc điểm đi lại, giao thông vận tải rất thuận lợi trong mua bán trao đổi hàng hóa nhất là về thị trường xuất khẩu nông lâm sản dưới dạng nguyên liệu của nông dân thông hình thức xuất khẩu tiểu ngạch. Đặc biệt Thái Lan là một thị trường tiêu thụ năng lượng điện và bán sản phẩm nguyên liệu xây dựng (khối thép, clinker, phân lân kali, phốt phát, phân vi sinh, than,...).

Thị trường Singapore là một thị trường truyền thống đã thường xuyên quan hệ mua bán nhiều mặt hàng xuất khẩu của Lào, có thể coi đây là "cửa ngõ" của hàng hóa Lào trước khi xuất khẩu đi thị trường của nước thứ ba.

Ba là thị trường EU. Các nước thành viên trong khối EU dành ưu đãi GSP cho Lào theo nguyên tắc bắt buộc là:

- Nếu sản phẩm hàng hóa có (C/O) Lào và là 100% nguyên liệu trong nước thì được miễn thuế nhập khẩu (thuế suất bằng 0%).

- Nếu sản phẩm hàng hóa có (C/O) Lào, mà sử dụng nguồn nguyên liệu nhập khẩu (từ các nước ASEAN, SAARC, APEC) với đầy đủ quy trình sản xuất thành phẩm (Substantial Transformation) thì khi xuất khẩu sang nước nói trên sẽ được ưu đãi này được chia hai trường hợp như sau:

- + Trường hợp ASEAN CUMULATION, sản phẩm hàng hóa có (C/O) Lào, mà sử dụng nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ các nước trong khối ASEAN với đầy đủ quy trình sản xuất thành phẩm (Substantial Transformation) và giá trị nguyên liệu nhập khẩu ít hơn giá trị hàng hóa phân nội địa thì khi xuất khẩu sang nước nói trên sẽ được ưu đãi miễn thuế nhập khẩu.

- + Trường hợp Derogation (có hạn ngạch) sản phẩm hàng hóa có (C/O) Lào, mà sử dụng nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ các nước Nam Á SAARC và các nước APEC với đầy đủ quy trình sản xuất thành phẩm (Substantial

Transformation) thì khi xuất khẩu sang nước nói trên sẽ được ưu đãi miễn thuế nhập khẩu nhưng có giới hạn về số lượng (hạn ngạch). Những nhóm hàng được EU ưu đãi GSP cho Lào gồm có hàng công nghiệp chế biến gồm 76 nhóm hàng, nông sản chế biến gồm 67 nhóm hàng.

Bốn là thị trường Nhật Bản và Hàn Quốc. Nhật Bản ưu đãi GSP cho Lào gồm 26 nhóm hàng nông sản lương thực, thực phẩm, hoa quả tươi khô, gừng, chè cà phê và 14 nhóm hàng công nghiệp: quần áo, giấy, gia thú,... Hàn Quốc ưu đãi GSP cho Lào gồm 60 nhóm hàng: cá, tôm, quả dưa, đậu các loại, cà phê, thuốc lá sợi, sản phẩm gỗ, quần áo, đá quý, vàng,...

Năm là thị trường các nước thuộc hệ thống CHCN trước đây. Thị trường này bao gồm Cộng hòa Liên bang Nga, Cộng hòa Szech, Hungary, Bungary, Slovakia, Poland, Berarus ưu đãi GSP cho Lào gồm tất cả các nhóm hàng của Lào nhưng với điều kiện nguyên liệu nhập khẩu 50%, nguyên liệu trong nước 50%.

Sáu là thị trường Australia GSP cho Lào gồm hàng thủ công mỹ nghệ, giấy da. Newzealand ưu đãi GSP cho Lào gồm tất cả các nhóm hàng của Lào nhưng với điều kiện nguyên liệu nhập khẩu không quá 50%, nguyên liệu trong nước 50%.

Bảy là thị trường Mỹ và Canada. Mỹ cũng đã cho phép 632 mặt hàng của Lào vào thị trường Mỹ với điều kiện miễn thuế nhập khẩu. Trong tương lai không xa khi Chính phủ Mỹ có chính sách bình thường hóa thương mại với Lào thì danh mục hàng hóa đó sẽ mở rộng hơn nhiều nữa. Canada ưu đãi GSP cho Lào gồm tất cả các nhóm hàng của Lào nhưng với điều kiện nguyên liệu nhập khẩu không quá 60%, nguyên liệu trong nước 40%.

Tám là thị trường Norway và Switzerland. Hai nước Norway và Switzerland ưu đãi GSP cho Lào gồm 78 nhóm hàng: lương thực, thực phẩm, rau, thuốc lá, quần áo,... với điều kiện nguyên liệu nhập khẩu 75%, nguyên liệu trong nước 25%.

Những thị trường đó có thể tạo ra bước phát triển mới cho ngành thương mại xuất khẩu Lào trong hai thập kỷ tới. Song vấn đề cốt lõi là phải có giải pháp khuyến khích và thúc đẩy xuất khẩu phù hợp và hữu hiệu thì mới có thể đạt được.

3.2. QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG VÀ NỘI DUNG HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯƠNG MẠI CỦA NƯỚC CHDCND LÀO ĐẾN NĂM 2020

3.2.1. Quan điểm và nguyên tắc hoàn thiện chính sách quản lý Nhà nước về thương mại.

Tại hội nghị lần thứ 8 khóa IV của Trung ương Đảng NDCM Lào (tháng 10/1989), Ban chấp hành Trung ương Đảng NDCM Lào đã đề ra 6 nguyên tắc hoàn thiện của cách mạng Lào trong thời kỳ đổi mới. Đó là:

- 1. Giữ vững mục tiêu chủ nghĩa xã hội, tính cách mạng của Lào trong thời kỳ mới.*
- 2. Chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng ta trong sự nghiệp lãnh đạo cách mạng của nhân dân.*
- 3. Sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện tiên quyết thắng lợi của cách mạng của Nhân dân ta.*
- 4. Phát huy và nâng cao chế độ dân chủ trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ, lấy dân làm gốc dưới sự lãnh đạo của Đảng.*
- 5. Tăng cường sức mạnh và hiệu lực của nền chuyên chính dân chủ của nhân dân.*
- 6. Kết hợp chủ nghĩa yêu nước nồng nàn và chủ nghĩa quốc tế vô sản và quốc tế xã hội chủ nghĩa, kết hợp sức mạnh của dân tộc và sức mạnh thời đại.*

Trên cơ sở nguyên tắc đổi mới của Đảng NDCM Lào kết hợp cơ sở lý luận khoa học và thực tiễn, có thể đưa ra những quan điểm và nguyên tắc đổi mới quản lý nhà nước thương mại ở CHDCND Lào trong thời gian tới như sau:

a. Về quan điểm:

1. Hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước về thương mại phải trên cơ sở quan điểm và nguyên tắc đổi mới của Đảng, phù hợp điều kiện thực hiện trong nước và xu thế của quốc tế và dưới sự lãnh đạo của Đảng NDCM Lào.

Hoàn thiện quản lý nhà nước là cuộc đổi mới toàn diện, đồng bộ và nhất quán hoạt động quản lý Nhà nước về thương mại theo chủ trương đường lối của Đảng. Mục tiêu đổi mới đó là nhằm thực hiện chủ trương đường lối của Đảng NDCM Lào đề ra trong từng thời kỳ. Hoàn thiện phù hợp với xu hướng tự do hóa thương mại và hội nhập kinh tế quốc tế không phải là từ bỏ mục tiêu chủ nghĩa xã hội, mà là nhằm làm cho chủ nghĩa xã hội đi đến thắng lợi nhanh hơn.

2. Hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước về thương mại phải trên cơ sở kế thừa và phát triển những yếu tố tích cực và thành quả đã đạt được và bảo đảm tính hệ thống, ổn định và nhất quán.

Chính sách quản lý nhà nước về thương mại là sự tác động của Nhà nước (chủ thể) điều tiết những hoạt động thương mại (đối tượng) bằng các chính sách, công cụ, biện pháp và tổ chức bộ máy quản lý của Nhà nước nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Vì vậy cần phải kế thừa, thống nhất theo hệ thống cơ chế chính sách chung và toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Mặt khác do đặc điểm của quản lý nhà nước về thương mại vừa là khoa học vừa là nghệ thuật quản lý. Quản lý kinh tế và quản lý thương mại vừa là khoa học vừa là nghệ thuật, vừa tuân thủ các quy luật kinh tế khách quan, quy luật của thị trường vừa kết hợp những nhiệm vụ chính trị và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội do Nhà nước đề ra qua các thời kỳ, đồng thời phải áp dụng những thành tựu, tiến bộ của khoa học công nghệ mới trong quản lý đặc biệt là công nghệ thông tin (Information Technologie) và tinh hoa của phương pháp quản lý hiện đại vào lĩnh vực thương mại.

3. Hoàn thiện để nâng cao năng lực và hiệu quả của hệ thống chính sách quản lý nhà nước về thương mại đồng thời khai thác các tiềm năng, lợi thế của đất nước và tạo môi trường tích cực cho hoạt động kinh doanh thương mại phát triển.

Hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước về thương mại là sự đổi mới cả hệ thống quản lý của nhà nước: các chính sách, luật pháp, công cụ đôn bẫy kinh tế, phương pháp quản lý, tổ chức bộ máy và cán bộ quản lý, cơ chế điều hành, phối kết hợp giữa các bộ phận có liên quan, từ Trung ương đến địa phương. Quy định vai trò, chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn thông qua sự phân công, phân cấp quản lý, các mối liên hệ theo ngành và lãnh thổ với các ngành có liên quan đối với lĩnh vực hoạt động thương mại nội bộ và ngoại thương.

4. Hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước về thương mại phải có kế hoạch, bước đi phù hợp và sự phối hợp, nhạy bén và sự biến đổi của thực tiễn.

Chủ thể quản lý là con người, đối tượng quản lý cũng là con người, mục tiêu quản lý là thoả mãn nhu cầu của con người (gồm nhu cầu của chủ thể và đối tượng), như vậy suy cho cùng quản lý thương mại là quản lý con người, mà con người là tổng hòa của các lợi ích, luôn luôn có sự biến đổi, cho nên trong quản lý cần phải nhạy bén, năng động và sáng tạo. Do đó phương thức quản lý tất yếu phải không ngừng được cải tiến đổi mới cho phù hợp hơn.

5. Hoàn thiện chính sách quản lý Nhà nước về thương mại của Lào cần phù hợp quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường, tiếp cận và thích ứng với những "thước đo chung", những "luật chơi chung" của thế giới.

Hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước ở Lào phù hợp đặc biệt của nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường. Đồng thời phải phù hợp với pháp luật và thông lệ thương mại trong khu vực và quốc tế; không tạo ra những dị biệt, những luật chơi riêng, những thước đo riêng, phù hợp với quá trình chuyển sang và phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN của Lào. Nền kinh tế của Lào đang chuyển sang nền kinh tế thị trường,

mở cửa và hợp tác quốc tế, tất yếu phải đổi mới cơ chế quản lý Nhà nước phù hợp với quy luật của KTTT. Hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước không ngừng thay đổi và phát triển theo cơ chế thị trường, đều có nghĩa là lực lượng sản xuất, mạng lưới thương mại đã và đang có sự thay đổi, tất yếu phải thay đổi cơ chế, chính sách quản lý và hệ thống pháp luật, công cụ và tổ chức bộ máy quản lý thương mại nội thương và ngoại thương. Từ những biến đổi sản xuất kinh doanh thương mại trong nước, đã ảnh hưởng rất lớn đối với hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu, mối quan hệ thương mại quốc tế, vừa có thời cơ thuận lợi vừa có khó khăn thách thức to lớn về hợp tác thương mại song phương và đa phương trong khu vực và toàn cầu. Thực hiện nhất quán nền thương mại nhiều thành phần, trong đó thành phần kinh tế nhà nước là trung tâm, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Từ những quan điểm trên có thể đưa ra nguyên tắc hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước về thương mại ở CHDCND Lào như sau:

b. Về nguyên tắc, sự hoàn thiện chính sách quản lý Nhà nước về thương mại ở CHDCND Lào trong thời kỳ tới cần theo các nguyên tắc cơ bản sau:

Thứ nhất, hoàn thiện chính sách quản lý Nhà nước về thương mại cần được đặt trong đường lối và lộ trình chung của sự nghiệp đổi mới kinh tế - xã hội, đổi mới quản lý nền kinh tế quốc dân của CHDCND Lào, phù hợp với quá trình chuyển đổi đồng bộ, căn bản chức năng quản lý nhà nước về kinh tế từ mô hình nền kinh tế chỉ huy, hiện vật tự túc tự cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN.

Thứ hai, hoàn thiện phương thức, nội dung và tổ chức bộ máy quản lý Nhà nước về thương mại phải trên cơ sở nhận thức và vận dụng đúng các quy luật khách quan của kinh tế thị trường và phải tăng cường được hiệu lực và hiệu quả của quản lý nhà nước.

Thứ ba, hoàn thiện hệ thống pháp luật, chính sách và cơ chế quản lý thương mại phải theo nguyên tắc tạo ra môi trường kinh tế vĩ mô bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, không phân biệt đối xử và tạo ra môi trường thông thoáng, thuận lợi nhất cho các thương nhân tham gia hoạt động thương mại.

Thứ tư, hoàn thiện phương pháp quản lý, các công cụ quản lý, các chính sách và cơ chế quản lý Nhà nước về thương mại phải vừa đảm bảo tính minh bạch hóa vừa phù hợp với luật pháp và thông lệ quốc tế, bảo đảm khả năng hội nhập kinh tế quốc tế.

Thứ năm, hoàn thiện các phương pháp, công cụ và công nghệ quản lý Nhà nước về thương mại phải vừa có sự kế thừa vừa đi tắt đón đầu vào sử dụng các phương pháp, công cụ và công nghệ quản lý nhà nước hiện đại của thế giới nhằm hiện đại hóa hoạt động quản lý Nhà nước về thương mại.

3.2.2. Mục tiêu và phương hướng hoàn thiện chính sách quản lý Nhà nước về thương mại

3.2.2.1. Mục tiêu

- Hoàn thiện hệ thống các chính sách và pháp luật thương mại, hoàn thiện các công cụ quản lý, phương pháp quản lý, hoàn thiện tổ chức bộ máy và cán bộ quản lý, cơ chế điều hành, phối kết hợp giữa các bộ phận có liên quan, từ Trung ương đến địa phương. Quy định lại vai trò, chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm, quyền hạn thông qua sự phân công, phân cấp quản lý, các mối liên hệ theo ngành và lãnh thổ với các ngành có liên quan đối với lĩnh vực hoạt động thương mại trong nước và thương mại quốc tế. Điều đó cũng có nghĩa là đổi mới cách thức và biện pháp tác động, cải tiến công cụ quản lý, nâng cao hiệu lực cơ chế, tổ chức bộ máy và năng lực cán bộ quản lý thương mại trong toàn ngành từ Bộ Thương mại xuống đến các Sở Thương mại tỉnh và phòng thương mại quận huyện.

- Củng cố và hoàn thiện hệ thống công cụ quản lý, cơ chế, chính sách và hệ thống tổ chức bộ máy quản lý thương mại đạt hiệu quả cao, áp dụng những thành tựu và tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ và phương pháp quản lý mới hiện đại vào lĩnh vực quản lý thương mại theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, nhằm thực hiện những mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước đề ra từ nay đến 2020, tạo lập môi trường, điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh thương mại phát triển theo hướng tự do hóa thương mại, thực hiện đúng các cam kết, phù hợp với xu thế của thời đại mới.

- Xây dựng và phát triển thương mại của Lào tương xứng với tiềm năng sẵn có, khai thác triệt để lợi thế so sánh của đất nước để tận dụng tối đa cơ hội phát triển, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân, góp phần tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, góp phần thúc đẩy sản xuất và mở rộng thị trường trong nước và vùng sâu, vùng xa, xóa đói giảm nghèo, phục vụ đời sống nhân dân; mở rộng và phát triển thị trường quốc tế để bảo đảm nhập khẩu vật tư, máy móc thiết bị và công nghệ cho phát triển sản xuất trong nước và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa xuất khẩu của Lào.

- Huy động nhiều thành phần kinh tế tham gia với nhiều loại hình doanh nghiệp kinh doanh thương mại và dịch vụ, cạnh tranh bình đẳng trên thị trường, cùng nhau phát triển, dưới sự quản lý của Nhà nước. Trong đó doanh nghiệp thương mại Nhà nước tập trung và chuyên môn hóa một số ngành hàng và lĩnh vực quan trọng, đặc biệt là doanh nghiệp hoạt động công ích, hàng hóa phục vụ chính sách xã hội, đóng vai trò điều tiết thị trường, thương nghiệp tập thể và tư nhân được tổ chức theo các nguyên tắc tự nguyện, cùng góp vốn và cùng hưởng lợi, quản lý dân chủ và được đối xử bình đẳng với các thành phần kinh tế khác và hoạt động theo pháp luật.

- Xây dựng một nền thương mại vì dân do dân làm chủ với giá cả rẻ, chất lượng tốt, phục vụ văn minh cho người tiêu dùng. Tạo thành nơi quá cảnh

hàng hóa cho các nước trong khu vực. Đáp ứng tối đa nhu cầu cần được thỏa mãn về hàng hóa và dịch vụ cho dân chúng.

3.2.2.2. Phương hướng về hoàn thiện chính sách quản lý Nhà nước về thương mại

Để thực hiện được mục tiêu trên, việc đổi mới quản lý nhà nước về thương mại Lào theo các phương hướng cơ bản sau đây:

- *Tạo lập môi trường pháp lý thông thoáng và thuận lợi* (môi trường cứng và môi trường mềm) cho hoạt động kinh doanh và dịch vụ thương mại theo hướng "tự do - hợp pháp", xóa bỏ các rào cản hành chính, tạo một khung pháp luật hay "sân chơi bình đẳng", không phân biệt đối xử, mọi thành phần kinh tế được quyền tham gia hoạt động kinh doanh thương mại hàng hóa và dịch vụ, cạnh tranh "lành mạnh và văn minh" phát triển thương mại trên thị trường nội địa cũng như trên thị trường khu vực và quốc tế.

- Các cơ quan quản lý Nhà nước về thương mại không chỉ làm chức năng và nhiệm vụ của "người trọng tài" mà phải làm chức năng tư vấn và "huấn luyện viên", là bà đỡ cho các doanh nghiệp và thương nhân trong hoạt động kinh doanh thương mại. Các nhà quản lý thương mại phải luôn luôn mang trong mình tinh thần phục vụ cho các doanh nghiệp và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp cạnh tranh bình đẳng với nhau. Coi sự sống còn về kinh tế của nước Lào là ở các doanh nghiệp.

- Chức năng và nhiệm vụ chính của cơ quan quản lý Nhà nước cấp Trung ương là quản lý vĩ mô, là người "cầm lái" chứ không phải là người "chèo thuyền". Có nghĩa là phải giảm thiểu các công việc sự vụ các cơ quan Trung ương (các Bộ) và tập trung vào việc hoạch định chính sách, xây dựng hệ thống pháp lý, điều tiết nền kinh tế và bằng những biện pháp và công cụ quản lý vĩ mô, chuyển giao nhiệm vụ quyền hạn quản lý điều hành hàng ngày đối với từng vụ việc của từng đối tượng quản lý về cho địa phương và cơ sở.

- Về phương pháp quản lý, cùng với việc thực hiện ba phương pháp quản lý cơ bản hiện nay (phương pháp kinh tế, phương pháp giáo dục và phương pháp hành chính), cần phải tiến tới áp dụng phương pháp quản lý mới theo hướng tiến tới ICT hóa (Information Communication Technologie). Sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý vĩ mô, cung cấp các dịch vụ, thông tin về thị trường trong nước và ngoài nước, nâng cao trình độ và năng lực quản lý Nhà nước về thương mại như việc cung cấp dịch vụ quản lý Nhà nước qua mạng Internet (E - Government), nâng cao trình độ văn minh thương mại điện tử (E - Commerce)...

- Về cơ cấu tổ chức, bộ máy và cơ chế phối hợp. Xuất phát từ chức năng nhiệm vụ trong thời kỳ đổi mới, cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý mới phải thay đổi, hợp lý để đảm bảo tính tiết kiệm, hiệu quả. Tinh giản bộ máy tổ chức, tinh giản cán bộ, xây dựng bộ máy gọn nhẹ.

- Xây dựng khuôn khổ pháp lý, cơ chế, chính sách riêng cho lĩnh vực hoạt động tạm nhập - tái xuất và dịch vụ quá cảnh hàng hóa thông thoáng, gọn nhanh và có hiệu lực cao, chấn chỉnh công tác tổ chức, thủ tục quản lý và dịch vụ của các bộ phận có liên quan đến vấn đề này nhằm thúc đẩy giao lưu hợp tác kinh tế.

- Thực hiện chính sách thuế quan hết sức ưu đãi và miễn giảm các lệ phí không cần thiết (đến mức tối thiểu). Coi thuế là đòn bẩy rất quan trọng, mang tính quyết định nhất trong giai đoạn tạo tiền đề để chuẩn bị đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho phát triển thương mại và thu hút các nhà kinh doanh và dịch vụ thương mại trong khu vực và quốc tế.

- Thực hiện chính sách phát triển thị trường, mặt hàng và đối tác một cách năng động, phải nghiên cứu thị trường nào thích hợp cho Lào cả về mua và bán hàng hóa, đặc biệt là thị trường mới, thị trường ngách. Phải nghiên cứu thay đổi mặt hàng, mẫu mã cho phù hợp với tâm lý và nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng, phát triển những sản phẩm mà Lào có thể mạnh. Phải thực

hiện đa phương hóa, đa dạng hóa, đa chiều kinh doanh buôn bán với các đối tác. Đặc biệt, phải mở rộng với các đối tác truyền thống, bên cạnh đó phát triển các đối tác mới có tiềm năng để khai thác thị trường Lào.

3.2.3. Nội dung hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước về thương mại của CHDCND Lào

3.2.3.1. Hoàn thiện công tác xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển thương mại

Chiến lược thương mại là định hướng phát triển thương mại quốc gia cho một thời kỳ tương đối dài với các mục tiêu tổng quát về các giải pháp nhằm huy động tối ưu các nguồn lực và tổ chức thực hiện trong thực tiễn để đẩy mạnh phát triển thương mại với nhịp độ ngày càng cao.

Hệ thống chiến lược thương mại trong nền kinh tế quốc dân bao gồm:

+ Chiến lược thương mại quốc gia. Chiến lược này do Bộ Thương mại xây dựng dự án chiến lược và Chính phủ thông qua. Nó thể hiện những quan điểm chỉ đạo chung của ngành thương mại, mục tiêu tổng quát của ngành thương mại và giải pháp vĩ mô. Chiến lược thương mại chung ở tầm quốc gia còn được chi tiết hóa thành chiến lược thương mại nội địa và chiến lược xuất nhập khẩu.

+ Chiến lược thương mại vùng lãnh thổ. Đây là bộ phận của chiến lược phát triển vùng lãnh thổ. Bộ Thương mại và các địa phương thuộc vùng lãnh thổ nghiên cứu xây dựng. Chiến lược này dựa vào định hướng chung phát triển kinh tế xã hội vùng lãnh thổ và khai thác lợi thế của vùng để xây dựng.

+ Chiến lược thương mại của tỉnh (thành phố). Chiến lược này do Sở Thương mại nghiên cứu xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thông qua. Nó cũng là bộ phận của chiến lược kinh tế xã hội của tỉnh, thành phố.

+ Chiến lược kinh doanh thương mại của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp sản xuất xây dựng chiến lược tiêu thụ sản phẩm; các doanh nghiệp thương mại xây dựng chiến lược kinh doanh. Chiến lược này do chính doanh nghiệp xây dựng và tổ chức thực hiện.

Chiến lược thương mại vĩ mô có những tính chất đặc trưng sau đây:

Thứ nhất, tính định hướng. Chiến lược thương mại quốc gia vạch ra lộ trình phát triển thương mại của đất nước cho thời kỳ 10 năm, 20 năm. Nó chỉ ra hướng vận động chung của ngành. Từ định hướng chung đó các tỉnh, thành phố, các doanh nghiệp điều chỉnh hoạt động của mình cho phù hợp.

Thứ hai, tính tổng quát. Chiến lược thương mại quốc gia nêu ra các mục tiêu tổng quát định lượng và định tính. Vạch ra những cân đối lớn cho những sản phẩm quan trọng, dự báo và triển vọng chung về thị trường trong nước và quốc tế. Đây là chiến lược chung và khái quát nhất.

Thứ ba, tính lựa chọn. Chiến lược thương mại quốc gia không phải là mô hình phát triển cụ thể mà là để lựa chọn từ mục tiêu, các nguồn lực đến giải pháp. Nó như một sự gợi ý cho các nhà quản lý, nhà kinh doanh điều hành các hoạt động cụ thể. Do đó chiến lược này không bất di, bất dịch mà được điều chỉnh và có thể thay đổi phù hợp với thực tiễn.

Thứ tư, tính khoa học và thực tiễn. Chiến lược được xây dựng trên cơ sở lý thuyết về hoạch định và thực thi chiến lược. Sử dụng các phương pháp khoa học để phân tích và dự báo thực trạng môi trường trong nước và quốc tế. Bảo đảm chiến lược có tính khả thi cao. Nói một cách tổng quát chiến lược phải có luận cứ khoa học và phù hợp với thực tiễn, thực hiện được trong thực tiễn. Tính khoa học và thực tiễn còn thể hiện ở việc huy động được các chuyên gia, các nhà khoa học, những người công tác thực tế để xây dựng chiến lược và trong suốt quá trình thực thi chiến lược.

Việc xác định quy trình xây dựng chiến lược chính là việc xác định một trật tự khoa học các bước tiến hành nhằm bảo đảm chất lượng cao của công việc. Quy trình xây dựng chiến lược thương mại ở vĩ mô (quốc gia) hay vi mô (doanh nghiệp) đều có những nét tương đồng. Cân đối mới và áp dụng quy trình khoa học trong xây dựng và thực thi thực hiện thương mại.

Phải có chiến lược phát triển thị trường với một tầm nhìn lâu dài, cùng với chiến lược phát triển thị trường như thị trường nội địa, thị trường đường biên, thị trường xuất nhập khẩu, thị trường truyền thống, thị trường mới, thị trường thế giới, thị trường khu vực, thị trường ngách v.v... thì phải có chiến lược phát triển mặt hàng và đối tác một cách năng động, đổi mới, phải chú ý mẫu mã, chất lượng, giá cả, đặc biệt là phải tiến hành xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm và thương hiệu Lào.

3.2.3.2. Hoàn thiện kế hoạch hóa vĩ mô về thương mại

Kế hoạch hóa có vai trò định hướng cho sự vận động của thị trường theo những mục tiêu của Đảng và Nhà nước đã đề ra. Kế hoạch bảo đảm xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý, khai thác tiềm năng, thế mạnh của đất nước cho mục tiêu phát triển đã định; Bảo đảm cho nền kinh tế phát triển cao và bền vững là mục tiêu cơ bản và lâu dài của kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân ở nước CHDCND Lào. Kế hoạch hóa đề xuất các mục tiêu, nhiệm vụ thương mại vĩ mô, xây dựng các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn và xác định các cân đối lớn. Đồng thời đề xuất các cơ chế chính sách để hướng nền kinh tế theo mục tiêu đã định.

Kế hoạch hóa đóng vai trò phối hợp, trợ giúp hoạt động của các doanh nghiệp, các thành viên trong xã hội theo những phương hướng chung tạo nên sức mạnh tổng hợp cho nền kinh tế phát triển một cách đồng bộ, có hiệu quả, có tốc độ tăng trưởng cao và ổn định. Điều đó được thực hiện bằng việc cung cấp thông tin, định hướng cơ cấu kinh tế trong tương lai. Những ngành, những vùng được ưu tiên phát triển, những dự báo về thay đổi giá cả, cung cầu thị trường và xu hướng biến đổi của môi trường trong nước, quốc tế... giúp các chủ thể kinh tế và kinh doanh đưa ra các quyết định phù hợp.

Kế hoạch hóa đang có phạm vi áp dụng rộng rãi trên thế giới, là phát triển của chủ nghĩa xã hội, song thực tế Kế hoạch hóa có hiệu quả lại do các nước ngoài hệ thống xã hội chủ nghĩa trước đây áp dụng. Lý luận và thực tiễn

đã khẳng định Kế hoạch hóa nói chung và Kế hoạch hóa thương mại ở nước Lào là tất yếu cần thiết.

Kế hoạch hóa là quá trình hoạt động có ý thức của một tổ chức hay cá nhân thuộc cộng đồng nhằm xác định các chương trình mục tiêu cho tương lai và tổ chức thực hiện các mục tiêu đã định ra.

Kế hoạch hóa thương mại là quá trình hoạt động mang tính tổng hợp, tính liên ngành, tính khoa học và thực tiễn cao từ khâu phân tích, dự báo, xác định mục tiêu, lựa chọn biện pháp cho đến khâu tổ chức thực hiện và kiểm tra.

Kế hoạch hóa ở nước CHDCND Lào trong giai đoạn hiện nay là kế hoạch hóa trong cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Những vấn đề cơ bản sau đây cần được nhận thức để đổi mới Kế hoạch hóa thương mại.

Như vậy, đổi mới Kế hoạch hóa phải ăn khớp với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nói chung, phù hợp với quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Những nội dung đổi mới quan trọng là giải quyết mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường, đổi mới tính chất của Kế hoạch hóa.

Kế hoạch hóa và thị trường không phải là những công cụ thay thế cho nhau của cùng một chức năng mà chúng là những công cụ của hai chức năng riêng biệt, nếu biết sử dụng tốt thì sẽ đem lại hiệu quả cao cho nền kinh tế.

Thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của Kế hoạch hóa, vì thế để có thể điều khiển được thị trường, công tác kế hoạch hóa phải chú trọng làm tốt một số vấn đề sau đây:

Một là: tôn trọng các quy luật vận động của thị trường. Công tác kế hoạch hóa phải tôn trọng các quy luật vận động của thị trường, quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật lưu thông tiền tệ, nghĩa là người ta chỉ có thể nhận thức, tiếp cận và tạo môi trường cho thị trường vận động phù hợp với ý đồ mục tiêu của Kế hoạch hóa, chứ không thể dùng quyền lực hành chính để áp đặt

lên thị trường. Kế hoạch hóa là phải xuất phát từ yêu cầu thị trường, nghiên cứu sự vận động của thị trường hiện tại và xu hướng phát triển trong thời gian tới để lựa chọn các mục tiêu và giải pháp hợp lý.

Hai là: Tạo môi trường cho thị trường hoạt động một cách thực sự. Với những cơ chế chính sách cởi mở, hoạt động của các loại thị trường trở nên năng động, đa dạng hơn. Song ở nước Lào chưa có một nền kinh tế hàng hóa và một thị trường thực sự. Vì vậy, kế hoạch hóa có nhiệm vụ góp phần hình thành, phát triển thị trường và cùng với các công cụ khác tạo môi trường và luật chơi thống nhất để cho các chủ thể sản xuất hàng hóa tiến hành hoạt động và cạnh tranh với nhau trong khuôn khổ luật chơi đó.

Ba là: Kế hoạch hóa vạch ra mục tiêu, các cân đối lớn, tính toán dung lượng của thị trường, các biện pháp bảo đảm cân đối tổng cung và tổng cầu để định hướng cho sự vận động của thị trường, đảm bảo cho nền kinh tế tăng trưởng ổn định và có hiệu quả cao. Lợi dụng tối đa yếu tố tự điều chỉnh của thị trường để đảm bảo thoả mãn nhu cầu phong phú, đa dạng của đời sống xã hội. Kế hoạch hóa cần nắm chắc và sử dụng linh hoạt, uyển chuyển những chiếc van của nền kinh tế như: thuế, lãi suất tín dụng, công cụ phát hành tiền, dự trữ quốc gia về các loại hàng hóa trọng yếu, vàng và ngoại tệ, để điều chỉnh biên độ vận động của thị trường theo định hướng mục tiêu đã định.

Kế hoạch hóa định hướng là xác định một cách đúng đắn phương hướng, mục tiêu phát triển của nền kinh tế quốc dân và các biện pháp về cân đối vật chất, khoa học - kỹ thuật, cơ chế chính sách để hướng dẫn các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh phát triển theo phương hướng, mục tiêu đã đề ra.

Như vậy, kế hoạch hóa định hướng khác về căn bản với kế hoạch hóa theo phương thức cấp phát, giao nộp bằng việc giao chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh từ trên xuống. Có thể nêu lên ba tính chất khác nhau cơ bản sau đây:

- Tính định hướng và tổng quát. Kế hoạch hóa định hướng, kế hoạch Nhà nước mang tính tổng quát về định hướng phát triển nền kinh tế quốc dân. Kế

hoạch hóa Nhà nước không làm thay đổi, bố trí thay cơ cấu sản xuất và cơ cấu tiêu dùng cụ thể của hàng vạn mặt hàng cho nhu cầu phong phú, đa dạng của cuộc sống, mà tập trung vào việc thiết lập một cách đúng đắn các quan hệ cân đối lớn của nền kinh tế quốc dân như: cân đối tích lũy và tiêu dùng, cân đối giữa công nghiệp và nông nghiệp, cân đối giữa xuất khẩu và nhập khẩu, cân đối giữa kinh tế và an ninh quốc phòng, cân đối giữa phát triển kinh tế và đảm bảo sự phát triển ổn định, có hiệu quả của nền kinh tế và công bằng xã hội. Đó cũng là cơ sở để hoạch định các chính sách kinh tế và định hướng vận động cho thị trường xã hội. Việc đảm bảo cơ cấu sản xuất và cơ cấu tiêu dùng cụ thể của sản xuất và lưu thông do các doanh nghiệp trực tiếp thực hiện, thông qua yếu tố tự điều chỉnh của thị trường.

- Tính hướng dẫn và gián tiếp: trong cơ chế quản lý cũ, việc thực hiện kế hoạch hóa chủ yếu được tiến hành bằng cách giao chỉ tiêu pháp lệnh. Với cách đó, các cấp dưới và các đơn vị cơ sở chỉ còn là một việc duy nhất là nghiêm chỉnh chấp hành. Họ không cần phải suy nghĩ phải làm gì, làm như thế nào cho có hiệu quả, vì mọi việc đã có cấp trên tính toán và cùng gánh chịu mọi hệ quả.

Trong cơ chế quản lý mới, kế hoạch Nhà nước mang tính hướng dẫn và gián tiếp. Các doanh nghiệp là những đơn vị sản xuất hàng hóa đứng trước thị trường, họ được tự chủ về kinh doanh, họ cần hiểu phải làm gì, làm như thế nào để phù hợp với phương hướng, mục tiêu kế hoạch Nhà nước và đáp ứng nhu cầu thị trường, để tự khẳng định mình và đứng vững trong cuộc cạnh tranh trên thị trường. Kế hoạch Nhà nước, do đó vừa là môi trường, vừa là hành lang hoạt động đối với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Tính năng động gắn liền với hiệu quả và lợi ích kinh tế. Cơ chế tài chính trước đây theo kiểu thu đủ - chi đủ không khuyến khích các đơn vị cơ sở phát huy mọi sáng kiến để làm giàu, vì làm giàu được nhiều cũng góp phần lớn cho ngân sách, và nếu lỗ thì ngân sách cấp bù. Từ đó người ta muốn làm

ngoài kế hoạch hơn là làm trong kế hoạch. Cơ chế kế hoạch định hướng mang tính công khai, với linh hồn là các đòn bẩy kinh tế, đã tạo động lực kích thích mạnh mẽ bằng lợi ích vật chất, thông qua hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Hiện nay khi xóa bỏ chỉ tiêu pháp lệnh, các doanh nghiệp có toàn quyền chủ động trong việc xác định các phương án sản xuất, kinh doanh theo nhu cầu của thị trường nhằm đạt doanh lợi cao nhất, đồng thời cũng phải sẵn sàng chịu mọi rủi ro trước những diễn biến của tình hình thị trường.

Phải nói rằng Lào cũng như Việt Nam đã có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng kế hoạch 5 năm. Ngay từ những năm bảy mươi, sau khi hoàn thành công cuộc giải phóng đất nước, Lào đã đề ra kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Các kế hoạch 5 năm kế tiếp, mặc dù có sắc thái khác nhau nhưng nội dung kinh tế - xã hội vẫn được duy trì. Đến nay nước Lào đang thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ tư. Qua mỗi chặng đường 5 năm, kinh tế có sự chuyển dịch đáng kể.

Kế hoạch 5 năm là cụ thể hóa hơn nữa chiến lược phát triển thương mại về mặt thời gian. Nội dung chủ yếu của kế hoạch này có phân ra từng năm bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch thương mại 5 năm qua, những mục tiêu kế hoạch đã đạt được, những khó khăn, tồn tại, những bài học kinh nghiệm.

- Dự báo các tình hình phát triển, khả năng, cơ hội và các thách thức, xác định các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển thương mại chia ra từng năm, xác lập một số cân đối lớn (tiền - hàng, hàng hóa chủ yếu, tiêu dùng trong nước, xuất nhập khẩu, vốn đầu tư, cán cân thương mại...).

- Đề xuất chủ trương phát triển các ngành thương mại 5 năm tới các chương trình, dự án lớn.

- Đề xuất các giải pháp, cơ chế chính sách nhằm bảo đảm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch.

Công tác xây dựng, chỉ đạo điều hành kế hoạch thương mại 5 năm cần đổi mới trên các mặt:

- Chuyển trọng tâm sang kế hoạch hóa giá trị, nghĩa là coi trọng chỉ tiêu giá trị. Nói cách khác, sử dụng ngày càng nhiều công cụ chính sách kinh tế, thông qua ban hành luật, pháp lệnh và các pháp quy của Chính phủ (về tài chính, tín dụng, lãi suất, thuế...).

- Xây dựng và thực hiện các chương trình quốc gia, các dự án lớn. Tập trung các nguồn lực vào việc chỉ đạo, điều hành thực hiện các chương trình quốc gia và các dự án này.

- Chú trọng vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cho thương mại phát triển.

- Chú trọng phát triển thương mại với các chỉ tiêu xã hội (nhất là đối với nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số).

- Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, thu hút vốn đầu tư từ nước ngoài thông qua nhiều kênh khác nhau, nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm Lào trên thương trường.

Kế hoạch hóa hàng năm là nhằm thực hiện kế hoạch 5 năm, tức là từng bước lượng hóa mức độ cho phép các mục tiêu phát triển thương mại 5 năm. Cũng có thể nói đây là kế hoạch điều hành, bao gồm cả việc thiết lập các cân đối lớn, trên cơ sở nghiên cứu, dự báo thị trường mà điều chỉnh các kế hoạch tiếp.

Trong những năm qua ở Lào, mặt tiến bộ của kế hoạch hàng năm là xây dựng kế hoạch gắn chặt với công tác chỉ đạo điều hành, rõ nét nhất là sự phối hợp chặt chẽ giữa Bộ Thương mại với các cơ quan quản lý về kế hoạch, tài chính ngân hàng, giữa các cơ quan lập pháp và hành pháp, giữa phương cách quản lý, điều hành phục vụ sản xuất trong nước và xuất khẩu.

Tuy vậy, kế hoạch hàng năm vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản

lý của Nhà nước. Thể hiện rõ ở vấn đề chưa khai thác được tiềm năng của các thành phần kinh tế và chưa thể hiện được sức mạnh tập trung của Nhà nước, Nhà nước chưa nắm và quản lý có hiệu quả những cái cần nắm, cần quản lý, như ngân sách Nhà nước, chống buôn lậu, trốn thuế, làm hàng giả, đồng thời tiềm năng trong dân còn lớn (không chỉ nói về vốn, sức lao động mà còn trí tuệ chất xám...) chưa khai thác tốt nguồn vốn ngoài nước cho vay, nhưng giải ngân chậm, dân trong nước chưa giám kinh doanh hết mình, người nước ngoài còn do dự khi đầu tư vào Lào.

Bên cạnh đó, chưa có chế độ báo cáo, lập kế hoạch thống nhất. Trong kinh tế thị trường, nguồn thông tin là vô cùng quan trọng, mang tính sống còn của sự nghiệp kinh doanh, thế nhưng việc cung cấp thông tin, xử lý thông tin còn nhiều bất cập, nếu không nói là rất yếu kém.

Có nhiều phương pháp khác nhau để xây dựng kế hoạch thương mại của nền kinh tế quốc dân, trong đó những phương pháp phổ biến là:

Thứ nhất, phương pháp giao kế hoạch từ trên xuống.

Theo phương pháp này theo trình tự các cấp quản lý vĩ mô giao các chỉ tiêu định hướng kế hoạch từ trên xuống. Hiện nay hàng năm Chính phủ giao cho Bộ 4 chỉ tiêu và cho tỉnh (thành phố) hai chỉ tiêu.

Bốn chỉ tiêu giao cho Bộ là:

- + Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu.
- + Dự trữ quốc gia về hàng hóa, vật tư, thiết bị chủ yếu.
- + Đầu tư, xây dựng cơ bản.
- + Tài chính ngân sách.

Hai chỉ tiêu cho tỉnh, thành phố là:

- + Đầu tư xây dựng cơ bản.
- + Tài chính, ngân sách.

Bộ Thương mại căn cứ vào chỉ tiêu định hướng xây dựng kế hoạch thương mại của nền kinh tế quốc dân.

Thứ hai, Phương pháp xây dựng và tổng hợp kế hoạch từ dưới lên theo phương pháp này thì hàng năm dựa trên cơ sở tổng hợp kế hoạch của các đơn vị, cơ quan trực thuộc Bộ Thương mại xem xét các mặt cân đối quan trọng nhất của ngành trong phạm vi cả nước để xây dựng thành kế hoạch thương mại vĩ mô. Chính phủ tập hợp kế hoạch của các Bộ, ngành, tỉnh, thành phố thành kế hoạch kinh tế quốc dân.

Dù theo phương pháp nào thì nội dung kế hoạch đều gồm hai bộ phận: Các chỉ tiêu kế hoạch và các biện pháp tổ chức thực hiện kế hoạch.

Để xác định các chỉ tiêu kế hoạch, các phương pháp thường được sử dụng là phương pháp thống kê - kinh nghiệm. Thực chất của phương pháp này là trên cơ sở những số liệu báo cáo về hoạt động thương mại của 6 hay 9 tháng (căn cứ vào thời điểm lên kế hoạch) và ước thực hiện kỳ còn lại để xác định ước thực hiện kế hoạch thương mại trong năm. Ước thực hiện và nhịp độ tăng giảm khối lượng, kim ngạch xuất nhập khẩu và tổng mức bán lẻ hàng hóa trong một số năm là cơ sở của kế hoạch thương mại cho năm sau.

Nhược điểm của phương pháp này là không phản ánh chính xác khối lượng, giá trị hàng hóa kỳ kế hoạch, không tính hết những thay đổi trong sản xuất và tiêu dùng, những biến động của thị trường cho nên các chỉ tiêu kế hoạch đề ra không sát với thực tiễn.

Phương pháp kinh tế - xã hội. Đây là phương pháp xác định chỉ tiêu kế hoạch được coi là đúng đắn hơn cả. Bởi vì cơ sở để làm kế hoạch phát triển thương mại là khả năng sản xuất trong nước và nhu cầu của thị trường thế giới, nhu cầu và khả năng thanh toán của thị trường trong nước.

Dựa trên các cơ sở trên, các nhà lập kế hoạch bằng phương pháp tính toán thích hợp, sử dụng các mô hình toán để xác định khối lượng và giá trị hàng hóa lưu thông trong nước, tổng giá trị xuất nhập khẩu, khối lượng và giá trị xuất khẩu, nhập khẩu của từng mặt hàng.

Sau khi tính toán được các chỉ tiêu kế hoạch, một nhiệm vụ quan trọng của các nhà lập kế hoạch là đề ra các biện pháp, chính sách để thực hiện kế hoạch. Các biện pháp, chính sách này được đề ra trên cơ sở phân tích tình hình thực tế, sự tác động của các chính sách vĩ mô đối với hoạt động thương mại để hướng hoạt động thương mại của các doanh nghiệp theo quỹ đạo nhất định để đạt được các mục tiêu kế hoạch.

3.2.3.3. Quy hoạch, tổ chức xây dựng và phát triển thương mại các vùng lãnh thổ, thương mại biên giới.

Tiến hành xây dựng quy hoạch ngành, vùng lãnh thổ là cụ thể hóa một bước chiến lược phát triển kinh tế - xã hội về không gian. Vấn đề này đã được đặt ra ngay từ khi xác định vai trò, vị trí của kế hoạch dài hạn và trung hạn. Nó đã được Đảng và Chính phủ Lào chú trọng từ những năm 1990 đến nay. Dựa vào yếu tố địa lý, tùy theo yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và sự chỉ đạo của Chính phủ mà tìm ra các lãnh thổ - địa bàn giữ vai trò động lực hoặc những lãnh thổ còn trong tình trạng trì trệ, yếu kém cần có sự nỗ lực để phát triển. Đây chính là những "cực tăng trưởng" hoặc "đại bàn cần được ưu tiên phát triển" của đất nước.

- Quy hoạch là cơ sở của kế hoạch hóa để quyết định các hoạt động đạt tới mục tiêu, qua đó quyết định các mục tiêu mới, biện pháp mới.

- Quy hoạch vùng là biện pháp giải quyết các mâu thuẫn về thời gian và không gian của các yếu tố phát triển, tạo ra sự phát triển không gian hài hòa, hợp lý, có hiệu quả. Do đó, vùng quy hoạch là sản phẩm của sự phân định một cách khoa học phục vụ cho việc tổ chức nền kinh tế - xã hội theo lãnh thổ của mỗi quốc gia, đảm bảo cho thực hiện chiến lược phát triển vùng nói riêng, cả nước nói chung.

- Quy hoạch vùng là bản luận chứng khoa học về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và tổ chức không gian hợp lý nền kinh tế quốc gia hay bố trí

hợp lý kinh tế xã hội quốc gia theo lãnh thổ bao gồm hai nhiệm vụ cơ bản: Dự báo phát triển vùng và tổ chức không gian hợp lý.

Như vậy, quy hoạch vùng là vấn đề có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận cũng như thực tiễn được hầu hết các nước quan tâm nhằm mục đích tạo ra những cơ sở khoa học để hoạch định các chính sách, chương trình phát triển kinh tế - xã hội mang tính quốc gia và vùng lãnh thổ.

Ngoài việc phân vùng như trên, các địa phương đều có quy hoạch tổng thể tỉnh, thành phố đến năm 2010, và để phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, tạo điều kiện thu hút vốn đầu tư, nước Lào cần tiến hành vùng sâu hơn như:

Vùng trọng điểm miền thượng Lào

Vùng trọng điểm trung Lào

Vùng phát triển kinh tế trọng điểm hạ Lào

Đồng thời phát triển các khu thương mại tự do và khu cửa khẩu

Như vậy, sau khi có chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và sau khi tiến hành quy hoạch vùng lãnh thổ, bức tranh toàn cảnh của nền kinh tế - xã hội được thể hiện rõ nét hơn cả về không gian và thời gian.

Kế hoạch phát triển thương mại cho từng vùng lãnh thổ khác nhau phải xuất phát từ các đặc điểm đặc thù của vùng đó. Nội dung chủ yếu bao gồm:

Mục tiêu phát triển thương mại của vùng, khối lượng và giá trị hàng hóa được lưu thông trong vùng và xuất ra ngoài vùng (bao gồm xuất ra các vùng khác trong nước và xuất khẩu). Cân đối cung cầu hàng hóa trong vùng phát triển các trung tâm thương mại của vùng, cơ cấu sản xuất hàng hóa của vùng đầu tư cho thương mại của vùng...

3.2.3.4. Hoàn thiện chính sách quản lý Nhà nước về lưu thông hàng hóa

Nhà nước phải hoàn thiện chính sách mở rộng lưu thông hàng hóa, mở rộng quyền của mọi tổ chức kinh tế và công dân được đăng ký kinh doanh thương mại dịch vụ. Nhà nước bảo hộ các quyền kinh doanh hợp pháp, tạo điều kiện bình đẳng không phân biệt đối xử đối với mọi thành phần kinh tế thương mại.

Nhà nước tạo lập môi trường tự do lưu thông trong khuôn khổ pháp luật. Pháp luật nhà nước đã thể hiện chính sách tự do lưu thông theo cơ chế thị trường. Luật thương mại của Lào có hiệu lực đã tạo ra cơ sở pháp lý để phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước. Nội dung quan trọng là đổi mới chính sách quản lý đối với thị trường trong nước, tập trung phát triển thương mại nông thôn, miền núi. Phát triển thương mại các vùng trọng điểm tạo ra đòn bẩy cho phát triển thương mại cả nước. Hoàn thiện chính sách quản lý về thương mại quốc tế theo hướng ngày càng phù hợp với luật pháp và thông lệ quốc tế có tính đến đặc điểm của Lào. Trong những năm tới cần tập trung đổi mới chính sách mặt hàng xuất khẩu, chính sách thị trường, chính sách hỗ trợ và đầu tư cho xuất khẩu, cải cách thuế và chính sách bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước. Hoạch định lộ trình hội nhập khu vực và quốc tế phù hợp. Chính sách thương mại của Lào được đổi mới nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý Nhà nước về thương mại. Đồng thời khai thác các tiềm năng và lợi thế của đất nước Lào, phát huy sức mạnh của mọi thành phần kinh tế trong nước và tranh thủ tối đa đầu tư hỗ trợ của nước ngoài cho phát triển đất nước. Trong điều kiện khủng hoảng kinh tế tài chính ở Mỹ và lan ra toàn cầu, Lào cũng không thể tránh khỏi ảnh hưởng. Để hạn chế suy giảm kinh tế và vượt ra khỏi khủng hoảng, chính sách quản lý Nhà nước về thương mại của Lào phải tập trung vào hướng kích cầu thông qua chính sách tài chính quốc gia giành cho đầu tư cơ sở vật chất như giao thông, kho tàng, trạm trại, cửa hàng, siêu thị, thông qua chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng cho người nghèo và nông dân, cho doanh nghiệp, cho người tiêu dùng, cho đẩy mạnh lưu thông hàng hóa và dịch vụ...

3.3. GIẢI PHÁP ĐỔI MỚI CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THƯƠNG MẠI CỦA NƯỚC CHDCND LÀO ĐẾN NĂM 2020.

3.3.1. Đổi mới nhận thức về chính sách quản lý Nhà nước đối với thương mại trong điều kiện mới.

Hoàn thiện quản lý Nhà nước về thương mại là công việc do con người làm, là một cuộc cách mạng sâu rộng. Vì vậy muốn thực hiện thành công cuộc đổi mới này giải pháp đầu tiên và quan trọng nhất là phải giáo dục chính trị tư tưởng, nhận thức của cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cao và đặc biệt là cán bộ ở cơ quan lập pháp, cán bộ làm công tác nghiên cứu tham mưu, dự báo, hoạch định chiến lược quy hoạch và kế hoạch, chính sách, cơ chế và tổ chức bộ máy thương mại.

Một số yêu cầu chủ yếu cần phải được thống nhất về mặt nhận thức như sau:

Một là: Nắm vững quan điểm, nguyên tắc đổi mới của Đảng NDCM Lào đề ra, đồng thời phải nắm vững quan điểm, nguyên tắc đổi mới quản lý Nhà nước về thương mại của Lào là lấy hiệu quả làm thước đo, lấy kích cầu làm nội dung, lấy hỗ trợ tín dụng lãi suất, tài chính tiền tệ làm phương tiện.

Hai là: Nắm vững đặc điểm về lợi thế khả năng các nguồn lực của CHDCND Lào, đặc biệt là về điều kiện kinh tế - xã hội và nhân lực của Lào khi tham gia thương mại quốc tế. Từ đó mới có thể xác định phương hướng chiến lược phát triển thương mại và chính sách quản lý Nhà nước về thương mại là quản lý về xuất khẩu, nhập khẩu.

Ba là: Quản lý Nhà nước về thương mại vừa là khoa học vừa là nghệ thuật. Hoạt động quản lý là một hoạt động của chí tuệ con người, quản lý con người là vì mục đích phục vụ con người. Hoạt động quản lý luôn luôn biến đổi. Theo quan điểm tư tưởng chiết học, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, của chủ nghĩa Mác - Lênin mọi sự vật và hiện tượng luôn ở trạng thái vận động. Mọi sự vật là hiện tượng đều chứa đựng mâu thuẫn giữa hai mặt đối lập, giải quyết mâu thuẫn giữa hai mặt đối lập đó làm cho sự

vật đó phát triển lên. Quản lý Nhà nước về thương mại phải chọn được những cán bộ có tài có đức để đề xuất được chính sách phù hợp thực tế.

Bốn là: Hoàn thiện chính sách quản lý Nhà nước về thương mại về bản chất là đổi mới về quan hệ sản xuất trong lĩnh vực thương mại trong tình hình và điều kiện mở cửa, hội nhập và tự do hóa thương mại. Theo học thuyết kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác - Lênin về quy luật quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất thì: Quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, lực lượng sản xuất quyết định quan hệ sản xuất, quan hệ sản xuất có thể mở đường hoặc kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. Quản lý Nhà nước về thương mại phải tạo được chính sách mới phù hợp với thời kỳ hội nhập quốc tế, thời kỳ khoa học và công nghệ phát triển nhanh như vũ bão.

Năm là: Hoàn thiện chính sách quản lý Nhà nước về thương mại theo hướng cơ chế thị trường, không phải là từ bỏ mục tiêu của XHCN, mà là biện pháp, là con đường để làm cho mục tiêu CNXH đi đến thắng lợi nhanh hơn đó là "dân giàu nước mạnh xã hội dân chủ, công bằng và văn minh".

Sáu là: Hoàn thiện chính sách quản lý Nhà nước về thương mại theo hướng hội nhập, tự do hóa thương mại khu vực và quốc tế, không phải là hòa tan. Hội nhập để củng cố thương mại là phát triển lên.

Bảy là: Hoàn thiện chính sách quản lý Nhà nước về thương mại là nhằm phát huy nội lực, khơi dậy và phát huy tinh thần thi đua yêu nước cả phía quản lý Nhà nước và phía doanh nghiệp trong điều kiện cạnh tranh gay gắt trong khu vực và toàn cầu.

Tám là: Hoàn thiện chính sách quản lý Nhà nước về thương mại nhằm tạo điều kiện, môi trường thông thoáng thuận lợi cho lực lượng doanh nghiệp thương mại là hoạt động sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ có hiệu quả và không ngừng phát triển, tăng thu nhập quốc dân, nâng cao sức mua và cải thiện đời sống nhân dân.

3.3.2. Hoàn thiện công tác hoạch định chiến lược, quy hoạch và phát triển thương mại.

Cùng với việc hoạch định chiến lược tổng thể phát triển thương mại quốc gia (chiến lược quốc gia), chiến lược phát triển thương mại và thị trường trong nước, chiến lược phát triển xuất nhập khẩu trong từng thời kỳ, cần hoạch định một số chiến lược biên giới, chiến lược phát triển các khu thương mại tự do, chiến lược phát triển dịch vụ tạm nhập tái xuất và quá cảnh, các chiến lược sản xuất và xuất nhập khẩu các ngành hàng chủ lực... Căn cứ các chiến lược cấp quốc gia nêu trên, các địa phương tổ chức xây dựng chiến lược cấp vùng và địa phương.

Khi xây dựng, hoạch định chiến lược phát triển thương mại, một mặt cần tăng cường quan hệ phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có nhiệm vụ xây dựng các chiến lược phát triển thương mại cấp quốc gia với cơ quan có nhiệm vụ xây dựng các chiến lược phát triển thương mại cấp vùng và cấp địa phương. Mặt khác, quá trình dự thảo, hoàn chỉnh các đề án chiến lược phát triển thương mại (cấp quốc gia, cấp vùng, cấp địa phương) cần tổ chức lấy ý kiến góp ý của đông đảo các doanh nhân, các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp, các Hiệp hội, ngành nghề...

Khi tổ chức thực hiện các chiến lược phát triển thương mại, để đảm bảo hiệu quả và hiệu lực thực hiện các chiến lược phát triển thương mại, Bộ Thương mại cần có quy chế về tổ chức thực hiện các chiến lược phát triển thương mại để biến chiến lược (ý chí chủ quan) thành hiện thực sinh động, ngăn chặn trường hợp các chiến lược chỉ tồn tại trên văn bản có tính chất "trang trí". Đồng thời sau khi ban hành các chiến lược, cần tổ chức các bộ phận chuyên trách theo dõi, đôn đốc kiểm tra thực hiện, đánh giá, dự báo tình hình trong nước và quốc tế để kịp thời điều chỉnh, bổ sung các chiến lược cho sát với sự biến đổi mau lẹ của thực tiễn.

Bên cạnh việc xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển thương mại quốc gia, quy hoạch phát triển thương mại cấp vùng lãnh thổ và quy hoạch phát triển thương mại của các địa phương thì cần xây dựng quy hoạch phát triển các khu vực đặc thù (các khu thương mại tự do, các khu kinh tế mở...). Đồng thời, sau khi có quy hoạch tổng thể phát triển thương mại (các cấp quốc gia, vùng, lãnh thổ, địa phương) cần triển khai xây dựng quy hoạch chi tiết. Trước mắt, ngoài việc xây dựng và hoàn thiện quy hoạch tổng thể phát triển thương mại của Lào, cần triển khai xây dựng quy hoạch phát triển các khu vực biên giới giữa Lào với các nước láng giềng.

Về xây dựng quy hoạch, quy hoạch là một bước cụ thể hóa thực hiện chiến lược nên việc xây dựng quy hoạch phát triển thương mại (các cấp độ) nên cần bám sát nội dung của chiến lược phát triển thương mại các cấp tương ứng và cần đặt trong hệ quy chiếu vừa rộng vừa cụ thể. Do đó, trong quá trình xây dựng dự thảo, cần tham khảo ý kiến rộng rãi của các đối tượng khâu triển khai thực hiện quy hoạch để nâng cao tính khả thi của các bản quy hoạch sau khi đã được phê duyệt, ngăn ngừa hiện tượng các bản quy hoạch chỉ "vẽ cho đẹp" tính khả thi thấp và hiện tượng làm quy hoạch theo kiểu phong trào, thiếu cơ sở khoa học vững chắc.

Về tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển thương mại, thể chế hóa việc thực hiện quy hoạch phát triển thương mại sau khi đã được phê duyệt. Trong đó, cần xác định rõ chủ thể tổ chức, quản lý việc thực hiện quy hoạch, trách nhiệm của các cấp các ngành trong việc xây dựng quy hoạch và "hậu quy hoạch" trách nhiệm điều chỉnh, bổ sung quy hoạch khi có sự biến đổi của thực tiễn làm cho quy hoạch lạc hậu, kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện quy hoạch và các chế tài xử phạt đối với các trường hợp thực hiện không đúng quy hoạch, cơ chế xử lý các tranh chấp trong thực hiện quy hoạch.

Về xây dựng kế hoạch định hướng và hướng dẫn phát triển thương mại

Cùng với việc xây dựng các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn phát triển thương mại thì phải kết hợp xây dựng các chương trình mục tiêu, các chính sách đầu tư, tín dụng và các chính sách kinh tế khác để tạo điều kiện hỗ trợ và hướng dẫn phát triển các ngành, các địa phương và các thành phần kinh tế thực hiện kế hoạch. Mặt khác để đảm bảo cho kế hoạch thực hiện được đúng vai trò định hướng, hướng dẫn phát triển thương mại thì phải lấy thị trường làm đối tượng và căn cứ quan trọng nhất. Kế hoạch đó phải xác định được phương hướng, mục tiêu, cơ cấu phát triển thị trường và thương mại trong nước và thương mại quốc tế trong từng giai đoạn cũng như xác định được các biện pháp để đạt được mục tiêu đó, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và hội nhập thương mại Lào với khu vực và thế giới. Mục tiêu của Kế hoạch hóa định hướng phát triển thương mại của Lào phải nhằm giữ một số cân đối lớn của thị trường và thương mại, ổn định thị trường trong nước, phát triển lưu thông hàng hóa, phát triển xuất nhập khẩu và đảm bảo hiệu quả quốc gia trong phát triển thương mại xử lý tốt quan hệ giữa thương mại và môi trường để đảm bảo phát triển thương mại bền vững.

Về xây dựng kế hoạch phát triển thương mại.

Để nâng ao chất lượng các kế hoạch phát triển thương mại phải trên cơ sở phân tích khoa học tình hình kinh tế - thương mại trong nước và trên thế giới gắn liền với thực hiện các chiến lược và quy hoạch phát triển thương mại. Sử dụng phương pháp hạch toán quốc gia theo hệ thống tài chính quốc gia SNA (System of National Account) để xác lập các cân đối vĩ mô được đo bằng các tiêu chuẩn tài chính, tiền tệ. Tức là sử dụng phương pháp giá trị và các chỉ tiêu giá trị là chính (thay vì sử dụng các chỉ tiêu hiện vật như trước đây trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp). Trong đó, các chỉ tiêu về nhu cầu thị trường cần được biết coi trọng như: tổng quỹ mua, sức mua thực tế của toàn xã hội, tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu, giá trị đồng nội tệ

của Lào trong quan hệ thanh toán thương mại quốc tế, nhu cầu của các nước bạn hàng xuất khẩu, chỉ số giá cả trong nước và giá xuất khẩu, các chỉ tiêu hiệu quả thương mại như tổng doanh thu và lợi nhuận... Theo đó, để xây dựng các phương án kế hoạch phát triển có chất lượng, Bộ Thương mại Lào phải tổ chức nghiên cứu, điều tra và dự báo về năng lực sản xuất và sức mua, về xu hướng và động thái thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu và thị trường các mặt hàng thiết yếu liên quan đến những cân đối lớn của nền kinh tế.

- Tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển thương mại. Mặc dù yếu tố đầu tiên có tính quyết định đến tính hiện thực của kế hoạch là chất lượng của kế hoạch, nhưng công tác kiểm tra, đánh giá và tổng kết rút kinh nghiệm trong việc xây dựng kế hoạch và thực hiện kế hoạch cũng rất quan trọng. Mặt khác, tuy kế hoạch hóa định hướng, hướng dẫn phát triển thương mại không còn là kế hoạch có pháp lệnh hay quy chế về tổ chức xây dựng kế hoạch và ràng buộc trách nhiệm của các cơ quan lập kế hoạch.

3.3.3. Hoàn thiện hệ thống chính sách quản lý thương mại trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Trong nền kinh tế thị trường, chiến lược và quy hoạch thương mại được thực hiện chủ yếu bằng công cụ chính sách liên quan đến thương mại. Điều quan trọng là phải tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác hoạch định chính sách thương mại:

- Nâng cao năng lực hoạch định chính sách thương mại của các cơ quan quản lý nhà nước về thương mại, đặc biệt là Bộ Thương mại.

- Tăng cường đối thoại giữa các doanh nghiệp và các cơ quan quản lý thương mại bằng cách tổ chức các cuộc đối thoại định kỳ để thảo luận và trao đổi về chính sách thương mại nói riêng và chính sách kinh tế nói chung.

- Thường xuyên trao đổi, phối hợp với các Bộ, ngành khác của Trung ương và địa phương trong việc hoạch định và thực hiện chính sách. Theo quy định của WTO các chính sách thương mại không chỉ bao hàm các chính sách

liên quan đến hoạt động mua, bán hàng hóa và dịch vụ mà còn bao hàm cả các chính sách đầu tư liên quan đến thương mại, sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại, chính sách về môi trường, y tế và tiêu chuẩn lao động liên quan đến thương mại.

- Tăng cường sử dụng các công cụ chính sách thương mại như thuế đối kháng, thuế chống phá giá, các tiêu chuẩn kỹ thuật, giảm dần mức thuế suất, chuyển các công cụ phi thuế sang thuế (thuế hóa).

Phương hướng chung của hoàn thiện hệ thống chính sách quản lý Nhà nước về thương mại là phải phù hợp với điều kiện hội nhập quốc tế WTO đồng thời bám sát đường lối, chính sách của Đảng và luật pháp của Nhà nước. Muốn thực hiện điều đó, trước tiên phải rà soát lại hệ thống chính sách chung (thể hiện ở các Nghị quyết, Nghị định, Quyết định của Chính phủ) để bổ sung, đổi mới cho phù hợp với những điều kiện trong nước và quốc tế. Xây dựng hệ thống chính sách quản lý vĩ mô về thương mại, bảo đảm sự quản lý thống nhất của Nhà nước đối với quá trình đa phương hóa, đa dạng hóa xuất nhập khẩu, nhằm đạt được những mục tiêu và đường lối của Đảng và chiến lược kinh tế - xã hội của nhà nước đã đề ra. Đồng thời chính sách thương mại phải nhằm thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước, phát huy tính chủ động, sáng tạo của các đơn vị sản xuất kinh doanh, thương mại và dịch vụ.

** Đối với chính sách thương nhân.*

Trước hết là khuyến khích sự phát triển thành phần thương nghiệp tư nhân, hình thành và phát triển đông đảo các thương nhân đủ khả năng hoạt động không những thương mại nội địa mà cả thương mại quốc tế. Mở rộng quyền kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp cho thương nhân thuộc mọi thành phần kinh tế, kể cả các thương nhân đã là doanh nghiệp và các thương nhân chưa phải là doanh nghiệp. Mọi thương nhân theo quy định của pháp luật Lào nếu có thị trường, bạn hàng và đủ khả năng hoạt động thương mại quốc tế đều

được trực tiếp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu tất cả các loại hàng hóa, không phụ thuộc vào ngành nghề, ngành hàng ghi trong giấy phép kinh doanh, hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu.

Khuyến khích và hỗ trợ các thương nhân tham gia đưa vào hàng lên các vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa để bán và phục vụ đồng bào đồng thời tổ chức tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của các vùng này. Nhà nước cần thực hiện chính sách trợ giá, trợ cước bán và mua hàng hóa ở các vùng núi cao cho các thương nhân.

* *Hoàn thiện chính sách lưu thông hàng hóa* cần phải theo hướng tự do hóa thương mại nhằm phát huy khả năng tự điều tiết của thị trường trong việc xác lập các cân đối cung - cầu, ổn định giá cả thị trường trong nước. Trừ các mặt hàng cấm mua bán và các mặt hàng tác động lớn đến sản xuất và đời sống. Nhà nước phải quản lý bằng kế hoạch định hướng, các hàng hóa còn lại đều mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu và lưu thông tự do trên thị trường.

* *Ban hành chính sách và luật cạnh tranh.* Hiện tại ở Lào chưa có luật riêng về cạnh tranh. Tuy nhiên chính sách cạnh tranh đã được thể hiện, dù chưa đầy đủ, trong luật doanh nghiệp và một số luật và quy định dưới luật của Nhà nước Lào, tạo môi trường pháp lý trong đó mọi thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật, thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng và lành mạnh, Nhà nước cần sớm ban hành Luật cạnh tranh, chính sách cạnh tranh, coi cạnh tranh là qui luật của sự phát triển.

* *Hoàn thiện chính sách mặt hàng xuất nhập khẩu.*

Trước hết, phải xóa bỏ dần hết chế độ quản lý hạn ngạch định lượng và giấy phép xuất nhập khẩu hàng hóa hiện hành. Chỉ áp dụng chế độ quản lý hạn ngạch định lượng và có giấy phép đối với một vài mặt hàng và đối với thị trường xuất nhập khẩu do Chính phủ quy định từng thời điểm theo tương quan thương mại song phương. Trong trường hợp hàng hóa xuất nhập khẩu nào đó có hạn ngạch thì phải thực hiện đấu thầu hạn ngạch nhập khẩu và bán

hạn ngạch xuất - nhập khẩu một cách công khai, minh bạch, công bằng, không phân biệt đối xử giữa các thành phần doanh nghiệp cần áp dụng chế độ quản lý hạn ngạch tự động để tạo điều kiện mềm dẻo linh hoạt cho các nhà xuất nhập khẩu hoạt động hết khả năng và khai thác mọi tiềm năng có thể của nền kinh tế và lợi thế trong và ngoài nước. Khi đã bỏ chế độ quản lý theo hạn ngạch, thì phải chuyển sang chế độ quản lý theo tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng...

** Ban hành chính sách phát triển các khu thương mại tự do của Lào*

Xây dựng các khu thương mại tự do tại các điểm có điều kiện thuận lợi việc đi lại của khách hàng, khách du lịch, thuận lợi việc nhập hàng, xuất hàng hóa trên tất cả các địa bàn các tỉnh có cửa khẩu trong cả nước Lào, đặc biệt tập trung các thành phố lớn gần biên giới như: Thủ đô Viêng Chăn, Tỉnh Savānakhēt, Khăm Muộn, Chāmpasāk, Luông Nặm Tha, Luông Pha Bang, Boly khāmsay...

** Xử lý mối quan hệ giữa tự do hóa thương mại với bảo hộ sản xuất trong nước một cách hợp lý theo hướng sau:*

Một là: Cho phép tự do nhập khẩu và lưu thông trên toàn lãnh thổ đối với một số mặt hàng mà Lào không có lợi thế về sản xuất. Những mặt hàng đó Lào không đủ khả năng về vốn, kỹ thuật và nhân lực để tổ chức sản xuất. Những mặt hàng đó đối với Lào không đủ điều kiện để sản xuất vì thiếu các yếu tố đầu vào. Vốn kỹ thuật công nghệ, nhân lực, nguyên liệu trong nước hầu như không có. Nếu quyết tâm đầu tư sản xuất những mặt hàng đó khi vào AFTA và WTO trong vài năm nữa sẽ bị áp lực cạnh tranh của các nước lân cận, Nhà nước không thể bảo hộ như trước nữa, cuối cùng sẽ bị thất bại không thể cạnh tranh được. Như vậy không nên đầu tư sản xuất và không cần phải bảo hộ sản xuất trong nước đối với mặt hàng đó.

Một số mặt hàng cho phép tự do nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất, miễn thuế nhập khẩu và tự do lưu thông trên thị trường toàn

lãnh thổ mà không có hạn ngạch, không cần giấy phép nhập khẩu hay xuất khẩu, không đánh thuế nhập khẩu và thuế xuất khẩu. Những mặt hàng có thể áp dụng chính sách thương mại tự do đầu tiên ở Lào là:

- Các loại xe ô tô, xe máy, máy móc, thiết bị, cơ giới...
- Hàng điện tử Electronic, vi tính các loại (cả phần cứng và phần mềm), TV, tủ lạnh và máy điện thoại và phụ tùng thiết bị.
- Vải công nghiệp, đồ da, giấy các loại.
- Đồ trang sức cao cấp, đồng hồ, kính, nước hoa, vàng bạc, đá quý, kim hoàn...
- Xăng dầu các loại và khí đốt.
- Vật liệu xây dựng và thiết bị nội thất.

Những hàng hóa này là tư liệu sản xuất, là phương tiện học tập phục vụ cho đào tạo và phát triển con người, là công cụ lao động giải phóng sức lao động nặng nhọc của nhân dân. Nó là tài sản cá nhân, gia tài của gia đình, là tài sản vốn liếng của công ty, của các tổ chức chính trị, kinh tế, xã hội. Nó là phương tiện công cụ để nâng cao trình độ phát triển của lực lượng sản xuất xã hội, đáp ứng thoả mãn đời sống vật chất ngày càng tăng của nhân dân.

Hai là, tự do tạm nhập - tái xuất và dịch vụ quá cảnh đối với tất cả các mặt hàng mà nhà nước Lào và luật pháp quốc tế không cấm, không cần xin giấy phép Bộ Thương mại hay Sở Thương mại, chỉ cần thủ tục triển khai hải quan tại cửa khẩu nhập khẩu và cửa khẩu xuất khẩu.

Ba là, tự do lưu thông kinh doanh thương mại trong nước, mở rộng chức năng kinh doanh trong giấy đăng ký, thu hẹp diện kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ cần một giấy đăng ký nhưng đầy đủ tất cả các ngành hàng, nhóm hàng được tự do kinh doanh và mở rộng các hoạt động sản xuất, chế biến, vận chuyển, sửa chữa, xây dựng, và các dịch vụ khác theo nhu cầu của thị trường.

Bốn là, tự do về giá cả đối với tất cả các mặt hàng, doanh nghiệp tự quy định giá cả mua bán hàng hóa theo quy luật thị trường, cung cầu và theo giá thoả thuận giữa người mua và người bán. Nhà nước không can thiệp việc quy định giá bất cứ loại sản phẩm hàng hóa nào trên thị trường, bỏ chế độ bù lỗ, bù giá cho các doanh nghiệp Nhà nước hoạt động kinh doanh, chuyển sang thực hiện chính sách giá theo cơ chế thị trường - "Giá thả nổi" do thị trường quyết định. Nhà nước tham gia điều tiết giá thị trường bằng biện pháp kinh tế, thông qua quỹ hàng hóa dự trữ để "tung ra" thị trường khi cần thiết và có thể sử dụng doanh nghiệp nhà nước làm lực lượng trực tiếp tham gia điều tiết thị trường. Nhà nước chỉ quy định giá bán tài nguyên, giá trị thuê đất đai nhưng tất cả đều phải thông qua đấu thầu.

Năm là, bỏ chế độ sản xuất trong nước theo kiểu "độc quyền" doanh nghiệp nhà nước bằng các biện pháp hàng rào thuế quan và hạn ngạch, chuyển sang cơ chế cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, trên cơ sở lợi ích của 3 bên: nhà kinh doanh, nhà nước và nhân dân. Thay vào đó là Nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp bằng những chính sách và biện pháp cơ bản sau: Hỗ trợ bằng vốn tín dụng và lãi suất ưu đãi, hỗ trợ đất đai, đền bù giải phóng mặt bằng, miễn giảm thuế thu nhập,... nhằm mục đích khuyến khích và phát triển kinh tế và thương mại Lào trong thời gian tới.

** Đối với chính sách thuế xuất nhập khẩu và thuế kinh doanh nội địa được thực hiện theo các hướng chủ yếu sau:*

- Xóa bỏ dần hàng rào thuế quan xuất nhập khẩu sớm hơn thời hạn quy định của ASEAN theo bảng biểu, từ khai cho đơn giản và phù hợp mẫu chung của CEPT.

- Thực hiện chính sách thuế giá trị gia tăng (VAT) thay cho thuế doanh thu hiện nay. Tuy nhiên, cần phải chuẩn bị đầy đủ các điều kiện về chứng từ, hóa đơn và cách thức thực hiện để tránh gây tình trạng xáo trộn khi thay đổi

cách tính thuế và hạn chế được những tiêu cực như trốn thuế và gian lận thương mại...

- Hoàn thiện chính sách thuế thương mại nội địa.

Nhà nước cần phải ban hành chính sách phát triển và chính sách thuế đặc biệt đối với sản xuất hàng hóa nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại nông thôn. Nhà nước ban hành một chế độ thuế ưu đãi (hoặc miễn giảm trong thời hạn 3-5 năm), thành hệ thống thuế riêng cho vùng sâu, vùng xa, nông thôn, miền núi, đối với các hộ thuộc diện đói nghèo (hiện tại chiếm 39% dân số cả nước).

** Thực hiện chính sách khuyến khích hỗ trợ đầu tư sản xuất và xuất khẩu.*

Chính sách hỗ trợ sản xuất và xuất khẩu là một chính sách thương mại quan trọng nhằm mục tiêu đẩy mạnh sản xuất hàng hóa thay thế nhập khẩu và hàng hóa xuất khẩu. Đối với CHDCND Lào, hỗ trợ xuất khẩu và bảo hiểm xuất khẩu, phải kết hợp chặt chẽ với các chính sách đầu tư nước ngoài (trực tiếp và gián tiếp). Trong thời gian tới, hỗ trợ xuất khẩu và bảo hiểm xuất khẩu có thể được thực hiện theo các hình thức cơ bản sau:

- Thành lập ngân hàng xuất nhập khẩu Lào (LAO EXIM BANK) cung cấp tín dụng xuất khẩu, nhằm hỗ trợ vốn đầu tư sản xuất và xuất khẩu đối với các loại hàng hóa xuất khẩu chủ lực mũi nhọn, hỗ trợ về vốn trực tiếp cho một số doanh nghiệp chuyên xuất khẩu một số nông sản hàng hóa ứ đọng hoặc dư thừa của nông dân và thị trường tiêu thụ ở nước ngoài gặp khó khăn, hỗ trợ tín dụng với lãi suất ưu đãi hoặc miễn thuế xuất khẩu cho một số hàng hóa nông sản, hỗ trợ tín dụng xuất khẩu với lãi suất ưu đãi hoặc miễn thuế thu nhập từ hoạt động xuất khẩu cho tất cả sản phẩm hàng hóa hoặc sản phẩm chế biến vào những thời điểm thích hợp.

- Nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ tái đầu tư và thưởng xuất khẩu cho tất cả các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu hàng hóa theo thành tích đạt được của mỗi công ty. Trong đó ưu đãi đối với doanh nghiệp xuất khẩu được mặt hàng mới, mở được thị trường mới. Hình thức trợ cấp và tái đầu tư

theo nhiều hình thức như: trích thưởng, miễn thuế, lãi suất tín dụng ưu đãi, các biện pháp hỗ trợ khác. Mục tiêu của chính sách hỗ trợ tái đầu tư xuất khẩu là nhằm thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài FDI, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất hàng xuất khẩu và hỗ trợ cho các doanh nghiệp kinh doanh xuất - nhập khẩu tìm kiếm thị trường mới, và mở rộng thị trường xuất khẩu.

3.3.4. Hoàn thiện các công cụ chính sách đòn bẩy trong quản lý nhà nước về thương mại tương thích với các thông lệ quốc tế.

Hoàn thiện các công cụ chính sách đòn bẩy kinh tế phải phù hợp với lộ trình cam kết trong AFTA, Hiệp định Thương mại Việt Nam - Lào, chuẩn bị tốt các điều kiện để gia nhập WTO có hiệu quả, phải phù hợp với tiến trình mở cửa và hội nhập vào kinh tế các nước khu vực và thế giới, mà trước nhất là hội nhập về thương mại, phục vụ và góp phần mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế phải vừa đảm bảo lợi ích quốc gia vừa thúc đẩy nhanh quá trình tự do hóa thương mại, tận dụng được các lợi thế và khắc phục các hạn chế của tự do hóa thương mại tác động xấu đến phát triển thị trường nội địa, theo hướng sau đây:

- Các công cụ chính sách trong quản lý nhà nước về thương mại trên thị trường nội địa phải đơn giản, dễ hiểu, phù hợp với các thông lệ quốc tế để áp dụng thống nhất cho mọi thành phần kinh tế tham gia trên thị trường.

- Các công cụ về tài chính như thuế, phí; các công cụ về tiền tệ như lãi suất, thị trường mở, tỷ giá hối đoái phải đổi mới phù hợp với lộ trình mở cửa và hội nhập theo nguyên tắc "có đi, có lại", trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế so sánh của quốc gia để tận dụng triệt để các cơ hội và vượt qua thách thức khi tiến hành hội nhập.

- Công cụ chính sách đòn bẩy quản lý thương mại phải đổi mới theo hướng minh bạch, rõ ràng cùng với việc giảm thuế và bãi bỏ các hàng rào phi thuế quan thuế cho phù hợp với lộ trình như đã cam kết, đồng thời phải bảo vệ được sản xuất trong nước và bảo đảm nguồn thu ngân sách Nhà nước, phải tạo điều kiện nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và nền kinh tế.

- Xóa bỏ những quy định trong các công cụ chính sách mà thế giới không thừa nhận, đồng thời xây dựng bổ sung và triển khai vận hành các quy định mà các nước, đặc biệt là các nước thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) thừa nhận.

- Đối với lĩnh vực thương mại dịch vụ, cần chọn một số dịch vụ có lợi thế so sánh để mở cửa hội nhập dần từng bước tiến tới xóa bỏ độc quyền về dịch vụ trên thị trường Lào.

3.3.5. Hoàn thiện cơ chế quản lý Nhà nước về thương mại

Một là: xác định vai trò, chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ quản lý Nhà nước về thương mại trong điều kiện bỏ phương pháp quản lý "Bộ chủ quản" doanh nghiệp. Bộ Thương mại có chức năng tham mưu cho Chính phủ quản lý vĩ mô đối với thương mại trên phạm vi toàn quốc, thúc đẩy, phát triển sản xuất hàng hóa, chuyển đổi kinh tế tự nhiên thành phần kinh tế hàng hóa, làm cho thị trường trong nước phát triển có khả năng hòa nhập vào thị trường khu vực và quốc tế. Bộ Thương mại quản lý vĩ mô về thương mại trong phạm vi cả nước bằng pháp luật và quy chế, có sự phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương, thực hiện những chức năng quản lý (chức năng tạo lập môi trường, chức năng định hướng chiến lược và hướng dẫn, chức năng tổ chức, chức năng điều tiết, chức năng kiểm tra), thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn do Chính phủ giao phó.

Hai là, phân cấp quản lý rõ ràng giữa Trung ương và địa phương. Cơ chế phối hợp, kết hợp trong ngành và liên ngành phải đơn giản, ít khâu nhất tránh những chồng chéo, bằng cơ chế "một cửa, một dấu, một chìa khóa".

Ba là, đổi mới phương pháp tổ chức và sử dụng công cụ tổ chức theo hướng tinh giản tổ chức bộ máy và cán bộ. Cơ quan Trung ương phải gọn nhẹ mà có hiệu quả, tăng cường lực lượng cán bộ chuyên viên giỏi xuống cơ sở, cung cấp phương tiện và ngân sách cho địa phương, thực hiện chế độ lương, phụ cấp cho cán bộ quản lý thương mại theo hướng: cán bộ ở địa phương

lương cao hơn ở trên Bộ, cán bộ ở vùng sâu vùng xa nơi khó khăn, nguy hiểm phụ cấp cao hơn ở thành phố, thị xã. Thậm chí phải tiến tới lương cán bộ quản lý phụ thuộc vào kết quả và hiệu quả kinh doanh, quản lý của cấp dưới và doanh nghiệp, cơ sở mình quản lý.

Bốn là, xóa bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết làm cản trở hoạt động thương mại, chủ yếu là trong lĩnh vực xuất nhập khẩu: bỏ giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu mà cần ban hành các quy chế mới như sau:

- Chuyển tất cả việc đăng ký kinh doanh trong nước và các loại và các doanh nghiệp vừa và nhỏ của nước ngoài cho địa phương tổ chức thực hiện gồm: đăng ký kinh doanh xuất nhập khẩu, đăng ký kinh doanh sản xuất nông - lâm - công nghiệp, tiểu công nghiệp, thủ công - mỹ nghệ, xây dựng, dịch vụ vận tải, du lịch, nhà hàng, khách sạn, kinh doanh bán buôn, bán lẻ, khai thác thu mua, chế biến các loại sản phẩm hàng hóa...

- Chuyển các quy định về quản lý chuyên ngành sang quản lý theo tiêu chuẩn kỹ thuật và chiến lược, đăng ký mã số xuất nhập khẩu cho những hoạt động xuất nhập khẩu để thuận tiện trong việc quản lý cán cân thương mại, thu nhập thống kê và thực hiện các thủ tục hải quan và áp dụng hệ thống báo cáo qua mạng Internet.

- Bỏ giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu đối với phần lớn hầu hết các mặt hàng đang chịu sự quản lý bằng giấy phép nhập khẩu hoặc hạn chế định lượng. Chỉ thực hiện đối với một số mặt hàng do Chính phủ trực tiếp quản lý được chuyển sang hình thức giấy phép tự động, chỉ giữ lại quản lý theo các hình thức này đối với những mặt hàng liên quan đến sức khỏe con người, động thực vật hoang dã, di sản có liên quan đến an ninh quốc phòng...

Năm là, tiếp tục ban hành các văn bản pháp luật còn thiếu như luật chống bán phá giá, luật mở rộng xuất khẩu và luật kiểm soát nhập khẩu. Tích cực phê chuẩn các công ước quốc tế về thương mại quốc tế và ký kết các hiệp định thương mại với các nước để tạo cơ sở pháp lý cao hơn cho các hoạt động

thương mại của các doanh nghiệp. Điều này đòi hỏi phải tăng cường vai trò của Quốc hội và Chính phủ trong việc ban hành các văn bản pháp luật về thương mại.

- Tăng cường hiệu lực thực hiện các quy định pháp luật về thương mại. Các quy định về pháp luật thương mại cần được thực hiện nghiêm minh, hạn chế tiêu cực đến mức tối đa. Hoàn thiện từng bước bộ máy công quyền về thương mại và các cơ quan xử lý các tranh chấp thương mại, đặc biệt là cần cải tiến phương thức hoạt động của cơ quan trọng tài thương mại trong việc thực hiện các quy định pháp luật về thương mại để đảm bảo kỷ cương, trật tự trong lĩnh vực thương mại.

- Cải tiến Luật doanh nghiệp, mở rộng quyền hạn, đa dạng hóa, đa chức năng, đa ngành nghề kinh doanh cho doanh nghiệp theo chủ trương "Dân được làm tất cả những gì mà luật pháp không cấm". Đặc biệt trong lĩnh vực quản lý hoạt động xuất nhập khẩu phải thực hiện quản lý theo tinh giảm các loại thủ tục hành chính trong thương mại ở tất cả các khâu thủ tục quản lý nhà nước đối với hoạt động thương mại kể cả hoạt động thương mại chính ngạch và tiểu ngạch, các hoạt động tạm nhập - tái xuất, chuyển khẩu, quá cảnh,... Chỉ có như vậy mới tạo ra cơ hội tốt và môi trường pháp lý thông thoáng cho các doanh nghiệp tham gia cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

Sáu là, ban hành quy chế khen thưởng đối với doanh nhân hoạt động thương mại trong nước, góp phần thực hiện chính sách phát triển kinh tế và xóa đói giảm nghèo ở nông thôn vùng sâu vùng xa, khen thưởng đối với doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu hàng hóa, nâng cao "tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm" trên cơ sở đó khuyến khích các doanh nghiệp cải tiến chất lượng hàng hóa xuất khẩu đạt tiêu chuẩn quốc tế, nhằm gia tăng được khả năng cạnh tranh của hàng hóa, đẩy mạnh kim ngạch xuất khẩu, bảo đảm chữ tín lâu dài với các bạn hàng. Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng quy định về tiêu chuẩn quốc tế trong sản xuất hàng xuất khẩu như ISO 9000 và ISO 14000. Những

doanh nghiệp nào đã được cấp chứng nhận về tiêu chuẩn này sẽ được hưởng các ưu đãi về xuất khẩu và nhập khẩu.

Bây là, đổi mới phương tiện quản lý vĩ mô theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý nhà nước về thương mại để cập nhật thông tin quản lý nhanh chóng kịp thời.

3.3.6. Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về thương mại Lào

Hoàn thiện về tổ chức bộ máy quản lý thương mại cần phải có giải pháp cụ thể như sau:

+ Căn cứ vai trò, chức năng và nhiệm vụ quản lý nhà nước về thương mại trong điều kiện mới cần sắp xếp và tổ chức lại bộ máy quản lý nhà nước về thương mại Lào hiện nay theo hướng hiệu lực và hiệu quả phù hợp với các điều kiện của WTO.

Phải tập trung tăng cường hiệu lực của pháp luật và hiệu lực quản lý hành chính của Nhà nước. Tiếp tục hoàn thiện bộ máy hành chính Trung ương, địa phương và cơ sở, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, phân cấp quản lý và quyền hạn của các cấp để đảm bảo việc xử lý giải quyết vấn đề được đúng đắn và kịp thời, có kỷ cương, trong sạch nghiêm minh, phù hợp với cơ chế thị trường và có sự kiểm soát, xây dựng cơ chế phối kết hợp giữa các ngành Trung ương với nhau, giữa các cấp quản lý Nhà nước với nhau một cách thống nhất; sử dụng công nghệ và phương pháp hiện đại trong quá trình Nhà nước. Hạn chế loại trừ bệnh quan liêu làm việc thông qua nhiều cấp nhiều khâu và tệ tham nhũng.

Quyết định Thủ tướng Chính phủ nước CHDCND Lào số 78/TT, ngày 14/6/2002, về chức năng quản lý Nhà nước đối với thương mại. Bộ máy quản lý Nhà nước về thương mại "Bộ thương mại có chức năng tham mưu cho Chính phủ quản lý vĩ mô đối với thương mại trên phạm vi toàn quốc; thúc đẩy, phát triển sản xuất hàng hóa; chuyển đổi kinh tế tự nhiên thành kinh tế hàng hóa, làm cho thị trường trong nước phát triển có khả năng hòa nhập thị trường khu vực và quốc tế. Bộ Thương mại quản lý vĩ mô về thương mại trong phạm

vi cả nước bằng pháp luật và quy chế, có sự phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương, làm rõ chức năng quản lý hành chính Nhà nước và chức năng quản lý kinh doanh".

Từ những chủ trương chính sách kinh doanh đối ngoại của Đảng và Nhà nước Lào, chức năng nhiệm vụ quản lý hành chính kinh tế Nhà nước là quản lý vĩ mô, cuộc cải cách hành chính nhà nước theo hướng gọn nhẹ, ít khâu trung gian, tiết kiệm, các bộ không trực tiếp quản lý doanh nghiệp, không phải là "cơ quan chủ quản" của doanh nghiệp nữa, mà cần phải xác định lại vai trò, chức năng và nhiệm vụ quản lý vĩ mô mới của các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế, trong đó có thương mại. Theo hướng thống nhất trong toàn quốc, phù hợp với sự phát triển thị trường thông suốt trong cả nước và quan hệ hữu cơ giữa thị trường trong nước với thị trường thế giới.

Theo phương hướng chung đó, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về thương mại ở Lào cần được cơ cấu lại như sau:

** Bộ Thương mại Lào:*

- Về chức năng, nhiệm vụ: ngoài các chức năng, nhiệm vụ đã được quy định tại Quyết định số 78/TT (2002) của Thủ tướng Chính phủ, cần bổ sung thêm nhiệm vụ hoạch định chính sách cạnh tranh, chính sách thuế xuất, nhập khẩu, chính sách hải quan, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế, chính sách chất lượng hàng hóa, chính sách thương hiệu và nhãn hiệu sản phẩm, chính sách tín dụng hỗ trợ xuất khẩu.

- Về cơ cấu tổ chức: đổi tên các đơn vị: Vụ Nội thương thành Vụ Thương mại trong nước, Vụ Ngoại thương thành Vụ xuất, nhập khẩu, Viện Nghiên cứu Thương mại đa liên, Vụ Chính sách thị trường ngoài nước, Trường Đại học Thương mại Lào. Tại các Sở Thương mại về trực thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố để thống nhất quản lý nhà nước về kinh tế theo địa bàn lãnh thổ từng địa phương.

** Tổ chức Bộ máy quản lý thương mại cấp tỉnh, thành phố* là: Sở Thương mại. Trong trường hợp này được tổ chức lại và trực thuộc UBND các tỉnh thành phố, thực hiện vai trò, chức năng và nhiệm vụ, tham mưu, giúp việc cho UBND quản lý Nhà nước về môi trường phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố. Vì thế cần xác định lại cơ cấu tổ chức, cải tiến bộ máy quản lý vĩ mô ngành thương mại cấp địa phương (tỉnh, thành phố) trong những thập kỷ tới.

** Tổ chức Bộ máy quản lý thương mại cấp cơ sở, cấp quận, huyện.*

Do chức năng quận, huyện là đơn vị triển khai, tổ chức thực hiện chỉ tiêu kế hoạch kinh tế tài chính cấp cơ sở, cho nên địa phương làm nhiệm vụ tổ chức thực hiện cụ thể chức năng và nhiệm vụ quản lý nhà nước về thương mại trên phạm vi địa bàn quận huyện, chủ yếu là: Đăng ký kinh doanh bán lẻ; quản lý thị trường, giá cả, quản lý chợ; chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, đầu cơ, các hành vi lừa đảo khác; Bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng về cân đong đo đếm, kiểm tra an toàn thực phẩm, sức khỏe, thực hiện văn minh thương mại trên địa bàn quận huyện.

Vì thế cần phải tổ chức, cải tiến bộ máy quản lý Nhà nước về thương mại ở cấp quận huyện trong thời gian tới là sát nhập toàn bộ phòng thương mại quận huyện hiện nay vào Phòng Tài chính quận huyện thành phòng tài chính và thương mại quận huyện.

** Trong tương lai, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về thương mại Lào* có thể áp dụng tham khảo một số mô hình của các nước tiên tiến như: Bộ Kinh tế (Pháp), Bộ Công nghiệp (Nhật bản và Philippin), Bộ Ngoại giao và Thương mại (Australia), Bộ Công thương (Việt Nam),...

3.3.7. Nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý thương mại của Lào hiện nay.

Đặc điểm của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý thương mại Lào hiện nay mặc dù có bước tiến mới cao hơn trước. Tuy nhiên có những cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cao của ngành còn bị ảnh hưởng nặng nề của cơ chế quản lý quan

liêu, bao cấp và trình độ chuyên môn, luật pháp quốc tế và ngoại ngữ kém, thiếu kinh nghiệm quản lý tiên tiến, còn đội ngũ cán bộ chuyên viên, chuyên gia nghiệp vụ thì kém trình độ và trách nhiệm, có một số bị sa lầy tệ nạn tham nhũng, thiếu trong sạch. Nhìn toàn bộ máy thì có thể nói rằng cán bộ lãnh đạo, quản lý thương mại Lào hiện nay "vừa thừa lại vừa thiếu", dẫn đến hệ quả của bộ máy quản lý nhà nước kém hiệu lực và hiệu quả.

Do vậy, vấn đề bức xúc hiện nay là phải nhanh chóng tăng cường công tác đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn, ngoại ngữ, tác phong, lề lối làm việc khoa học, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của xu thế mới về tự do hóa thương mại hiện nay.

** Phương hướng đào tạo cán bộ quản lý thương mại Lào trong thời gian tới.*

Trong xu thế mới hiện nay đang cần những cán bộ lãnh đạo và quản lý thương mại có tầm nhìn chiến lược, tổng quát, hiểu biết đặc điểm và xu thế thương mại quốc tế, nắm vững thực tiễn của đất nước và biết vận dụng lợi thế so sánh khi hoạch định chính sách cơ chế quản lý mới, có trình độ năng lực tương xứng với nhiệm vụ được giao. Trong điều kiện hiện nay cán bộ lãnh đạo, quản lý thương mại có lập trường chính trị vững vàng là chưa đủ mà còn phải có năng lực về quan hệ kinh tế thương mại quốc tế, trình độ ngoại ngữ, nắm vững một cách sâu sắc đặc điểm lợi thế của đất nước và biến vận dụng một cách sáng tạo.

Cần phải phân loại và đánh giá lại đúng thực trạng đội ngũ cán bộ hiện nay: một là, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý: hai là, chuyên gia, chuyên viên nghiệp vụ, kỹ thuật, chuyên môn: ba là, các nhân viên phục vụ.

Chúng ta cần tăng cường đầu tư để nâng chất lượng nguồn nhân lực tiêu chuẩn hóa, chuyên môn hóa, nhất là cán bộ lãnh đạo và quản lý.

Về đối tượng đào tạo. Trước hết là chú trọng đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp vụ, cục, sở, đào tạo những nhà hoạch định chính sách, pháp luật, đào tạo các chuyên viên giỏi về nghiệp vụ, pháp luật thương mại quốc

tế, đồng thời phải tập trung đào tạo cán bộ quản lý cấp cơ sở: phòng thương mại quận huyện.

Về nội dung đào tạo. Cần đào tạo đạo đức và tài năng. Trong điều kiện kinh tế thị trường, mở cửa và hội nhập thì cán bộ thương mại cần luôn luôn phải trau dồi đạo đức, phẩm chất cách mạng "cần, kiệm, liêm chính, chí công, vô tư" (Hồ Chí Minh). Đồng thời, phải nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn, năng lực lãnh đạo quản lý vĩ mô về thương mại theo luật pháp Nhà nước và luật pháp và thông lệ thương quốc tế.

Về hình thức tổ chức. Cần kết hợp các lớp đào tạo trong nước và chú trọng gửi ra nước ngoài đào tạo. Đào tạo trong nước, phải đầu tư nâng cấp trung tâm tập huấn của Bộ Thương mại hiện nay thành "Trường Đại học Thương mại", vừa làm nhiệm vụ bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo quản lý cấp Vụ, Cục, Sở, tổ chức lớp tập huấn ngắn hạn cho các chuyên viên, nghiệp vụ quản lý; đồng thời làm nhiệm vụ đào tạo cơ bản chính quy dài hạn trung cấp, đại học thương mại đối với lớp cán bộ kế thừa tương lai. Đồng thời phải tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ của các nước đào tạo theo chương trình tập huấn ngắn hạn hay chương trình học dài hạn ở một số nước phát triển, tranh thủ sự giúp đỡ, viện trợ kinh nghiệm về quản lý, giúp về chuyên gia quản lý kinh tế thương mại của các nước bạn như Việt Nam, Trung Quốc.

Muốn đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý thương mại đáp ứng với yêu cầu phát triển của ngành trong điều kiện mới đòi hỏi phải có những giải pháp thích hợp sau đây:

Thứ nhất, xây dựng quy hoạch cán bộ gắn với đào tạo cán bộ thương mại.

Về căn cứ để xây dựng quy hoạch đào tạo bao gồm:

+ Căn cứ phương hướng chiến lược phát triển thương mại từ nay đến năm 2020, đặc biệt là căn cứ vai trò chức năng nhiệm vụ mới về quản lý Nhà nước (vĩ mô) về thương mại trong thời gian tới phù hợp với xu hướng tự do hóa thương mại và toàn cầu hóa kinh tế.

+ Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ của Đảng và Nhà nước Lào là căn cứ vào yêu cầu sử dụng cán bộ trong toàn ngành là cơ sở, địa phương và Trung ương và nhu cầu của các đơn vị doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trước mắt và lâu dài.

+ Phải tiến hành khảo sát, nghiên cứu để đánh giá đúng đắn những mặt mạnh và những điểm yếu kém của đội ngũ cán bộ để xác định quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng thích hợp.

+ Căn cứ vào khả năng và điều kiện của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở trong nước và sự hợp tác, giúp đỡ ở bên ngoài. Đó là những điều kiện về đội ngũ cán bộ giảng dạy và cán bộ quản lý giáo dục, là khả năng đầu tư ngân sách cho công tác đào tạo, bồi dưỡng để xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, xây dựng nội dung chương trình đào tạo theo hướng hiện đại hóa.

Để đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ thương mại trong thời gian tới, trong quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý toàn ngành thương mại hiện nay, cũng như trong thời gian sắp đến. Mục tiêu đó phải đáp ứng yêu cầu sử dụng cán bộ của từng cấp, từng đơn vị. Mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ bao gồm mục tiêu trong nước và mục tiêu đào tạo cán bộ ở nước ngoài.

+ Xác định rõ cơ cấu đội ngũ về chuyên môn của từng cấp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ chuyên môn, chuyên gia, và nhân viên nghiệp vụ. Về cơ cấu độ tuổi cán bộ cử đi đào tạo, bồi dưỡng phải kết hợp các độ tuổi khác nhau, đảm bảo tính kế thừa liên tục của đội ngũ cán bộ. Mặt khác, trong quy hoạch còn phải mang tính đến cán bộ dân tộc thiểu số, phụ nữ, con em gia đình cách mạng, con em cán bộ lãnh đạo Đảng và Nhà nước, điều này thể hiện được cơ cấu giai tầng xã hội, bộ tộc và giới tính, tránh tình trạng coi nhẹ mặt này, tuyệt đối hóa mặt kia.

+ Tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện quy hoạch: có xác định đúng tiêu chuẩn chức danh cán bộ là cơ sở để xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp đào tạo bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu của từng loại cán bộ.

Về đối tượng cần được đưa vào đào tạo, bồi dưỡng:

Quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý kinh tế phải xác định được nguồn cán bộ đưa vào đào tạo, bồi dưỡng. Mỗi cấp, mỗi ngành phải tạo nguồn cán bộ để đưa vào quy hoạch đào tạo bồi dưỡng.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đòi hỏi phải có cơ quan chuyên môn về quản lý giáo dục đào tạo tiến hành một cách chặt chẽ, khoa học theo sự chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền về phải được phê duyệt để đảm bảo giá trị pháp lý trong khi thực thi quy hoạch. Vì vậy phải đầu tư thành lập lại "Trường Đại học Thương mại Lào".

Thứ hai, đầu tư xây dựng trường đại học Thương mại Lào chính quy.

Trường Đại học Thương mại Lào có vị trí quan trọng, vì đó là nơi thực hiện chức năng, nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao những kiến thức, năng lực và phẩm chất đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý toàn ngành theo mục đích, yêu cầu sử dụng cán bộ, góp phần tích cực xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý thương mại của Đảng, Nhà nước Lào. Đáp ứng yêu cầu sử dụng cán bộ của các cơ quan quản lý vĩ mô và nhu cầu doanh nghiệp trong và ngoài quốc doanh hiện nay và tương lai.

Thứ ba, ban hành chính sách và chế độ đào tạo của trường đại học Thương mại Lào.

Để tránh tình trạng coi nhẹ chất lượng bồi dưỡng, nội dung giảng dạy cần phải có quy chế quản lý về mặt Nhà nước đối với trường, tăng cường công tác kiểm tra đôn đốc thực hiện tốt. Chính sách, chế độ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là một giải pháp quan trọng thúc đẩy việc nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Do đó trong quá trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cần phải có chế độ, chính sách động viên, khuyến khích hoặc bắt buộc ở chứng mực nhất định đối với các đối tượng cần được đào tạo, bồi dưỡng và có chính sách chế độ đối với các cán bộ làm công tác đào tạo bồi dưỡng.

Chính sách, chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ bao gồm các chính sách tuyển sinh, chế độ đãi ngộ, quy chế dạy và học, sắp xếp công tác sau tốt nghiệp. Chế độ chính sách bảo đảm đời sống của người học, cán bộ, giáo viên và công nhân viên thống nhất của Bộ Giáo dục như: nhà ở, điện nước, học bổng, phương tiện đi lại, khen thưởng...

Thứ tư, tăng cường sự hợp tác quốc tế về đào tạo cán bộ.

Song song với việc đào tạo trong nước, một điều hết sức quan trọng hiện nay là phải tranh thủ và tăng cường sự hợp tác quốc tế trong công tác đào tạo cán bộ thương mại, mới có thể tiếp thu kiến thức mới về khoa học kỹ thuật và phương pháp quản lý hiện đại của thế giới áp dụng vào CHDCND Lào. Hợp tác quốc tế về đào tạo cán bộ phải đa dạng hóa, dưới nhiều hình thức khác nhau. Chủ yếu là phải tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ của các nước để gửi cán bộ cấp vụ, cục, sở và chuyên viên cao cấp của ngành sang học tập nghiên cứu tại các nước tiên tiến theo chương trình ngắn hạn và dài hạn. Đồng thời phải tranh thủ sự giúp đỡ, viện trợ của các nước bạn như Việt Nam, Trung Quốc, Thái Lan,... theo hệ đào tạo dài hạn chính quy cấp cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ để xây dựng đội ngũ cán bộ trẻ, kế cận sau này.

Thứ năm, tăng cường trách nhiệm của các cấp uỷ Đảng đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Để tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ lãnh đạo, quản lý, các cấp uỷ Đảng cần phải:

Chỉ đạo Đảng uỷ cấp dưới, thủ trưởng các cơ quan quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, lãnh đạo từng cấp, có kế hoạch cụ thể và thống nhất với quy hoạch chung để góp phần tăng cường nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Chỉ đạo thực hiện và triển khai, theo dõi một cách sát sao, nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, tổng kết kết quả thực hiện các chế độ, chính sách, đối với cán bộ giảng dạy, việc bố trí sử dụng cán bộ đã được đào tạo, bồi dưỡng.

3.3.8. Nâng cao hiệu lực bộ máy quản lý Nhà nước về thương mại

a. Thứ nhất, trong giai đoạn trước mắt cùng với việc tiếp tục đổi mới thể chế và cải cách thủ tục hành chính Nhà nước tập trung vào những vấn đề chủ yếu sau đây:

1. Phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Chính phủ, Bộ Thương mại và chính quyền địa phương trong việc quản lý nhà nước về thương mại trong tình hình và điều kiện mới.

2. Cải cách thủ tục hành chính nhà nước đối trong lĩnh vực thương mại theo hướng cơ chế "một cửa, một dấu".

3. Tăng cường kỷ luật kỷ cương, chế độ trách nhiệm của cán bộ, công chức theo yêu cầu mới, coi trọng cả về phẩm và năng lực, trình độ chuyên môn, kỹ năng hành chính được coi là trọng tâm của cải cách hành chính.

4. Phát huy dân chủ, tăng cường tính công khai, minh bạch về thể chế, chính sách và hoạt động của bộ máy nhà nước, tạo điều kiện cho doanh nhân hoạt động.

5. Cần có một đội ngũ cán bộ công chức liêm khiết, có tinh thần trách nhiệm cao và thạo việc cả về chuyên môn và về quản lý hành chính để bộ máy Nhà nước hoạt động tốt, có hiệu lực và hiệu quả, bảo đảm dân chủ và tiến tới hiện đại.

6. Đấu tranh chống tham nhũng, chống tham ô lãng phí là vấn đề rất quan trọng của đổi mới về quản lý nhà nước về thương mại Lào hiện nay.

b. Thứ hai: Thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ.

- Tuyển chọn qua thi cử cán bộ quản lý cấp cao từ thứ trưởng và vụ trưởng, giám đốc sở, tổng giám đốc, giám đốc doanh nghiệp nhà nước trước khi đề bạt, bổ nhiệm. Thi tuyển chọn cán bộ công chức quản lý và nghiệp vụ, chuyên viên cao cấp trong ngành thương mại.

- Thực hiện cơ chế thi tuyển trước khi nâng ngạch, đề bạt, sắp xếp, bổ nhiệm, sử dụng theo cấp bậc trình độ và năng lực và đào tạo.

- Thực hiện chế độ luân chuyển cán bộ từ cấp Bộ trưởng, thứ trưởng, cấp vụ trưởng, giám đốc sở, tổng giám đốc, giám đốc doanh nghiệp nhà nước.

- Tiêu chuẩn hóa, chuyên môn hóa nghiệp vụ chuyên môn thương mại đối với cán bộ quản lý.

- Thực hiện chế độ công lương và phụ cấp theo hướng "khoán" thu chi hàng năm. Đặc biệt ưu tiên chế độ và phụ cấp theo hướng khuyến khích công tác cơ sở, nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn nguy hiểm (lương và phụ cấp phải tăng dần).

3.3.9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác hoàn thiện chính sách quản lý Nhà nước về thương mại.

Đảng NDCM Lào là Đảng của giai cấp công nhân, nông dân và trí thức yêu nước, là Đảng Mác - Lênin chân chính. Đảng NDCM Lào là "hạt nhân" lãnh đạo trong hệ thống chính trị của Lào, người tổ chức và lãnh đạo toàn diện mọi thắng lợi của cách mạng Lào, để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước Lào theo định hướng XHCN: hòa bình, độc lập, dân chủ, thống nhất và thịnh vượng.

Từ trước đến nay, Đảng NDCM Lào luôn luôn quan tâm chỉ đạo và lãnh đạo sát sao đối với ngành thương mại trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế xã hội do Đảng giao phó. Trong hoàn cảnh và điều kiện mới để làm tròn chức năng và nhiệm vụ của ngành thương mại thì hơn bao giờ hết là phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý Nhà nước về thương mại. Điều đó phải thể hiện ở các mặt sau đây:

1. Đường lối, chủ trương của Đảng là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong chiến lược quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển thương mại của Nhà nước Lào.

2. Đảng lãnh đạo, chỉ đạo trong việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về thương mại phù hợp với pháp luật và thông lệ thương mại quốc tế, tham gia vào các công ước có liên quan đến thương mại quốc tế, trong việc hoạch định chính sách, cơ chế và xây dựng các văn bản pháp lý thương mại.

3. Tăng cường sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Vì vậy cần phải làm rõ hơn nữa vai trò chức năng lãnh đạo của Đảng và vai trò, chức năng quản lý Nhà nước đối với thương mại trong từng cấp quản lý từ Trung ương đến địa phương.

4. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý, chuyên viên, nhân viên công chức nhà nước ngành thương mại. Đồng thời không ngừng nâng cao phẩm chất đạo đức và trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ, đảng viên và công chức trong toàn ngành thương mại, phát huy tính năng động sáng tạo, sáng kiến, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên trong lãnh đạo, quản lý vĩ mô và vi mô, xây dựng chi bộ Đảng và Đảng bộ ngành thương mại trong sạch, vững mạnh và toàn diện. Kiên quyết loại trừ những cán bộ đảng viên thoái hóa biến chất, tham nhũng ra khỏi Đảng và bộ máy quản lý Nhà nước trong ngành thương mại.

KẾT LUẬN

Thương mại có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của các nước, nó tác động đến mọi mặt đời sống kinh tế xã hội, với sự phát triển ngày càng nhanh, đa dạng và hoạt động trên phạm vi toàn cầu. Thương mại là một ngành kinh tế thuộc lĩnh vực lưu thông, thực hiện giá trị hàng hóa. Cho nên muốn phát triển nền sản xuất hàng hóa, chuyển dịch cơ cấu kinh tế thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa, mở rộng và phát triển kinh tế thị trường thì cần phải phát triển thương mại và có chính sách cơ chế phù hợp nhằm thúc đẩy nền kinh tế quốc dân phát triển.

Vai trò chính sách quản lý của Nhà nước về thương mại rất quan trọng trong việc can thiệp vào hoạt động thương mại, nó được chứng minh rất rõ qua cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở Mỹ và thế giới năm 2009. Chính sách quản lý Nhà nước về thương mại thông qua việc hoạch định chiến lược phát triển, xây dựng cơ chế, chính sách, tổ chức bộ máy quản lý điều hành, tạo lập môi trường pháp lý, xây dựng cơ chế tác động nhằm đảm bảo thuận lợi cho thương mại phát triển.

Từ năm 1986 đến nay, Đảng và Nhà nước Lào rất quan tâm đến công tác hoàn thiện chính sách quản lý về thương mại, đã ban hành nhiều luật pháp, cải tiến cơ chế, chính sách quản lý về thương mại nhằm từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý, tạo lập môi trường cho thương mại Lào phát triển. Tuy nhiên, do điểm xuất phát của nền kinh tế Lào còn thấp, thị trường còn nhỏ bé, đang trong giai đoạn hình thành nên những thành tích đạt được chưa đáng kể. Thương mại chưa chiếm vị trí tương xứng, điều này một phần là do chính sách quản lý nhà nước về thương mại còn yếu. Vì vậy, hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước về thương mại là một vấn đề khách quan trong đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế ở Lào hiện nay.

Hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước về thương mại phải theo quan điểm và nguyên tắc đổi mới của Đảng, trên cơ sở đó xác định rõ quan điểm và nguyên tắc hoàn thiện mục tiêu, phương hướng và nội dung của nó.

Nội dung hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước về thương mại là hoàn thiện chính sách xây dựng và quản lý chiến lược phát triển thương mại; đổi mới kế hoạch hóa vĩ mô; đổi mới qui hoạch, chính sách xây dựng và phát triển thị trường, mặt hàng và đối tác; đổi mới chính sách, cơ chế và phương pháp quản lý nhà nước đối với thương mại nhằm tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng và hấp dẫn, tạo điều kiện cho thương mại trong nước và thương mại quốc tế phát triển.

Để hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước về thương mại thì cần phải tiến hành các giải pháp chủ yếu sau đây:

Một là, đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng nhằm đổi mới tư duy và nhận thức của cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt về tính tất yếu khách quan, vai trò và nội dung quản lý nhà nước về thương mại, thống nhất về quan điểm, nguyên tắc, mục tiêu và phương hướng đổi mới quản lý nhà nước về thương mại ở CHDCND Lào trong giai đoạn mới.

Hai là, xây dựng chiến lược, qui hoạch và kế hoạch hóa phát triển thương mại, phát triển thị trường, mặt hàng và đối tác nhằm phát huy nội lực và lợi thế so sánh của đất nước, phù hợp với điều kiện thực tế của Lào, tận dụng thời cơ thuận lợi của toàn cầu hóa, tự do hóa thương mại.

Ba là, ban hành đồng bộ luật pháp về thương mại, đổi mới chính sách quản lý nhà nước về thương mại: chính sách thương mại trong nước và chính sách thương mại quốc tế theo lộ trình AFTA, WTO, phù hợp với các cam kết quốc tế. Ban hành các chính sách đôn bẩy kinh tế, khuyến khích, hỗ trợ xuất khẩu, xúc tiến thương mại và các chính sách khác.

Bốn là, đổi mới cơ chế quản lý phối, kết hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước đối với thương mại từ Trung ương đến địa phương theo cơ chế một

cửa một đầu. Xóa bỏ những thủ tục hành chính, bỏ hàng rào "Barière", công khai minh bạch thể chế thương mại.

Năm là, hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về thương mại từ Trung ương đến địa phương, cơ sở. Xác định rõ vai trò, chức năng và nhiệm vụ của từng cơ quan, từng cấp quản lý. Áp dụng khoa học quản lý, công nghệ thông tin (ICT) vào công tác quản lý nhà nước về thương mại.

Sáu là, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt toàn ngành thương mại bằng cách đào tạo và bồi dưỡng đạo đức cách mạng và trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng với yêu cầu, của hội nhập quốc tế. Xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt, kế thừa và sẵn sàng hội nhập quốc tế.

Bảy là, nâng cao hiệu lực bộ máy quản lý nhà nước về thương mại. Trước hết phải điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quản lý của Bộ Thương mại và chính quyền địa phương đối với thương mại. Tăng cường kỷ cương, chế độ trách nhiệm của cán bộ, công chức. Đồng thời phải sàng lọc cán bộ công chức, thực hiện chế độ dân chủ, thực hiện thi tuyển và luân chuyển cán bộ theo hướng chuyên môn hóa cao. Tăng cường thanh tra, kiểm tra và cương quyết chống tham nhũng, tham ô lãng phí trong bộ máy quản lý nhà nước về thương mại.

Tám là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực thương mại. Đảng lãnh đạo, chỉ đạo trong việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật thương mại, xây dựng chiến lược phát triển, xây dựng các cơ chế chính sách và qui hoạch, kiểm tra, kiểm soát hoạt động quản lý.

Với đường lối chính sách kinh tế đúng đắn, chính sách mở cửa hội nhập phù hợp, hoàn thiện chính sách quản lý nhà nước về thương mại có cơ sở khoa học, chắc chắn thương mại Lào sẽ có bước phát triển mạnh mẽ góp phần tích cực vào sự phát triển nền kinh tế quốc dân, tạo điều kiện tiền đề cho sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, đưa đất nước Lào thoát khỏi nghèo nàn và lạc hậu. Luận án này hy vọng góp một phần nhỏ vào quá trình hoàn thiện thể chế và chính sách kinh tế nói chung và lĩnh vực thương mại nói riêng của nước CHDCND Lào.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ

1. Bounna Hanexingxay (2003), *Hoàn thiện quản lý nhà nước về thương mại trên địa bàn tỉnh Khăm Muộn nước CHDCND Lào*, Luận văn thạc sĩ kinh tế thương mại.
2. Bounna Hanexingxay (2005), *Khu vực kinh tế thương mại cửa khẩu Lăng Khăng - Chalo Huyện Polakha* - Tập san Kinh tế tỉnh Khăm Muộn.
3. Bounna Hanexingxay (2007), *Chuyển đổi kinh tế gia đình thành kinh tế trang trại nhằm xóa đói giảm nghèo ở nông thôn*, Tạp chí Tuyên huấn tỉnh Khăm Muộn.
4. Bounna Hanexingxay (2007), *"Hoàn thiện chính sách quản lý Nhà nước về thương mại của nước CHDCND Lào"*, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 126 tháng 12/2007.
5. Bounna Hanexingxay (2008), *"Quan hệ thương mại của nước CHDCND Lào với các nước ASEAN"*, Tạp chí Thương mại, số 1 + 2 năm 2008.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. PHẦN TIẾNG VIỆT

1. Báo cáo của Ngân hàng Thế giới, các năm 2005, 2006, 2007.
2. Bộ Thương mại Việt Nam (2001), Thông tư số 11/ 2001/ TT-BTM, ngày 18/4/2001, về hướng dẫn thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về quản lý xuất nhập khẩu thời kỳ 2001-2005.
3. Bộ Thương mại Việt Nam (2002), *Đổi mới và hoàn thiện quản lý nhà nước về thương mại trên thị trường nội địa nước ta thời kỳ đến năm 2010*.
4. Vũ Đình Bách (1999), *Quan hệ thương mại Việt Nam - ASEAN và chính sách xuất - nhập khẩu Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. PGS. TS. Mai Văn Bưu và GS. TS. Đỗ Hoàng Toàn (2005), "Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế". NXB Lao động và Xã hội.
6. PGS. TS. Nguyễn Duy Bật và PGS. TS. Đặng Đình Đào (1997), "Giáo trình Kinh tế thương mại", NXB Giáo dục, Hà Nội.
7. Brian Hiller (1995), *Cuộc tranh luận trong kinh tế vĩ mô*, NXB Giáo dục.
8. Vũ Đình Bách (2001), *Hoàn thiện, tăng cường thành phần kinh tế nhà nước*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Các báo cáo của Tham tán thương mại Lào tại Việt Nam, các năm 2005, 2006, 2007.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia.
11. Đặng Đình Đào (2001), *Những cơ sở pháp lý trong kinh doanh thương mại - dịch vụ*, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, NXB Thống kê.
12. Đặng Đình Đào và PGS. TS. Hoàng Đức Thân (2001), *Giáo trình kinh tế thương mại*, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, NXB Thống kê.
13. Lý Tư - Lý Dương (1999), *Cẩm nang Mutu lược quản lý*, NXB Văn hóa Thông tin.

14. PGS.TS. Hoàng Minh Đường - PGS.TS. Nguyễn Thừa Lộc (2006), "Giáo trình Quản trị Doanh nghiệp thương mại", NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
15. *Dự báo thế kỷ XXI*, NXB Thống kê, 1998.
16. Edouard.A.Wattez, Đông Á (1998), *Từ thần kỳ tới khủng hoảng - Những bài học có ích cho Việt Nam*, UNDP tại Việt Nam.
17. *Hiệp định giữa CH XHCN Việt Nam và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về Quan hệ thương mại ký ngày 13/7/2000 tại Washington, D.C*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
18. Trần Đình Huỳnh (2001), *Phương thức Lãnh đạo nhà nước*, NXB Hà Nội.
19. *Hiệp định Thương mại giữa CH XHCN Việt Nam với các nước (2002)*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. *Hiệp định thương mại giữa Chính phủ CH XHCN Việt Nam và Chính phủ CHDCND Lào 9/3/1998 tại Vianetiane*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
21. *Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật giữa Chính phủ nước CH XHCN Việt Nam và Chính phủ nước CH DCND Lào năm 2003*, Hà Nội 9/01/2003.
22. *Hoàn thiện để phát triển*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.
23. Hoàng Ngọc Hòa (2002), *Phối hợp một số chính sách kinh tế vĩ mô nhằm thúc đẩy công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước trong giai đoạn hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. John H Jackson (2002), *Hệ thống thương mại thế giới, Luật và chính sách về quan hệ kinh tế quốc tế*, NXB Thanh niên.
25. PGS.TS. Nguyễn Thừa Lộc và TS. Trần Văn Bảo (2005), "Giáo trình chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp thương mại", NXB Lao động và Xã hội.

26. Trần Đức Lương (2002), *Hoàn thiện - Sự lựa chọn cách mạng nhằm mục tiêu phát triển của Việt Nam*, Hoàn thiện để phát triển, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
27. Marie Lavigne (2002), *Các nền kinh tế chuyển từ nền kinh tế kế hoạch tập trung sang kinh tế thị trường*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Hồ Chí Minh (1976), *Về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội*, NXB Sự thật, Hà Nội.
29. Phạm Minh (2000), *Luật Thương mại quốc tế - vận tải quốc tế*, NXB Thống kê.
30. Ngân hàng Thế giới (1998), *Nhà nước trong một thế giới đang chuyển đổi*, Báo cáo về tình hình phát triển thế giới 1997, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Ngân hàng Thế giới (1999), "Bước vào thế kỷ 21", Báo cáo về tình hình phát triển thế giới 1999-2000, NXB Sự thật, Hà Nội.
32. *Những văn bản hướng dẫn về tinh giảm biên chế trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp*, NXB Lao động, Hà Nội, 2002.
33. Niên giám Trung tâm Thống kê quốc gia.
34. Kim Ngọc (2002), *Kinh tế thế giới 2001-2002 đặc điểm và triển vọng*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Phòng Thương mại - Công nghiệp Việt Nam (1989), *Phát triển mặt hàng xuất khẩu*.
36. Nguyễn Duy Quý (2002), *Hoàn thiện tư duy lý luận ở Việt Nam, Hoàn thiện để phát triển*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Nguyễn Duy Quý (2002), *Thế giới trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI, sách tham khảo*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. PGS.TS. Nguyễn Xuân Quang (2006), "Giáo trình Marketing thương mại", NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
39. Ưông Trần Quang (1999), *Kinh tế Lào và quá trình chuyển đổi cơ cấu*, NXB Khoa học xã hội.

40. Rober - Pindyck (1994), *Kinh tế học vi mô*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.
41. Roberj - Gordon (1994), *Kinh tế học vĩ mô*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.
42. Ronald I. McKinnon (1996), *Trình tự tự do hóa kinh tế*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
43. *Thỏa thuận giữa Chính phủ CH XHCN Việt Nam và Chính phủ CHDCND Lào về việc tạo điều kiện thuận lợi cho người, phương tiện, hàng hóa qua lại biên giới và khuyến khích phát triển hợp tác thương mại, đầu tư giữa Lào và Việt Nam*, Viên Chăn 13/8/2002.
44. Thủ tướng Chính phủ Việt Nam, Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg ngày 4/4/2001, về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2001-2005.
45. Lê Hữu Tầng (2002) - Lưu Hàm Nhạc (2002), *Nghiên cứu so sánh đổi mới kinh tế ở Việt Nam và cải cách kinh tế ở Trung Quốc*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
46. Nguyễn Phú Trọng, PGS. TS. Trần Xuân Sâm (2001), *Luật cứ khoa học cho việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
47. V.I.Lênin (1981), *Toàn tập*, tập 28, NXB Sự thật, Hà Nội.
48. Viện Chiến lược phát triển (2000), *Qui hoạch phát triển thương mại CHDCND Lào đến năm 2020*, Hà Nội.
49. Vũ Quang Vinh (2001), *Một số vấn đề cải cách mở cửa của Trung Quốc và đổi mới ở Việt Nam*, NXB Thanh niên.
50. Luật Thương mại Việt Nam (2005).
51. Nghị định số 189/2007/NĐ-CP của Chính phủ, quy trình chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương.

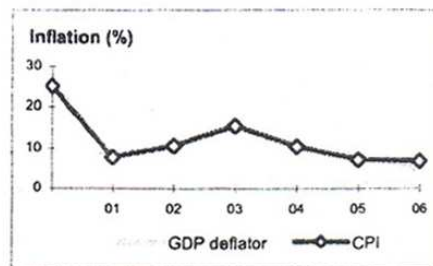
II. PHẦN TIẾNG ANH.

52. Asia Development Bank, Participatory Poverty Assessment Lao PDR, Vientiane, 2001.
53. Hans U. Luther, Learning from the Asian Crisis, Vientiane, 1999.
54. Hans U. Luther, Niche Markets, Vientiane, 200..
55. Dr. Sourakiate Sathianthai, Exclusive "Diplomatique pour de Commerce", Bangkok, April, 2003.

PHỤ LỤC

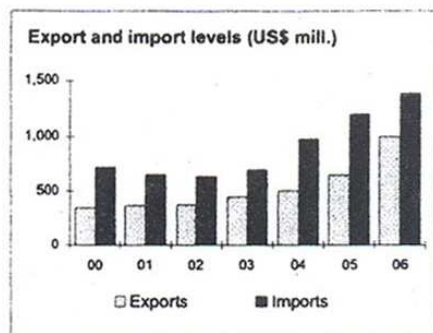
PRICES and GOVERNMENT FINANCE

	1986	1996	2005	2006
Domestic prices				
(% change)				
Consumer prices	..	13.0	7.2	6.8
Implicit GDP deflator	51.2	13.7	8.0	4.7
Government finance				
(% of GDP, includes current grants)				
Current revenue	..	15.6	12.7	14.3
Current budget balance	..	6.0	4.5	5.3
Overall surplus/deficit	-4.3	-5.3	-4.3	-3.6



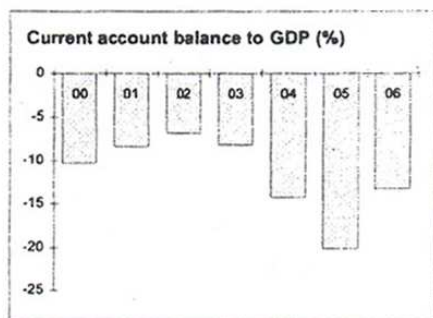
TRADE

	1986	1996	2005	2006
(US\$ millions)				
Total exports (fob)	45	321	646	996
Electricity	..	30	107	107
Mining	203	525
Manufactures	..	32	9	18
Total imports (cif)	133	690	1,206	1,384
Food	..	70	102	..
Fuel and energy	..	66	183	226
Capital goods	..	325	615	728
Export price index (2000=100)
Import price index (2000=100)
Terms of trade (2000=100)



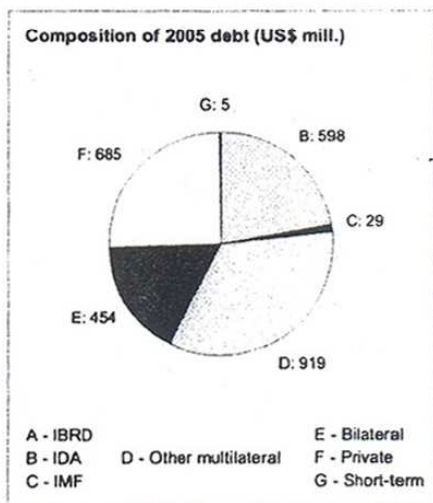
BALANCE of PAYMENTS

	1986	1996	2005	2006
(US\$ millions)				
Exports of goods and services	64	425	869	1,236
Imports of goods and services	136	769	1,267	1,453
Resource balance	-72	-344	-398	-217
Net income	-8	-6	-269	-409
Net current transfers	..	125	85	170
Current account balance	-76	-225	-582	-456
Financing items (net)	85	294	571	358
Changes in net reserves	-9	-69	11	98
Memo:				
Reserves including gold (US\$ millions)	238	336
Conversion rate (DEC, local/US\$)	95.0	921.0	10,636.0	10,061.0



EXTERNAL DEBT and RESOURCE FLOWS

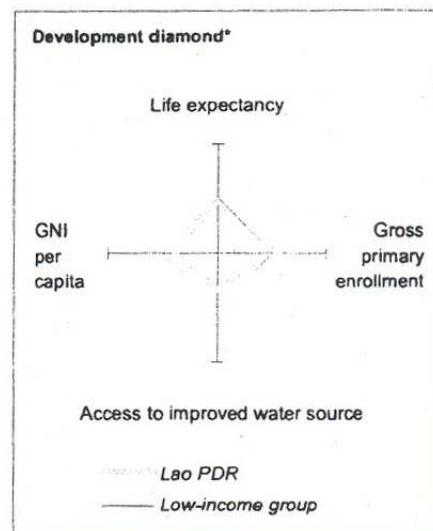
	1986	1996	2005	2006
(US\$ millions)				
Total debt outstanding and disbursed	868	2,263	2,690	..
IBRD	0	0	0	0
IDA	40	335	598	643
Total debt service	8	29	172	..
IBRD	0	0	0	0
IDA	0	3	14	14
Composition of net resource flows				
Official grants	19	139	117	..
Official creditors	165	170	79	..
Private creditors	0	0	228	..
Foreign direct investment (net inflows)	0	160	28	..
Portfolio equity (net inflows)	0	0	0	..
World Bank program				
Commitments	4	61	47	0
Disbursements	7	60	35	26
Principal repayments	0	1	9	9
Net flows	7	59	26	17
Interest payments	0	2	5	5
Net transfers	7	57	21	12



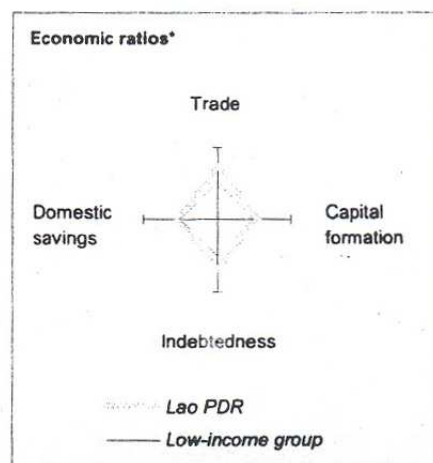
Lao PDR at a glance

9/28/07

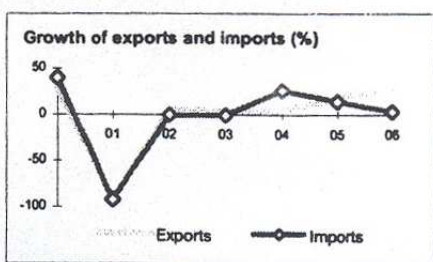
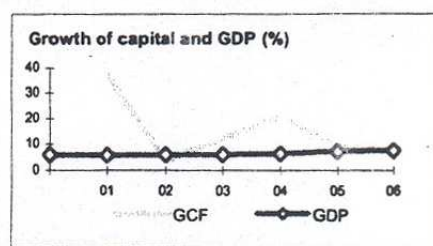
POVERTY and SOCIAL	Lao PDR	East Asia & Pacific	Low-Income
2006			
Population, mid-year (millions)	5.8	1,900	2,403
GNI per capita (Atlas method, US\$)	500	1,863	650
GNI (Atlas method, US\$ billions)	2.9	3,539	1,562
Average annual growth, 2000-06			
Population (%)	1.6	0.9	1.9
Labor force (%)	2.2	1.3	2.3
Most recent estimate (latest year available, 2000-06)			
Poverty (% of population below national poverty line)
Urban population (% of total population)	21	42	30
Life expectancy at birth (years)	56	71	59
Infant mortality (per 1,000 live births)	62	26	75
Child malnutrition (% of children under 5)	40	15	..
Access to an improved water source (% of population)	51	79	75
Literacy (% of population age 15+)	69	91	61
Gross primary enrollment (% of school-age population)	116	114	102
Male	123	115	108
Female	108	113	96



KEY ECONOMIC RATIOS and LONG-TERM TRENDS	1986	1996	2005	2006	
GDP (US\$ billions)	1.8	1.9	2.9	3.4	
Gross capital formation/GDP	6.9	..	32.6	32.5	
Exports of goods and services/GDP	3.6	22.7	27.1	36.0	
Gross domestic savings/GDP	2.8	..	18.8	26.2	
Gross national savings/GDP	3.1	16.9	12.4	19.2	
Current account balance/GDP	-4.3	-12.0	-20.2	-13.3	
Interest payments/GDP	0.1	0.3	3.1	..	
Total debt/GDP	48.9	120.8	93.2	..	
Total debt service/exports	13.1	6.7	19.4	..	
Present value of debt/GDP	50.8	..	
Present value of debt/exports	165.7	..	
(average annual growth)	1986-96	1996-06	2005	2006	2006-10
GDP	6.1	6.2	7.1	7.6	..
GDP per capita	3.1	4.3	5.4	5.7	..
Exports of goods and services	..	-23.4	17.7	28.6	..



STRUCTURE of the ECONOMY	1986	1996	2005	2006
(% of GDP)				
Agriculture	..	53.3	44.3	42.0
Industry	..	21.1	30.0	32.5
Manufacturing	..	15.9	20.6	20.9
Services	..	25.6	25.7	25.5
Household final consumption expenditure	88.5	..	72.7	64.5
General gov't final consumption expenditure	8.6	..	8.5	9.3
Imports of goods and services	7.7	41.1	30.9	42.3
(average annual growth)	1986-96	1996-06	2005	2006
Agriculture	4.2	3.9	1.6	2.0
Industry	12.5	10.9	16.5	16.5
Manufacturing	14.1	9.6	8.8	9.2
Services	5.4	6.4	6.9	6.8
Household final consumption expenditure	..	2.9	4.3	-4.6
General gov't final consumption expenditure	..	9.7	26.3	17.9
Gross capital formation	..	13.8	9.5	7.3
Imports of goods and services	..	-24.0	14.2	3.6



Note: 2006 data are preliminary estimates.

This table was produced from the Development Economics LDB database.

* The diamonds show four key indicators in the country (in bold) compared with its income-group average. If data are missing, the diamond will be incomplete.

ສາທາລະນະລັດ ປະຊາທິປະໄຕ ປະຊາຊົນລາວ
 ສັນຕິພາບ ເອກະລາດ ປະຊາທິປະໄຕ ເອກະພາບ ວັດທະນາຖາວອນ

ກະຊວງອຸດສາຫະກຳ ແລະ ການຄ້າ
 ຫ້ອງການ
 ພະແນກການຮ່ວມມື ແລະ ການລົງທຶນຂອງລັດ

ເລກທີ ____/ທອຄ

Value = US\$

Export of Fiscal year 2005- 2006 by countries of destination and by group of products / ການສົ່ງອອກແຕ່ລະໝວດສິນຄ້າ ໄປແຕ່ລະປະເທດ ສົກປີ 2005 - 2006

Group of products/ ໝວດສິນຄ້າ

No	Continent & Countries	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
		ໄມ້ ແລະ ຜະລິດຕະພັນໄມ້	ຫວ້າ ແລະ ໄມ້ປ່ອງ	ແຮ່ທາດ	ໂລຫະປະເສີດ(ຄຳ)	ເຄື່ອງປ່າສອນ	ສັດລ້ຽງ	ກາຟີ	ເຄື່ອງກະສິກຳອື່ນໆ	ເຄື່ອງສັດຕະກຳ	ຜ້າ	ເຄື່ອງອື່ນໆ	ໄຟຟ້າ	ອື່ນໆ	ລວມທັງໝົດ
		Wood & wood products	Rat and Bamboo	Minerals	Gold	Forestry Products	Live animals	Coffee	Other Agricultural products	Handicraft	Garment	Other Industrial goods	Electricity	Others	Grand Total
I.	ASIA / ຫາຍວັນອາຊີ														
1	China / ສປຈີນ	20,307,750	10,000	5,055,622		3,970,533			11,288,221			50,654			40,682,780
2	Hong kong / ຮົງກົງ														
3	Japan / ຍີ່ປຸ່ນ	1,109,053		4,388,638				98,242		54,356	638,038	597,032		3,916	6,389,275
4	Korea (South) / ເກົາຫຼີໃຕ້	22,939		1,560,952					500		11,466	1,219,780			2,815,637
5	Taiwan / ໄຕ້ຫວັນ	114,022		11,918,554					46,625			977,670		24,500	13,081,371
6	United Arab Emirate / ອາຊັບ														
7	India / ອິນເດຍ	4,267					8,481					3,766			16,514
8	Pakistan / ປາກິດສະຖານ														
	ASEAN / ອາຊຽນ														
6	Brunei / ບູຮນາຍ											13,052			13,052
7	Cambodia / ກຳປູເຈຍ											33,225			33,225
8	Indonesia / ອິນໂດເນເຊຍ							172,800							172,800
9	Malaysia / ມາເລເຊຍ	8,798		39,776,876				1,560				7,534			39,794,68
10	Myanmar / ພະມ້າ														
11	Philippine / ຟີລິບປິນ											7,285			7,285
12	Singapore / ສິງກະໂປ											16,404			16,404
13	Thailand / ໄທ	51,807,298	16,803	268,234,540		931,014	4,406,957	307,382	12,168,722	965,831	4,837,027	11,039,062	101,190,281	135,873	456,040,790
14	Vietnam / ຫວຽດນາມ	22,991,770		62,094,226		966,338		254,080	5,477,444	5,095		2,132,171		40,400	93,961,524
	Total Asean / ລວມ	74,807,866	16,803	370,105,642	-	1,897,352	4,406,957	735,822	17,646,166	970,926	4,837,027	13,248,733	101,190,281	176,273	590,039,848
	Total Asia / ລວມ	96,365,897	26,803	393,029,408	-	5,876,366	4,406,957	834,064	28,981,512	1,025,282	5,486,531	16,097,635	101,190,281	204,689	653,525,425
II.	EUROPE / ຫາຍວັນເອີຣົບ														
1	Austria / ອັດຕຽຍ	10,074								4,577	217				14,868
2	Belgium / ເບວຢຽມ	1,350									1,910,132	48,109			1,959,591
3	Denmark / ເດນມາກ										702,060	8,670			710,730
4	Finland / ຟິນແລນ										93,022	10,322		16,000	119,344

5	France / ຝະລັ່ງເສດ	47,549	3,698		12,691	10,900	23,737	13,921,312	281,835	52,320	14,354,042
6	Germany / ເຢຍລະມັນ			260	6,889	185,940		24,426,220	114,191		24,733,500
7	Greece / ກຼີກ						539	52,663	103,952		157,154
8	Netherlands / ເນເທີແລນ	7,946						15,681,520	69,153		15,758,619
9	Ireland / ເອີແລນ							1,902,123			1,902,123
10	Italy / ອິຕາລີ	33,453				94,860		1,817,229	71,679		2,017,221
11	Luxembourg / ລຸກຊໍາບວກ										-
12	Portugal / ປອກຕຸຍການ										-
13	Spain / ສະເປນ		6,813			86,400	30,447	1,880,569			2,004,229
14	Sweden / ສະວີເດເນ	40,860					6,078	934,004	207,167		1,188,109
15	United Kingdom / ອັງກິດ							50,600,503			50,600,503
16	Poland / ໂປແລນ	8,650				8,165,866	5,230		467,284		8,647,030
17	Czech Republic / ຊັກລີເອັບປີກ										-
18	Hungary / ຮັງກາລີ										-
19	Latvia / ລັດເວຍ										-
20	Estonia / ເອັດໂສເນຍ										-
21	Cyprus / ໄຊຟິອດ										-
22	Lithuania / ລິດທວາເນຍ										-
23	Malta / ມອລຕາ										-
24	Slovenia / ສະໂລເວີເນຍ										-
25	Slovakia / ສະໂລວາເກຍ										-
	Total EU / ລວມ	149,882	10,511	260	19,580	8,543,966	70,608	113,921,574	1,382,362	68,320	124,167,063
26	Norway / ນໍເວ							83,685	8,500		92,185
27	Iceland / ໄອຊແລນ										-
28	Ukraine / ຢູແກນ					284,128					284,128
29	Switzerland / ສະວິດເຊີແລນ										-
30	Turkey / ຕັວກກີ										-
31	Russian Federation / ສະຫະພັນລັດເຊຍ	21,736									21,736
32	Other countries / ປະເທດອື່ນໆ	19,530					3,391		80,388	21,616	124,925
	Total / ລວມ	191,148	10,511	260	19,580	8,828,094	73,999	114,005,259	1,471,250	89,936	124,690,037
III.	America / ຫະວີບອາເມລິກາ										
1	Canada / ການາດາ							3,617,972			3,617,972
2	U.S.A / ສະຫະລັດອາເມລິກາ	60,223	5,475			50,400	25,132	3,059,414	86,469		3,287,113
3	Paraguay / ປາຣາກວາຍ								3,050		3,050
4	Panama / ປານາມາ								6,345		6,345
5	Peru / ເປຣູ								22,262		22,262

	Total / ລວມ	60,223	5,475	-	-	-	-	50,400	-	25,132	6,677,386	118,126	-	-	6,936,742
IV.	Oceania/ ທະວີບໂອເຊອານີ														
1	Australia / ອົດຕາລີເນຍ				92,602,818					1,121		217	69,327		92,673,483
2	New Zealand / ນິວຊີແລນ											30,293			30,293
	Total / ລວມ	-	-	-	92,602,818	-	-	-	-	1,121	-	30,510	-	69,327	92,703,776
V.	Africa / ອາຟຣິກາ														
1	South Africa / ອາຟຣິກາໃຕ້											152,568			152,568
	Total / ລວມ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	152,568	-	-	152,568
VI.	Grand Total / ລວມທັງໝົດ	96,617,268	42,789	393,029,668	92,602,818	5,895,946	4,406,957	9,712,558	28,981,512	1,125,534	126,169,176	17,870,099	101,190,261	363,952	878,008,548

ສະຫຼຸບການຄ້າ ຊາຍແດນ, ຜ່ານແດນ, ຂາອອກຕໍ່ ແລະ ສິນຄ້າປອດພາສີ

ລດ	ປະເພດການຄ້າ/Type of trade	ມູນຄ່າ/Value US\$
1	ການຄ້າຊາຍແດນ/Border trade	7,617,716
2	ການຄ້າຜ່ານແດນ ແລະ ສິນຄ້າຂາອອກຕໍ່/Re-export & Transit trade	162,806,281
3	ສິນຄ້າປອດພາສີ/Duty free	4,688,057
	ລວມທັງໝົດ/Total	175,112,054

ສາຍພູມ:

- ສູນໄດ້ມາຈາກ: ພະແນກຄຸດສາສະກຳ ແລະ ການຄ້າຂວາງ, ກະຊວງສະຜັງງານ ແລະ ບໍ່ແຮ່ (ພະແນກສະຖິຕິ-ຕິວເລກສິ່ງອອກ ໄຮ່ສຳ), ກົມການນຳເຂົ້າ ແລະ ສິ່ງອອກ (ຕິວເລກ ຕັດສິນຍຸບ).

ຫົວໜ້າສູນງານ

ພະແນກການຮ່ວມມື ແລະ ການຄົງຄົມຂອງລັດ

ນະຄອນຫລວງວຽງຈັນ, ວັນທີ

ຕື່ມສະຫລຸບ

ສັນຕິພາບ ເອກະລາດ ປະຊາທິປະໄຕ ເອກະພາບ ວັດທະນາຖາວອນ

ກະຊວງອຸດສາຫະກຳ ແລະ ການຄ້າ

ຫ້ອງການ

ເລກທີ _____ / ຫອດ

ພະແນກການຮ່ວມມື ແລະ ການລົງທຶນຂອງລັດ

Value = US\$

Import of Fiscal year 2005- 2006 by countries of provenance and by group of products / ການນຳເຂົ້າຜະລິດຕະພັນສິນຄ້າແຕ່ລະປະເພດຈາກ ແຕ່ລະປະເທດ ປະຈຳສິກປີ 2005-2006

No	Continent & Countries	Group of products/ ຜະລິດຕະພັນສິນຄ້າ																
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
		ເຄື່ອງປັບໄຊ້ກ/ກ	ເຄື່ອງສັບໄຊ້ຕ້ອງການ	ເຄື່ອງປຸງສົມ	ສະບຽງອາຫານ	ເຄື່ອງໄຟຟ້າ	ຢາປິວສະຍາດ ແລະ ອຸປະກອນ	ນໍ້າມັນເຊື້ອໄຟ	ເຄື່ອງລຸບເສື້ອ	ເຄື່ອງປ່າງ	ຍານພາຫະນະອາໄວ	ຊັດຕູນິຍົມຕັດສະຍົບ	ນອກລະຍົບ	ໄຟຟ້າສົ່ງຄືນ	ນຳເຂົ້າໂຄງການ	ເຄື່ອງອ/ກ ແລະ ວ່າງຄົບສັບໄຊ້ອ/ກ	ອື່ນໆ	ລວມທັງໝົດ
		Agri. inputs	Office equipt.Sport	Clothing	Food Stuff	Ele. Appliances	Medicine	Fuel	Luxury goods	Construction Materials	Vehicles & Spare parts	Garment Raw materials	Informal Trade	Imp. Electricity	Capital goods(ODA, Loan projects and FDI)	Industrial goods	Other goods	Grand Total
I.	ASIA / ທະວີບເອເຊຍ																	
1	United Arab Emirate / ອາເມິກ						4,187									49,000		53,187
2	China / ສປປ ຈີນ	4,385,776	222,858	11,267,997	1,196,264	306,634	55,559		569,694	11,084,704	4,272,231	18,573,354			19,056,093	13,978,423	93,869	86,063,456
3	Hong kong / ຮົງກົງ		1,252			107,277			60,689	34,000	8,386	3,575,463			1,233,248	2,000,513	5,148	7,026,976
4	India / ອິນເດຍ	10,000	1,021			123,933	264,820					916,994			297,568	147,025	54,119	1,816,480
5	Japan / ຈີປັນ	67,550	3,185			83,190	112,512		16,500	150	12,069,119	345,357			23,410,999	2,631,817	58,569	38,798,948
6	Korea (North) / ເກົາຫຼີເໜືອ																	-
7	Korea (South) / ເກົາຫຼີໃຕ້		5,950	2,214			159,698				5,385,137	650,331			406,716	52,738	91,422	6,764,206
8	Pakistan / ປາກິດສະຕານ																	-
9	Sri Lanka / ສີລັງກາ																	-
10	Taiwan / ໄຕ້ວັນ		4,910				3,748				15,200	4,282,448			1,515,288	1,225,844	2,458	7,049,896
11	East Timor / ຕິມໍລາເວັນອອກ																	-
12	Bangladesh / ບັງກລາເດີດ																	-
	ASEAN / ອາຊຽນ																	
13	Brunei / ບູນາຍ																	-
14	Cambodia / ກຳປູເຈຍ		1,500			3,759						25,634					6,250	37,143
15	Indonesia / ອິນໂດເນເຊຍ										15,936	774,776					67,962	858,674
16	Malaysia / ມາເລເຊຍ		80,075	1,454	3,500		70,862			11,758	28,820	2,926,902			1,973,330	970,211	95,512	6,162,424
17	Myanmar / ພະມ້າ		5,462													50,000	8,076	63,538
18	Philippine / ຟີລິບປິນ					11,730	8,647				5,800					192,480	646,145	864,802
19	Singapore / ສິງກະໂປ		130,785	20,527		13,800	236,888		2,957,780	109,560	222,065	164,382			3,209,680	457,974	889,483	8,412,924
20	Thailand / ໄທ	12,609,694	489,178	14,103,958	19,570,835	8,828,135	953,657	183,883,726	903,122	11,828,380	7,310,894	40,665,841	3,399,246	9,098,446	221,246,249	35,575,828	3,529,346	673,996,535
21	Vietnam / ຫວຽດນາມ	2,205,864	3,387	689,635	1,472,013	261,302	305,707	10,349,411		3,207,000	900,731	10,115,048		3,899,334	97,292,442	16,735,223	509,432	147,946,529
22	Other Asia / ເອເຊຍອື່ນໆ																	
	Total Asean / ລວມ	14,815,558	710,387	14,815,574	21,046,348	9,118,726	1,575,761	194,233,137	3,860,902	15,156,698	8,484,246	54,672,583	3,399,246	12,997,780	323,721,701	53,981,716	5,752,206	738,342,569
	Total Asia / ລວມ	19,278,884	949,563	26,085,785	22,242,612	9,739,760	2,176,285	194,233,137	4,507,785	26,275,552	30,234,319	83,016,530	3,399,246	12,997,780	369,641,613	74,067,076	6,057,791	884,903,718
II.	EUROPE / ທະວີບເອີຣົບ																	

1	Holland / ໂຮນລັງ	14,291				18,139				1,019								33,449
2*	Belgium / ເບລຢົມ		330			7,367				404,770			71,834	8,719				493,020
3	Denmark / ເດນມາກ		29,795			170,286				52,223			30,588	156,604				439,496
4	Finland / ຟິນແລນ																	
5	France / ຝະລັ່ງເສດ		16,344		25,747	284,066		827,302		1,171	3,495,493		3,730,649	529,021				8,909,793
6	Germany / ເຢຍລະມັນ	1,800	3,673		1,668,900	52,873				51,734	11,028,118		812,408	5,918,507				19,538,013
7	Greece / ກຼີກ																	
8	Netherlands / ເນເທີແລນ					4,624		737										5,361
9	Italy / ອິຕາລີ		667	10,580		28,049		22,546		8,012	216,619		3,590,697					3,877,170
10	Luxembourg / ລຸກຊັມບຸກ					62,915		26,982						5,500	136,710			232,107
11	Portugal / ປອກຕຸຍການ																	
12	Hungary / ຮົງກາລີ																	
13	Spain / ສະເປນ				66	6,921		14,521										21,508
14	Sweden / ສະວີເດນ					3,535					117,613		353,904	807				475,859
15	United Kingdom / ອັງກິດ		900			30,488		204,986		45,191	14,731		6,090	5,011	792,163			1,099,560
16	Ireland / ເອີແລນ																	
17	Poland / ໂປແລນ	120,460												41,857	546,411			708,728
18	Czech Republic / ເຊັກສັດສ໌ເປັກ																	
19	Slovakia / ສະໂລວາເກຍ																	
20	Latvia / ລັດເວຍ																	
21	Estonia / ເອັດໂຕເນຍ																	
22	Cyprus / ໄຊຊີຣ໌																	
23	Lithuania / ລິທົວວາເນຍ																	
24	Malta / ມາລຕາ																	
25	Slovenia / ສະໂລວີເນຍ																	
	Total EU / ລວມ	136,551	51,709	10,580	1,694,713	-	669,263	-	1,097,074	-	106,108	15,330,586	-	-	8,596,170	6,666,026	1,475,284	35,834,084
26	Switzerland / ສະວິດເຊີແລນ					510,772								145,772	150,985	5,446		812,975
27	Norway / ນໍເວ				26,750									3,000	6,230			35,980
28	Turkey / ຕວກກີ																	
29	Iceland / ໄອຊະແລນ																	
30	Russian Federation / ຣັດເຊຍ									598,620				953,278	544,159			2,098,067
31	Ukraine / ຢູແກຣນ																	
32	Romania / ຣູມານີ																	
33	Scotland / ສະກອັດແລນ							226,646						134,221				204,008
34	Other Country/ ມາເຫດອື່ນໆ																	12,907
	Total / ລວມ	136,551	51,709	10,580	1,694,713	26,750	1,180,035	-	1,323,720	-	704,728	15,330,586	-	-	9,697,220	7,498,391	1,486,960	38,997,991
III. America/ ທະວີບອາເມລິກາ																		
1	Canada / ການາດາ													36,345	32,414			68,759
2	Panama / ປານາມາ																	
3	U S A / ສະຫະລັດອາເມລິກາ		4,000			18,000	48,213	78,072	37,596	1,747,820	189,843		261,883	2,759,050				5,144,477
4	Peru / ເປຣູ																	
	Total / ລວມ	-	4,000	-	-	18,000	48,213	-	78,072	37,596	1,747,820	189,843	-	-	298,228	2,791,464	-	5,213,236
IV. Oceania/ ທະວີບໂອເຊອານີ																		
1	Australia / ອົສຕຣາເລຍ	1,314				2,710	18,124	372,364		16,000	115,210		660,942	951,789				2,138,453

2	New Zealand / ນິວຊີແລນ													9,850	2,800		12,650	
	Total / ລວມ	1,314	-	-	-	2,710	18,124	-	372,364	-	16,000	115,210	-	670,792	954,589	-	2,151,103	
V.	Africa / ອາຟຣິກາ																	
1	South Africa/ ອາຟຣິກາໃຕ້																	
	Total / ລວມ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
VI.	Grand Total/ ລວມທັງໝົດ	19,416,749	1,005,272	26,096,365	23,937,325	9,787,220	3,422,657	194,233,137	6,281,941	26,313,148	32,702,867	98,652,169	3,399,246	12,997,780	380,307,853	85,311,520	7,544,751	931,410,000

ໝາຍເຫດ:

- ຂໍ້ມູນໄດ້ມາຈາກ: ພະແນກອຸດສາຫະກຳ ແລະ ການຄ້າຂອງ ທົ່ວປະເທດ, ກະຊວງພະລັງງານ ແລະ ບໍ່ແຮ່ (ພະແນກສະຖິຕິ-ຕົວເລກນຳເຂົ້າໄຟຟ້າ),

1	ນຳເຂົ້າສິນຄ້າສຳໃຫ້ການຜະລິດ/ລະ ຊົມໃຊ້	551,102,147
2	ນຳເຂົ້າສຳລັບໂຄງການຕ່າງໆ	380,307,853
3	ລວມການນຳເຂົ້າທັງໝົດ	931,410,000

ຫົວໜ້າຕ້ອງການ

ຫົວໜ້າພະແນກການສ່ວນນີ້ ແລະ ການລົງທຶນຂອງລັດ

ນະຄອນຫລວງວຽງຈັນ, ວັນທີ
ຕຸ້ຍຫລາຍ